DENNIS NORWOOD

FOREX-BIẾT BÍ MẬT SẼ THÀNH CÔNG

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG-HÀ NỘI

Forex – Biết Bí mật sẽ thành công

Dennis Norwood

Table of Contents

LỜI TỰA

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU Vài nét về lịch sử

- Thị trường Ngoại hối ngày nay

CHƯƠNG 1 Các thuật ngữ và khái niệm

- Tiền tệ, các cặp tiền tệ
- Giao dịch ký quỹ
- PIP
- Xu hướng
- Khoảng chênh lệch
- Trạng thái bán và trạng thái mua
- Tỷ giá
- Hoán đổi ngoại tệ
- Các biểu đồ

CHƯƠNG 2 Lý thuyết Nến Nhật Bản

- Các loại nến
- Các mô hình nến đảo chiều

CHƯƠNG 3 Phân tích cơ bản

- Các yếu tố tài chính (Lãi suất và tỷ lệ lạm phát)
- Các yếu tố kinh tế vĩ mô
- Các yếu tố chính trị và thông tin
- Những thảm họa tự nhiên và sinh thái

CHƯƠNG 4 Phân tích đồ thị

Giới thiệu về phân tích đồ thị

Mô hình giá lên và mô hình giá xuống

Phân tích xu hướng

Các mô hình giá

Các mô hình đảo chiều (Reversal patterns)

Các mô hình tiếp diễn (Continuation patterns)

Các mô hình điều chỉnh (Correction patterns)

Các mô hình lưỡng tính (Ambiguous patterns)

Thống kê về các mô hình giá

Mô hình MSVD

Kết luận

CHƯƠNG 5 Phân tích tỷ lệ

Dãy số Fibonacci

William Gann (1878 - 1955)

Các phương pháp và chỉ số khác trong phân tích tỷ lệ

Các mô hình hài hòa trong các tỷ lệ sóng

CHƯƠNG 6 Các chỉ số và công cụ dao động (Oscillators)

Đường trung bình di động (Moving Average - MA)

MACD

OsMA - Đường trung bình di động của Công cụ đo dao động (Moving Average of Oscillator)

Công cụ đo dao động giákhông theo xu hướng (Detrended Price Oscillator - DPO)

Điểm & các hình thái (Point & Figures - P & F)

CHƯƠNG 7 Kỹ thuật và chiến lược kinh doanh
- LEWIS BORSELLINO
- BILL WILLIAMS
- ALEXANDER ELDER
- TONY PLUMMER
- LINDA B.RASCHKE
- JOE DINAPOLI
- THOMAS DEMARK
- LARRY WILLIAMS
- Phương pháp giao dịch Eliute
- Kiểm tra phương pháp giao dịch

CHƯƠNG 8 Phân tích sóng
- Bản chất của lý thuyết sóng
- Áp dụng phân tích sóng
- Tổng quan về các con sóng
- Các sóng điều chỉnh
- Giản lược về cấu trúc Sóng

CHƯƠNG 9 Quản lý tiền
- Ví dụ về quản lý tiền
- Tỷ lệ cố định tối ưu (Optimal Fixed Fractions)

PHỤ LỤC Phần mềm giao dịch MetaTrader4
- Mở một tài khoản thử

Về Admiral Markets

LỜI TỰA

Đại diện cho những người mới tham gia thị trường Ngoại hối tìm hiểu cách trở thành một nhà kinh doanh Ngoại hối chuyên nghiệp. Mục đích của cuốn sách này là chia sẻ bí mật cho phép bạn đưa ra những quyết định giao dịch và đầu tư có khả năng sinh lời cao trên thị trường Ngoại hối, chứng khoán, kim loại quý và các giao dịch hợp đồng tương lai trong thực tế.

Thành tựu của ngành công nghệ thông tin ngày nay đã cho phép những ai quan tâm đều có thể tham gia giao dịch các công cụ tài chính. Bạn có thể thực hiện các giao dịch Ngoại hối trực tiếp từ máy tính cá nhân của mình. Chỉ cần nhấp chuột vài lần, bạn đã có thể đưa ra một lệnh bán trên thị trường. Hàng triệu nhà kinh doanh trên toàn thế giới, không phân biệt tuổi tác, trình độ, vốn khởi điểm hay thời gian rảnh rỗi, đều đang tham gia giao dịch Ngoại hối hàng ngày bằng cách sử dụng chiếc máy tính cá nhân và kiến thức của mình.

Các tác giả của cuốn sách này trên thực tế là những nhà kinh doanh đầy kinh nghiệm và là những chuyên gia hàng đầu của công ty Admiral Markets, Ltd. Họ đã trực tiếp đào tạo hàng trăm khóa học Ngoại hối, cơ bản cũng như chuyên sâu và hiện vẫn đang vận dụng những hiểu biết tích lũy được của mình để giao dịch trên thị trường. Đây có thể là bằng chứng có thuyết phục nhất cho cách tiếp cận hiệu quả và toàn diện của cuốn sách này, nơi các tác giả cố gắng chia sẻ kinh nghiệm giao dịch của bản thân với độc giả.

Cuốn sách này cũng đưa ra các phương pháp cơ bản trong việc phân tích và dự báo diễn biến của thị trường. Tỷ giá hối đoái, các yếu tố tác động đến giá cổ phiếu và các công cụ tài chính khác đều nằm trong phạm vi ứng dụng của Phân tích Kỹ thuật và Phân tích Cơ bản. Ở đây, các tác giả đưa ra những đánh giácủa mình đối với từng nghiên cứu về lý thuyết thị trường cũng như những nghiên cứu, phát hiện mới nhất và thú vị nhất trong lĩnh vực này. Quan trọng hơn, các tác giả tập trung vào ứng dụng thực tế của các kỹ thuật và chỉ báo kỹ thuật khác nhau, đó cũng chính là lý do vì sao cuốn sách này đầy ắp các ví dụ, ảnh và biểu đồ minh họa. Những nội dung cơ bản nhất của phân tích toán học và quản lý tiền sẽ được đưa ra trong phần kết luận để hoàn thiện bức tranh về cách thức giao dịch trên thị trường Ngoại hối.

Cuốn sách này được diễn đạt bằng một ngôn ngữ rất đơn giản và nhờ nó, bạn sẽ không cần đến bất cứ khóa đào tạo chuyên sâu nào để học cách giao dịch. Các vấn đề sẽ lần lượt được đề cập với mức độ phức tạp tăng dần đều, nên khi đọc xong cuốn sách, các bạn có thể dễ dàng tham gia giao dịch trên các thị trường tài chính quốc tế.

Cuốn sách cũng có một chương mô tả cách thức thao tác với phần mềm giao dịch MetaTrader4, cho phép bạn đưa ra các lệnh để tham gia vào thị trường, ứng dụng các phân tích biểu đồ (toán học), nhận được những tin tức thị trường cập nhật nhất cũng như phát triển các chiến lược giao dịch tự động. Hãy cài đặt phần mềm giao dịch này trên máy tính của bạn và mở một tài khoản giao dịch thử nghiệm hoặc thực tế để làm quen dần với các chỉ báo và chiến lược được mô tả trong cuốn sách này. Những chỉ dẫn cho việc mở tài khoản được đưa ra ở phần cuối sách.

Cuốn sách này dành cho cả những nhà kinh doanh chuyên nghiệp mong muốn rèn luyện và làm chủ những kỹ năng giao dịch của mình cũng như cho đông đảo bạn đọc khác, những người muốn tiến những bước đầu tiên trên con đường nghiên cứu và tham gia vào loại hình kinh doanh đầy cuốn hút này.

MỤC LỤC

Giới thiệu: Vài nét về lịch sử

Chương 1: Các thuật ngữ và khái niệm

Chương 2: Lý thuyết nến Nhật Bản

Chương 3: Phân tích cơ bản

Chương 4: Phân tích đồ thị

Chương 5: Phân tích tỷ lệ

Chương 6: Các chỉ số và công cụ dao động

Chương 7: Kỹ thuật và chiến lược kinh doanh

Chương 8: Phân tích sóng

Chương 9: Quản lý tiền

Phụ lục: Phần mềm giao dịch MetaTrader4

Về Admiral Markets

GIỚI THIỆU
Vài nét về lịch sử

ịch sử của thị trường Ngoại hối gắn liền với sự xuất hiện và phát triển của tiền tệ. LĐồng tiền được sử dụng như là vật trao đổi ngang giá cho rất nhiều loại hàng hóa và dịch vụ khác nhau. Những bằng chứng sớm nhất về việc sử dụng tiền xuất hiện cách đây khoảng 4.500 năm tại vùng Lưỡng Hà (Iraq ngày nay). Những dấu tích khảo cổ cho thấy cư dân thời đó trả một lượng bạc nhất định để đổi lấy hàng hóa và đã bắt đầu sử dụng tiền xu đúc từ những hợp kim khác nhau như một phương tiện thanh toán. Những dấu tích sớm nhất về tiền xu xuất hiện cách đây khoảng 3.000 năm tại Lydia (Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay). Ban đầu, những đồng xu có hình dạng khác nhau. Những đồng xu dẹt bằng đồng được sử dụng ở Nga và Italia; ở Trung Quốc là dao và những dụng cụ khác bằng đồng thau; ở Thái Lan là những mẩu bạc được tạo hình giống con thuyền; ở Nhật Bản là những đồng xu chữ nhật bằng vàng và bạc. Những thứ có giá trị cao được coi là các phương tiện ngang giá chung cho thanh toán của cư dân cổ đại.

Hệ thống ngang giá chung nhanh chóng phổ biến trên toàn thế giới. Ở các quốc gia khác nhau, các hợp kim khác nhau được sử dụng để đúc tiền xu, tuy nhiên, vàng, bạc, đồng thau và đồng đỏ là những chất liệu phổ biến nhất.

Tiền giấy xuất hiện muộn hơn rất nhiều và lần đầu tiên xuất hiện tại Trung Quốc. Khoảng thế kỷ thứ X, hoàng đế Trung Hoa lúc đó cho phát hành những loại tiền xu rất nặng nhưng có giátrị thấp trong thanh toán. Người dân cảm thấy không thoải mái khi sử dụng những đồng tiền này và đổi chúng để lấy các giấy biên nhận thể hiện giá trị chính xác của các loại hàng hóa từ các thương nhân. Một thế kỷ sau đó, triều đình phong kiến Trung Hoa rút các loại giấy biên nhận này ra khỏi lưu thông và ra lệnh in các loại giấy bạc nhằm sử dụng chúng như là đồng tiền hợp pháp. Đây chính là điểm khởi đầu của tiền giấy.

Ban đầu, tất cả các loại tiền giấy đều là vàng. Vàng được cất trong các ngân hàng và các ngân hàng này chỉ trả tiền để đổi lấy vàng. Vào thời đó, mọi người đều có thể đổi giấy bạc thành vàng và ngược lại. Các loại tiền giấy theo mệnh giáđược đưa vào lưu thông nhằm tránh việc giảm giá trị của tiền tệ. Qua thời gian, người ta dần thấy rằng không cần thiết phải đảm bảo tiền giấy bằng vàng ở mức 100%.

Có một thực tế thú vị là rất lâu sau khi tiền giấy được đưa vào lưu hành, vẫn có nhiều quốc gia không sử dụng đồng tiền mà giá trị được chia dựa trên hệ thập phân. Hệ đơn vị truyền thống xuất hiện cách đây hàng nghìn năm vẫn còn phổ biến tại Anh cho đến tận năm

1971. Trước khi hệ thập phân được áp dụng, đồng bảng được chia nhỏ thành 20 shillings hay 240 xu cho một bảng. Phải đến tận năm 1971 thì đồng bảng mới được chia lại thành 100 xu.

Nhà kinh doanh nổi tiếng người Mỹ Frank McNamara thực hiện thanh toán đầu tiên bằng séc vào đầu những năm 1950. Khi đang ăn tối tại một nhà hàng sang trọng ở New York, ông bối rối khi phát hiện ra mình đã bỏ quên ví ở nhà. Sau đó, ông bảo đảm việc thanh toán với chủ nhà hàng bằng chữ ký của mình. Sự việc này là điểm khởi đầu cho phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Cũng kể từ thời điểm đó, khái niệm tiền đã trở nên thực tế và rộng rãi hơn rất nhiều và là điều kiện tiên quyết cho sự xuất hiện của thị trường Ngoại hối ngày nay. Rất nhiều chuyên gia cho rằng việc rút toàn bộ tiền giấy và tiền xu ra khỏi lưu thông và tiến hành các phương thức thanh toán điện tử là xu hướng không thể tránh khỏi đối với tất cả các hệ thống tiền tệ trên toàn thế giới.

Sự xuất hiện của thị trường Ngoại hối xuất phát từ yêu cầu của rất nhiều quốc gia và doanh nghiệp mong muốn thực hiện hoạt động giao dịch quốc tế mà không bị hạn chế. Các công ty nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài - theo đúng quy luật - sẽ phải mua ngoại tệ của các quốc gia đó để thanh toán cho những hàng hóa mà họ nhập khẩu.

Thị trường Ngoại hối xuất hiện vào khoảng cuối thế kỷ XVIII. Vào thời điểm đó, đồng bảng Anh đóng vai trò là đồng tiền dự trữ chủ yếu. Trên thực tế, tỷ giá hối đoái ban đầu được cố định dựa trên chế độ bản vị vàng; và do vậy, kỷ nguyên của "bản vị vàng" cũng bắt đầu. Sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, thị trường Ngoại hối chứng kiến những thay đổi lớn lao. Hiệp định Bretton Woods năm 1944 đã đặt nền móng cho một hệ thống tiền tệ quốc tế dựa trên khả năng chuyển đổi nhiều đồng tiền quốc gia khác nhau sang đồng đô-la Mỹ rồi sau đó, đến lượt mình, đồng tiền này được chuyển đổi thành vàng. Không lâu sau đó, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) chính thức ra đời.

Thị trường Ngoại hối ngày nay

Thị trường Ngoại hối như ngày nay tồn tại từ những năm 1970, khi tỷ giá hối đoái cố định được thay thế bằng tỷ giá thả nổi, điều này cho phép hàng nghìn nhà đầu tư cánhân và tổ chức có thể thu lợi nhuận từ những thay đổi của chúng. Thị trường Ngoại hối thường được gọi bằng cái tên khác là thị trường Forex, hay chỉ đơn giản là Forex.

Thị trường Ngoại hối có lẽ là thị trường tài chính có tính thanh khoản cao nhất thế giới. Doanh số trung bình hàng ngày của nó là khoảng 2.000 tỷ đô-la Mỹ. Tính thanh khoản cao có nghĩa là tại thời điểm bất kỳ, nếu có một cá nhân muốn bán một lượng ngoại tệ nào đó thì sẽ có một cá nhân khác muốn mua ngoại tệ đó với số lượng tương đương. Đôi khi, có một khoảng chênh lệch giữa hai mức giá mua và bán này (xem Hình 2A trang 24) tuy rất hiếm gặp. Khoảng chênh lệch này cho thấy một khoảng giámà trong đó, không có bất cứ giao dịch thực tế nào được tiến hành và nó sẽ làm cho mức giá diễn biến theo chiều hướng phù hợp. Mức chênh lệch giá hiếm khi xảy ra và đươc coi là một ngoại lệ. Thường thì trên thị trường, mỗi giây trôi qua lại có hàng nghìn nhà kinh doanh muốn mua hoặc bán ngoại tệ.

Thị trường Ngoại hối hoạt động 24 giờ một ngày trừ những ngày cuối tuần. Tùy thuộc vào múi giờ, việc giao dịch ngoại tệ diễn ra trên những trung tâm tài chính lớn nhất thế giới: London, New York, Tokyo, Zürich, Frankfurt, Hong Kong, Singapore, Paris và Sidney. Điều này có nghĩa là khi các định chế tài chính ở London đóng cửa thì giao dịch ngoại tệ vẫn tiếp tục diễn ra ở New York; và khi các định chế tài chính ở New York đóng cửa thì giao dịch ngoại tệ vẫn tiếp tục diễn ra ở Tokyo, và cứ như vậy. Thông thường, nếu không có một sự kiện bất khả kháng nào xảy ra, thị trường Ngoại hối mở cửa vào sáng sớm ngày thứ Hai và đóng cửa vào đêm muộn ngày thứ Sáu. Thị trường thường có những diễn biến bất ngờ trong khoảng từ 2 đến 3 giờ sáng Giờ miền Đông (Eastern Standard Time - EST) (tức là từ 7 đến 8 giờ sáng giờ GMT) trong phiên giao dịch châu Âu. Phiên giao dịch Bắc Mỹ bắt đầu từ lúc 8 giờ 30 phút sáng Giờ miền Đông (tức 1 giờ 30 phút chiều giờ GMT). Thị trường thường ít biến động hơn trong phiên giao dịch châu Á, phiên này thường sôi động nhất vào khoảng 8 giờ tối Giờ miền Đông (tức 1 giờ sáng giờ GMT).

Thị trường Ngoại hối là một thị trường tài chính toàn cầu, phi tập trung và giao dịch tự do. Có thể hình dung một cách đơn giản, nó là hệ thống giúp các trung tâm tài chính thế giới liên kết với nhau. Các giao dịch được thực hiện giữa những nhà môi giới, giao dịch viên của các tổ chức và nhà kinh doanh cá nhân với sự trợ giúp của hệ thống máy tính và các sàn giao dịch điện tử. Nhờ đó, thị trường Ngoại hối trở nên phổ biến và rất dễ dàng tham gia đối với những người muốn thực hiện việc đầu tư một cách chủ động và tự quản lý phần vốn của mình.

Đây chính là lý do khiến cho số người quan tâm đến thị trường Ngoại hối ngày càng tăng. **Nhưng bất cứ nhà kinh doanh Ngoại hối mới vào nghề nào cũng cần nhận thức được và hiểu rõ tất cả những rủi ro tiềm ẩn trong giao dịch Ngoại hối.**

Ngày nay, những thành phần tham gia thị trường chủ yếu là các ngân hàng trung ương, ngân hàng thương mại và ngân hàng đầu tư cũng như những nhà đầu tư và nhà kinh doanh chuyên nghiệp. Có thể kể tên những tổ chức nổi bật nhất như City Group, Inc., JP Morgan Chase & Co., Goldman Sachs Group, Inc., Morgan Stanley, Merrill Lynch, UBS AG, Bank of America, HSBC, Bank of Tokyo-Mitsubishi và rất nhiều thành phần khác. Trên thực tế, các tổ chức này tiến hành phần lớn giao dịch và được coi là những tổ chức tạo lập thị trường (Market maker) vì họ có khả năng tác động tới mức giá của các đồng tiền.

CHƯƠNG 1
Các thuật ngữ và khái niệm

Tiền tệ, các cặp tiền tệ

Đồng tiền quốc gia là đơn vị tiền tệ quốc gia của một đất nước hoặc một nhóm nước; ví dụ như đồng Euro ở Tây Âu, đồng đô-la ở Mỹ, đồng Yên ở Nhật Bản và tương tự.

Tỷ giá hối đoái giữa hai đồng tiền cho thấy một đồng tiền này được định giá bao nhiêu theo một đồng tiền khác. Thuật ngữ cặp tiền tệ được sử dụng phổ biến trên thị trường Ngoại hối. Có hai loại tỷ giá hối đoái là tỷ giá giao ngay và tỷ giá kỳ hạn.

Tỷ giá giao ngay (SPOT) là tỷ giá hiện hành được đưa ra tại thời điểm giao dịch, việc thanh toán sẽ được thực hiện trong thời hạn từ một đến hai ngày kể từ ngày giao dịch. Ngày thanh toán thường được coi là ngày giá trị.

Ngày giá trị có thể là:

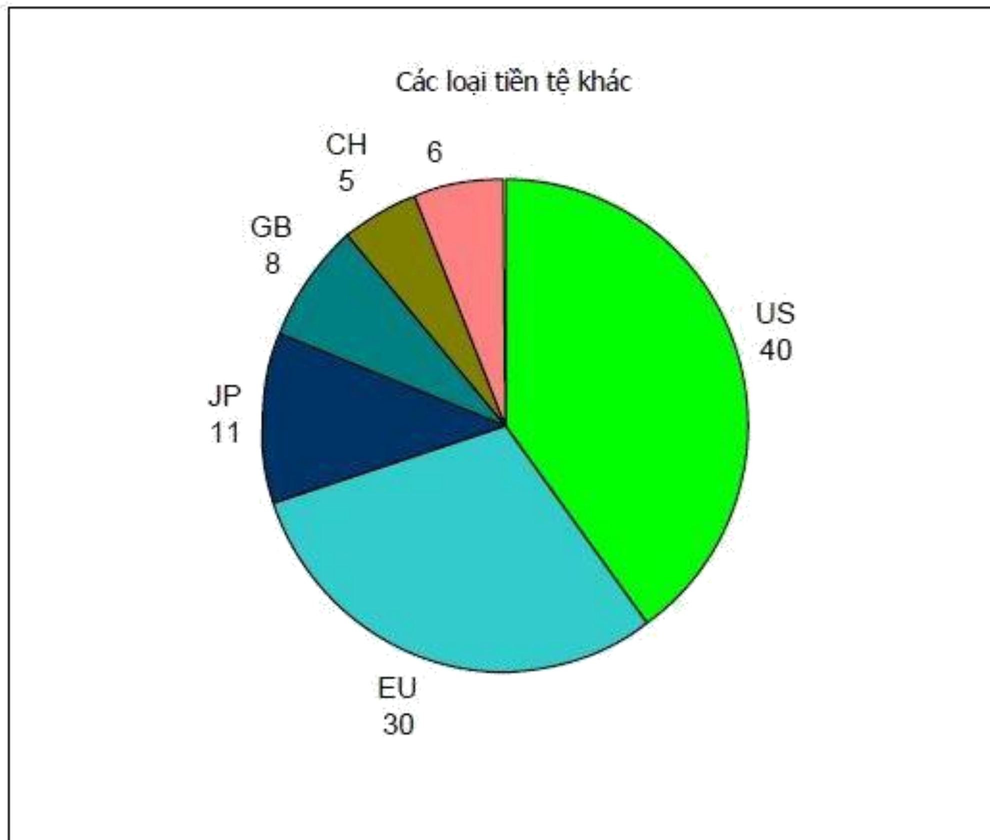
- Trong cùng ngày giao dịch, nghĩa là Ngày hôm nay (Tod);
- Vào ngày tiếp theo ngày giao dịch, nghĩa là Ngày mai (Tom);
- Vào ngày thứ hai kể từ ngày giao dịch, nghĩa là Spot.

Thông thường các giao dịch trên thị trường Ngoại hối được tiến hành ở mức giá giao ngay. Tất cả các giao dịch với ngày giá trị trong vòng hai ngày làm việc đều được coi là các hoạt động chuyển đổi tiền mặt.

Tỷ giá kỳ hạn (FORWARD) cho thấy giá trị của một đồng tiền trong một khoảng thời gian tương lai. Kỳ hạn tiêu chuẩn là 1, 3, 6 và 12 tháng.

Tỷ giá hối đoái kỳ hạn được tính bằng:

$$\text{Tỷ giá kỳ hạn} = \frac{\text{Tỷ giá giao ngay} + (\text{Tỷ giá giao ngay}) \times \text{Lãi suất} \times \text{Số ngày thực tế}}{360 \times 100}$$



Những loại tiền tệ có tính thanh khoản cao nhất

Khối lượng giao dịch có vai trò rất quan trọng trên thị trường Ngoại hối. Khối lượng giao dịch của một đồng tiền càng lớn thì càng khó để một hoặc một nhóm nhà kinh doanh thao túng tỷ giá của đồng tiền đó. Ngay cả đối với những đồng tiền được giao dịch nhiều nhất (đồng Euro và đô-la Mỹ) thì việc thao túng tỷ giácũng là điều gần như không thể, ngoại trừ trường hợp có sự can thiệp của các ngân hàng trung ương. Đây là một trong những lý do khiến hầu hết các nhà kinh doanh lựa chọn giao dịch bằng nhiều đồng tiền khác nhau. Lý do thứ hai là khối lượng giao dịch của một đồng tiền càng lớn thì các kiểu phân tích khác nhau sẽ càng hiệu quả khi được áp dụng. Đồng Euro và đô-la Mỹ chiếm tới 70% tổng khối lượng giao dịch trên thị trường Ngoại hối, tiếp theo là đồng Yên Nhật (11%), đồng bảng Anh (8%), đồng phrăng Thụy Sỹ (5%) và 6% còn lại là của các đồng tiền khác.

Giao dịch ký quỹ

Giao dịch Ngoại hối của cánhân đã trở nên rất phổ biến trong vòng 10 năm trở lại đây. Sự phát triển của các dịch vụ tài chính và giao dịch ký quỹ đã đóng góp không nhỏ vào việc làm cho các giao dịch Ngoại hối trở nên phổ biến như vậy. Các yếu tố này giúp cho bất cứ ai muốn tham gia giao dịch trên thị trường Ngoại hối đều có thể thực hiện điều mình muốn chỉ với một số tiền nhất định được bảo đảm trong tài khoản. Trên thực tế, nếu một cá nhân muốn giao dịch trên thị trường Ngoại hối, người đó phải có 100.000 đơn vị của một loại tiền tệ nhất định trong tài khoản. Đối với phần đông các nhà kinh doanh cánhân thì đây là một số tiền quá lớn. Tuy nhiên, nhờ có việc sử dụng đòn bẩy mà các nhà môi giới cung cấp, các nhà kinh doanh có thể tiến hành các giao dịch bằng nhiều loại tiền tệ khác nhau khi số tiền trong tài khoản của họ thấp hơn con số nói trên rất nhiều. Vậy đòn bẩy là gì và nó được cung cấp ra sao? Thông thường, một nhà môi giới cung cấp đòn bẩy cho khách hàng của mình để họ - những nhà kinh doanh cá nhân có thể gia nhập thị trường Ngoại hối. Nếu một nhà môi giới cung cấp đòn bẩy tỉ lệ 1:100 (hay 1%) thì nó có nghĩa là nhà kinh doanh có thể thực hiện các hợp đồng với số tiền nhỏ hơn đến 100 lần so với số tiền cần để giao dịch trên thực tế. Ví dụ, nếu một nhà kinh doanh mở một trạng thái sử dụng 1.000 đô-la trong tài khoản của mình thì giao dịch của người đó có thể có giá trị tới 100.000 đô-la.

PIP

PIP là một khái niệm cơ bản khác trong giao dịch Ngoại hối. Nó là viết tắt của cụm từ Điểm phần trăm (Percentage In Point PIP) và là đơn vị dao động nhỏ nhất của tỷ giá. Ví dụ, nếu tỷ giá của đồng đô-la Mỹ so với đồng phrăng Thụy Sỹ USD/CHF đang là 1,2212 và sau đó tăng lên 1,2213, điều đó có nghĩa là tỷ giá hối đoái đã tăng một Điểm phần trăm, hay 0,0001. Kết quả của một giao dịch, nghĩa là lợi nhuận hoặc thua lỗ, được xác định bằng số Điểm phần trăm dao động từ khi bạn mở trạng thái giao dịch của mình. Bên cạnh đó, một yếu tố khác cũng quyết định kết quả giao dịch của bạn, đó là số tiền mà bạn dùng để thực hiện giao dịch đó.

Xu hướng

Xu hướng là hướng đi tiếp theo của thị trường. Có ba loại xu hướng: đi lên, đi xuống và đi ngang. Xu hướng cuối cùng xuất hiện khi dao động giálà không đáng kể và có chiều hướng cân bằng trong một khoảng hẹp.

Giá cả sẽ tăng khi thị trường có xu hướng đi lên và giảm khi thị trường có xu hướng đi xuống. Đôi khi, thay vì sử dụng các thuật ngữ này, người ta sẽ dùng từ "thị trường giá lên" (Bullish) với xu hướng đi lên hoặc "thị trường giá xuống" (Bearish) với xu hướng đi xuống. Trên thực tế, các nhà kinh doanh chuyên nghiệp thường sử dụng các thuật ngữ này hơn. Chúng cũng có nguồn gốc lịch sử. Vào khoảng đầu thế kỷ thứ nhất sau Công nguyên, người ta tổ chức các trận đấu bò với gấu như một hình thức giải trí. Họ nhận ra thói quen và những dấu hiệu đặc trưng của hai loài vật này khi bắt đầu tấn công đối thủ. Bò thường tấn công khi cúi thấp đầu và chĩa sừng về phía trước nhằm hất tung đối thủ, nghĩa là chuyển động theo chiều từ dưới lên trên (thị trường giá lên có thuật ngữ gốc tiếng Anh là "bullish" - nghĩa là theo kiểu của bò). Còn gấu thì lại tấn công từ trên cao xuống để hạ gục đối thủ,

nghĩa là chuyển động theo chiều từ trên cao xuống dưới (thị trường giá xuống có thuật ngữ gốc tiếng Anh là "bearish" - nghĩa là theo kiểu của gấu).

Xu hướng giálên được dùng để mô tả thị trường với mức giá diễn biến theo chiều hướng đi lên còn xu hướng giá xuống được dùng để mô tả thị trường với mức giá diễn biến theo chiều hướng đi xuống. Ngày nay, những thuật ngữ này được sử dụng rộng rãi. Về cơ bản, những thành phần tham gia thị trường được chia thành hai nhóm dựa trên kỳ vọng và xu hướng của những giao dịch mà họ tiến hành:

- **Nhóm đầu cơ giá lên (Bulls)** - là những người kỳ vọng mức giá sẽ đi lên và đây là lý do để họ mua vào.
- **Nhóm đầu cơ giá xuống (Bears)** - là những người kỳ vọng mức giá sẽ đi xuống và đây là lý do để họ bán ra.

Khoảng chênh lệch

Khoảng chênh lệch là mức chênh giữa mức giá mà nhà tạo lập thị trường sẵn sàng trả để mua một loại tiền tệ và mức giá mà anh ta sẵn sàng chấp nhận bán loại tiền tệ đó trong một khoảng thời gian nhất định. Đây cũng chính là mức chênh giữa giá mua và giá bán của một đồng tiền. Ví dụ, nếu giá mua vào của cặp USD/CHF là 1,2212 và giábán ra tương ứng là 1,2215 vào lúc 10 giờ 30 phút sáng thì khoảng chênh lệch ở đây là ba Điểm phần trăm. Cần xem xét kỹ khoảng chênh lệch khi bạn phát triển một chiến lược giao dịch bởi những đồng tiền khác nhau có những khoảng chênh lệch khác nhau.

Trạng thái bán và trạng thái mua

Bây giờ chúng ta sẽ nói đến các thuật ngữ về trạng thái bán và trạng thái mua. Trạng thái bán được dùng để mô tả việc bán một công cụ tài chính, có thể không phải là tài sản của bất cứ ai. Trạng thái mua được dùng để mô tả việc mua một công cụ tài chính. Một câu hỏi đặt ra là: Làm thế nào chúng ta có thể bán một thứ không phải là tài sản của bất cứ ai? Trên thực tế, cơ chế của việc này như sau: một nhà kinh doanh vay mượn một lượng nhất định một loại công cụ tài chính nào đó từ nhà môi giới, sau đó bán nó đi, sử dụng công cụ đòn bẩy mà chính nhà môi giới đó cung cấp. Sau khi mức giáđi xuống, nhà kinh doanh sẽ mua lại công cụ tài chính đó, rồi trả lại cho nhà môi giới số tiền đã vay mượn và lấy phần lợi nhuận của mình. Để làm cho mọi việc dễ hình dung hơn, chúng tôi sẽ cho các bạn thấy một ví dụ khi nhà kinh doanh tiến hành giao dịch mà không sử dụng đòn bẩy và không có khoảng chênh lệch. Ví dụ, một nhà kinh doanh quyết định mở một trạng thái bán Vàng. Giá vàng hiện tại là 680 đô-la Mỹ/ounce. Nhà kinh doanh muốn bán một ounce vàng và yêu cầu nhà môi giới của mình cho vay một ounce vàng sau khi đã đảm bảo bằng một số tiền nhất định. Sau đó nhà kinh doanh bán đi ounce vàng đó với giá680 đô-la Mỹ. Nhà kinh doanh đang nợ nhà môi giới một ounce vàng. Chúng ta hãy giả định là giá vàng giảm 20 đô-la trong một khoảng thời gian nhất định, và mức giá hiện tại là 660 đô-la Mỹ. Nếu nhà kinh doanh muốn hiện thực hóa lợi nhuận của mình, anh ta sẽ mua một ounce vàng với giá660 đô-la và

trả lại cho nhà môi giới, đồng thời giữ lại 20 đô-la lợi nhuận cho mình. Nhà môi giới sẽ chuyển trả số tiền bảo đảm vào tài khoản của nhà kinh doanh. Và tất nhiên, một nhà kinh doanh có thể mở nhiều trạng thái với nhiều công cụ tài chính khác nhau, như các cặp tiền tệ trên thị trường Ngoại hối, các hợp đồng chênh lệch (Contracts for Difference - CFDs), các hợp đồng Tương lai, v.v...

Tỷ giá

Thuật ngữ tỷ giá trực tiếp, tỷ giá gián tiếp, tỷ giáchéo thường xuyên được sử dụng trong giao dịch Ngoại hối.

Yết giá trực tiếp là việc một đơn vị của đồng tiền nước ngoài được niêm yết theo một lượng nhất định đồng tiền nội địa. Ví dụ, cặp EUR/BGN là một dạng yết giá trực tiếp. Trên thị trường Ngoại hối, yết giá trực tiếp có nghĩa là một đồng tiền nước ngoài được niêm yết theo đồng đô-la Mỹ. Ví dụ, EUR/USD, CHF/USD, JPY/USD là các tỷ giá trực tiếp.Yết giá gián tiếp là việc đồng đô-la Mỹ được niêm yết theo một lượng nhất định một ngoại tệ khác, ví dụ như USD/EUR, USD/CHF.

Tỷ giá chéo là việc một đơn vị của đồng tiền nước ngoài được niêm yết theo một lượng nhất định đồng ngoại tệ khác. Ví dụ như EUR/CHF, GBP/JPY, EUR/JPY.

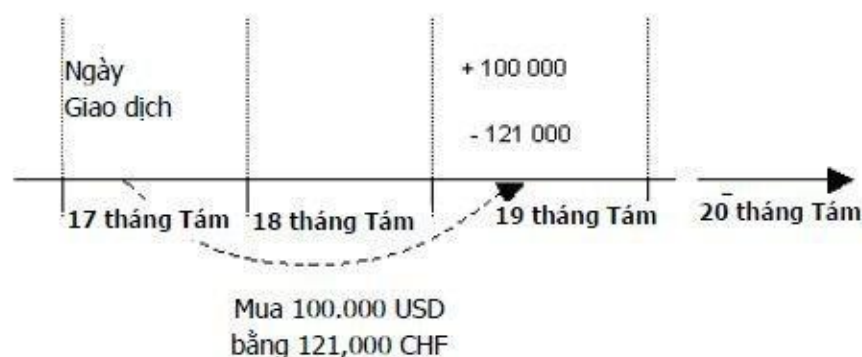
Hoán đổi ngoại tệ

Hoán đổi ngoại tệ là một thuật ngữ cơ bản khác trên thị trường Ngoại hối. Nó thể hiện sự chênh lệch lãi suất ở các quốc gia khác nhau. Ví dụ, lãi suất của Ngân hàng Trung ương Nhật Bản là 0,5%, trong khi lãi suất tại Australia là 6,25%. Điều này có nghĩa là gửi tiền tại một ngân hàng Australia sẽ có lợi hơn nhiều so với gửi tiền tại một ngân hàng Nhật Bản. Sự chênh lệch mức lãi suất có vai trò quan trọng trên thị trường Ngoại hối và được thể hiện bằng thuật ngữ HOÁN ĐỔI. Khi mở một trạng thái giao dịch mới, bạn bán một loại ngoại tệ và mua một loại khác. Chúng ta sẽ cùng quay lại với đồng tiền quốc gia của Australia và Nhật Bản và tìm hiểu ví dụ với đồng đô-la Australia và đồng yên Nhật (AUD/JPY). Khi chúng ta mở một trạng thái mua với cặp AUD/JPY, mức Hoán đổi là dương và chúng ta thu được lợi nhuận, khi chúng ta mở một trạng thái bán với cặp AUD/JPY, mức Hoán đổi là âm và chúng ta chịu một khoản thua lỗ nhỏ. Lý do là khi bạn mở trạng thái mua cặp AUD/JPY, bạn mua đồng đô-la Australia và khi bạn mở trạng thái bán cặp AUD/JPY, bạn mua đồng yên Nhật.

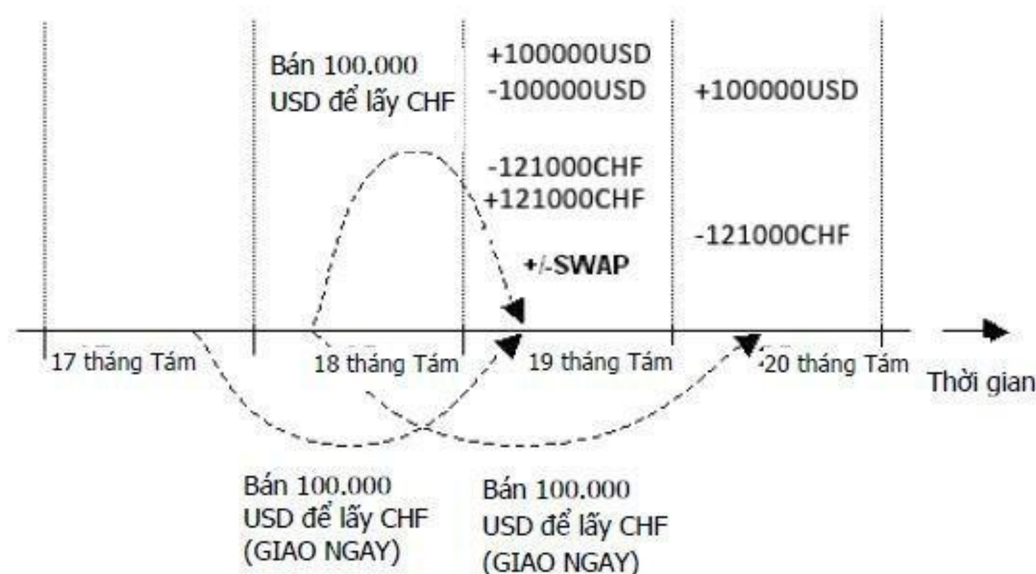
Trên thực tế, có hai loại Hoán đổi tùy thuộc vào bản chất của trạng thái mà bạn mở. Nếu bạn mở một trạng thái mua thì mức Hoán đổi cũng sẽ là mua; nếu bạn mở một trạng thái bán thì mức Hoán đổi cũng sẽ là bán.

Hoán đổi, hoặc Quay vòng hoặc Qua đêm nghĩa là bạn đối ứng hai giao dịch trái chiều với ngày giá trị khác nhau, khi một trạng thái được đóng lại và một trạng thái khác được mở

ra cùng một thời điểm. Giá trị Hoán đổi và xu hướng của nó được xác định tại thời điểm giao dịch. Mục đích của hoạt động này là nhằm kéo dài các trạng thái đã được mở.



Khi một nhà đầu tư cánhân giao dịch bằng ký quỹ trên thị trường Ngoại hối mở một trạng thái qua đêm trên tài khoản của mình thì anh ta sẽ bị tính mức chênh lệch Hoán đổi từ thời điểm 0 giờ GMT. Mức chênh lệch hoán đổi tùy thuộc vào mức lãi suất của các quốc gia có đồng tiền mà nhà đầu tư mua hoặc bán. Mức lãi suất này do các ngân hàng trung ương đưa ra. Thông thường, khi bạn mở một trạng thái mua với một đồng tiền có mức lãi suất cao hơn thì mức Hoán đổi sẽ là dương và khi bạn mở một trạng thái bán với cùng đồng tiền đó, mức Hoán đổi sẽ là âm.



Ví dụ, khi bạn mở một trạng thái mua cặp USD/CHF với số lượng 1 lô (tương đương 100.000 đơn vị của đồng tiền gốc) với tỷ giálà 1,2100, điều này có nghĩa là bạn mua 100.000 USD và bán 121.000 CHF. Trên thực tế, bạn không có số tiền này bằng tiền mặt và nhà môi giới của bạn phải đi vay số tiền này trên thị trường liên ngân hàng và chịu một mức lãi suất nào đó. Cùng lúc đó, lãi suất trên loại tiền mà bạn mở trạng thái mua được chuyển

vào tài khoản của bạn. Ý nghĩa của mức Hoán đổi dương là bạn vay tiền ở mức lãi suất thấp và gửi tiền ở mức lãi suất cao hơn. Nhưng bạn cần lưu ý là mức Hoán đổi dương sẽ không bao giờ là lý do duy nhất cho việc ra quyết định đầu tư.

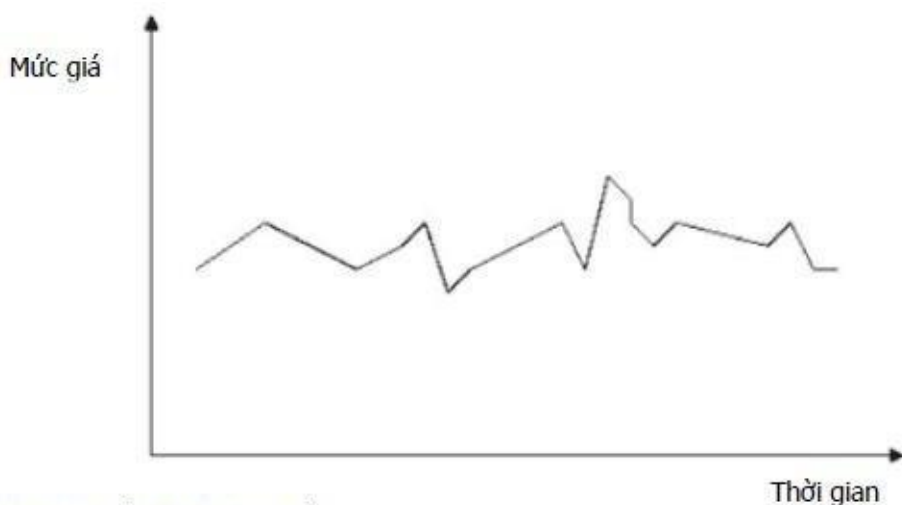
Các biểu đồ

Các biểu đồ thể hiện những thay đổi về giá của các công cụ tài chính. Trên thực tế, đây là cách thông dụng nhất để mô phỏng và phân tích các biến động của tỷ giá hối đoái. Tất cả những yếu tố của phân tích kỹ thuật mà chúng ta xem xét phía dưới sẽ đều dựa trên những biểu đồ này.

Có ba loại biểu đồ tùy thuộc vào cách mà giá cả được phản ánh: biểu đồ đường thẳng, biểu đồ thanh và biểu đồ nến Nhật Bản. Bản thân các biểu đồ này hoàn toàn không phải là lý do để mở một trạng thái trên thị trường; chúng cần được phân tích và sử dụng kết hợp cùng với các tín hiệu xác nhận của các chỉ báo kỹ thuật.

Biểu đồ đường thẳng

Biểu đồ đường thẳng là loại biểu đồ đầu tiên mà chúng ta xem xét (Hình 1). Đây là loại biểu đồ được tạo ra bằng cách nối các giá trị giáđóng cửa của phiên giao dịch trong một khoảng thời gian xác định bằng một đường thẳng. Khoảng thời gian có thể là 1 phút, 15 phút, 1 giờ, 4 giờ, hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng và cứ như vậy. Biểu đồ đường thẳng cũng có thể được tạo ra bằng cách sử dụng các giá trị giá mở cửa.

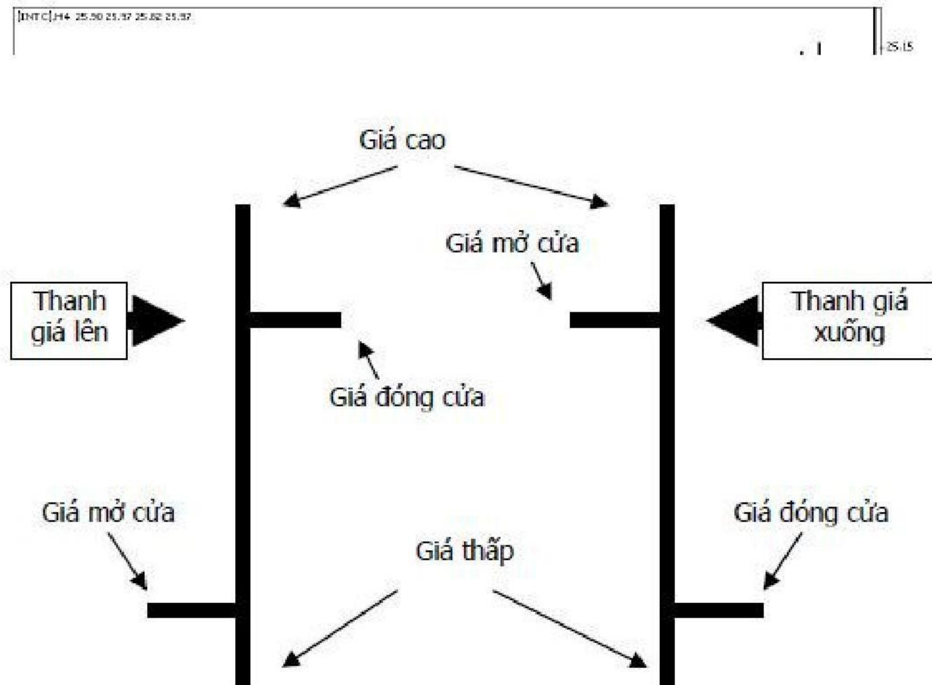


Hình 1. Biểu đồ đường thẳng

Biểu đồ dạng thanh

Biểu đồ dạng thanh được thể hiện bằng các thanh đứng biểu diễn sự thay đổi của mức giá trong một khoảng thời gian xác định. Ví dụ, nếu khoảng thời gian là 1 giờ thì một thanh đứng sẽ thể hiện sự thay đổi của mức giá trong 1 giờ đó. Nếu khoảng thời gian là 4 giờ thì một thanh đứng sẽ thể hiện sự thay đổi của mức giá trong 4 giờ. Sự chênh lệch giữa mức giá

đóng cửa của một thanh đứng và mức giá mở cửa của thanh đứng liền sau được gọi là khoảng chênh. Khoảng chênh thường được sử dụng nhiều trên thị trường chứng khoán, vì thị trường này không hoạt động 24 giờ một ngày. Ngoài ra một số hợp đồng cũng được thỏa thuận sau khi phiên giao dịch đã kết thúc, điều này làm cho thị trường có một mức chênh khi mở cửa vào ngày tiếp theo (Hình 2A).



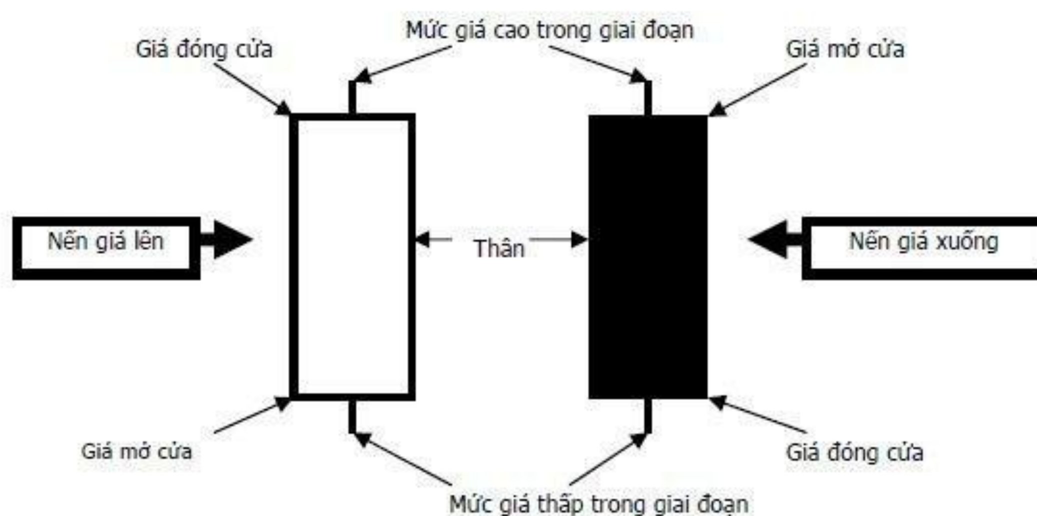
Hình 2B

Thanh thể hiện giálên được tạo thành khi mức giácó xu hướng tăng, và do đó giámở cửa thấp hơn giáđóng cửa. Nếu giá mở cửa cao hơn giáđóng cửa thì ta có thanh thể hiện giá xuống.

Biểu đồ nến Nhật Bản

Biểu đồ nến Nhật Bản là phương pháp xuất hiện sớm nhất và phổ biến nhất khi biểu diễn biến động giá của các thị trường tài chính. Nó được phát triển bởi một thương gia buôn bán lúa gạo người Nhật tên là Homma Munehisa vào thế kỷ XVI. Ông nhận ra có thể dự báo giá cả trong tương lai thông qua phân tích diễn biến của nó trong quá khứ. Homma thấy rằng các mô hình nến thường có xu hướng lặp lại nên ông bắt đầu phân tích chúng và trở thành một nhà buôn rất thành công. Đến tận ngày nay, nến Nhật Bản vẫn là phương pháp phân tích thị trường phổ biến nhất. Biểu đồ nến rất giống với biểu đồ dạng thanh vì chúng chỉ ra chiều của các xu hướng trên thị trường. Thông thường, thân chính của một nến thể hiện giá lên sẽ có màu trắng còn thân chính của một nến thể hiện giá xuống sẽ có màu đen (Hình 2C). Bóng trên, đối với nến giá lên là khoảng cách giữa giáđóng cửa và giá cao

nhất trong giai đoạn mà nó thể hiện, đối với nến giá xuống là khoảng cách giữa giá mở cửa và giácao trong giai đoạn mà nó thể hiện. Bóng dưới, đối với nên giá lên là khoảng cách giữa giá mở cửa và giá thấp trong giai đoạn mà nó thể hiện, đối với nến giá xuống là khoảng cách giữa giáđóng cửa và giá thấp trong giai đoạn mà nó thể hiện. Cần lưu ý là các nến cũng có thể tạo thành các khoảng chênh giá.



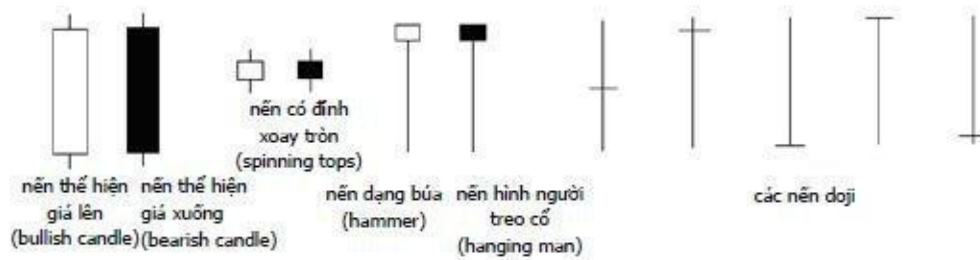
Hình 2C

CHƯƠNG 2

Lý thuyết Nến Nhật Bản

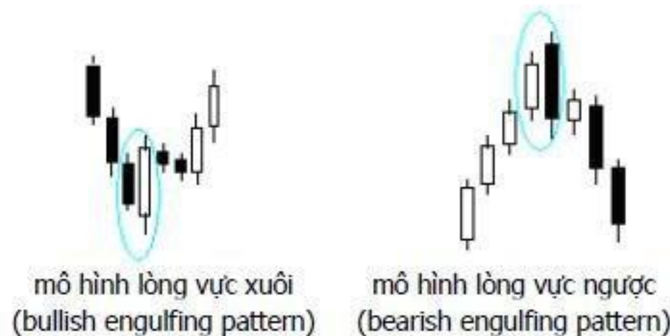
iểu đồ nến Nhật Bản là loại biểu đồ thông dụng nhất với các nhà kinh doanh Ngoại Bhối. Nguyên nhân của điều này là biểu đồ nến Nhật Bản cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng và dễ hình dung về những động lực của giá. Chính vì có tính đa chức năng mà các biểu đồ nến được sử dụng rộng rãi trong phân tích tài chính. Trong chương này, chúng ta sẽ bàn đến các loại nến và mô hình nến cơ bản.

Các loại nến



Các mô hình nến đảo chiều

Mô hình lòng vực (engulfing pattern)



Mô hình này xuất hiện trong một xu hướng tăng giáhoặc giảm giá mạnh, khi mà một nến khác màu áp đảo hoàn toàn nến liền trước nó. Nến đảo chiều là nến trắng trong thị trường giá xuống và nến đen trong thị trường giá lên. Trong cả hai trường hợp, thân chính của nến đảo chiều áp đảo hoàn toàn bóng của nến liền trước nó. Nếu sau khi nến nghịch đảo

được hình thành mà có thêm những nến nhỏ khác xuất hiện theo cùng xu hướng thì điều đó chứng tỏ xu hướng nghịch đảo là rất mạnh mẽ.



Hình 3. Mô hình lòng vực xuôi (EUR/AUD, H1, Meta Trader-Admiral Markets)

Nến dạng búa, Đảo chiều giá lên

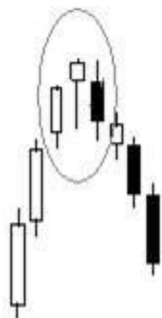


Nến dạng búa là loại nến với thân chính nhỏ và bóng dưới dài (thường dài gấp đôi thân chính của nến). Nến dạng búa xuất hiện trong xu hướng giá xuống và báo hiệu thị trường đã xuống đến đáy. Thông thường thì màu sắc của nến không quan trọng, bóng trên của nến cũng vậy cho dù bóng này có thể nhỏ hoặc thậm chí không xuất hiện.



Hình 4. Nến dạng búa (GBP/CHF, 1 giờ), MetaTrader - Admiral Markets

Nến hình người treo cổ, Đảo chiều giá xuống



Trong trường hợp này, một nến với thân chính nhỏ và bóng dưới dài xuất hiện trong xu hướng giálên. Bóng dưới thường dài gấp đôi thân chính của nến. Màu sắc của nến hình người treo cổ không quan trọng và bóng trên có kích thước nhỏ hoặc thậm chí không xuất hiện.

Hình 5. Biểu đồ nến hình người treo cổ (USD/JPY, 1 giờ), MetaTrader-Admiral Markets

Mô hình mây đen bao phủ (Dark Cloud Cover), Đảo chiều giá xuống

Mô hình mây đen bao phủ
lên của thị trường. Nó được
chiều có mức giá mở cửa cao
cửa thấp hơn điểm giữa thân
thấy dấu hiệu đảo chiều của xu



xuất hiện trong xu hướng đi
tạo thành khi một nến đảo
hơn giáđóng cửa và giáđóng
của nến giálên trước đó, cho
hướng.

Hình 6. Mô hình mây đen bao phủ (EUR/AUD, Ngày), MetaTrader-Admiral Markets

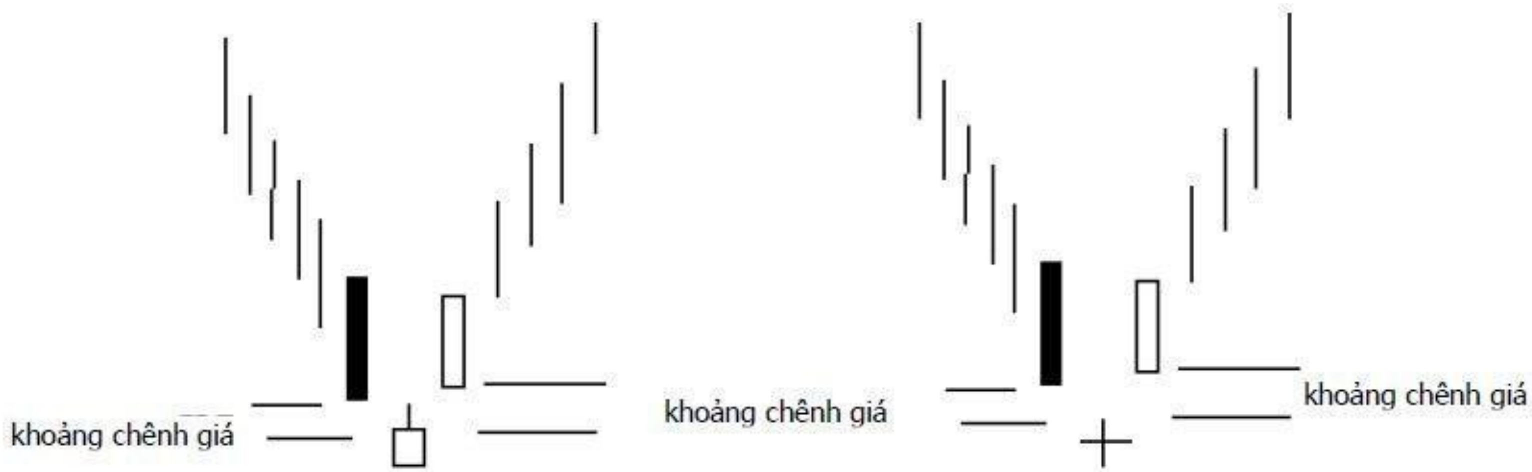
Mô hình Sắc nhọn (Piercing Pattern), Đảo chiều giá lên



Mô hình Sắc nhọn xuất hiện trong một xu hướng đi xuống. Nến đảo chiều có giá mở cửa thấp hơn giáđóng cửa và giáđóng cửa cao hơn điểm giữa của nến giá xuống liền trước nó.

Hình 7. Mô hình Sắc nhọn (USD/CAD, Ngày), MetaTrader-Admiral Markets

Sao Mai (Morning Star), Đảo chiều giá lên

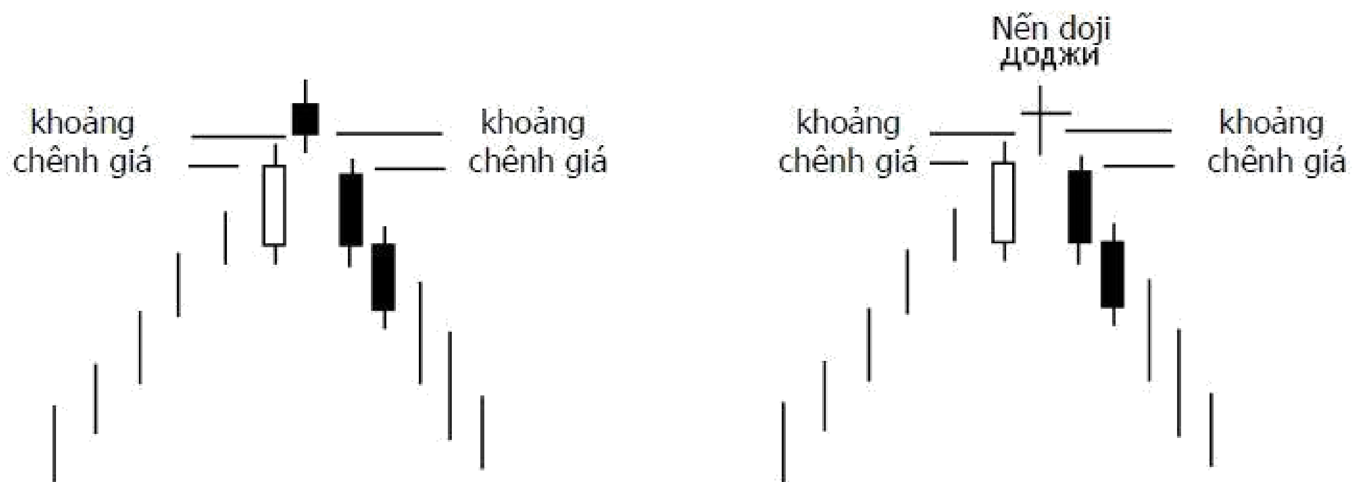


Mô hình Sao Mai xuất hiện trong xu hướng giá xuống. Nến đảo chiều có mức giá mở cửa thấp hơn giáđóng cửa của nến trước nó và nến tiếp theo nến đảo chiều có mức giá mở cửa cao hơn giáđóng cửa của nó. Nến đảo chiều này có thể là một nến doji hoặc một nến thể hiện giá lên.



Hình 8. Sao Mai (AXP, Ngày), MetaTrader - Admiral Markets

Sao Hôm, Đảo chiều giá xuống



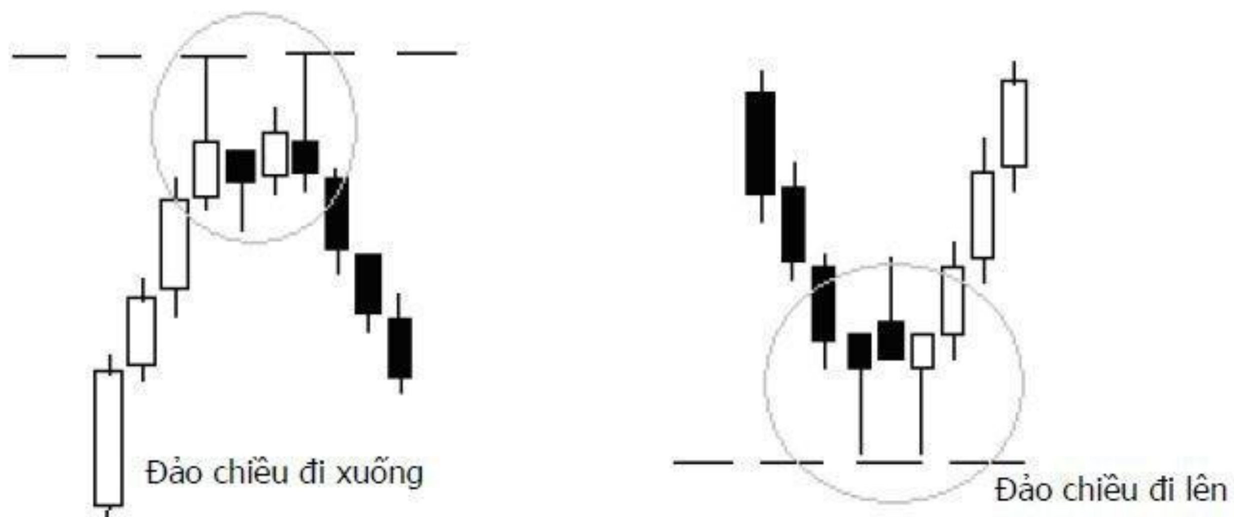
Nến doji khoảng khoảng khoảng khoảng chênh giá chênh giá chênh giá chênh giá Nến Sao Hôm xuất hiện khi xu hướng đi lên chuyển sang đi xuống. Nến đảo chiều mở cửa tại mức giácao hơn giáđóng cửa của nến trước nó và nến theo sau nến đảo chiều mở cửa ở mức giá thấp hơn giáđóng cửa của nó. Nến đảo chiều có thể là nến thể hiện giá xuống hoặc nến doji.

Nến sao chổi (Shooting Star) là nến Sao Hôm với một bóng trên dài



Hình 9. Sao Hôm (ZSX7, Ngày), MetaTrader - Admiral Markets

Mô hình nến gọng kìm (Pincers)



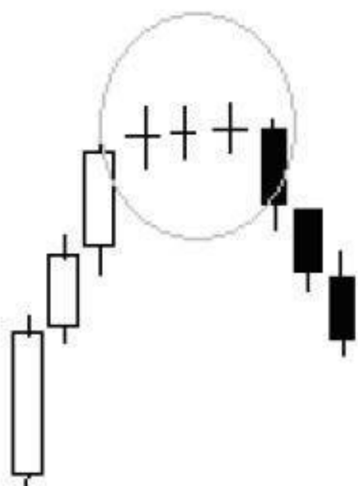
Nến hình gọng kìm là mô hình trong đó hai hoặc nhiều nến có độ dài bóng bằng nhau xuất hiện. Các nến với bóng dưới bằng nhau xuất hiện khi xu hướng đi xuống chuyển thành

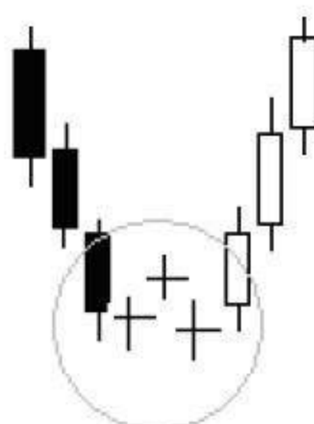
xu hướng đi lên. Các nến với bóng trên bằng nhau xuất hiện khi xu hướng đi lên chuyển thành xu hướng đi xuống. Màu sắc của cả hai loại nến đều không quan trọng và có thể xuất hiện một hoặc hai nến nằm giữa chúng.



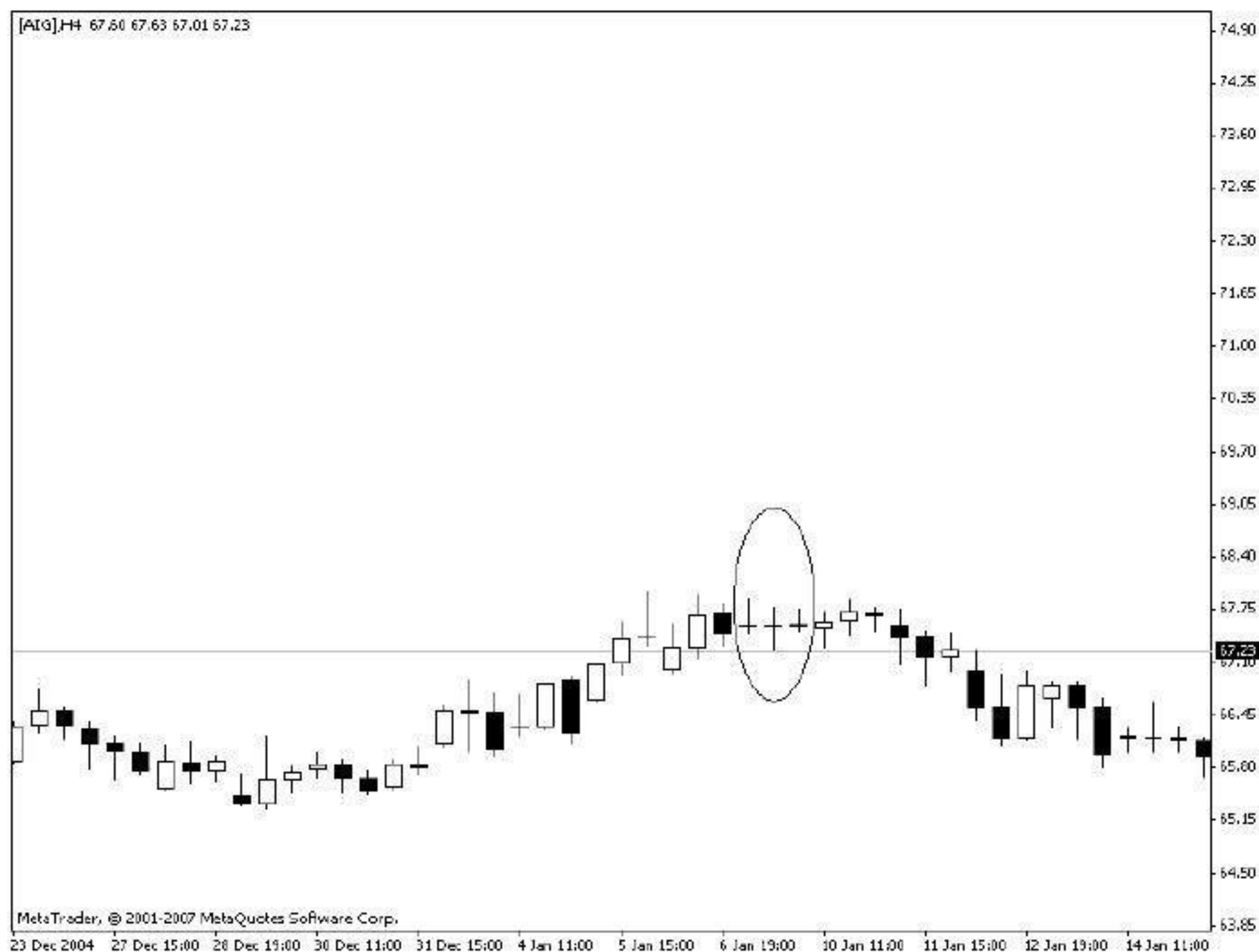
Hình 10. Mô hình nến gọng kìm (EUR/CHF, Ngày), MetaTrader-Admiral Markets

Ba Ngôi sao, Đảo chiều đi lên và đi xuống



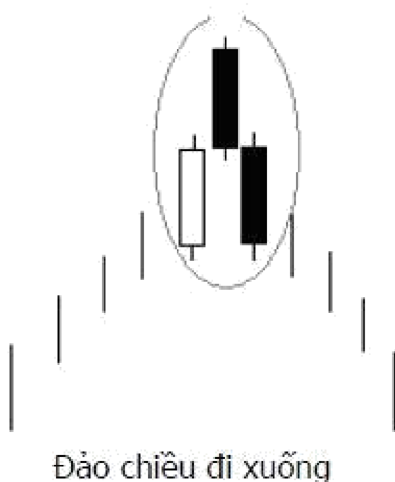


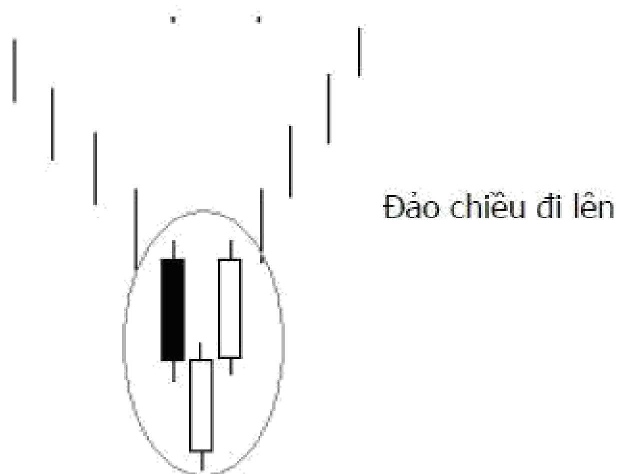
Ba nến doji là một tín hiệu mạnh mẽ cho thấy sự đổi chiều của thị trường. Chúng không cần phải xuất hiện trên cùng một mức và có thể có các mức giá mở cửa với nhiều khoảng chênh nhau.



Hình 11. Ba Ngôi sao (AIG, 4 giờ), MetaTrader - Admiral Markets

Các đường Gặp nhau (Meeting Lines), Đảo chiều đi lên và đi xuống





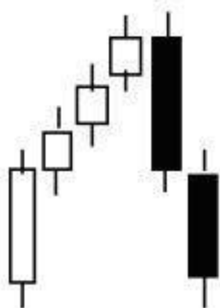
Khi mô hình Các đường Gặp nhau xuất hiện trong xu hướng đi lên, chúng là dấu hiệu của một sự đảo chiều đi xuống. Nến đảo chiều có mức giá mở cửa cao hơn giáđóng cửa của nến trước đó nhưng sau đó giánhanh chóng chạm mức đóng cửa của nến trước đó. Khi mô hình Các đường Gặp nhau xuất hiện trong xu hướng đi xuống, chúng là dấu hiệu cho một sự đảo chiều đi lên và trong trường hợp này, nến đảo chiều có giá mở cửa thấp hơn giáđóng cửa của nến trước nó. Nến tiếp sau nến đảo chiều có cùng màu với nến đảo chiều.



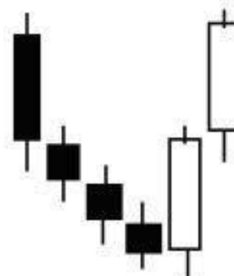
Hình 12. Các đường Gặp nhau (AIG, Ngày), MetaTrader - Admiral Markets

Mô hình nến đứt rời (Breakaway Candlestick), Đảo chiều đi lên và đi xuống

Đảo chiều đi xuống



Đảo chiều đi lên

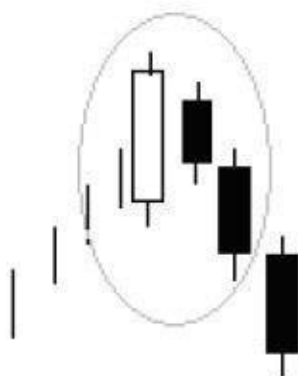


Khi xuất hiện một vài nến cùng chiều với xu hướng và một nến xuất hiện ngược chiều với xu hướng và lấn át hoàn toàn nến trước đó; đó là tín hiệu cho thấy thị trường đã xuống tới đáy hoặc lên tới đỉnh. Bóng của nến lấn át không cần phải che phủ hoàn toàn bóng của nến bị lấn át.

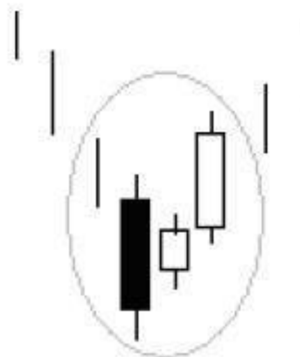
Hình 13. Mô hình nến đứt rời (EUR/CHF, Ngày), MetaTrader - Admiral Markets

Mô hình nến Harami, Đảo chiều đi lên và đi xuống

Đảo chiều đi xuống



Đảo chiều đi lên

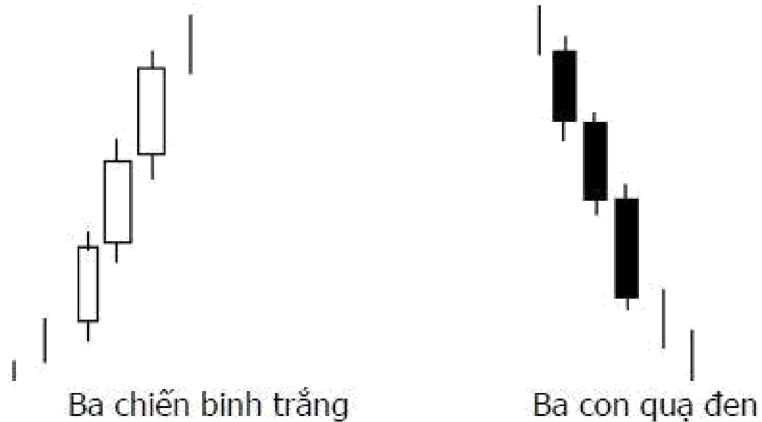


Harami là một mô hình có 2 nến bị che phủ bởi thân của một nến khác. Màu sắc của nến che phủ là trắng khi xu hướng là đi lên và đen khi xu hướng là đi xuống. Màu sắc của nến bị che phủ không quan trọng. Sự đảo chiều được xác nhận khi thân nến tiếp theo sau nến bị che phủ gối lên thân của nến che phủ.



Hình 14. Harami (EUR/CHF, Ngày), MetaTrader - Admiral Markets

Các mô hình Tiếp diễn (Continuation Patterns)



Ba nến với thân chính dài có cùng màu đứng cạnh nhau là tín hiệu tiếp diễn mạnh mẽ. Nếu xu hướng là đi lên, mô hình do ba nến trắng như vậy tạo nên sẽ được gọi là Ba chiến binh trắng. Nếu xu hướng là đi xuống, mô hình do ba nến đen như vậy tạo nên sẽ được gọi là Ba con quạ đen.

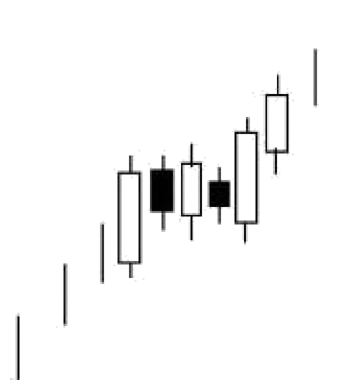


Hình 15. Ba con quạ đen (USD/CAD, Ngày), MetaTrader - Admiral Markets

Khi có hai hoặc nhiều nến xuất hiện ngược chiều xu hướng và bị che phủ bởi nến tiếp theo có thân dài và cùng chiều với xu hướng, đó là tín hiệu cho thấy xu hướng đó sẽ tiếp diễn (Hình 16).



Các phương pháp 3 lần rơi



Các phương pháp
3 lần tăng



Hình 16.

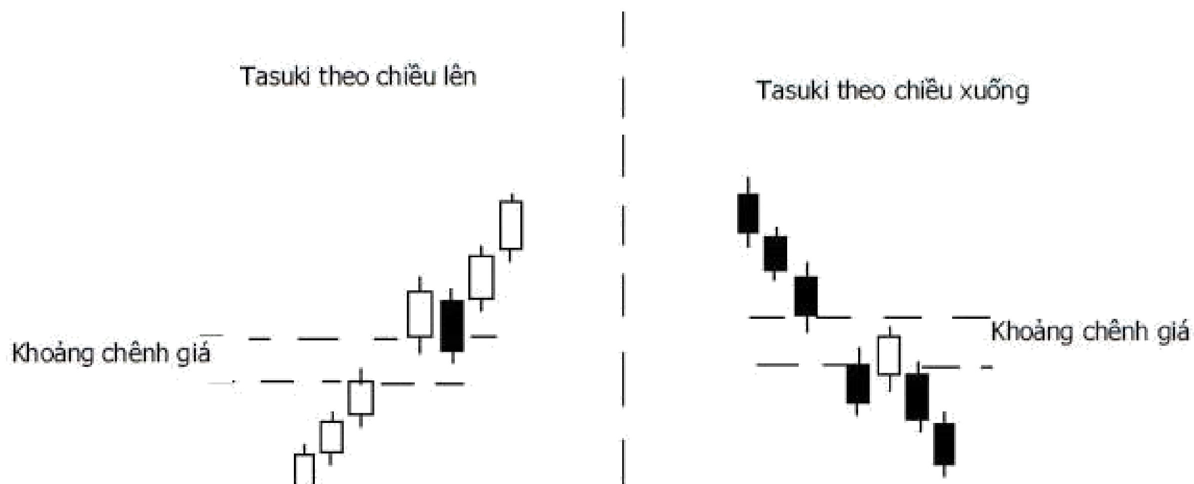
(USD/CAD, Ngày), MetaTrader - Admiral Markets

Khi hai hay nhiều nến xuất hiện ngược chiều xu hướng, cần phải xem xét là loại nến nào xuất hiện sau chúng. Nếu màu sắc của thân nến tiếp theo xác nhận chiều của xu hướng thì nó là một tín hiệu tiếp diễn mạnh mẽ, nếu không, nó là một dấu hiệu đảo chiều mạnh mẽ. (Hình 17).



Hình 17. Tấn công Ba đường (BA, 4 giờ), MetaTrader - Admiral Markets

Nếu khoảng chênh giá (giữa giáđóng cửa của phiên trước và giá mở cửa của phiên sau) là cùng chiều với xu hướng và nến tiếp theo không lấp đầy được khoảng chênh đó bằng thân chính của nó thì đó là một dấu hiệu tiếp diễn (Hình 18).

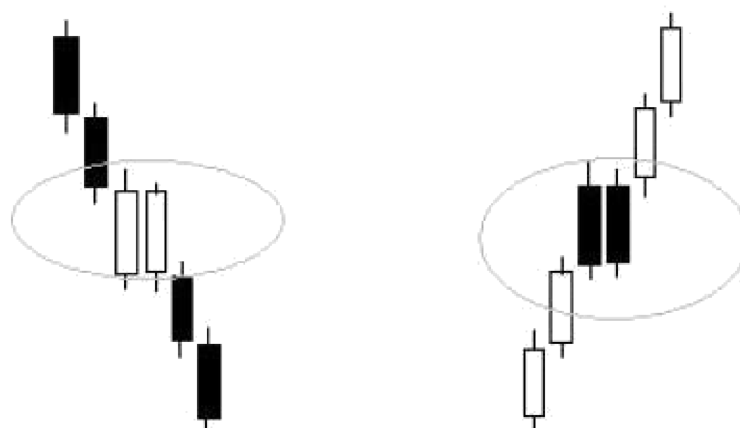




Hình 18. Tasuki theo chiều lên (C, Ngày), MetaTrader - Admiral Markets

Nếu hai nến với thân chính bằng nhau có cùng màu sắc xuất hiện ngược chiều xu hướng thì đó là một dấu hiệu tiếp diễn (Hình 19).

Liền kề





Hình 19.

Liền kề (AXP, Ngày), MetaTrader – Admiral Markets

Còn có rất nhiều mô hình tiếp diễn và đảo chiều khác nữa, nhưng tất cả chúng, ở một chừng mực nào đó, đều xuất phát từ những mô hình mà chúng ta đã xem xét ở trên. Việc áp dụng có hiệu quả các phân tích dựa trên các mô hình nến sẽ cho ta thấy lịch sử diễn biến giá của một số công cụ tài chính, mô hình đặc trưng nhất cho từng công cụ đó và cách thị trường phản ứng với mô hình đó trong quákhứ.

Các thuật ngữ và loại hình biểu đồ mà chúng ta vừa nghiên cứu phía trên là công cụ rất quan trọng để các bạn đọc hiểu các chương tiếp theo và đặc biệt, chúng rất hữu dụng khi đưa ra quyết định tham gia thị trường.

CHƯƠNG 3
Phân tích cơ bản

Mục đích của phân tích cơ bản là phân tích đồng thời cả xu hướng của thị trường lẫn các yếu tố tác động đến xu hướng đó.

Phân tích cơ bản ra đời trước phân tích kỹ thuật khá lâu và trong suốt một thời gian dài, nó từng được coi là phương pháp duy nhất để dự đoán xu hướng của những biến động trên thị trường. Việc áp dụng phân tích cơ bản khó hơn so với phân tích kỹ thuật. Hàng loạt yếu tố cùng mức độ ảnh hưởng của chúng cần được chú ý xem xét khi phân tích một tình huống thị trường nhất định nhằm lý giải sự biến động của một vài cặp tiền tệ. Số lượng các yếu tố cần xem xét trong phân tích cơ bản khá lớn. Chúng có thể được chia thành bốn nhóm hay chủng loại như sau:

- Các yếu tố tài chính
- Các yếu tố kinh tế vĩ mô
- Các yếu tố chính trị
- Những thảm họa tự nhiên và biến động sinh thái.

Rất khó để có thể nghiên cứu sâu về tất cả các yếu tố cơ bản trong phạm vi một cuốn sách nhỏ, đó là lý do vì sao chúng tôi sẽ chỉ điểm qua những yếu tố quan trọng nhất mà phân tích cơ bản xem xét đến.

Các yếu tố tài chính (Lãi suất và tỷ lệ lạm phát)

Các yếu tố tài chính là nhóm các yếu tố quan trọng nhất và có tác động lớn đến giao dịch tiền tệ. Tại một số quốc gia, giữa lãi suất và tỷ lệ lạm phát có một mối tương quan gián tiếp. Tại các quốc gia khác nhau tồn tại những mức lãi suất khác nhau và được ấn định bởi những cơ quan quản lý đầy quyền lực như Ngân hàng Trung ương châu Âu tại Liên minh châu Âu, Cục Dự trữ Liên bang (FED) tại Mỹ, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản tại Nhật Bản, Ngân hàng Anh tại Liên hiệp Vương quốc Anh, Ngân hàng Quốc gia Thụy Sỹ tại Thụy Sỹ và tương tự tại các quốc gia khác.

Khi một ngân hàng trung ương cắt giảm lãi suất, lãi suất trên các khoản vay cũng sẽ giảm theo, điều này có nghĩa là các khoản vay sẽ trở nên rẻ hơn đối với người tiêu dùng chúng. Do vậy, nhu cầu về các khoản vay và số lượng khoản vay được cấp sẽ tăng lên dẫn đến lượng tiền trong lưu thông và tổng tiêu dùng xã hội cũng đều tăng lên. Cùng lúc đó,

lượng cung tiền với giá rẻ sẽ làm giá trị đồng tiền quốc gia thấp đi so với các loại ngoại tệ khác. Chúng ta có thể kết luận là giảm lãi suất tại một quốc gia sẽ tác động một cách tiêu cực lên đồng tiền của quốc gia đó (nghĩa là nó làm giảm giá của đồng tiền quốc gia đó).

Ngược lại, mức lãi suất cao làm cho nhu cầu về tiền giảm xuống và dẫn tới giảm tổng lượng tiền trong lưu thông. Người dân thích gửi tiền vào ngân hàng để hưởng lợi từ mức lãi suất cao. Chúng ta có thể kết luận là việc tăng lãi suất tác động một cách tích cực lên đồng tiền của một quốc gia.

Do vậy, câu hỏi đặt ra ở đây là: Mối quan hệ giữa lãi suất và lạm phát nên được giữ ở mức nào để duy trì nền kinh tế và đồng nội tệ mạnh?

Chúng ta hãy cùng giả định là ở một vài quốc gia, tỷ lệ lạm phát cao hơn so với mức lãi suất. Điều này có nghĩa là việc gửi tiền vào các ngân hàng sẽ thật vô ích khi mà đồng tiền quốc gia mất giánhanh hơn so với lãi suất mà nó được hưởng. Hay nói cách khác thì việc người tiêu dùng dùng tiền để mua hàng hóa hoặc thanh toán dịch vụ sẽ có lợi hơn cho họ. Điều này tác động rất xấu tới nền kinh tế của một quốc gia. Nếu mức lãi suất và tỷ lệ lạm phát tương đương nhau, tình hình cũng sẽ có diễn biến tương tự nhưng ở tốc độ chậm hơn do tỷ số lãi suất/lạm phát tương đương 1 sẽ dẫn tới tình trạng bão hòa quá mức của đồng tiền trong nền kinh tế và tác động tiêu cực đến đồng tiền quốc gia.

Giả định tốt nhất cho nền kinh tế của một quốc gia là mức lãi suất cao hơn một chút so với tỷ lệ lạm phát.

Mức lãi suất (%) nên cao hơn so với tỷ lệ lạm phát (%)

Đây là kịch bản lý tưởng cho nền kinh tế quốc dân.

Mức lãi suất của chứng khoán chính phủ dài hạn có tác động rất lớn lên tỷ giá hối đoái. Lãi suất này tăng sẽ tác động tích cực lên đồng tiền quốc gia và ngược lại, lãi suất này giảm sẽ khiến đồng tiền quốc gia phải hứng chịu những tác động tiêu cực.

Đây là một ví dụ cho điều này. Nếu lãi suất chứng khoán chính phủ Mỹ tăng trong khi lãi suất chứng khoản chính phủ Nhật Bản giữ nguyên không đổi, các nhà đầu tư sẽ đổ tiền vào chứng khoán chính phủ Mỹ hơn là đầu tư vào các tài sản của Nhật Bản. Thay đổi trong lãi suất chứng khoán này sẽ có thể tác động tốt lên nền kinh tế Mỹ và đồng đô-la do có nhiều người mong muốn đầu tư tiền của họ vào đây. Nhưng như vậy cũng có nghĩa là họ sẽ mua đồng đô-la Mỹ và điều này, đến lượt mình, làm tăng nhu cầu về đồng đô-la và do đó, làm tăng giácủa đồng tiền này.

Các yếu tố kinh tế vĩ mô

Phân tích cơ bản xem xét rất nhiều yếu tố kinh tế vĩ mô và tất cả các yếu tố này đều tác động lên tỷ giá hối đoái một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

Có thể thấy là Tổng Sản phẩm Quốc nội GDP là yếu tố kinh tế vĩ mô có tầm ảnh hưởng mạnh mẽ nhất. GDP được tính như sau:

GDP = C + I + G +T

GDP – Tổng Sản phẩm Quốc nội

C – Consumption: Tiêu dùng

I – Investments: Đầu tư

G – Government Expense: Chi tiêu Chính phủ

T – Trade Balance: Cán cân Thương mại

Cán cân Thương mại được tính bằng sự chênh lệch giữa Xuất khẩu và Nhập khẩu của một quốc gia:

T = Xuất khẩu - Nhập khẩu

GDP tăng sẽ có lợi cho tỷ giá của đồng tiền quốc gia. GDP tăng chứng tỏ sự tăng trưởng của các chỉ số sản xuất, tiêu dùng, dòng vốn quay vòng nhanh hơn, lợi suất của các nhà đầu tư cao hơn và nhu cầu về đồng tiền quốc gia cũng cao hơn. Nó củng cố sức mạnh của đồng tiền quốc gia so với các loại ngoại tệ khác và ngược lại. Khi chỉ số GDP giảm, nó sẽ tác động tiêu cực đến đồng tiền của một quốc gia.

Các yếu tố kinh tế vĩ mô khác là:

- Tỷ lệ thất nghiệp
- Khả năng sinh lời
- Chỉ số Giá Tiêu dùng (CPI)
- Chỉ số Giá Sản xuất (PPI)
- Biểu đồ độ dốc Tiêu dùng (Consumption Inclination)
- Bảng lương Phi nông nghiệp (NFP)
- Chỉ số Xây dựng Nhà, v.v...

Mọi thay đổi trong các chỉ số và chỉ tiêu phía trên đều tác động đến tỷ giá hối đoái của một đồng tiền ở những mức độ khác nhau. Do đó, nếu có sự thay đổi mang tính tích cực trong một chỉ số hoặc chỉ tiêu nào đó thì nó sẽ tác động lên tỷ giá hối đoái một cách tích cực và ngược lại, nếu thay đổi trong một chỉ số hoặc chỉ tiêu mang tính tiêu cực thì nó sẽ tác động lên tỷ giá hối đoái một cách tiêu cực.

Vài năm trở lại đây, mức độ ảnh hưởng của thị trường chứng khoán lên tỷ giá hối đoái ngày càng tăng. Một trong những chỉ số chứng khoán chính, chỉ số Bình quân Công nghiệp Dow John (DJIA) thể hiện rõ nhất điều này. Rất nhiều công ty nằm trong nhóm DJIA hoạt động trên các thị trường quốc tế, và tỷ giáđồng đô-la Mỹ thấp sẽ là lợi thế cho sự phát triển của các công ty này vì nó thúc đẩy xuất khẩu. Nếu nền kinh tế quốc dân tăng trưởng tốt như

nó đã từng như vậy trong nửa cuối thế kỷ trước thì giá trị đồng đô-la Mỹ sẽ tăng lên bởi giá trị của chỉ số DJIA cũng tăng lên. Trong trường hợp này, các công ty sẽ hưởng lợi từ việc tiêu thụ hàng hóa tại thị trường nội địa. Các chỉ số chứng khoán khác như NASDAQ và S&P500 không có tác động mạnh mẽ lên tỷ giá hối đoái như DJIA nhưng ảnh hưởng của chúng vẫn là đáng kể.

Mối quan hệ kiểu này cũng tồn tại ở châu Âu nơi mà các chỉ số chứng khoản của Đức đóng vai trò quan trọng nhất.

Chỉ số FTSE 100 của Anh cũng có tác động nhỏ lên giá trị đồng bảng Anh.

Nhật Bản là quốc gia dựa nhiều vào xuất khẩu, do đó giữa giá trị đồng tiền quốc gia và giá chứng khoán cũng có mối liên hệ nhất định. Nếu đồng yên Nhật rẻ hơn, nó sẽ tạo điều kiện cho xuất khẩu và mức giá chứng khoán tại Nhật Bản cũng như mức giá của chỉ số chính Nikkei 225 sẽ đi lên.

Giữa hai hoặc nhiều cặp tiền tệ bao giờ cũng có mối tương quan về tỷ giá hối đoái. Điều này có thể dễ dàng nhận thấy khi quan sát một số đồng tiền của các quốc gia châu Âu và đồng đô-la Mỹ. Sự gần gũi về địa lý và kinh tế của Anh với các quốc gia châu Âu khác là lý do của việc đồng Euro giảm giá so với đồng đô-la Mỹ, điều này cũng sẽ làm cho đồng bảng Anh xuống giá so với đô-la Mỹ. Giữa một số đồng tiền quốc gia tại châu Á cũng có mối quan hệ tương tự.

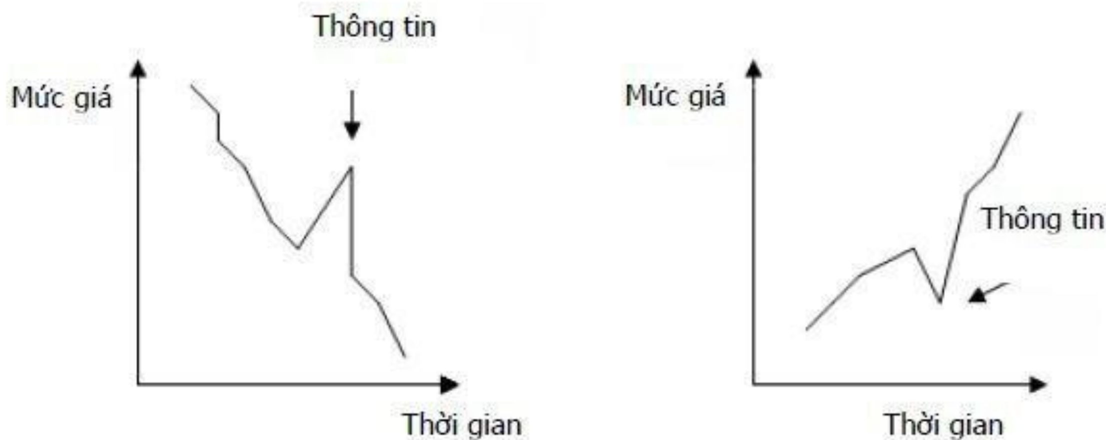
Các yếu tố chính trị và thông tin

Ổn định chính trị là điều kiện quan trọng nhưng không phải duy nhất cho sự tăng giácủa một đồng tiền. Theo quy luật, thị trường thường có phản ứng e ngại trước khi các cuộc bầu cử tổng thống và quốc hội diễn ra. Trong trường hợp này, phần lớn các thành phần tham gia thị trường đều muốn đóng trạng thái của mình, do xu hướng của những diễn biến tiếp theo là khó đoán và họ muốn đợi cho đến khi tình hình trở nên ổn định và rõ ràng hơn. Nói chung, sự bất ổn chính trị có tác động rất tiêu cực đến đồng tiền quốc gia và thường dẫn tới sự sụt giảm giá trị của đồng tiền này.

Phản ứng của thị trường trước các thông tin chính trị, tài chính và kinh tế khác nhau được công bố là một chủ đề nghiên cứu rất rộng lớn, nhưng chưa ai có thể mô tả chính xác ảnh hưởng mà chúng gây ra đối với xu hướng của thị trường. Có nhiều lý do để giải thích cho điều này; tuy nhiên lý do chính là thông tin, cho dù quan trọng đến mức độ nào, cũng không thể thay đổi xu hướng dài hạn của thị trường. Trên thực tế, đã thành thông lệ, một số định chế tài chính lớn thường tung ra một số thông tin một cách có chủ đích (đôi khi chúng chỉ là các tin đồn) để gây tác động lên tỷ giá hối đoái của một số đồng tiền. Thị trường phản ứng lại các thông tin từ rất lâu trước khi chúng được công bố vì không chỉ phản ứng, thị trường còn kỳ vọng. Thị trường kỳ vọng bởi các vị trí quan trọng như chủ tịch hội đồng quản trị hoặc các thành viên hội đồng quản trị các công ty đều được biết rõ và sức khỏe của hệ thống tài chính trong một quốc gia cũng rất rõ ràng. Như người ta thường nói "Mua tin

đồn, bán sự thật", nghĩa là tác động do một thông tin gây ra thường biến mất trước khi thông tin đó được chính thức công bố.

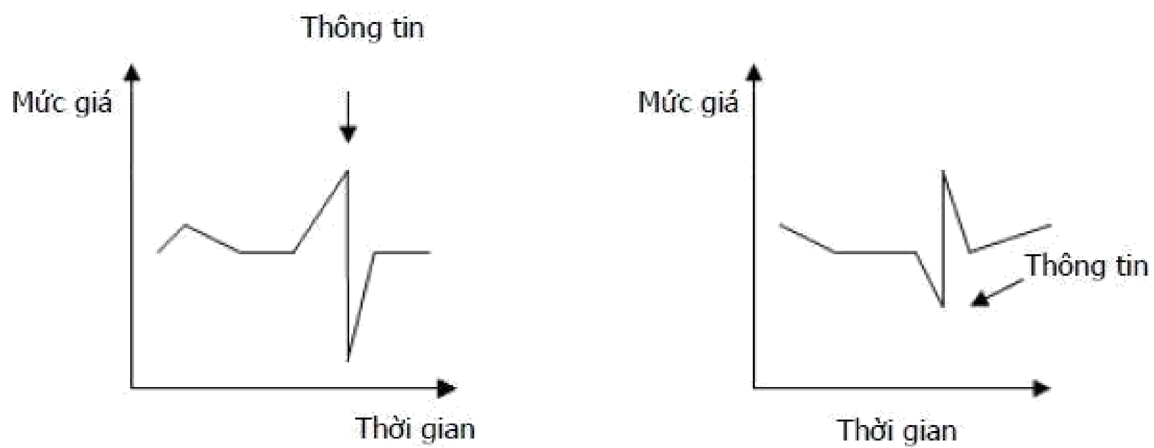
Trên thực tế, thông tin thường gây ra một số biến động trên thị trường (Hình 20)



Hình 20

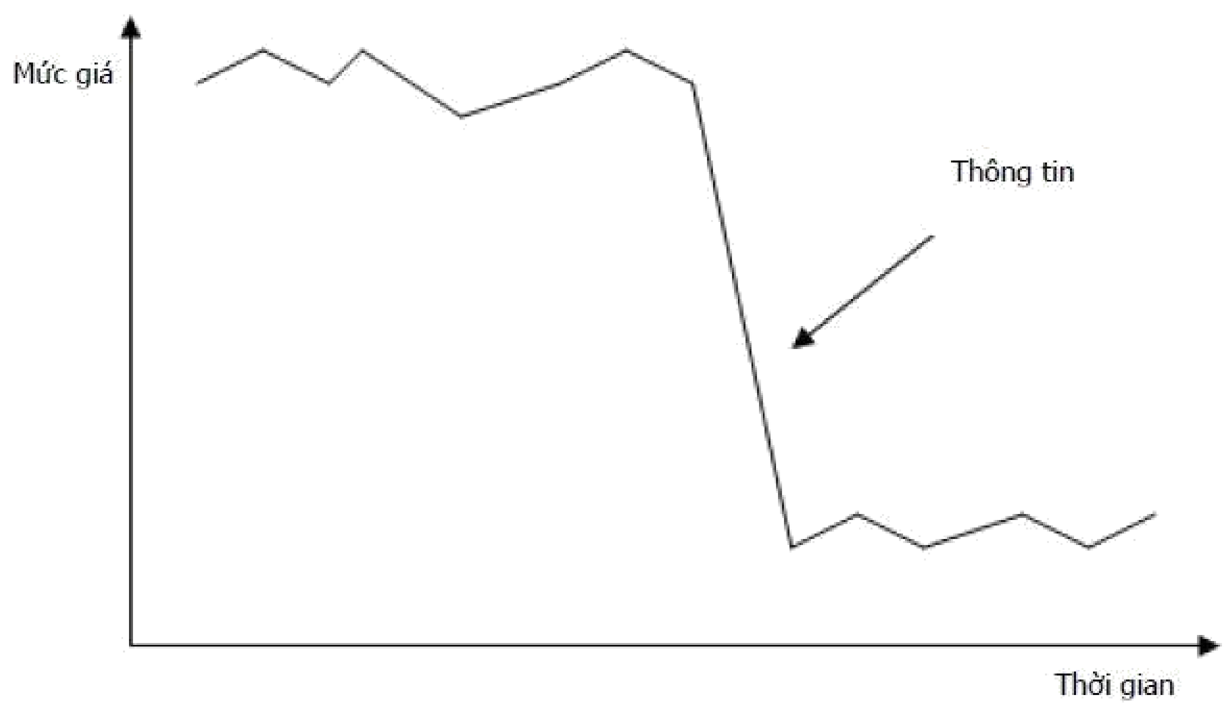
Khi các tin đồn xuất hiện hay khi các thông tin được chính thức công bố, các tay chơi lớn sẽ lập tức tham gia thị trường để kiếm lời (hoặc tránh thua lỗ trong tương lai). Nếu xu hướng hiện hữu là đi xuống và thông tin mang tính tích cực, những thành phần này sẽ bắt đầu mua vào. Nhưng tới một thời điểm nào đó, hiệu ứng mà tin đồn hoặc thông tin mang lại sẽ yếu đi và không thể giúp thị trường đảo chiều đi lên tiếp được nữa, và làm cho mức giá giảm trở lại. Điều này có thể được giải thích là thị trường Ngoại hối được định hướng bởi những yếu tố thậm chí còn lớn hơn rất nhiều. Khi xu hướng là đi lên và thông tin mang tính tiêu cực, mức giá sẽ phản ứng rất giống với điều đã được mô tả phía trên. Nó giảm xuống rồi sau đó quay trở lại mức ban đầu.

Một ví dụ khác về ảnh hưởng của thông tin lên xu hướng của thị trường được thể hiện trong Hình 21.

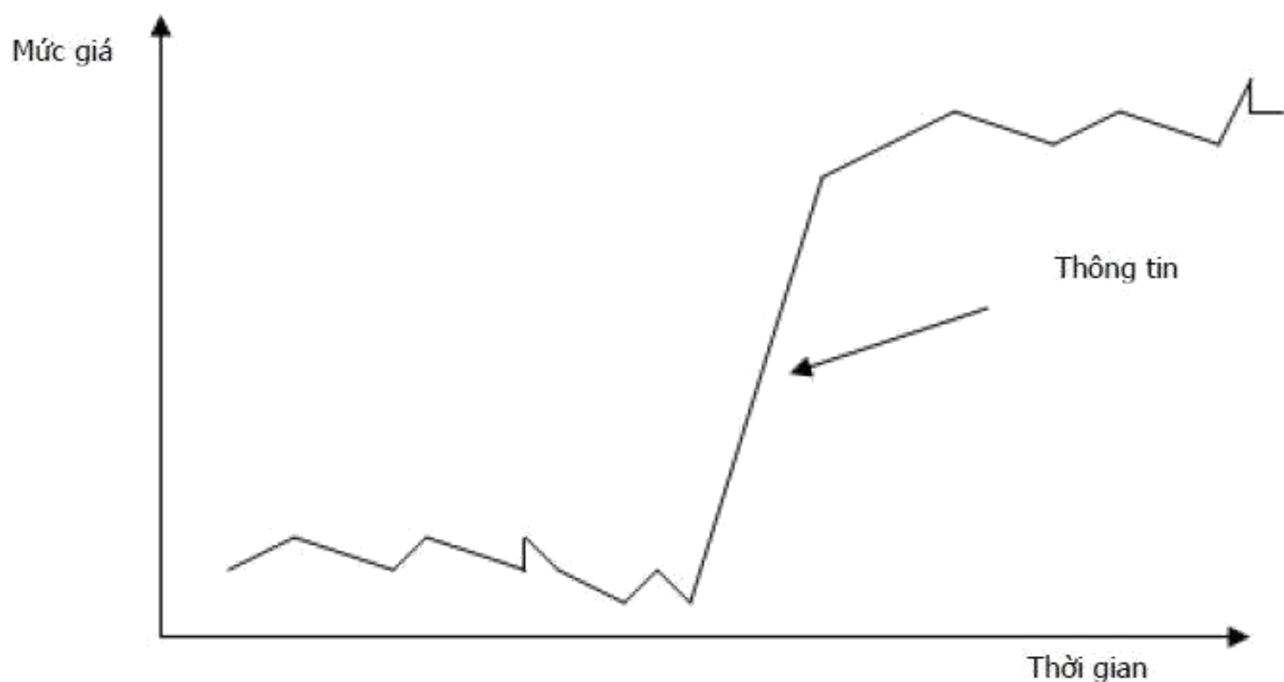


Hình 21

Khi thị trường đang giằng co và thông tin mới được công bố, sẽ luôn có một lượng người nhất định mong muốn kiếm lời từ nó. Điều này lý giải vì sao mức giá chỉ nhảy vọt trong quãng thời gian ngắn trước khi gặp kháng cự từ thị trường và quay về ngưỡng giằng co sau khi đã biến động ZigZag theo hướng đi xuống.



Hình 22



Hình 23

Giả định thứ ba là khi thị trường đang giằng co và thông tin mới được công bố khiến cho giá biến động mạnh theo chiều tăng lên hoặc giảm xuống. Sau đó thị trường lại quay về tình thế giằng co ban đầu mà không đi theo đường ZigZag nữa. Điều này có nghĩa là thị trường bắt đầu giằng co trong một khoảng biên độ mới (Hình 22 và 23).

Một khả năng khác về tác động của thông tin đối với thị trường là khi thông tin tích cực xuất hiện trong khi thị trường đang đi lên và thông tin tiêu cực xuất hiện trong khi thị trường đang đi xuống. Thị trường sẽ có thêm động lực và mức giá sẽ biến đổi nhanh hơn theo xu hướng hiện tại của nó.

Những thảm họa tự nhiên và sinh thái

Tác động mà những thảm họa tự nhiên và sinh thái gây ra đối với tỷ giá hối đoái của một đồng tiền quốc gia thường mang tính tiêu cực một cách tự nhiên. Thảm họa tự nhiên càng nặng nề thì tác động tiêu cực của nó lên nền kinh tế một quốc gia càng lớn.

Trận động đất tại Nhật Bản cuối tháng 7/2007 là một ví dụ điển hình về thảm họa tự nhiên. Nó đã gây tác động tiêu cực lên nền kinh tế Nhật Bản và ngành sản xuất ô tô của nước này, trong khi tại thời điểm đó Nhật Bản đang xếp thứ hai trong số các nhà sản xuất ô tô lớn nhất thế giới. Sau trận động đất, những công ty hàng đầu như Toyota, Nissan, Suzuki, Mitsubishi và Honda đều phải tuyên bố tạm dừng hoặc thậm chí ngừng hẳn việc sản xuất ô

tô do những thiệt hại nặng nề về máy móc và thiết bị sản xuất. Công ty Điện lực Tokyo, nhà sản xuất điện lớn nhất Nhật Bản cũng tuyên bố tạm dừng sản xuất trong quãng thời gian chưa xác định. Chỉ số chứng khoản chính của Nhật Bản - Nikkei 225 đương nhiên đã phản ứng rất tiêu cực. Đồng yên Nhật mất đi tính hấp dẫn trong mắt các nhà đầu tư và sau đó chỉ được giao dịch trong biên độ hẹp.

CHƯƠNG 4
Phân tích đồ thị

Giới thiệu về phân tích đồ thị

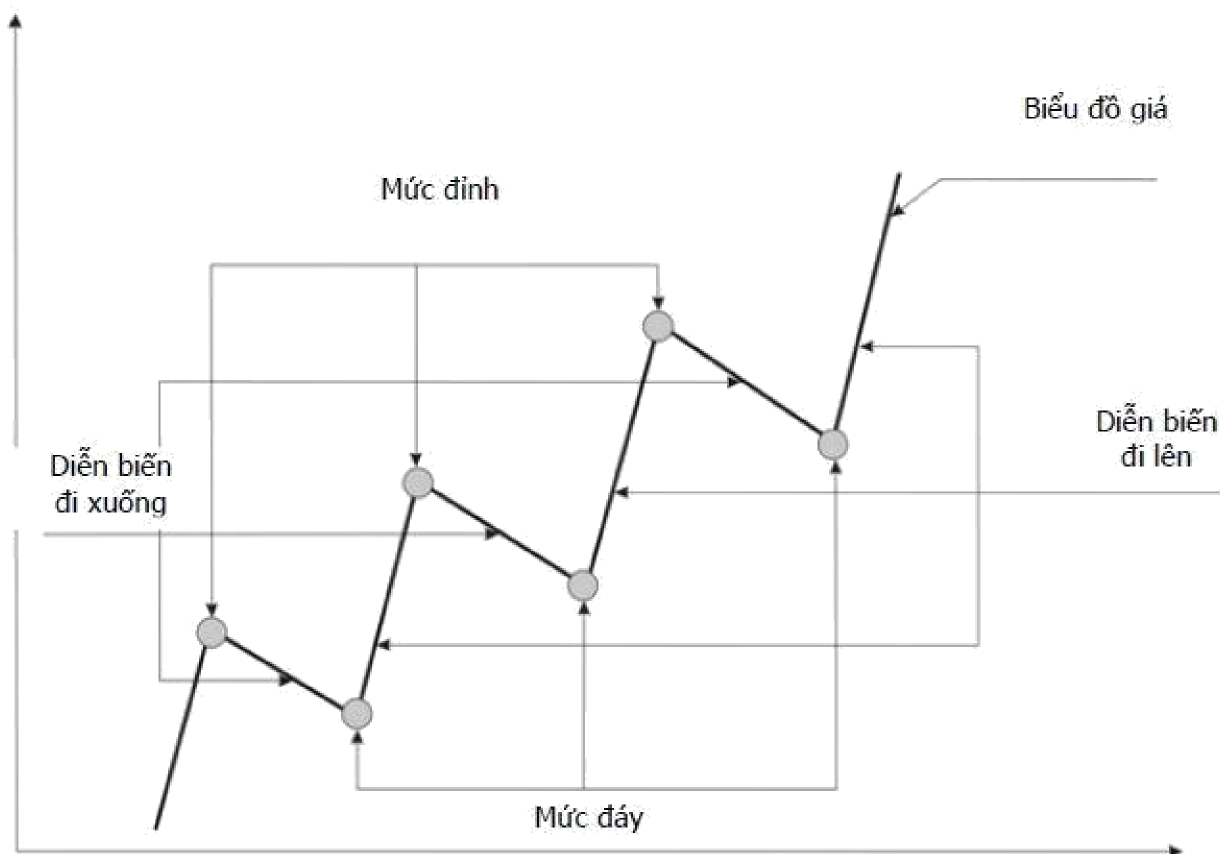
Phân tích đồ thị hay còn gọi là phân tích cổ điển là một phần quan trọng của dự báo kỹ thuật và nên được áp dụng khi nhà kinh doanh muốn đưa ra một chiến lược giao dịch.

Nó được sử dụng để dự báo giá cả thị trường trong tương lai nhằm giúp bạn đưa ra các quyết định giao dịch đúng đắn.

Phân tích kỹ thuật cổ điển thường sử dụng biểu đồ. Những mô hình giá trong các biểu đồ được gọi là các hình thái. Hình thái là những mô hình diễn biến của thị trường được sắp xếp theo dạng thức và khả năng diễn biến của xu hướng giátrong tương lai.

Mô hình giá lên và mô hình giá xuống

Biểu đồ tạo ra các mô hình, hình thành từ tác động qua lại giữa hai nhóm thành viên tham gia thị trường - nhóm mua (nhóm đầu cơ giálên) và nhóm bán (nhóm đầu cơ giáxuống). Kết quả của tác động qua lại giữa hai nhóm này sẽ xác định dạng thức của biểu đồ, trong đó nó có thể đi lên, đi xuống, ở mức đỉnh và mức đáy (Hình 24).



Hình 24. Biểu đồ của một công cụ tài chính với dạng đi lên và đi xuống, ở đỉnh và ở đáy được đánh dấu trên biểu đồ.

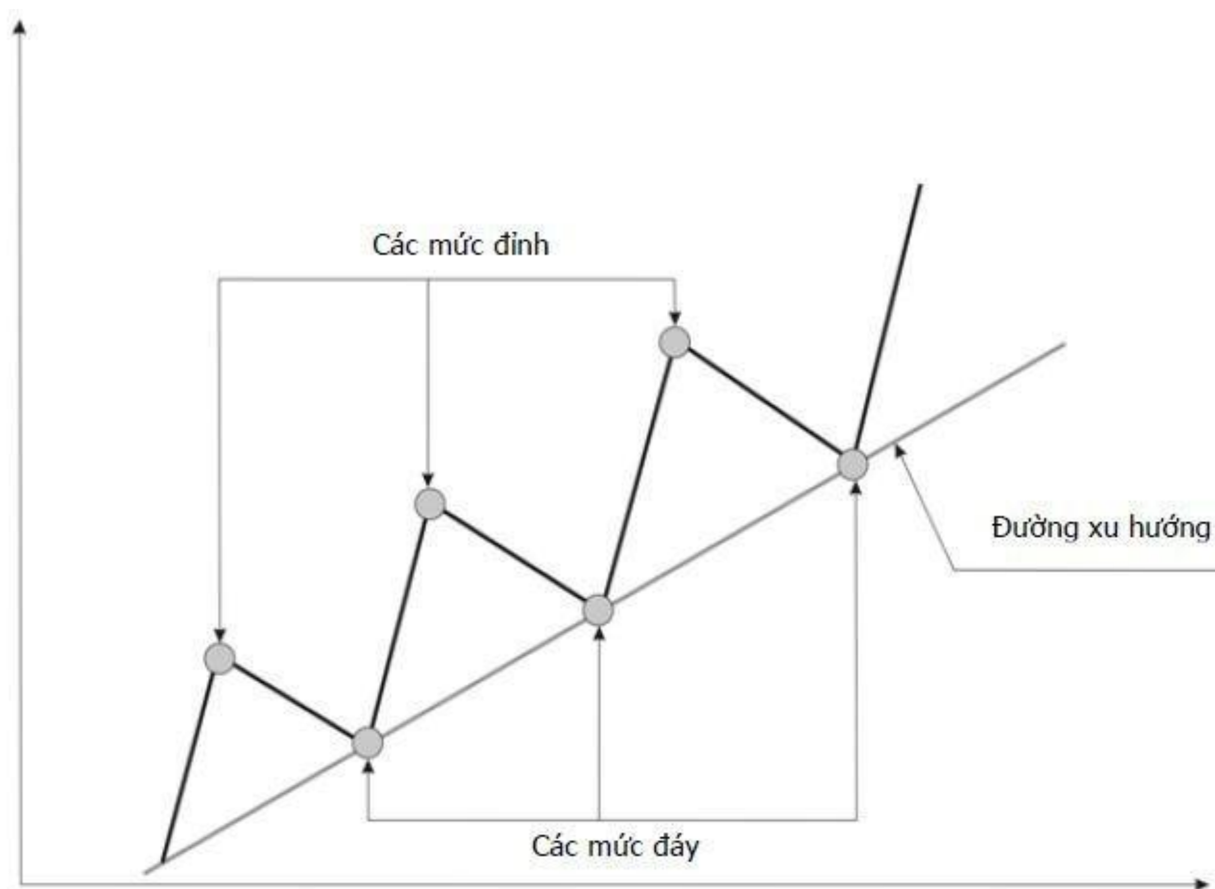
Thị trường sẽ đi lên nếu nhóm đầu cơ giálên có tác động mạnh mẽ hơn so với nhóm đầu cơ giáxuống và khi khối lượng mua vào vượt quá khối lượng bán ra. Xu hướng giá lên sẽ lập đỉnh khi mà sau điểm đó, lượng mua vào trở nên yếu đi, giátăng lên rất chậm chạp và lượng bán ra tăng dần. Sau mức đỉnh sẽ là giai đoạn đi xuống (diễn biến đi xuống); tác động từ nhóm đầu cơ giáxuống dần trở nên mạnh hơn và lấn át tác động từ nhóm đầu cơ giálên. Giai đoạn đi xuống sẽ được tiếp nối bằng quá trình tạo đáy, đây là tín hiệu cho thấy nhóm bán ra đang mất dần vai trò chi phối và nhóm mua vào bắt đầu lấy lại ảnh hưởng trên thị trường. Đây là bốn yếu tố cơ bản của một biểu đồ giávà chúng cũng chính là đối tượng nghiên cứu của phương pháp phân tích đồ thị.

Phân tích xu hướng

Chúng ta đã vừa xem xét bốn yếu tố cơ bản của một đồ thị. Khi nghiên cứu riêng rẽ các yếu tố này, chúng ta nhận được các thông tin về một khoảng thời gian nhất định và không thể thấy được những gì đã diễn ra trước đó cũng như những gì sẽ xảy đến trong tương lai.

Khi nghiên cứu đồng thời các yếu tố này và phân tích mối liên hệ của chúng trong một chuỗi liên tục, chúng ta có thể hiểu được những gì đã diễn ra trước đó cũng như những gì sẽ xảy đến trong tương lai.

Chúng ta hãy cùng xem qua một biểu đồ ngẫu nhiên (Hình 25). Như chúng ta có thể thấy, bốn yếu tố đã được nói đến ở trên xuất hiện theo một trình tự rõ ràng. Đồng thời, chúng ta có thể thấy rằng khi giáđang trong xu hướng đi lên, nó sẽ thiết lập các đỉnh và đáy ngày càng cao hơn và ngược lại, khi giáđang trong xu hướng đi xuống, nó sẽ tạo thành các đáy và đỉnh ngày càng thấp đi.

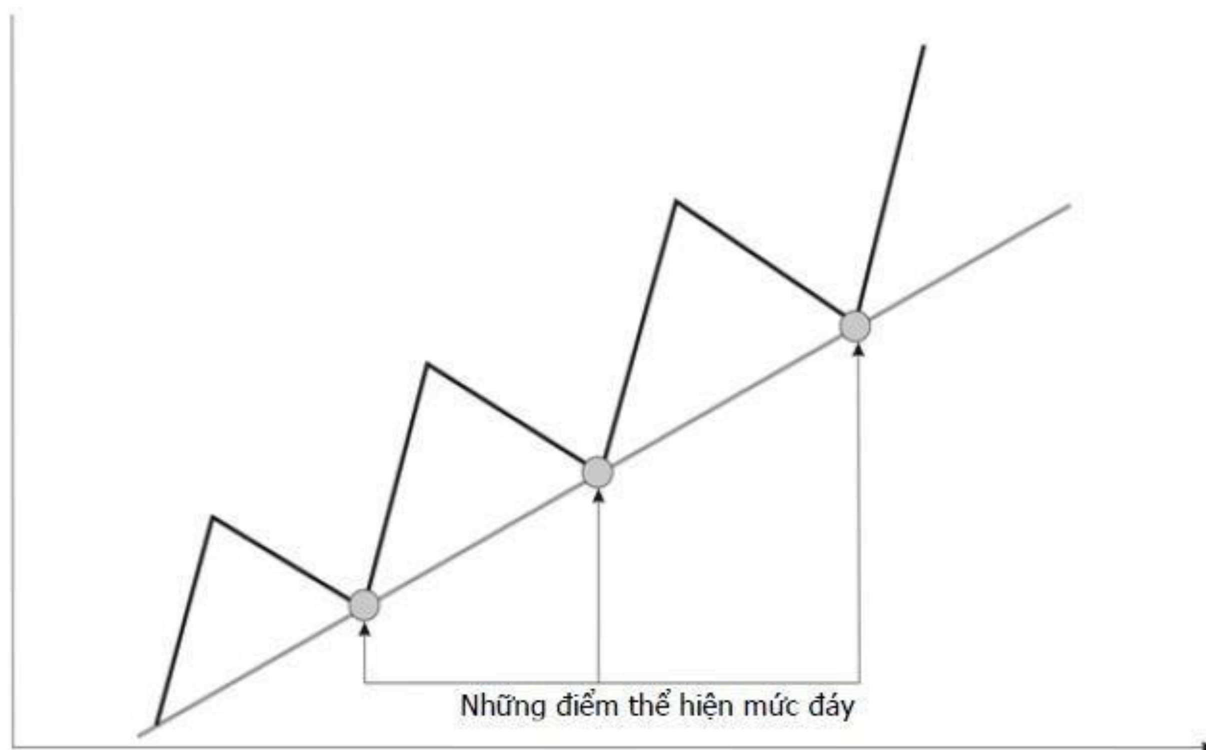


Hình 25. Đường xu hướng.

Để cùng xem xét điều này, chúng ta sẽ kẻ các đường nối các mức đáy và đỉnh. Hình 25 minh họa xu hướng giálên và các điểm đáy ngày càng cao được nối với nhau bằng một đường kẻ. Đường kẻ này được gọi là đường xu hướng. Đường xu hướng giá lên nối những điểm thể hiện mức đáy của giávà ngược lại, đường xu hướng giá xuống nối những điểm thể hiện mức đỉnh của giá.

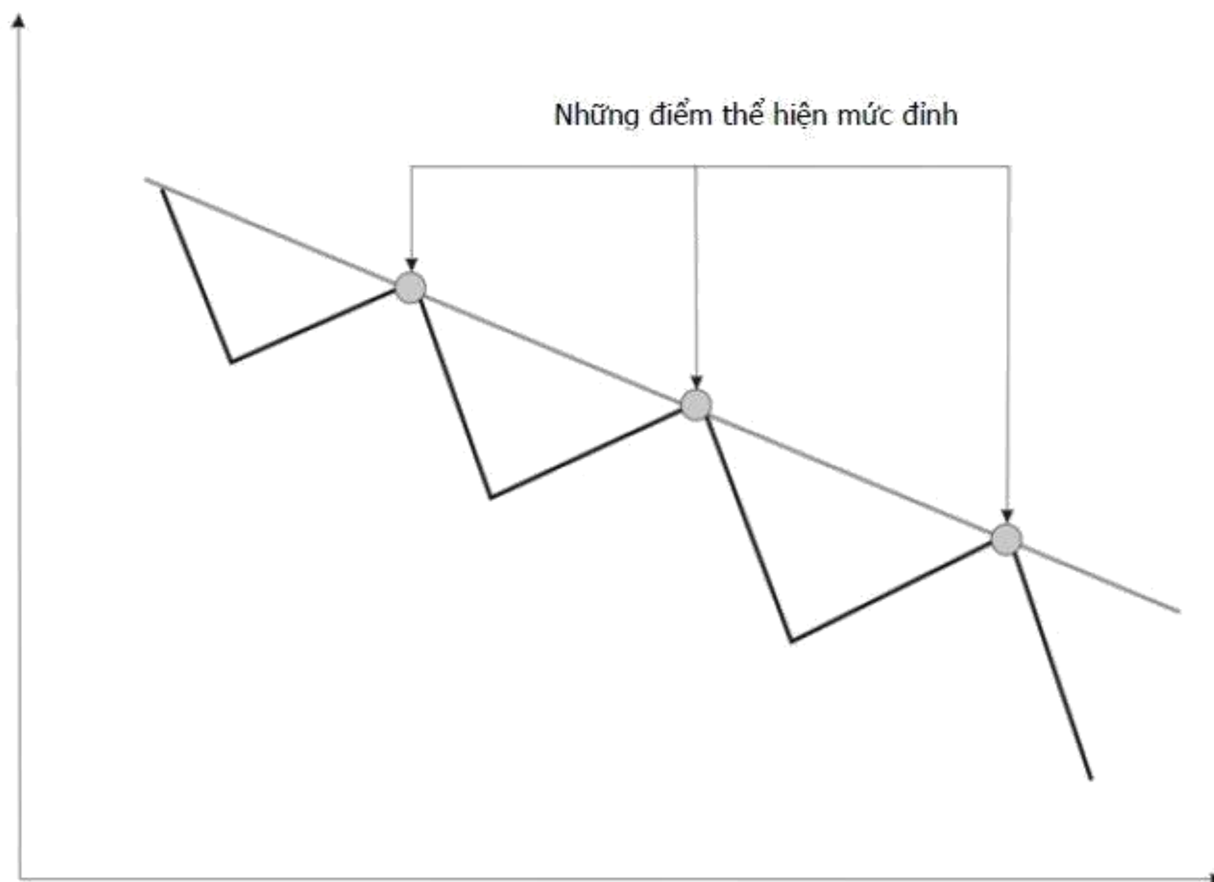
Góc của đường xu hướng là một yếu tố rất quan trọng. Góc này xác định ba loại hình khác nhau của đường xu hướng.

Nếu góc giữa đường xu hướng và trục hoành là góc nhọn, điều đó cho thấy xu hướng là đi lên và đường xu hướng đi lên thể hiện cho sự thắng thế của nhóm đầu cơ giálên trên thị trường, nghĩa là thị trường có xu hướng tăng giá(Hình 26). Các mức đỉnh và mức đáy ngày càng cao hơn là đặc trưng của đường xu hướng đi lên. Trong trường hợp này, đường xu hướng sẽ nối những điểm thể hiện mức đáy của giá (mức giá thấp nhất tại mỗi một giai đoạn).



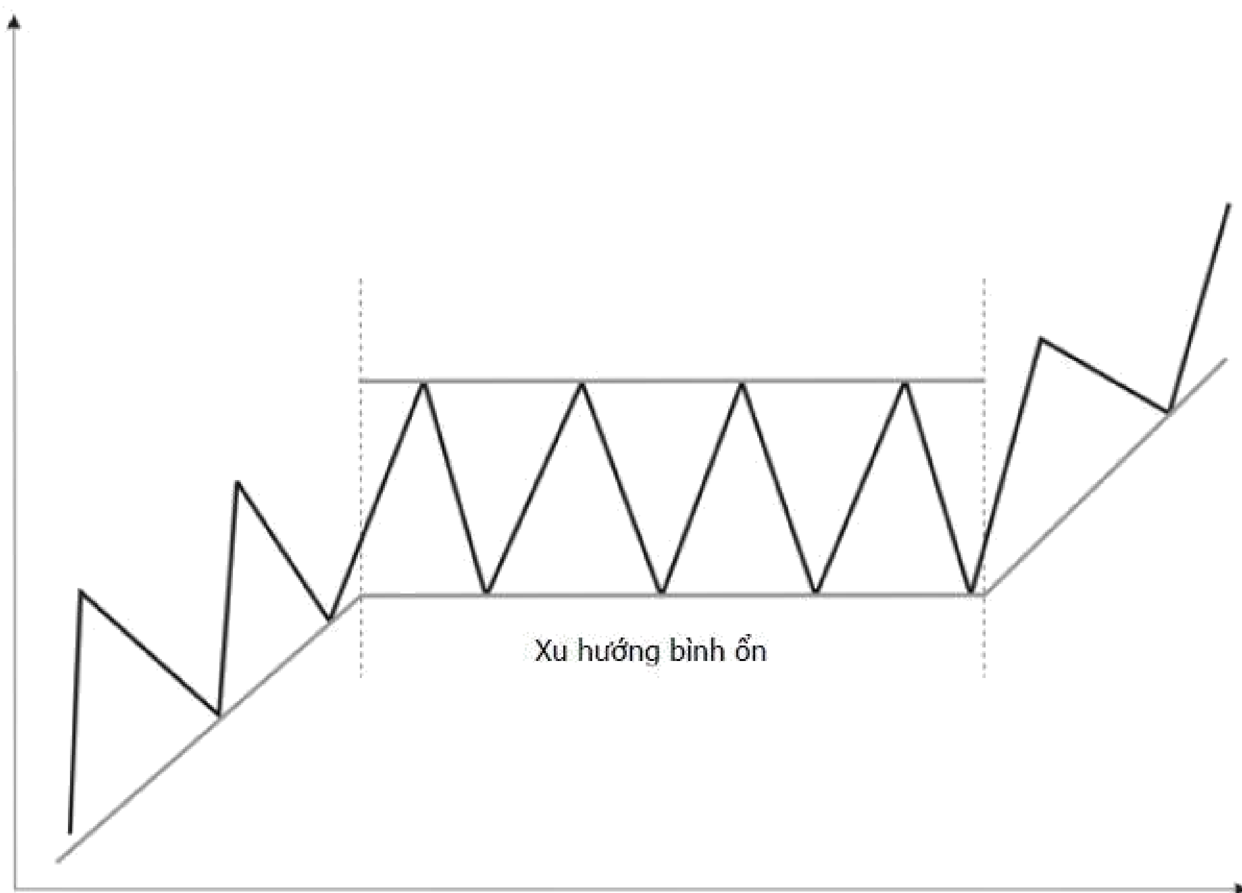
Hình 26. Đường xu hướng đi lên (giá lên)

Nếu góc giữa đường xu hướng và trục hoành là góc tù, điều đó cho thấy xu hướng là đi xuống và đường xu hướng đi xuống thể hiện cho sự thắng thế của nhóm đầu cơ giáxuống trên thị trường. Trong trường hợp này, đường xu hướng sẽ nối những điểm thể hiện mức đỉnh của giá (mức giá cao nhất tại mỗi một giai đoạn).



Hình 27. Đường xu hướng đi xuống (giá xuống)

Khi đường xu hướng song song với trục hoành, góc giữa đường xu hướng và trục hoành bằng không, điều này cho thấy thị trường đang đi ngang, nghĩa là thị trường đang trong xu hướng bình ổn hay ít biến động. Hình 28 minh họa xu hướng bình ổn. Xu hướng giá là không chắc chắn và thị trường chỉ dao động đôi chút trong phạm vi hẹp. Trong trường hợp này, không có nhóm thành viên tham gia thị trường nào thể hiện được ưu thế và thị trường bình ổn trong khoảng 70% thời gian. Quy luật là thị trường bình ổn trong thời gian càng dài thì biến động về giásau đó lại càng mạnh mẽ.



Hình 28. Xu hướng bình ổn, ít biến động

Hỗ trợ và kháng cự

Tại sao trong thị trường giá lên, các mức đáy lại thường cùng nằm trên một đường thẳng? Điều gì sẽ xảy ra khi giá chạm tới đường xu hướng? Khi các nhóm mua và bán trên thị trường tương tác với nhau sẽ làm xuất hiện các ngưỡng hỗ trợ và kháng cự. Các đường xu hướng và các mô hình giá là sự kết hợp giữa các ngưỡng này. Chúng là thành phần cơ bản của phân tích kỹ thuật và là phần không thể thiếu trong phân tích đồ thị. Các ngưỡng hỗ trợ và kháng cự có thể mang tính động hoặc tĩnh. Ngưỡng hỗ trợ và kháng cự tĩnh là những mức giácó tác động lớn tới thị trường và không thay đổi qua thời gian. Ngưỡng hỗ trợ và kháng cự động là những ngưỡng có thể thay đổi theo thời gian, nghĩa là các mức giá hỗ trợ và kháng cự cũng thay đổi theo. Các đường xu hướng là những ngưỡng hỗ trợ và kháng cự động. Đường xu hướng giá lên (nối các mức đáy của giá) là đường hỗ trợ (Hình 26) và đường xu hướng giá xuống (nối các mức đỉnh của giá) là đường kháng cự (Hình 27).

Chúng ta hãy cùng xem qua đường kháng cự trong biểu đồ của một cặp tiền tệ ngẫu nhiên. Sự kháng cự diễn ra khi mà người mua không muốn mua một loại tiền tệ ở mức giá cao hơn. Cùng lúc với việc giátăng lên, số lượng người bán tham gia vào thị trường sẵn

sàng bán một loại tiền tệ ở mức giácao hơn cũng tăng lên. Điều đó tác động đến bên mua, vì giáđã đủ cao để họ có thể đóng trạng thái và kiếm lời. Kết quả là, khối lượng giao dịch tăng lên và giá bắt đầu giảm xuống.

Khi mức giá chạm đến ngưỡng kháng cự, nó sẽ chậm dần lại và một cuộc giằng co giữa người bán và người mua bắt đầu. Về cơ bản, có hai kịch bản cho diễn biến giá tiếp theo tùy thuộc vào việc nhóm tham gia thị trường nào đang thắng thế:

1. Bên mua chiếm ưu thế, và ngưỡng kháng cự bị phá vỡ bởi xu hướng đi lên. Khi ngưỡng kháng cự bị phá vỡ, nó sẽ trở thành một ngưỡng hỗ trợ mới.

2. Bên bán chiếm ưu thế và ngưỡng kháng cự được bảo toàn, sau đó thị trường và mức giá sẽ đi xuống.

3. Diễn biến của giácũng hoàn toàn tương tự khi nó chạm đến ngưỡng hỗ trợ.

Các ngưỡng tác động mạnh

Các ngưỡng tác động mạnh là một dạng đặc thù của các ngưỡng hỗ trợ và kháng cự. Chúng là những phạm vi hỗ trợ và kháng cự cố định có khả năng tác động lớn đến diễn biến của thị trường. Các ngưỡng tác động mạnh là các ngưỡng giá tạo ra mức lợi nhuận lớn cho bên bán hoặc bên mua trong quá khứ. Nếu một xu hướng nào đó đã từng diễn biến chậm lại hoặc đổi chiều khi mức giá chạm đến một ngưỡng tác động mạnh hơn thì giácó thể sẽ chạm đến ngưỡng tác động mạnh hơn trong tương lai và thị trường sẽ phản ứng lại theo cách tương tự như nó đã làm trong quá khứ.

Hãy cùng tổng hợp lại những điều vừa được đề cập ở trên.



Hình 29. Tỷ giá USD/CHF, Biểu đồ hàng ngày, MetaTrader - Admiral Markets

Hình 29 minh họa biểu đồ hàng ngày của tỷ giá USD/CHF từ tháng 12 năm 2006 đến tháng 9 năm 2007 với các đường xu hướng gần đúng được vẽ trong đó. Như các bạn có thể thấy, các đường xu hứng có khả năng tác động lớn đến diễn biến giávà điều này còn tiếp diễn ngay cả khi chúng đã bị phá vỡ bởi mức giá. Ngay cả khi giáđã vượt khỏi đường xu hướng thì nó vẫn có thể tiếp tục xác định những động lực của thị trường trong tương lai.

Lời khuyên

Vẽ đúng các đường xu hướng và xác định chuẩn xác các ngưỡng hỗ trợ và kháng cự là những yếu tố cơ bản làm nên thành công trong giao dịch. Bạn cần tuân thủ những quy tắc sau để xác định phạm vi hỗ trợ và kháng cự và vai trò của chúng đối với các thành phần tham gia thị trường một cách chính xác:

1. Các đường xu hướng đúng (hỗ trợ hoặc kháng cự) được vẽ nên từ hai hay nhiều điểm dao động thấp nhất (Swing lows) nối với nhau hoặc từ hai hay nhiều điểm cao nhất (Swing highs) nối với nhau. Khi đó, đường này sẽ là đường nối hai hay nhiều vùng hỗ trợ hoặc kháng cự tĩnh. Đường xu hướng vẽ ra mà nối liền được

ba hay nhiều điểm dao động thấp nhất hoặc cao nhất với nhau thì đường đó coi như đã được xác nhận.

2. Bạn càng kết nối được điểm dao động thấp nhất hoặc cao nhất để tạo thành một đường xu hướng thì đường đó càng được củng cố và càng có khả năng tác động mạnh lên thị trường. Mỗi mức đỉnh và mức đáy trên đường xu hướng đều thể hiện một cuộc giằng co giữa nhóm đầu cơ giálên và nhóm đầu cơ giáxuống. Càng có nhiều mức đáy trên một đường xu hướng giá lên thì càng chứng tỏ có nhiều lần bên mua thắng thế so với bên bán. Đây là lý do giải thích vì sao cần vẽ một đường xu hướng kết nối được càng nhiều mức đáy hoặc mức đỉnh càng tốt. Không cần thiết phải vẽ một được đường xu hướng kết nối giá trị tuyệt đối nhỏ nhất của mức giá hoặc hai mức đáy liên tiếp nhau; bạn cần vẽ một đường liên kết được nhiều mức đáy nhất ngay cả khi nó có thể cắt ngang qua một vài mức giánào đó.

3. Vai trò của đường xu hướng tăng lên khi khoảng thời gian mà nó tồn tại và không bị phá vỡ dài ra.

4. Khi giávượt qua đường xu hướng thì ngưỡng kháng cự trở thành ngưỡng hỗ trợ và ngược lại.

5. Chúng ta rất thường xuyên bắt gặp tình huống trong đó ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự đã bị phá vỡ nhưng mức giá vẫn quay trở lại ngưỡng này để kiểm chứng. Chỉ sau khi giáđã quay trở lại ngưỡng kháng cự hoặc hỗ trợ thì nó mới bật trở lại và biến động theo xu hướng đảo ngược.

6. Góc của đường xu hướng quyết định mức độ quan trọng của đường (hỗ trợ hoặc kháng cự) này. Đường hỗ trợ sẽ có tác động mạnh nhất nếu góc của nó là 45 độ; tuy nhiên, góc này càng dốc thì đường xu hướng càng ít có tác động trong dài hạn.

7. Khi giá quay trở lại một ngưỡng của đường xu hướng, nó hứa hẹn tạo ra lợi nhuận cho người mua khi xu hướng là đi xuống và cho người bán khi xu hướng là đi lên. Và họ sẽ cố gắng để khôi phục xu hướng trước đó.

Đừng bao giờ đặt các mức cắt lỗ (Protective stops - còn có tên khác là Stop loss) của bạn ngay tại ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự. Khi mức giá chạm ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự, nó thường có xu hướng chạm tới ngưỡng đó và bật ngược lại để tiếp tục diễn biến theo chiều hướng có lợi cho bạn nhất. Hãy đặt các mức cắt lỗ dưới đường hỗ trợ (nếu bạn đang mở một trạng thái mua) hoặc trên đường kháng cự (nếu bạn đang mở một trạng thái bán) nhằm tránh những thiệt hại có thể xảy ra trong trường hợp lệnh cắt lỗ của bạn bị tự động kích hoạt do diễn biến của thị trường.

Các mô hình giá

Xu hướng không thể kéo dài mãi và cuối cùng sẽ phải đổi chiều. Những dấu hiệu của xu hướng đang chậm dần lại, tạm ngừng và đổi hướng được thể hiện qua các mô hình giá, nghĩa là các hình thái được tạo nên bởi mức giá trên biểu đồ. Các mô hình giá là kết quả của sự tương tác phức tạp giữa người mua và người bán; giữa các ngưỡng kháng cự và hỗ trợ. Chúng được sử dụng để dự báo diễn biến giátrong tương lai của một công cụ tài chính. Lý do của việc sử dụng rộng rãi các mô hình giá là diễn biến của giá cả thường có xu hướng lặp lại. Nếu thị trường cứ phản ứng theo cùng một cách mỗi khi một mô hình giánào đó xuất hiện trong quá khứ thì rất có thể thị trường cũng sẽ phản ứng theo cách tương tự khi mô hình giáđó xuất hiện trở lại. Các mô hình giá giúp ích rất nhiều cho quá trình ra quyết định giao dịch, vì chúng giúp bạn dự báo các mức giá tốt nhất để đặt các mức Cắt lỗ và Chốt lời.

Có hai mô hình giá chính tùy thuộc vào vị trí của chúng trong xu hướng và phản ứng của xu hướng đối với chúng. Các mô hình giánày được gọi là:

- **Các mô hình tiếp diễn**, thị trường tiếp tục diễn biến theo cùng xu hướng như trước đó. Chúng cho thấy sự tạm ngừng trong các diễn biến của thị trường trước khi xu hướng trước đó được khôi phục.

- **Các mô hình đảo chiều**, xu hướng diễn biến theo chiều ngược lại.

Có một nhóm mô hình giá nữa thể hiện sự không chắc chắn ở mức độ cao hơn, các mô hình này có thể được diễn giải tùy theo điều kiện thực tế trên thị trường thành đồng thời cả mô hình tiếp diễn và mô hình đảo chiều. Chúng ta sẽ cùng xem xét các mô hình giá khác nhau và cố gắng sắp xếp chúng theo mức độ quan trọng và khả năng đạt tới mức giá mục tiêu. Các kết quả được dựa trên nghiên cứu về thị trường Ngoại hối, thị trường chúng khoán, thị trường hàng hóa tương lai, v.v... Kết quả nghiên cứu chỉ mang tính thống kê và không hoàn toàn đáng tin cậy. Chúng được đưa ra cuối chương này tại Biểu 1.

Các mô hình đảo chiều (Reversal patterns)

Các mô hình đảo chiều là những mô hình được hình thành nhờ sự đảo chiều của xu hướng. Các mô hình đảo chiều xuất hiện tại cuối mỗi xu hướng, khi các mức đỉnh và mức đáy được tạo thành. Trước khi xem xét các mô hình giá này, chúng ta hãy cùng xem xét một vài quy tắc cơ bản và phổ thông cho tất cả các mô hình đảo chiều. Đó là:

- Một mô hình đảo chiều sẽ chỉ xuất hiện sau một xu hướng lớn, tại thời điểm cuối của một pha trong xu hướng (đi lên hoặc đi xuống).

- Quy mô của mô hình giá cần phải tương xứng với quy mô của xu hướng trước đó. Mọi mô hình giáđều là một phần của một diễn biến nhưng không phải là bản thân diễn biến đó. Chưa có bất cứ đánh giáchính xác nào về mối tương quan giữa quy mô của mô hình giá và quy mô của bản thân diễn biến, tuy nhiên một mô hình giá cần thể hiện 1/3 diễn biến và không quá một nửa quy mô diễn biến trước đó.

- Mô hình giá càng lớn thì diễn biến tiếp theo càng đáng xem xét.

- Chiều cao của mô hình giá thể hiện mức biến động (mức giáthay đổi như thế nào) và chiều rộng của mô hình giá thể hiện quãng thời gian mà mức giá cần để tạo thành mô hình giá.

- Mô hình giá càng mất nhiều thời gian để hình thành thì càng có vai trò quan trọng.

- Các mô hình đảo chiều ở mức đỉnh thường ngắn và ít biến động hơn so với các mô hình đảo chiều ở mức đáy.

- Khối lượng giao dịch sẽ là yếu tố xác nhận sự đảo chiều. Sự sụt giảm khối lượng giao dịch xác nhận việc một mô hình giáđang được tạo thành; khối lượng giao dịch sẽ tăng lên ở thời điểm gần tới và ngay sau sự đảo chiều. Thường thì đây là đặc trưng của các mô hình giángay trước một xu hướng đi lên.

- Dấu hiện đầu tiên của sự đảo chiều là việc phá vỡ một đường xu hướng quan trọng.

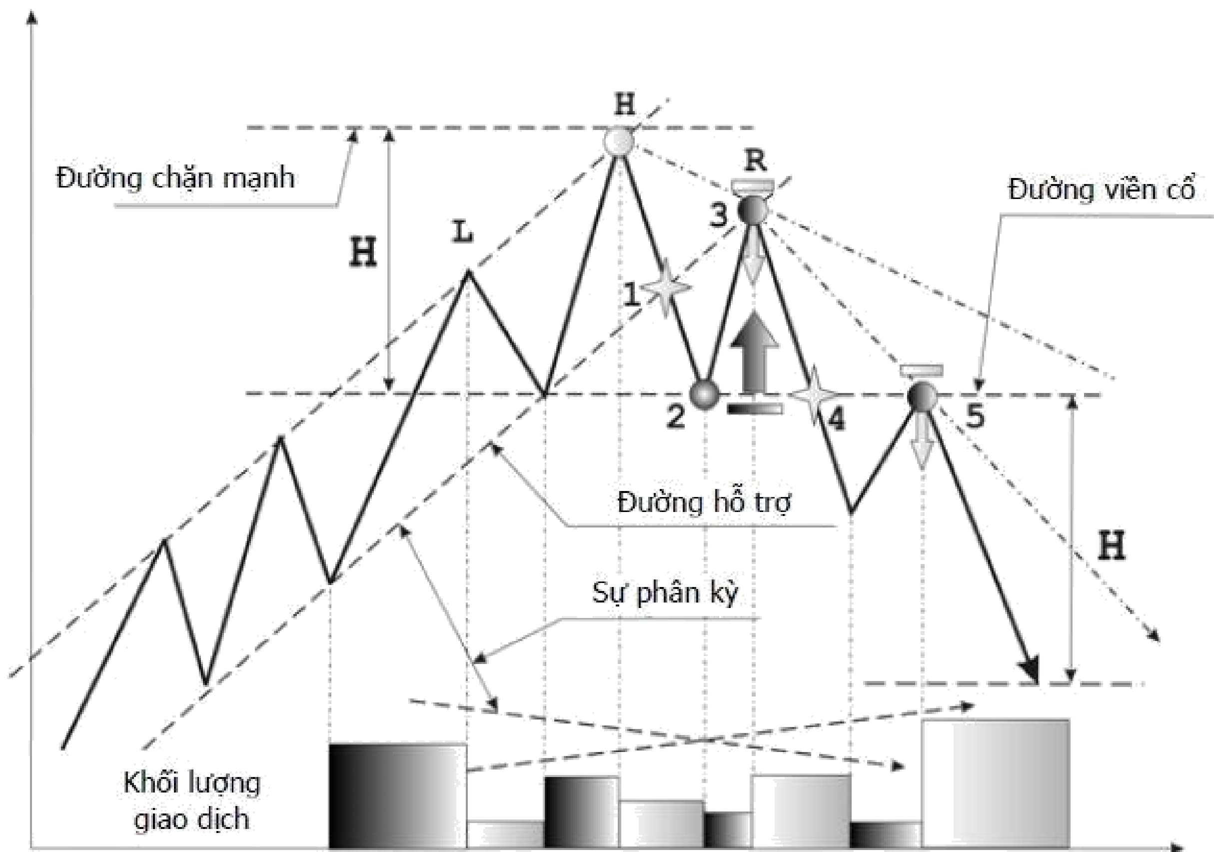
- Sẽ mất nhiều thời gian để các mức giá tạo thành một mô hình đảo chiều hơn là một mô hình tiếp diễn.

- Thị trường không phải lúc nào cũng đạt tới mức giá mục tiêu mà mô hình đưa ra (giá có thể đảo chiều mà không cần đạt tới mức mục tiêu).

- Các dấu hiệu mà các mô hình giáđưa ra sẽ là đáng tin cậy nhất khi các mô hình giáđược tạo thành trên các khung thời gian kéo dài hơn 4 giờ.

- Sự phân kỳ của Chỉ số Sức mạnh Tương đối (RSI) và Đường trung bình Di động Phân kỳ/Hội tụ (MACD) là các dấu hiện xác nhận sự đảo chiều (các chỉ số RSI và MACD sẽ được xem xét trong các chương sau của cuốn sách này).

Mô hình đảo chiều Đầu và các vai



Hình 30. Mô hình Đầu và các vai

Đầu và các vai là một trong những mô hình quan trọng và thường gặp nhất trong số các mô hình đảo chiều và có vai trò rất lớn. Nó có thể là sự hình thành đỉnh hoặc đáy và được thể hiện bằng một đỉnh giá bao quanh bởi hai đỉnh giá khác thấp hơn hoặc một đáy giábao quanh bởi hai đáy giákhác cao hơn. Hình 30 minh họa sự hình thành đỉnh theo mô hình Đầu và các vai.

Mô hình Đầu và các vai được tạo thành như thế nào?

Sau một diễn biến giáđáng kể, xu hướng lúc này sẽ gặp các ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự và không thể vượt qua chúng. Dấu hiệu đảo chiều đầu tiên là khi một đường xu hướng quan trọng bị cắt qua (điểm 1). Sau bước ngoặt này, giá sẽ quay trở lại mức đáy trước đó (điểm 2). Tại đây, nó gặp đường hỗ trợ và cố gắng khôi phục xu hướng nhưng không thành công (điểm 3). Một mặt, nó khuyến khích các nhà kinh doanh đóng trạng thái mua của mình. Mặt khác, nó cũng khuyến khích người bán bán ra. Giá vì thế sẽ cắt qua đường viền cổ (neckline) (điểm 4). Đường viền cổ là đường hỗ trợ nối liền các mức đáy tạo thành giữa vai trái và đầu và giữa đầu và vai phải. Đường viền cổ bị cắt qua là bước cuối cùng hoàn thiện mô hình này. Nếu bạn quan sát một mô hình Đầu và các vai ngược lại, nghĩa là nó thể hiện

sự hình thành đáy, thì đường viền cổ lúc này là một đường kháng cự nối liền các mức đỉnh tạo thành giữa vai trái và đầu và giữa đầu và vai phải.

Đặc trưng của mô hình Đầu và các vai (H & S):

- Mô hình giáĐầu và các vai phải trông giống với đầu và vai của người và không nên bị làm cho biến dạng.

- Hai vai phải gần tương đương nhau. Một bên không nên lớn hơn bên còn lại và chúng nên được tạo thành trên một ngưỡng giá xấp xỉ nhau.

- Mô hình giáĐầu và các vai thường xuất hiện ở cuối một diễn biến giáđáng kể và dấu hiệu đảo chiều đầu tiên là đường xu hướng bị phá vỡ.

- Mô hình giáĐầu và các vai cần tương xứng với diễn biến giátrước đó (xem các quy tắc với các mô hình giá).

- Độ dốc của đường viền cổ không nên quácao. Đường viền cổ có độ dốc càng thấp thì mô hình giá càng có vai trò quan trọng.

- Việc đường viền cổ bị phá vỡ sẽ hoàn thiện mô hình giá và là dấu hiệu bắt đầu mở một trạng thái.

- Mục tiêu giá là chênh lệch giữa mức đỉnh hoặc mức đáy của đầu và đường viền cổ được phân chia từ điểm cắt qua hoặc từ mức đáy hoặc đỉnh trước đó (điểm 2), nếu góc giữa đường viền cổ và trục hoành là góc nhọn.

- Mức cắt lỗ nên được đặt trên đường viền cổ khi bạn đang bán ra hoặc dưới đường viền cổ nếu bạn đang mua vào.

- Mức giá có thể quay lại đường viền cổ sau khi phá vỡ đường này và sau đó nó lại tiếp tục diễn biến theo xu hướng của quá trình phá vỡ trước đó.

- Khối lượng giao dịch giảm xuống khi mô hình giáđang được tạo thành và lại tăng lên tại điểm phá vỡ ngay sau đó.

Hình 31 minh họa việc tạo thành mô hình Đầu và các vai trên biểu đồ giá tuần của cổ phiếu AIG. Đỉnh của đầu trong mô hình giáđược tạo thành ngày 7 tháng 1 năm 2006. Mô hình Đầu và các vai được minh họa bởi tất cả các yếu tố đề cập đến ở trên. Đó là:

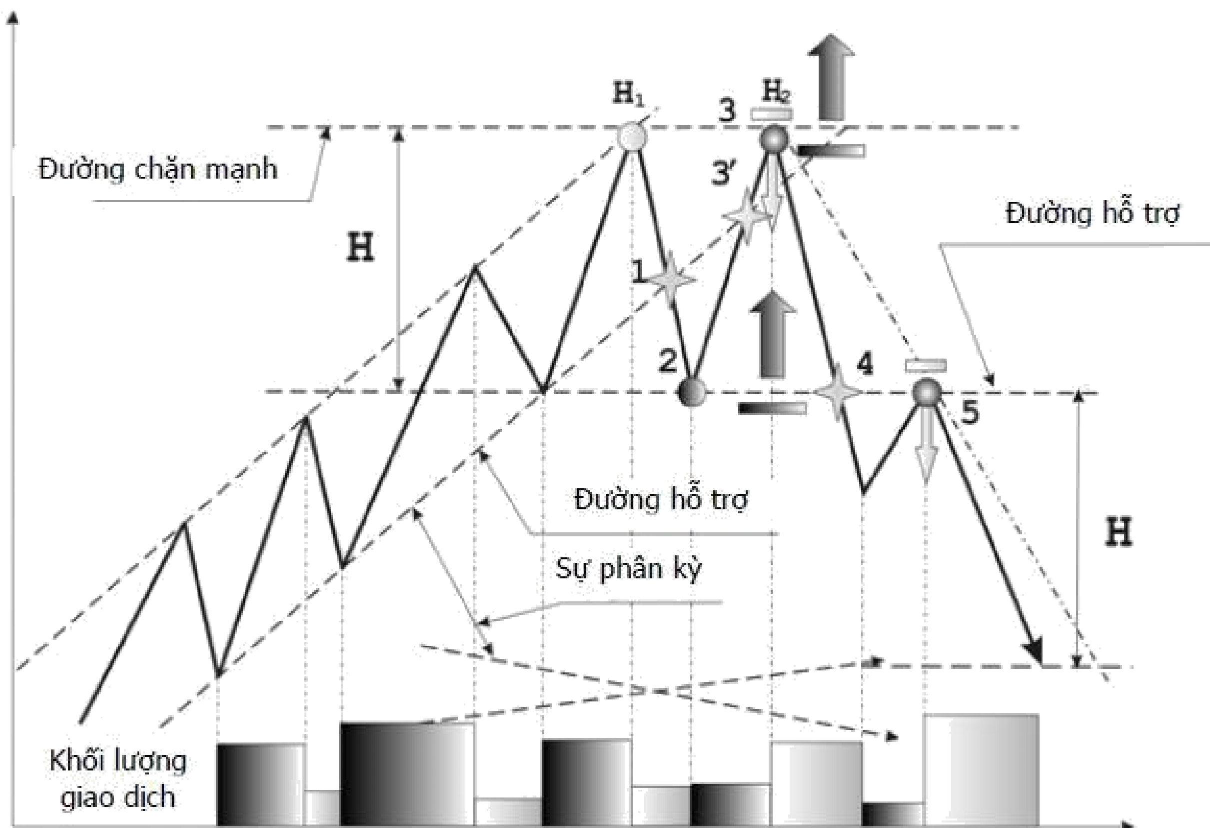
- một diễn biến giáđáng kể trước đó
- đầu và các vai
- sự phá vỡ đường xu hướng
- sự phá vỡ đường viền cổ
- giáđảo chiều trở lại và kiểm chứng đường viền cổ.

Mức giáđạt tới mục tiêu giátương đương với khoảng cách giữa mức đỉnh của đầu trong mô hình và đường viền cổ.



Hình 31. H&S – AIG, hàng tuần, MetaTrader - Admiral Markets

Mô hình giánày thường được tạo thành và chứng tỏ tính hiệu quả của nó trong rất nhiều trường hợp. Nó được tạo nên từ hai mức đỉnh hoặc hai mức đáy, những mức này gần như cùng nằm trên một đường giá. Chúng ta hãy cùng xem xét mô hình giáĐỉnh đôi (Hình 32). Sự tạo thành mô hình Đáy đôi cũng tương tự như sự tạo thành mô hình Đỉnh đôi.



Hình 32. Đỉnh đôi

Mô hình Đỉnh đôi được tạo thành như thế nào?

Sau một xu hướng đi lên mạnh mẽ, mức giá gặp phải đường kháng cự và không thể vượt qua nó. Do đó, giágiảm và thị trường đảo chiều sang xu hướng đi xuống và mức giá cắt qua đường xu hướng (điểm 1). Đây là dấu hiệu đảo chiều đầu tiên. Mức giá tiếp tục đi xuống cho đến khi nó nhận được một vài sự hỗ trợ. Đây là thời điểm mà người mua tham gia thị trường và cố gắng khôi phục xu hướng đi lên trước đó (điểm 2). Nhưng họ không thành công khi giáđạt tới mức đỉnh trước đây (điểm 3). Nó khuyến khích người mua đóng trạng thái mua của mình và người bán bán ra. Một xu hướng đi xuống mới cắt qua đường của đáy trước đó (điểm 4). Sự phá vỡ này hoàn thiện mô hình giá.

Đặc trưng của mô hình Đỉnh đôi - Đáy đôi:

- Chênh lệch giữa giá tại các mức đỉnh hoặc các mức đáy không nên quá lớn (không vượt quá 20%).
- Mức đỉnh thứ hai nên cùng nằm trên một đường giá với mức đỉnh thứ nhất hoặc thấp hơn nó. Sự tạo thành mô hình Đáy đôi cũng tương tự. Đáy thứ hai nên cùng

nằm trên một đường giá với đáy thứ nhất hoặc nằm cao hơn. Nếu điều kiện này không được thỏa mãn thì mức đỉnh cao hơn hoặc mức đáy thấp hơn sẽ xác nhận xu hướng đi lên hoặc đi xuống trước đó.

- Đỉnh đôi và Đáy đôi xuất hiện tại thời điểm cuối một diễn biến đáng kể, và dấu hiệu đảo chiều đầu tiên là sự phá vỡ đường xu hướng.

- Mô hình giáĐỉnh đôi và Đáy đôi cần tương xứng với diễn biến giátrước đó (xem các quy tắc với các mô hình giá).

- Sự phá vỡ một đáy hoặc đỉnh trước đó là tín hiệu bắt đầu một giao dịch.

- Mục tiêu giá là chênh lệch giữa mức đỉnh hoặc đáy và điểm phá vỡ (điểm 4).

- Mức cắt lỗ nên được đặt dưới điểm phá vỡ (nếu bạn đang mở một trạng thái mua) hoặc trên đó (nếu bạn đang mở một trạng thái bán).

- Sau thời điểm phá vỡ, giá có thể quay lại mức phá vỡ để từ đó tiếp tục đi theo xu hướng của quá trình này.

- Khối lượng giao dịch giảm xuống khi mô hình giáđang được tạo thành và lại tăng lên tại điểm phá vỡ ngay sau đó.

Hình 33 minh họa mô hình Đỉnh đôi được tạo thành trên biểu đồ ngày của cặp EUR/USD với các mức đỉnh ngày 24 tháng 7 năm 2007 và ngày 5 tháng 8 năm 2007.

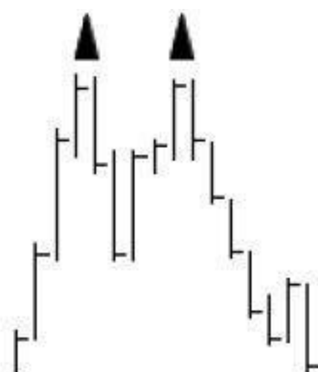
Nếu phân tích mô hình một cách thật cẩn thận, chúng ta có thể thấy một vài sự khác biệt giữa đỉnh đôi và đáy đôi. Những khác biệt này là gì và chúng quan trọng đến đâu? Câu trả lời cho những câu hỏi này sẽ nâng cao giá trị của lý thuyết mô hình Đỉnh đôi.



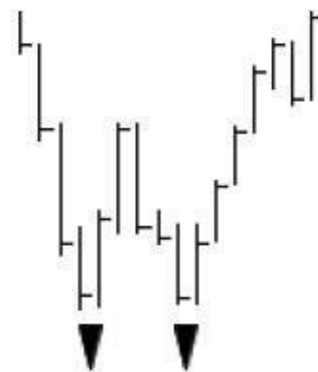
Hình 33. Đỉnh đôi. EUR/USD, Hàng ngày, MetaTrader - Admiral Markets

Có bốn loại mô hình giáĐỉnh đôi và Đáy đôi, đó là:

1. Adam & Adam

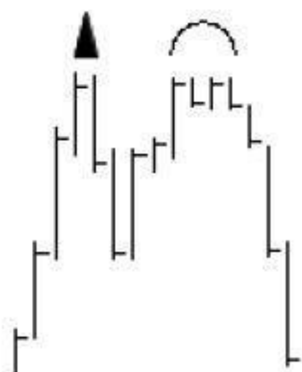


Mô hình giá Đỉnh đôi Adam & Adam

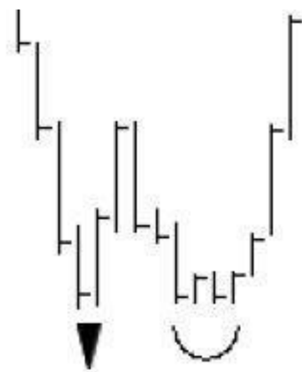


Mô hình giá Đáy đôi Adam & Adam

2. Adam & Eve

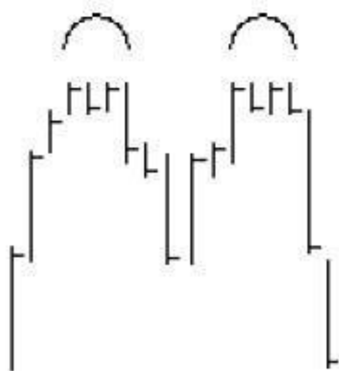


Mô hình giá Đỉnh đôi Adam & Eve

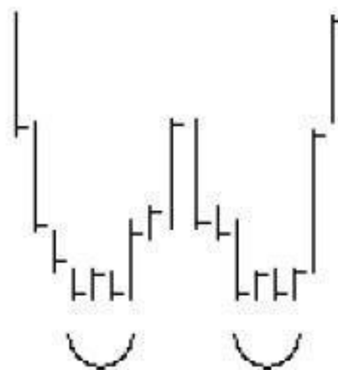


Mô hình giá Đáy đôi Adam & Eve

3. Eve & Eve

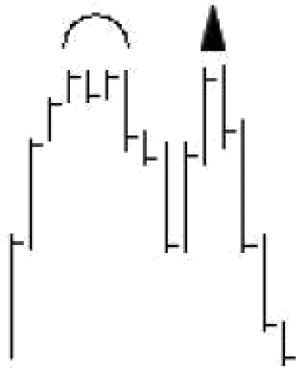


Mô hình giá Đỉnh đôi Eve & Eve

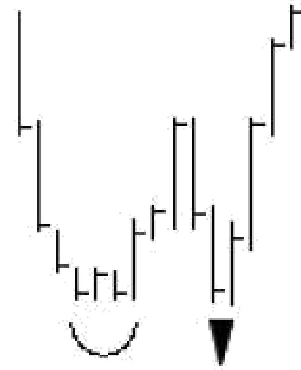


Mô hình giá Đáy đôi Eve & Eve

4. Eve & Adam



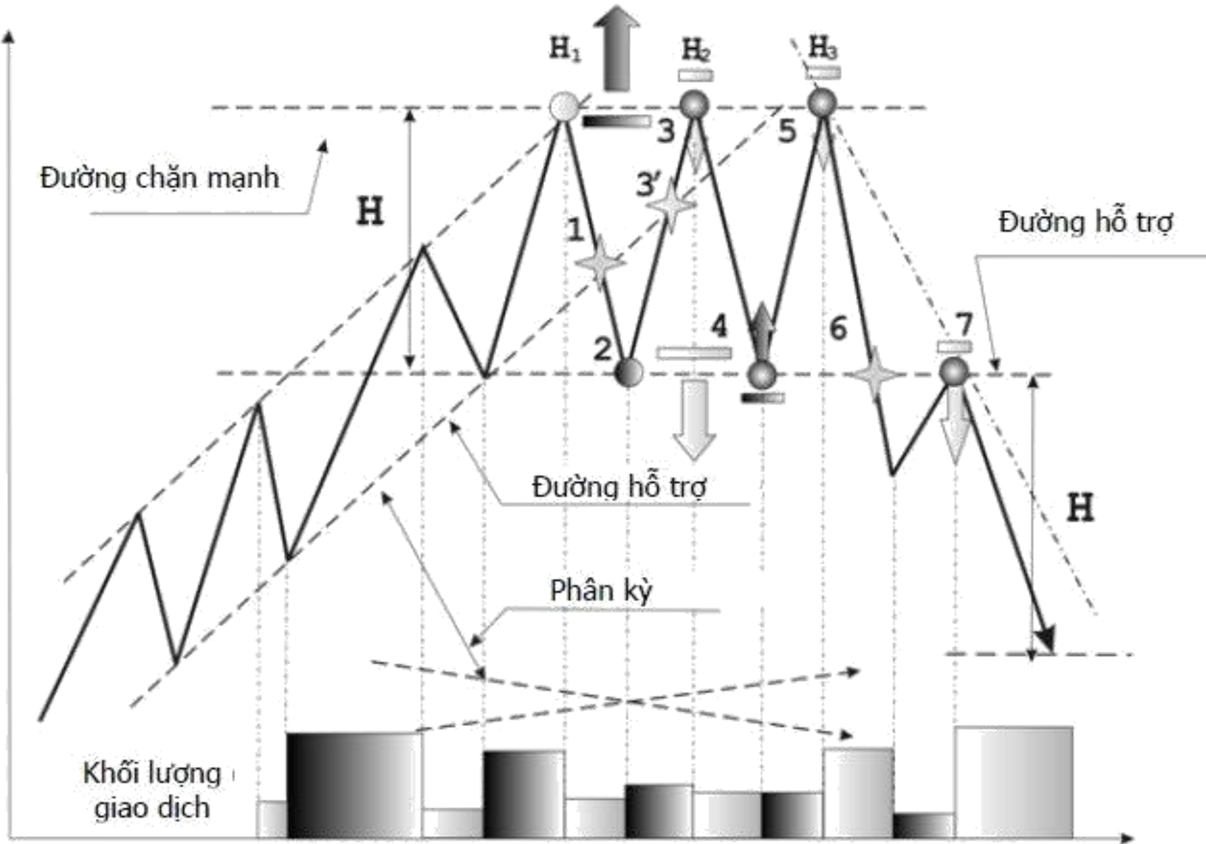
Mô hình giá Đỉnh đôi Eve & Adam



Mô hình giá Đáy đôi Eve & Adam

Trên đây là tên các loại mô hình đỉnh đôi và đáy đôi. Điều đó có nghĩa là chúng ta có thể kỳ vọng thị trường phản ứng theo các cách khác nhau tùy thuộc vào vị trí tương đối giữa các đỉnh và các đáy (xem Biểu 1 tại cuối Chương này). Nhà đầu tư cánhân, Thomas N. Bulkowski, tác giả của rất nhiều cuốn sách đã được xuất bản về Phân tích Tài chính đã sắp xếp và giải thích các loại mô hình giáĐỉnh đôi và Đáy đôi này.

Đỉnh ba và Đáy ba (Triple Top & Triple Bottom -TT & TB)



Hình 34. Đỉnh ba (Phân kỳ, có đường hỗ trợ)

Chúng ta hãy cùng xem xét Hình 34. Mô hình giáĐỉnh ba là sự kếp hợp của ba đỉnh và hai đáy. Các đỉnh của mô hình này nằm trên đường giá xấp xỉ nhau. Đỉnh đầu tiên nên là đỉnh cao nhất, đây là một điều kiện rất quan trọng. Đỉnh ba là mô hình giá thứ ba trong chuỗi mô hình Đầu và các vai và Đỉnh đôi & Đáy đôi. Theo quy luật, đỉnh thứ tư sẽ không xuất hiện. Mô hình Đỉnh ba và Đáy ba hiếm khi xuất hiện và thường sẽ mất nhiều thời gian hơn để giá tạo được mô hình này.

Đặc trưng của mô hình giáĐỉnh ba và Đáy ba đồng nhất với những đặc trưng của mô hình Đỉnh đôi và Đáy đôi. Thời điểm để mở một trạng thái giao dịch là khi giá phá vỡ đường của đỉnh thấp nhất trong mô hình Đỉnh ba hoặc đỉnh cao nhất trong mô hình Đáy ba. Mục tiêu giá nằm giữa đỉnh của mô hình và điểm phá vỡ. Mức cắt lỗ nên được đặt trên điểm phá vỡ (nếu bạn đang mở một trạng thái bán) hoặc dưới nó (nếu bạn đang mở một trạng thái mua).



Hình 35. Mô hình Đỉnh ba. Cổ phiếu AIG, Biểu đồ ngày, MetaTrader - Admiral Markets

Hình 35 minh họa sự tạo thành mô hình Đỉnh ba trên biểu đồ ngày của giá cổ phiếu AIG với các mức đỉnh trong các ngày 11 tháng 5 năm 2007, ngày 1 tháng 6 năm 2007 và ngày 18 tháng 6 năm 2007.

Hình 36 minh họa sự tạo thành mô hình Ngày Luân chuyển (Rounded Day). Đây là một mô hình đảo chiều. Đặc trưng của nó là sự xuất hiện một nến lớn có đỉnh nằm trên ngưỡng kháng cự mạnh. Mô hình này có hai loại. Thứ nhất là Ngày Luân chuyển với một nến lớn và thứ hai là Ngày luân chuyển với hai nến lớn. Trong mô hình Ngày luân chuyển với hai nến lớn, nến thứ nhất nằm gần phía trên ngưỡng kháng cự mạnh và nến thứ hai là một nến lớn ở chiều ngược lại so với nến đầu tiên. Mô hình giánày thường là sự tạo thành của Đỉnh Ngày Luân chuyển (Rounded Day Top).

Mô hình Đỉnh Ngày Luân chuyển được tạo thành như thế nào?

Chúng ta đã biết sơ qua về sự tạo thành mô hình Đỉnh Ngày Luân chuyển. Sự tạo thành mô hình Đáy Ngày Luân chuyển cũng tương tự như vậy. Khi giá chạm tới một ngưỡng chặn mạnh sau một xu hướng đi lên, ngưỡng chặn mạnh sẽ phản ứng với nó bằng việc tạo thành

một hoặc hai nến lớn đồng thời với khối lượng giao dịch tăng lên. Phản ứng này được gọi là "đun sôi" (Boiling). Sau quátrình "đun sôi", mức giá sẽ quay lại với ngưỡng chặn mạnh và bắt đầu giảm.

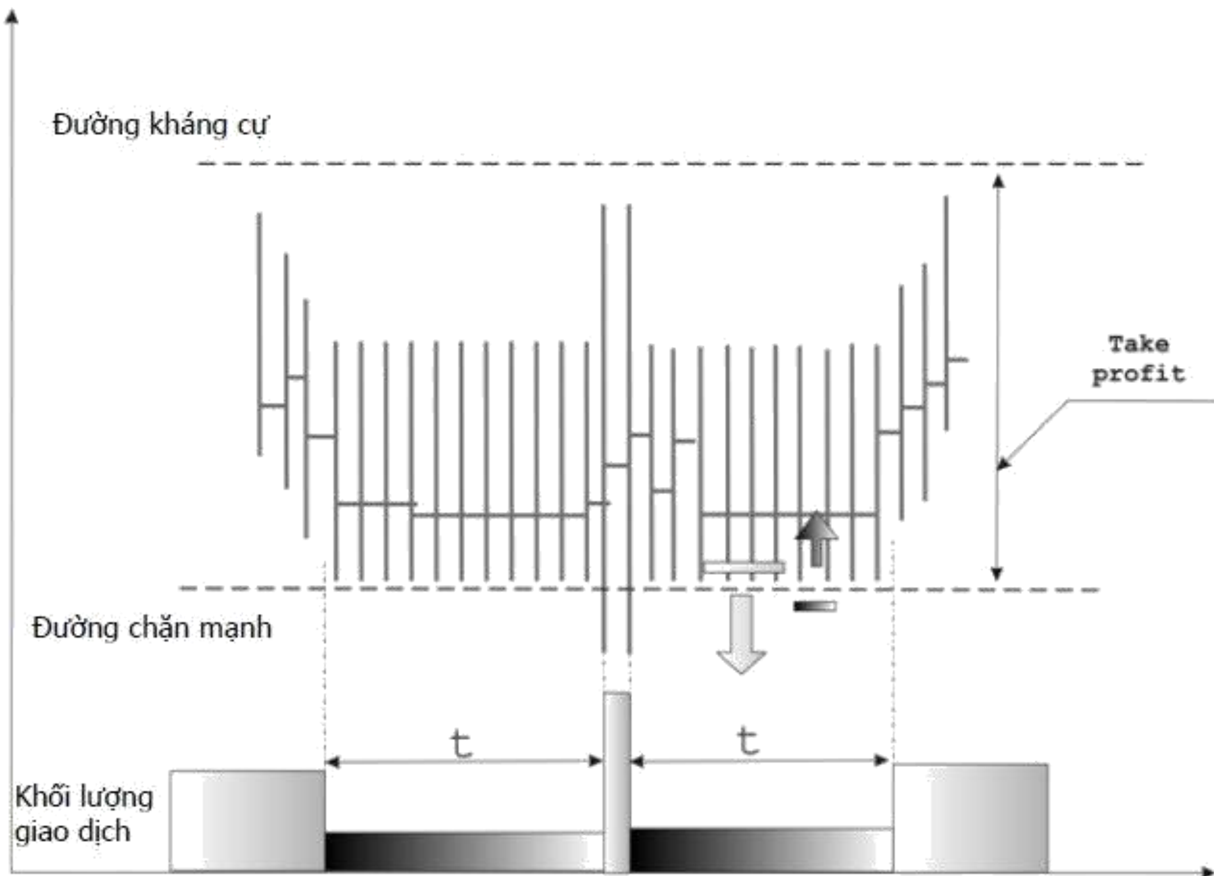
Chiến thuật giao dịch ở đây là mở một trạng thái sau khi quátrình "đun sôi" đã qua đi với một lệnh cắt lỗ được đặt trên đường chặn mạnh. Mục tiêu giá có thể là ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự tiếp theo.



Hình 36. Ngày Luân chuyển. EUR/USD, M30, MetaTrader - Admiral Markets

Hình 36 minh họa sự tạo thành mô hình Ngày Luân chuyển.

Đỉnh Luân chuyển và Đáy Luân chuyển (Rounded Top & Rounded Bottom)



Hình 37. Mô hình Đáy Luân chuyển

Mô hình Đáy Luân chuyển Mô hình Đáy Luân chuyển được tạo thành thế nào?

Chúng ta hãy cùng xem xét Hình 37 minh họa sự tạo thành mô hình Đáy Luân chuyển. Đường chặn mạnh và đáy tạo thành mô hình giánày và cùng lúc đó, tất cả các nến đều được tạo thành một cách đều đặn tại cùng một mức giá trong một khoảng thời gian (t). Sau đó chúng ta nhìn thấy điểm "đun sôi", khi hai nến lớn với sự chênh lệch rõ rệt về mức giáđỉnh và đáy xuất hiện và khối lượng giao dịch tăng lên cùng với chúng. Sau khi "đun sôi", mức giá dao động trong phạm vi giới hạn của các đường chặn mạnh và dần dần sẽ tăng trở lại.

Chiến thuật ở đây cũng tương tự như chiến thuật giao dịch với mô hình Ngày Luân chuyển (Hình 36). Chúng ta mở một trạng thái sau khi điểm "đun sôi" qua đi với mức cắt lỗ được đặt dưới đường chặn mạnh. Mục tiêu giá có thể là ngưỡng kháng cự tiếp theo. Sự tạo thành của mô hình giáĐịnh Luân chuyển cũng tương tự như sự tạo thành mô hình Đáy Luân chuyển.

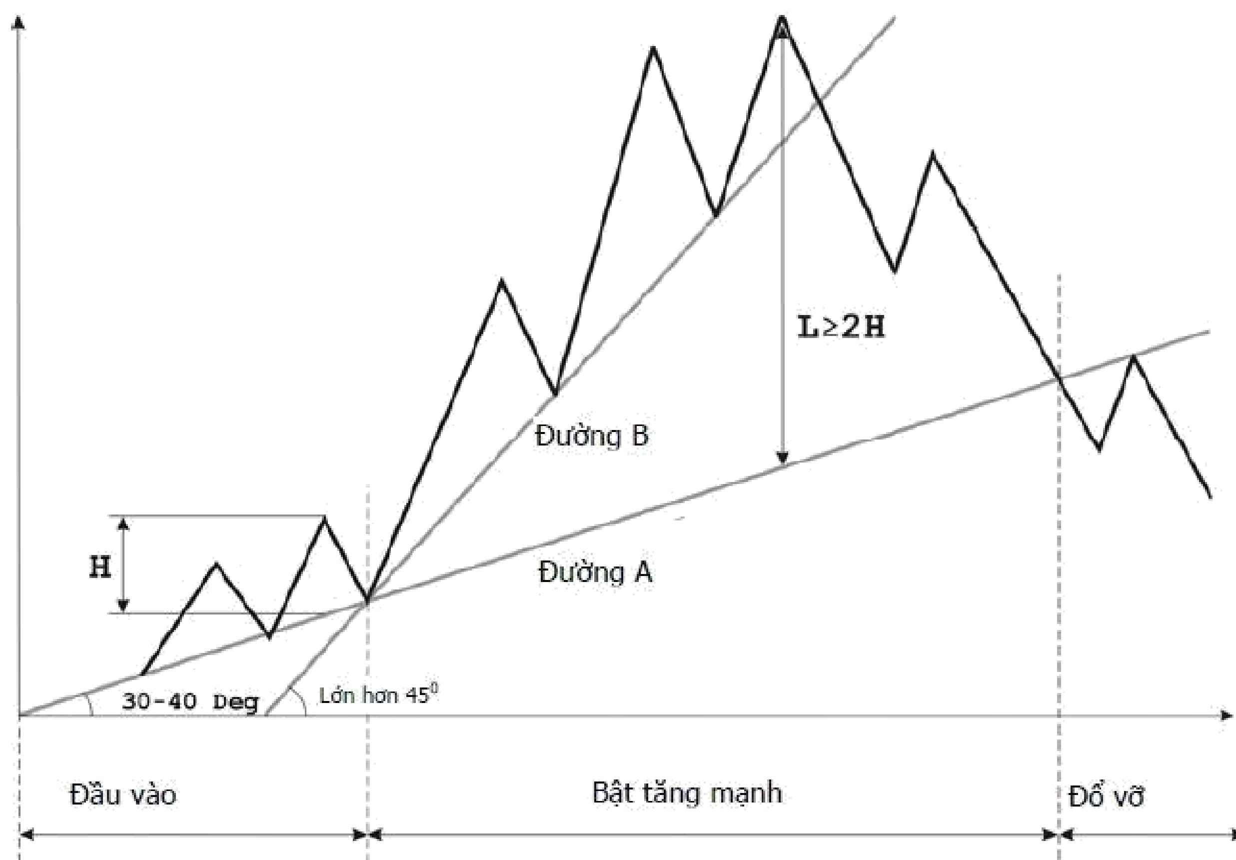


Hình 38. Mô hình Đáy Luân chuyển. EUR/USD, M15, MetaTrader - Admiral Markets

Hình 38 minh họa sự tạo thành mô hình Đáy Luân chuyển trên biểu đồ 15 phút của cặp EUR/USD với điểm đun sôi xuất hiện ngày 10 tháng 9 năm 2007.

Đảo chiều Bật tăng mạnh và Đổ vỡ (Bump and Run Reversal - BARR)

Mô hình Đảo chiều Bật tăng mạnh và Đổ vỡ là một mô hình giá rất hay bắt gặp. Nó thường đặc trưng cho thị trường chứng khoán hơn và chỉ đôi khi mới được hình thành trong thị trường Ngoại hối. Các nhà kinh doanh luôn tin tưởng vào mô hình này.



Hình 39. Mô hình Đảo chiều Bật tăng mạnh và Đổ vỡ.

Mô hình Đảo chiều Bật tăng mạnh và Đổ vỡ được tạo thành như thế nào?

Đảo chiều Bật tăng mạnh và Đổ vỡ là một mô hình giá phức tạp được tạo thành từ ba giai đoạn. Chúng ta hãy cùng xem xét Hình 39 với một mô hình Đảo chiều Đỉnh Bật tăng mạnh và Đổ vỡ.

Giá có vẻ như đang diễn biến trong một xu hướng đi lên, góc giữa đường A và trục hoành vào khoảng 30 đến 45 độ (đường A trên biểu đồ). Giai đoạn này còn được gọi là giai đoạn Đầu vào. Sau đó giádiễn biến với tốc độ tăng dần. Góc giữa đường B và trục hoành lớn hơn 45 độ (thông thường không vượt quá60 độ). Giai đoạn này còn gọi là giai đoạn Bật tăng mạnh. Đặc trưng của nó là một sự biến động giá mạnh và một đường xu hướng dốc. Thị trường không thể tiếp tục diễn biến với tốc độ cao. Mức giábước vào khu vực quá mua (overbought) và phá vỡ đường A. Sau đó giásẽ giảm dần theo hướng đi xuống. Giai đoạn này còn gọi là giai đoạn Đổ vỡ.

Đặc trưng của mô hình giáĐảo chiều Bật tăng mạnh và Đổ vỡ:

- Góc giữa đường xu hướng trước đó và trục hoành nên nằm từ 30 đến 45 độ.

- Giai đoạn Đầu vào nên kéo dài ít nhất một tháng. Trên thị trường chứng khoán thì đây là một điều kiện hết sức quan trọng.

- Giá cần tăng tốc và hướng lên trên. Góc giữa đường xu hướng và trục hoành nên nằm từ 45 đến 60 độ và cần chứng tỏ là thị trường không thể tăng nhanh trong một thời gian dài.

- Chênh lệch giữa đường xu hướng và mức đỉnh của giai đoạn Đầu vào (H) cần ít nhất là nhỏ bằng một nửa chênh lệch giữa đường xu hướng và mức đỉnh của giai đoạn Bật tăng mạnh (L), nghĩa là L2H.

- Trên thị trường chứng khoán, chênh lệch giữa đường xu hướng và mức đỉnh của giai đoạn Đầu vào cần cao hơn một đô-la tính theo giá chứng khoán.

- Dấu hiệu đảo chiều đầu tiên là sự phá vỡ của đường B.

- Mở một trạng thái giao dịch khi mức giá phá vỡ đường A (Đổ vỡ).

- Mục tiêu giáđầu tiên là chênh lệch H được phân tách từ sự phá vỡ của đường A theo xu hướng của quá trình phá vỡ. Mục tiêu giá sẽ đạt mức tối thiểu là 78%.

- Khi mức giá chạm tới đường A, một giai đoạn Đổ vỡ mới có thể xảy ra.

- Mô hình Đảo chiều Đỉnh Bật tăng mạnh và Đổ vỡ thường gặp hơn so với Mô hình Đảo chiều Đáy Bật tăng mạnh và Đổ vỡ.

Vẽ các đường nằm trên đường A song song với nó ở một khoảng cách tương đương với H sẽ cho bạn một loạt các điểm mà nếu giávượt qua các điểm này thì đó là dấu hiệu để mở một trạng thái giao dịch. Như vậy, khi giá phá vỡ đường B thì bạn nên mở một trạng thái bán.



Hình 40. Mô hình Đảo chiều Bật tăng mạnh và Đổ vỡ. USD/CHF, ngày, MetaTrader - Admiral Markets

Hình 40 minh họa Mô hình Đảo chiều Bật tăng mạnh và Đổ vỡ được tạo thành trên biểu đồ ngày của cặp USD/CHF từ ngày 13 tháng 10 năm 2006 đến ngày 3 tháng 1 năm 2007. Quátrình Đầu vào kéo dài hơn một tháng. Sự chênh lệch giữa góc tạo thành bởi đường A và trục hoành và góc tạo thành bởi đường B và trục hoành là rất lớn. Đường A, còn được gọi là đường Đầu vào, được tạo thành với một góc là 30 độ trong khi đường B, còn được gọi là đường Bật tăng mạnh được tạo thành với một góc lên tới 78 độ. Đường B đạt được độ dốc cần thiết và nó cho thấy thị trường có thể đi theo xu hướng này trong một thời gian dài. Điều kiện L ≥ 2H được thỏa mãn.

Các mô hình tiếp diễn (Continuation patterns)

Các mô hình tiếp diễn là mô hình giá xuất hiện sau khi xu hướng đã gần như khôi phục chiều diễn biến của nó. Xu hướng không đảo chiều. Ngược lại với các mô hình đảo chiều, các mô hình tiếp diễn có thể được tạo thành từ bất cứ phần nào của xu hướng. Các mô hình tiếp diễn là dấu hiệu cho thấy một sự tạm ngừng trong diễn biến thị trường.

Nhưng trước khi nghiên cứu các mô hình tiếp diễn, chúng ta hãy cùng xem xét một số quy tắc chung của chúng, đó là:

- Mô hình tiếp diễn càng lớn thì biến động giá tiếp theo đó càng đáng kể. Chiều cao của mô hình giá cho thấy sự biến động còn chiều rộng của mô hình giá cho thấy thời gian để tạo thành nó.

- Mô hình giá càng mất nhiều thời gian để tạo thành thì càng có vai trò quan trọng.

- Xu hướng tiếp diễn cần được xác nhận bởi khối lượng giao dịch. Sự sụt giảm khối lượng giao dịch xác nhận rằng một mô hình giáđang được tạo thành; khối lượng cần tăng lên trước và ngay sau điểm phá vỡ. Thông thường, khối lượng giao dịch có vai trò quan trọng trong các mô hình tiếp diễn mà trước đó là một xu hướng đi lên.

- Dấu hiệu đảo chiều đầu tiên là sự phá vỡ một đường xu hướng quan trọng.

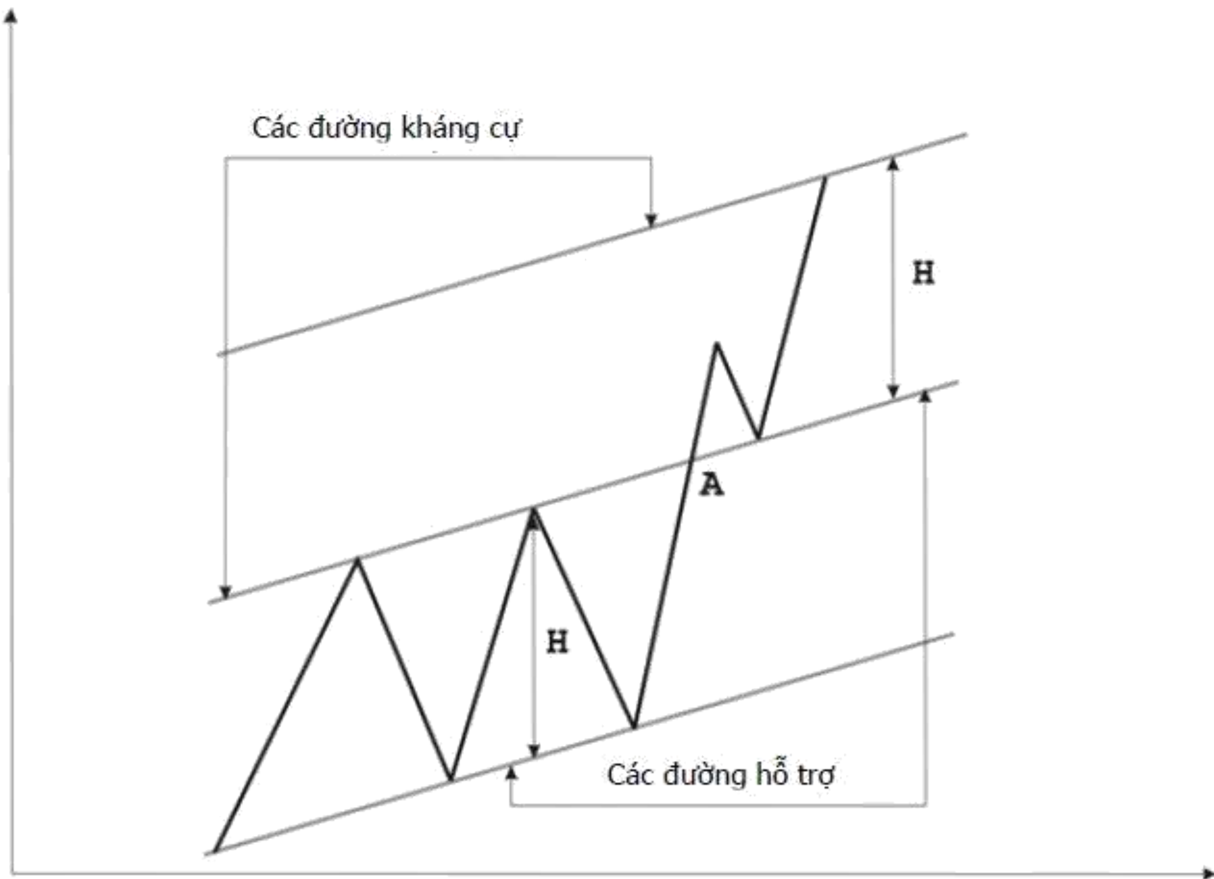
- Tạo thành một mô hình tiếp diễn mất ít thời gian hơn một mô hình đảo chiều.

- Không phải lúc nào thị trường cũng đạt 100% mức giá mục tiêu.

Những dấu hiệu của một mô hình giálà đáng tin cậy nhất khi được tạo thành trên khung thời gian từ 4 giờ trở lên.

Kênh giá (Price channel)

Kênh giá là mô hình tiếp diễn đầu tiên mà chúng ta nghiên cứu. Chúng ta hãy cùng quay lại với phân tích xu hướng và nhìn lại Hình 26. Nó minh họa một đường xu hướng đi lên, nối các mức đáy lại với nhau và đóng vai trò như đường hỗ trợ. Vậy điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta nối các mức đỉnh của xu hướng đi lên này?



Hình 41. Kênh giá

Câu trả lời cho câu hỏi này nằm trong Hình 41. Khi hai đường nối các mức đỉnh và mức đáy nằm song song với nhau và thể hiện biên độ trên và dưới của một biến động giá, chúng tạo thành mô hình Kênh giá. Kênh giá có thể có chiều đi lên hoặc đi xuống. Bất cứ khi nào mức giá xuống thấp tới đường biên độ dưới của kênh giá, nó sẽ được hỗ trợ và nhóm người mua bắt đầu đẩy thị trường đi lên. Bất cứ khi nào mức giá lên cao tới đường biên độ trên của kênh giá, nó sẽ gặp phải kháng cự từ nhóm người bán, những người bắt đầu đẩy thị trường đi xuống. Nếu bất cứ đường biên độ nào của kênh giá bị phá vỡ thì thị trường sẽ biến động với biên độ tương đương với chiều rộng của kênh giá mới cùng chiều với sự phá vỡ đó. Điểm A trong Hình 41 là điểm phá vỡ mà sau điểm đó, thị trường diễn biến một khoảng tương đương với H và tạo thành một kênh giá mới. Sau điểm phá vỡ, đường kháng cự trở thành đường hỗ trợ.

Độ dốc của kênh giácũng đóng một vai trò quan trọng. Nếu kênh giácó độ dốc lớn (các đường xu hướng đều dốc) và giá diễn biến bên trong kênh giá thì bạn chỉ nên giao dịch theo xu hướng của kênh giá. Chúng tôi sẽ cho các bạn thấy một ví dụ. Hình 41 minh họa xu hướng đi lên, kênh giácũng đi lên. Nếu giáđi xuống đến đường biên độ dưới của kênh giá,

bạn nên mua vào. Nhưng khi mức giá lên tới đường biên độ trên của kênh giá thì bạn không nên bán mà nên chờ đợi một sự phá vỡ hoặc chỉ cần đóng các trạng thái mua của mình. Kênh giá càng dốc, thì việc mở một trạng thái ngược chiều diễn biến của kênh giá càng bất hợp lý.



Hình 43. GBP/USD, ngày, Kênh giá, MetaTrader - Admiral Markets

Hình 43 minh họa kênh giáđược tạo thành trên biểu đồ ngày của cặp GBP/USD từ ngày 24 tháng 7 năm 2007 đến ngày 21 tháng 8 năm 2007.

Các tam giác

Các tam giác là mô hình tiếp diễn phổ biến nhất. Đây là mô hình cơ bản của phân tích kỹ thuật. Các tam giác được sử dụng rộng rãi và có những đặc điểm khá nổi bật. Chúng ta sẽ nghiên cứu ba loại tam giác: đối xứng, hướng lên và hướng xuống.

Nhưng trước khi bắt đầu, chúng tôi lưu ý các bạn là những tam giác này có thể đồng thời được coi là các mô hình tiếp diễn và đảo chiều.

Tam giác đối xứng

Hình 44. Tam giác Đối xứng Hướng lên

Tam giác đối xứng là sự kết hợp của các đỉnh và đáy được nối với nhau bằng các đường hỗ trợ và kháng cự hội tụ, các đường này tạo thành một tam giác cân. Tam giác này nằm ngang, có thể hơi nghiêng một chút. Mô hình giá này xuất hiện trong nhiều thị trường tài chính khác nhau: Ngoại hối, chứng khoán, hàng hóa tương lai. Hình 44 minh họa một tam giác được tiếp nối bằng một xu hướng đi lên. Chúng ta sẽ nghiên cứu một tam giác xuất hiện trong một diễn biến cùng chiều. Ví dụ về một tam giác hướng xuống cũng tương tự như vậy.

Mô hình Tam giác đối xứng được tạo thành như thế nào?

Sau khi đã tăng được một khoảng thời gian nhất định (sóng 1), giá chạm tới một ngưỡng chặn mạnh và không thể vượt qua được. Các nhà kinh doanh đóng các trạng thái mua của mình và bên bán bắt đầu bán ra. Sóng 2 là dấu hiệu thị trường đảo chiều, nhưng giá vẫn không thể đạt tới mức đáy trước đó do bên mua nôn nóng mua vào và tham gia thị trường. Sau đó, giálại cố gắng vượt qua mức đỉnh trước đây (sóng 3) và khi đó, bên bán lại nhanh chóng tham gia thị trường và bán ra. Nếu bạn nối các đỉnh và đáy với các đường hỗ trợ và kháng cự, bạn sẽ có một hình tam giác. Tình thế thị trường sẽ tự lặp lại; sóng 4 (sóng

giảm) kết thúc thậm chí còn sớm hơn sóng trước đó và là dấu hiệu cho thấy những thành phần tham gia thị trường đang sốt sắng mua vào. Sóng 5 (sóng tăng) phávỡ các đường cạnh của tam giác và hoàn thiện mô hình giá.

Đặc trưng của mô hình Tam giác:

- Có một ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự mạnh.
- Được tạo thành từ 5 sóng.
- Bạn cần có hai điểm dao động cao nhất và hai điểm dao động thấp nhất để tạo thành một tam giác.
- Cạnh trên của tam giác cần nằm ngang. Có thể có độ dốc nhỏ theo chiều đi xuống.
- Giá sẽ cắt qua tam giác từ một cạnh xuyên sang cạnh đối diện trong khi phản ánh diễn biến thị trường thực tế.
- Nếu L là chiều cao của tam giác, sự phá vỡ là chính xác khi nó diễn ra trong khu vực nằm giữa 2/3 L và 1/3/ L tính từ dưới tam giác lên (xem Hình 44). Sự phá vỡ diễn ra trong khu vực từ 1/2 L và 3/4 L. Sự phá vỡ nằm ngoài khu vực này là không chính xác.
- Để bắt đầu một giao dịch tại thời điểm phá vỡ, hãy đặt mức cắt lỗ của bạn dưới ngưỡng chặn mạnh vừa bị phá vỡ (nếu bạn mở trạng thái mua) hoặc trên ngưỡng đó (nếu bạn mở trạng thái bán). Mục tiêu giá là chiều cao của đáy tam giác tính từ điểm phá vỡ. Thị trường sẽ đạt được ít nhất 75% mục tiêu giá.
- Sau thời điểm phá vỡ, giá có thể quay lại mức phá vỡ để từ đó tiếp tục đi theo xu hướng của quá trình này. Các cạnh tam giác càng ít dốc thì khả năng giá quay trở lại càng cao.
- Khối lượng giao dịch sụt giảm là tín hiệu cho sự tạo thành của một mô hình giá và sau đó, khối lượng lại tăng lên tại và ngay sau thời điểm của sự phá vỡ.

Theo thống kê, mô hình tam giác vừa có thể là mô hình tiếp diễn vừa có thể là mô hình đảo chiều. Nếu một tam giác được hình thành ở cuối một xu hướng ngắn thì nó có thể là một mô hình đảo chiều. Quy mô của một mô hình so với diễn biến giátrước đó cũng kháquan trọng. Nếu một mô hình giáđược hình thành trong một khoảng thời gian dài hơn diễn biến trước đó thì cơ hội đảo chiều là rất cao.

Hình 44 minh họa một tam giác đối xứng hoàn hảo được hình thành trên biểu đồ giá tuần của cặp EUR/USD từ ngày 22 tháng 10 năm 2000 tới ngày 4 tháng 4 năm 2002. Tam giác được hình thành trong một khoảng thời gian dài và mục tiêu giákhácao. Như bạn có

thể thấy từ biểu đồ, điểm phá vỡ xuất hiện trong vùng giữa 2/3 và 3/4 đường cao của tam giác và mục tiêu giáđã được hoàn tất.



Hình 44. Tam giác đối xứng. EUR/USD, Tuần, MetaTrader - Admiral Markets

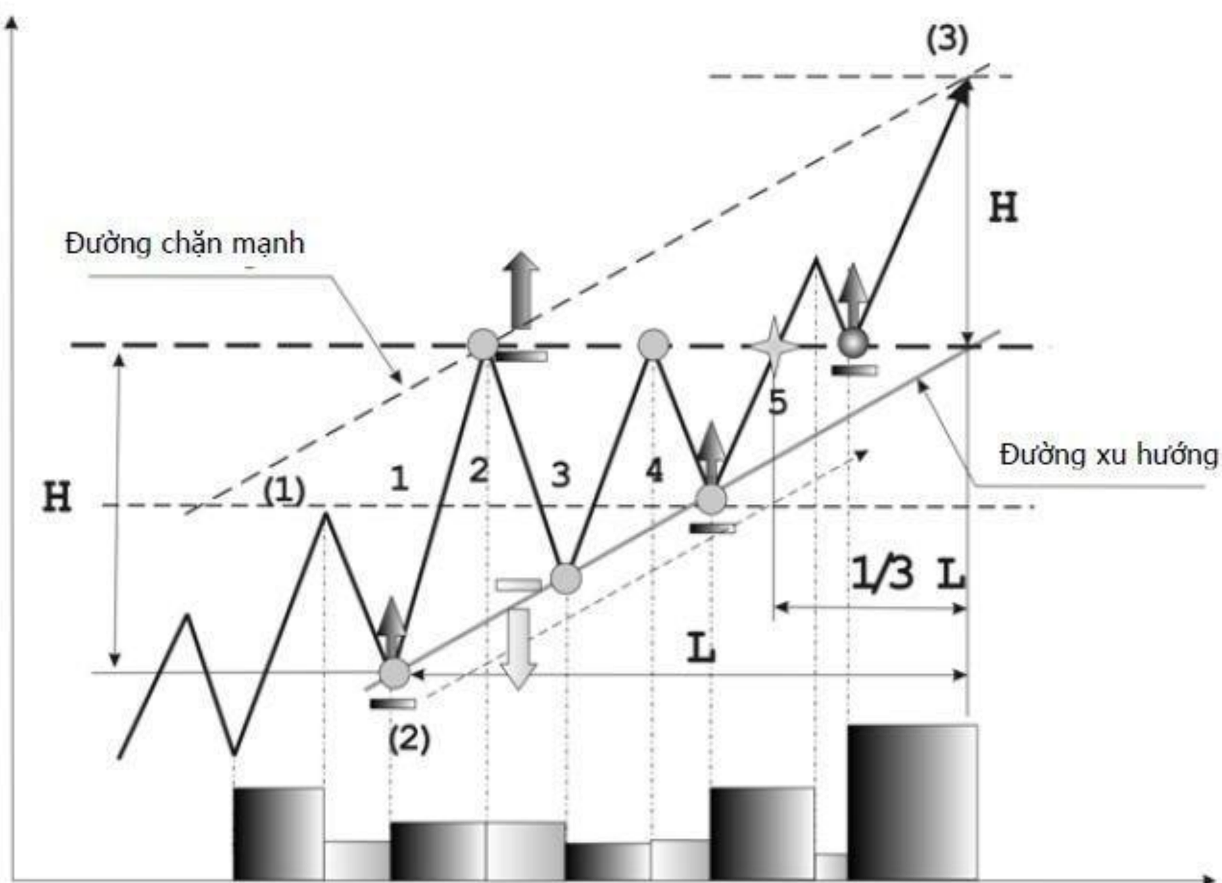
Tam giác hướng lên

Tam giác hướng lên cũng tương tự như một tam giác đối xứng, nhưng có điểm khác là cạnh trên của nó (đường kháng cự) nằm ngang. Mô hình này cho thấy thị trường đang ở trong tình trạng cầu lớn hơn cung; vì vậy sẽ có một điểm phá vỡ ở trên cao.

Mô hình tam giác hướng lên được hình thành như thế nào?

Sau khi đã tăng được một khoảng thời gian nhất định (sóng 1), giá chạm tới một ngưỡng chặn mạnh mà bên mua không thể vượt qua được. Bên bán cố gắng kéo giá trở lại (sóng 2). Nhưng giákhông thể chạm mức thấp nhất trước đó nữa bởi bên mua nôn nóng mua vào và đẩy thị trường lên cao (sóng 3). Giá nhảy vọt lên một ngưỡng chặn mạnh và gặp ngưỡng kháng cự của bên bán (sóng 4). Sóng thứ tư không thể chạm tới đáy trước đó, và

bên bán bắt đầu đẩy thị trường đi lên, sóng 5 phávỡ ngưỡng chặn mạnh và hoàn thành mô hình giá.



Hình 45. Tam giác hướng lên.

Đặc trưng mô hình tam giác hướng lên:

- Có một ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự mạnh.
- Được tạo thành từ 5 sóng.
- Bạn cần có hai điểm dao động cao nhất và hai điểm dao động cao nhất để tạo thành một tam giác.
- Cạnh trên của tam giác cần nằm ngang. Có thể có độ dốc nhỏ theo chiều đi xuống.
- Giá sẽ cắt qua tam giác từ một cạnh xuyên sang cạnh đối diện trong khi phản ánh diễn biến thị trường thực tế.

- Nếu L là chiều cao của tam giác, sự phá vỡ là chính xác khi nó diễn ra trong khu vực nằm giữa 2/3 L và 1/3/ L tính từ dưới tam giác lên (xem Hình 45). Sự phá vỡ diễn ra trong khu vực từ 1/2 L và 3/4 L. Sự phá vỡ nằm ngoài khu vực này là không chính xác.



Hình 46. Tam giác hướng lên. EUR/USD, 4H, MetaTrader - Admiral Markets

- Để bắt đầu một giao dịch tại thời điểm phá vỡ, hãy đặt mức cắt lỗ của bạn dưới ngưỡng chặn mạnh vừa bị phá vỡ. Mục tiêu giá là chiều cao của đáy tam giác tính từ điểm phá vỡ.

- Sau thời điểm phá vỡ, giá có thể quay lại mức phá vỡ để từ đó tiếp tục đi theo xu hướng của quá trình này.

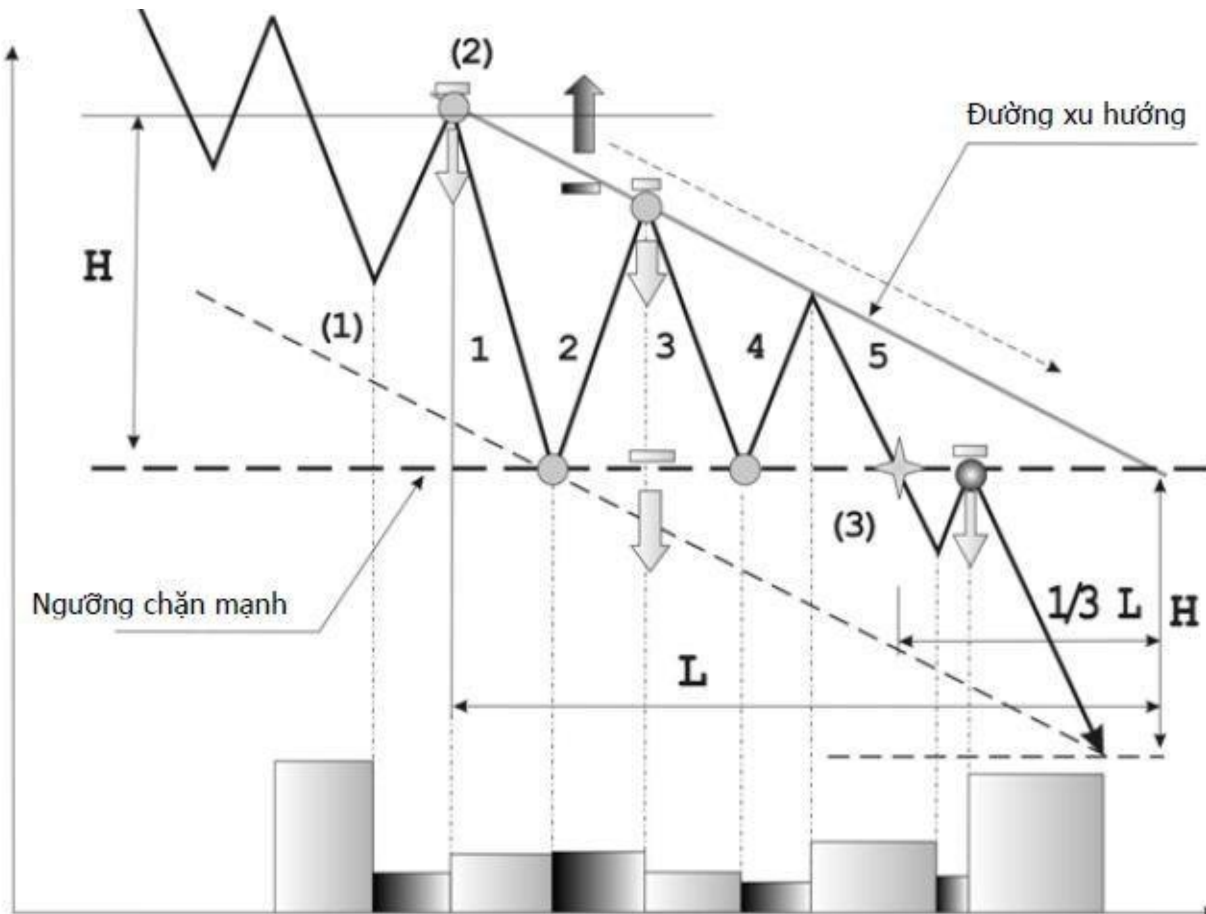
- Khối lượng giao dịch sụt giảm là tín hiệu cho sự tạo thành của một mô hình giá và sau đó, khối lượng lại tăng lên tại và ngay sau thời điểm của sự phá vỡ.

Tam giác đi lên có thể được coi là một mô hình đảo chiều. Đặc tính đảo chiều của mô hình này không được thể hiện rõ như trong trường hợp tam giác đối xứng. Vì vậy, các đặc

trưng của mô hình tam giác hướng lên còn phụ thuộc vào việc nó được tạo nên trên phần nào của xu hướng.

Hình 46 minh họa mô hình tam giác hướng lên được tạo thành trên biểu đồ 4 giờ của cặp EUR/USD từ ngày 21 tháng 7 năm 2007 đến ngày 29 tháng 7 năm 2007. Nó có đầy đủ các điều kiện mà mô hình giáđòi hỏi. Giá nhanh chóng leo lên mức mục tiêu và thị trường tiếp tục xu hướng đi lên.

Tam giác hướng xuống



Hình 47. Tam giác Hướng xuống

Tam giác Hướng xuống Tam giác hướng xuống là nghịch đảo của mô hình tam giác hướng lên. Cạnh dưới của nó (đường hỗ trợ) nằm ngang. Sau khi mô hình tam giác hướng xuống được tạo thành, thị trường tiếp tục xu hướng đi xuống. Sự tạo thành mô hình tam giác hướng xuống đáp ứng mọi điều kiện giống như đối với mô hình tam giác hướng lên.

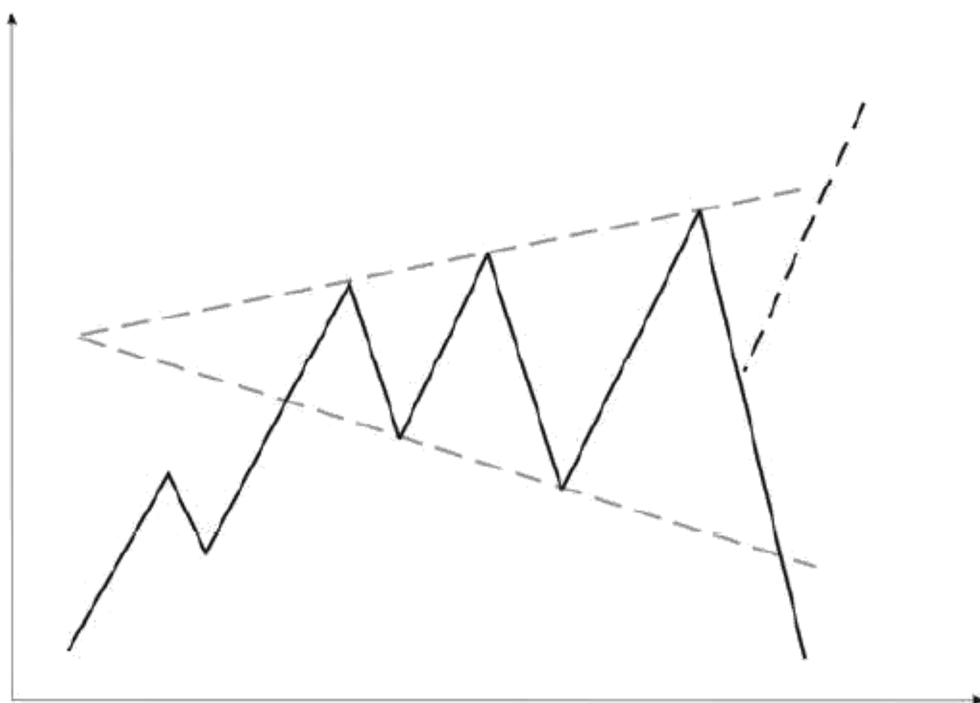
Hình 48 minh họa mô hình tam giác hướng xuống được tạo thành trên biểu đồ 4 giờ của giá cổ phiếu công ty American Express từ ngày 8 tháng 6 năm 2004 đến ngày 21 tháng 6 năm 2004. Trong trường hợp này, tam giác hướng xuống đóng vai trò như một mô hình đảo chiều và được tạo thành vào cuối một diễn biến đi lên.



Hình 48. Tam giác Hướng xuống. AXP, 4H, MetaTrader - Admiral Markets

Tam giác mở rộng

Tam giác mở rộng là một mô hình giá hiếm gặp so với mô hình tam giác đối xứng. Nó được tạo từ các đường hỗ trợ và kháng cự phân kỳ. Mô hình tam giác mở rộng thường xuất hiện sau một sự phá vỡ ngược chiều với xu hướng trước đó. Không có quy tắc giao dịch cụ thể nào đối với mô hình này. Mô hình tam giác mở rộng được minh họa trong Hình 49 và 50.



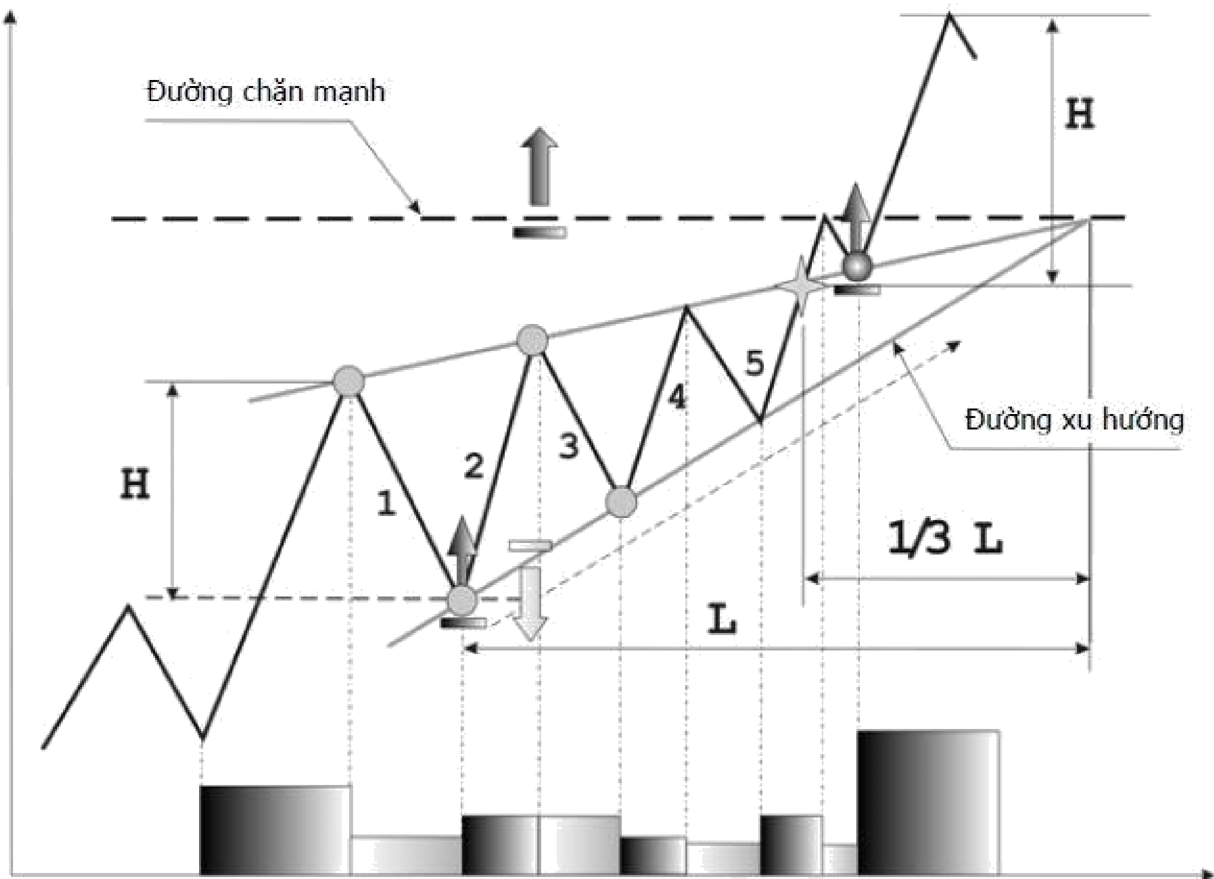
Hình 49. Tam giác Mở rộng



Hình 50. Tam giác mở rộng. Cổ phiếu General Motors, tuần, MetaTrader - Admiral Markets

Mô hình Cái nêm

Mô hình cái nêm là một tam giác hướng đầu về phía chiều diễn biến của xu hướng trước đó. Mô hình giánày có các điều kiện tạo thành tương tự như mô hình tam giác đối xứng.



Hình 51. Mô hình Cái nêm

Mô hình cái nêm được tạo thành như thế nào?

Chúng ta hãy cùng xem xét mô hình cái nêm theo chiều đi lên được minh họa trong Hình 51. Các quy tắc giao dịch cho mô hình cái nêm theo chiều đi xuống cũng tương tự như vậy.

Khi giátăng và tiến gần tới một ngưỡng chặn mạnh, nó bắt đầu giảm tốc. Trước khi giá chạm tới ngưỡng chặn mạnh đó, bên bán sốt sắng sẽ điều chỉnh mức giá(sóng 1). Sau đó xu hướng được khôi phục và những bên mua lại đẩy giá lên một đỉnh mới (sóng 2). Sau đó bên bán lại khiến thị trường đảo chiều (sóng 3), nhưng giákhông thể quay trở lại mức đáy trước đó do bên mua đã trở nên tích cực hơn. Giálại tạo nên một đỉnh mới trong sóng 4 và đi xuống trong sóng 5. Cuối cùng, giá lại đi lên trong sóng 6, phá vỡ một ngưỡng chặn mạnh và hoàn thiện mô hình giá.

Những đặc trưng của mô hình cái nêm:

- Có một ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự mạnh.

- Nêm được tạo thành từ 5 sóng.

- Bạn cần có hai điểm dao động thấp nhất và hai điểm dao động cao nhất để tạo thành một hình nêm.

- Nếu L là chiều dài của hình nêm, sự phá vỡ là chính xác khi nó diễn ra trong khu vực nằm giữa 2/3 L và 1/3 L tính từ dưới hình nêm lên (xem Hình 51). Sự phá vỡ diễn ra trong khu vực từ 2/3 L và 1/3 L. Sự phá vỡ nằm ngoài khu vực này là không chính xác.

- Để bắt đầu giao dịch tại thời điểm của sự phá vỡ, hãy đặt mức cắt lỗ của bạn thấp hơn ngưỡng chặn mạnh vừa bị phá vỡ (nếu bạn đang mở một trạng thái mua) hoặc cao hơn ngưỡng chặn này (nếu bạn đang bán ra). Mục tiêu giá là chiều cao của cạnh đáy hình nêm tính từ điểm phá vỡ.

- Một cách khác để đưa ra mục tiêu giá là tính toán chênh lệch giữa điểm phá vỡ và cạnh đáy của hình nêm tính từ điểm phá vỡ theo chiều diễn biến của nó. Sự chênh lệch giữa điểm phá vỡ và cạnh đáy của hình nêm được tạo thành từ sóng 5 và 6 trong Hình 51. Mục tiêu giá này có nhiều khả năng được đạt tới hơn.

- Sau thời điểm phá vỡ, giá có thể quay lại mức phá vỡ để từ đó tiếp tục đi theo xu hướng của quá trình này.

- Khối lượng giao dịch sụt giảm là tín hiệu cho sự tạo thành của một mô hình giá và sau đó, khối lượng lại tăng lên tại và ngay sau thời điểm của sự phá vỡ.

- Mô hình cái nêm có thể đồng thời được coi là mô hình tiếp diễn và đảo chiều. Nếu mô hình này xuất hiện tại giai đoạn cuối của một diễn biến lớn thì nó là dấu hiệu cho thấy thị trường đang yếu đi. Các quy tắc của một mô hình đảo chiều cũng tương tự như với một mô hình tiếp diễn.



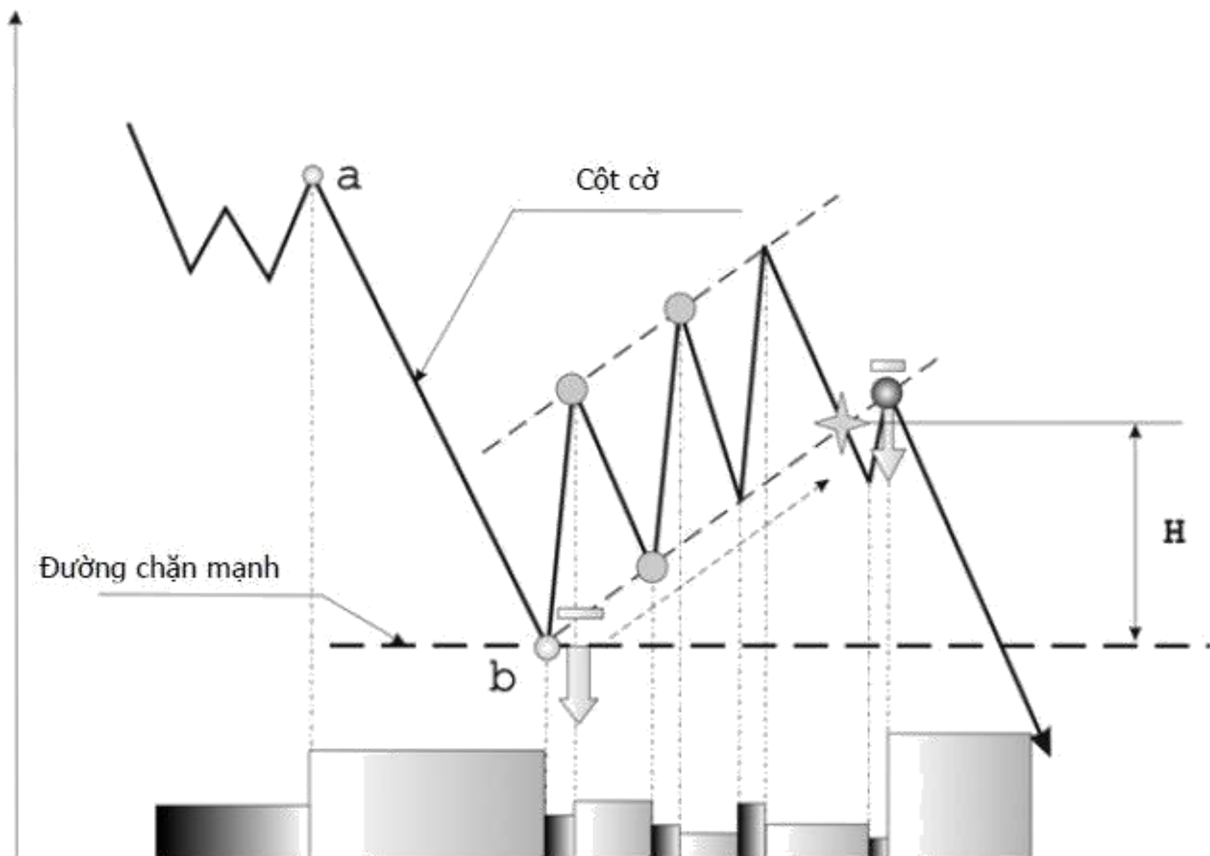
Hình 52. Mô hình cái nêm. USD/CAD, ngày, MetaTrader - Admiral Markets

Hình 52 minh họa một mô hình nêm đảo chiều được tạo thành trên biểu đồ ngày của cặp USD/CAD từ ngày 4 tháng 1 năm 2007 đến ngày 9 tháng 2 năm 2007.

Các mô hình điều chỉnh (Correction patterns)

Mô hình Cờ

Mô hình Cờ (Hình 53) là một mô hình giá phổ biến và đã được chứng minh là hiệu quả. Đây là một mô hình điều chỉnh. Nó thể hiện chiều diễn biến của xu hướng và thời điểm kết thúc của nó. Mô hình này bao gồm một lá cờ với một cột cờ (xu hướng trước đó).



Hình 53. Mô hình Cờ

Những đặc trưng của mô hình Cờ:

- Đây là một mô hình điều chỉnh, đó là lý do vì sao nó có xu hướng dốc nghiêng ngược với xu hướng trước đó.
- Các cạnh của mô hình cờ song song hoặc hơi đồng quy với các đường hỗ trợ hoặc kháng cự.
- Đây là một mô hình ngắn hạn.
- Mô hình này thường ngắn hơn nhiều so với xu hướng trước đó.
- Một ngưỡng hỗ trợ/kháng cự mạnh sẽ khuyến khích sự điều chỉnh giá.
- Bạn cần có hai điểm dao động cao nhất và hai điểm dao động thấp nhất để tạo thành một lá cờ.

- Để bắt đầu giao dịch tại thời điểm của sự phá vỡ cùng chiều với diễn biến của xu hướng trước đó, hãy đặt mức cắt lỗ của bạn thấp hơn ngưỡng chặn mạnh (nếu bạn mở một trạng thái mua) hoặc cao hơn ngưỡng chặn này (nếu bạn mở một trạng thái bán).

- Mục tiêu giá là chiều rộng của lá cờ tính từ điểm phá vỡ.

- Khối lượng giao dịch sụt giảm là tín hiệu cho sự tạo thành của một mô hình giá và sau đó, khối lượng lại tăng lên tại và ngay sau thời điểm của sự phá vỡ.

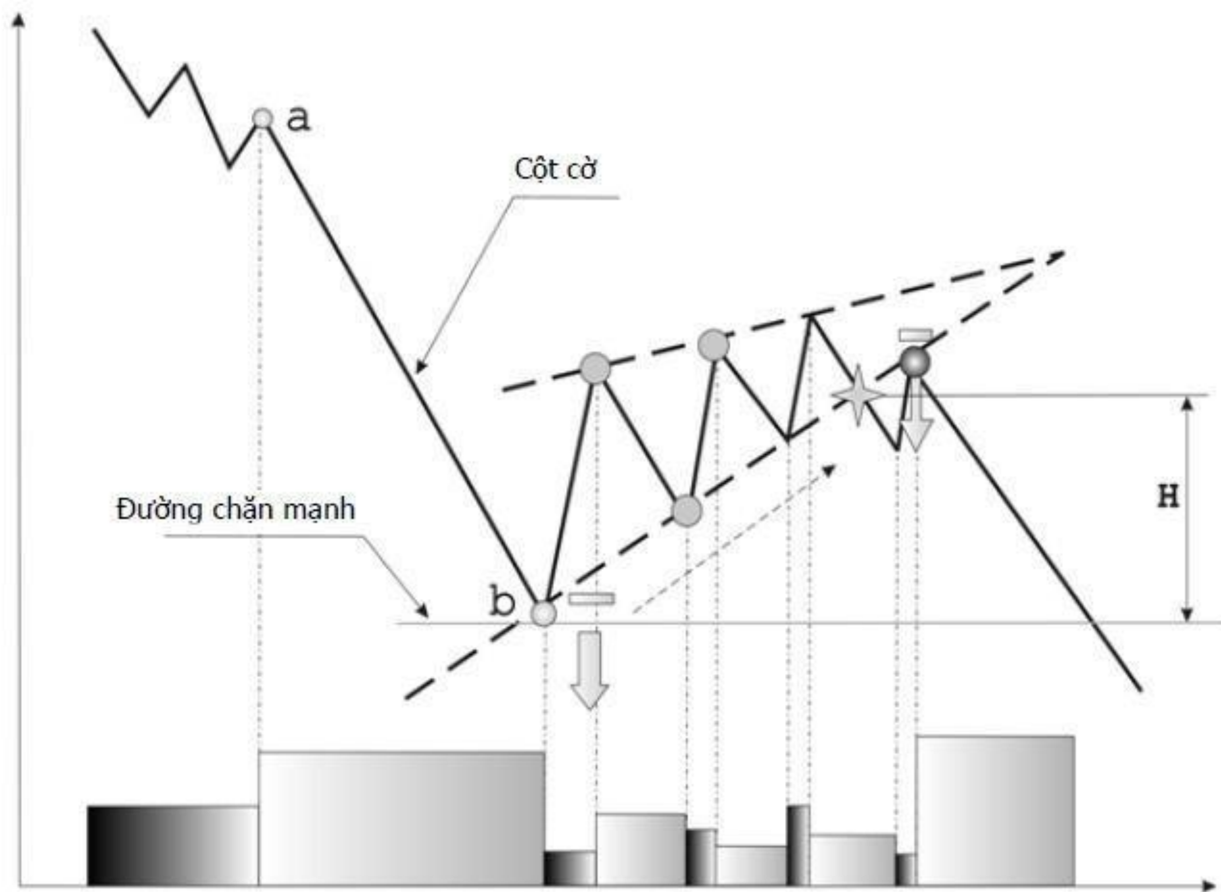


Hình 54. Mô hình Cờ. USD/CAD, ngày, MetaTrader - Admiral Markets

Hình 54 minh họa một mô hình cờ được tạo thành trên biểu đồ hàng ngày của cặp USD/CAD từ ngày 4 tháng 6 năm 2007 đến ngày 28 tháng 6 năm 2007. Đây là một trong những dạng mô hình cờ phổ biến nhất, được tạo thành sau một xu hướng kéo dài và rõ nét.

Mô hình Thòng lọng

Mô hình Thòng lọng có nhiều điểm tương tự như mô hình Cái nêm. Nhưng trái với mô hình Cái nêm, mô hình Thòng lọng là mô hình mà theo sau đó là một diễn biến giá cùng chiều với xu hướng trước đó chứ không phải là sự đảo chiều.



Hình 55. Mô hình Thòng lọng

Đặc trưng của mô hình Thòng lọng:

- Đây là một mô hình điều chỉnh, đó là lý do vì sao nó có xu hướng ngược với xu hướng trước đó.
- Các cạnh của mô hình thòng lọng đồng quy với các đường hỗ trợ hoặc kháng cự.
- Đây là một mô hình ngắn hạn.
- Mô hình này thường ngắn hơn nhiều so với xu hướng trước đó.
- Một ngưỡng hỗ trợ/kháng cự mạnh sẽ khuyến khích sự điều chỉnh giá.



Hình 56. Mô hình Thòng lọng. EUR/USD, ngày, MetaTrader - Admiral Markets

- Bạn cần có hai điểm dao động thấp nhất và hai điểm dao động cao nhất để tạo thành một thòng lọng.
- Để bắt đầu giao dịch tại thời điểm của sự phá vỡ cùng chiều với diễn biến của xu hướng trước đó, hãy đặt các mức cắt lỗ của bạn thấp hơn ngưỡng chặn mạnh (nếu bạn đang mở một trạng thái mua) hoặc cao hơn ngưỡng chặn này (nếu bạn đang mở một trạng thái bán).
- Mục tiêu giá là chiều rộng của thòng lọng tính từ điểm phá vỡ.
- Khối lượng giao dịch sụt giảm là tín hiệu cho sự tạo thành của một mô hình giá và sau đó, khối lượng lại tăng lên tại và ngay sau thời điểm của sự phá vỡ.

Trong một vài trường hợp, mô hình thòng lọng có thể được coi là một mô hình đảo chiều.

Hình 56 minh họa một mô hình thòng lọng được tạo thành trên biểu đồ ngày của cặp EUR/USD từ ngày 27 tháng 8 năm 2007 đến ngày 5 tháng 9 năm 2007.

Các mô hình lưỡng tính (Ambiguous patterns)

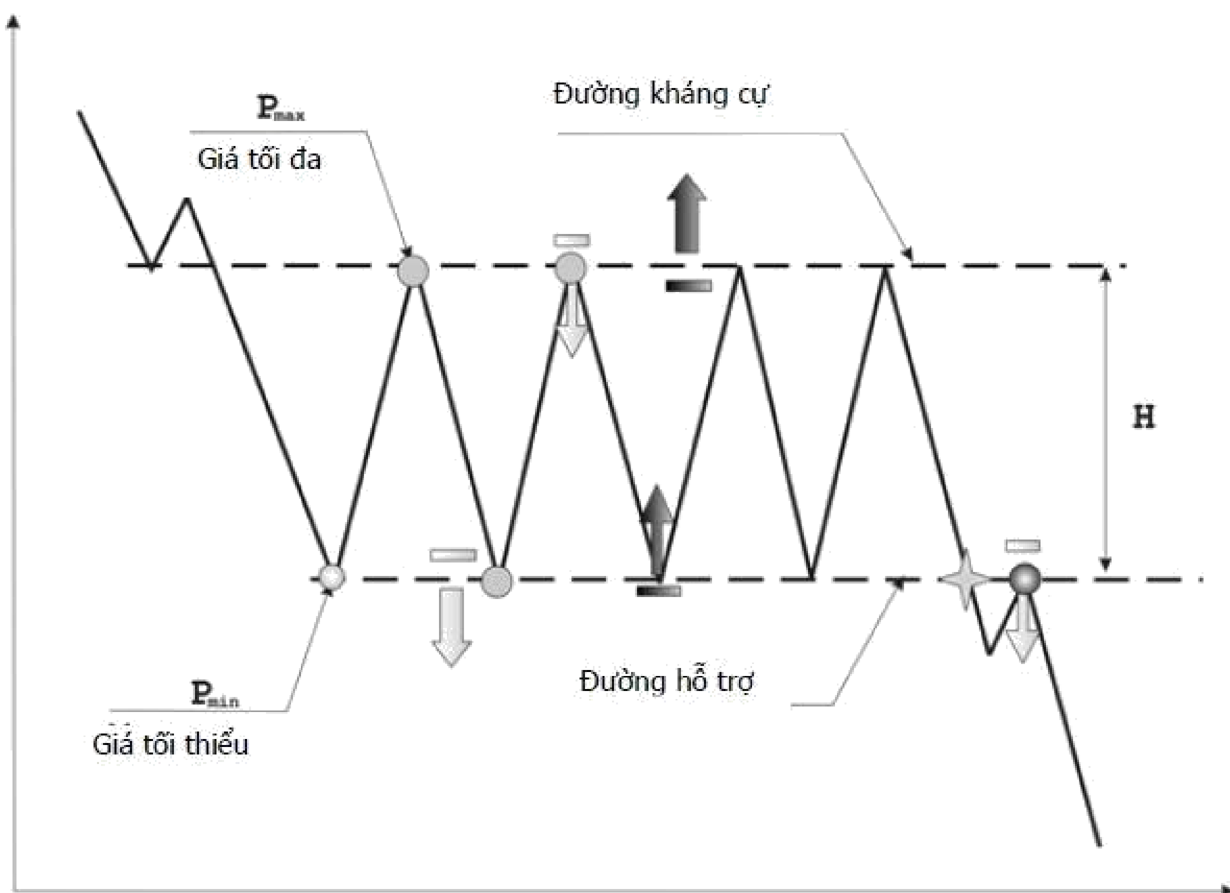
Các mô hình lưỡng tính là những mô hình vừa mang tính tiếp diễn vừa mang tính đảo chiều.

Mô hình Chữ nhật

Mô hình chữ nhật còn được gọi là phạm vi giao dịch (Trading range). Nó thể hiện một giai đoạn bình ổn của thị trường. Đây là một mô hình lưỡng tính. Bạn có thể phân biệt điều này nếu việc nó mang tính tiếp diễn hay đảo chiều phụ thuộc vào vị trí của nó trong một xu hướng và thời gian cần thiết để hình thành nó.

Đặc trưng của mô hình Chữ nhật:

- Có hai đường chặn mạnh.
- Hãy mở trạng thái giao dịch tại thời điểm phá vỡ. Mục tiêu giá là chiều cao của hình chữ nhật. Hãy đặt mức cắt lỗ của bạn thấp hơn ngưỡng chặn mạnh (nếu bạn đang mua vào) hoặc cao hơn ngưỡng chặn mạnh (nếu bạn đang bán ra).



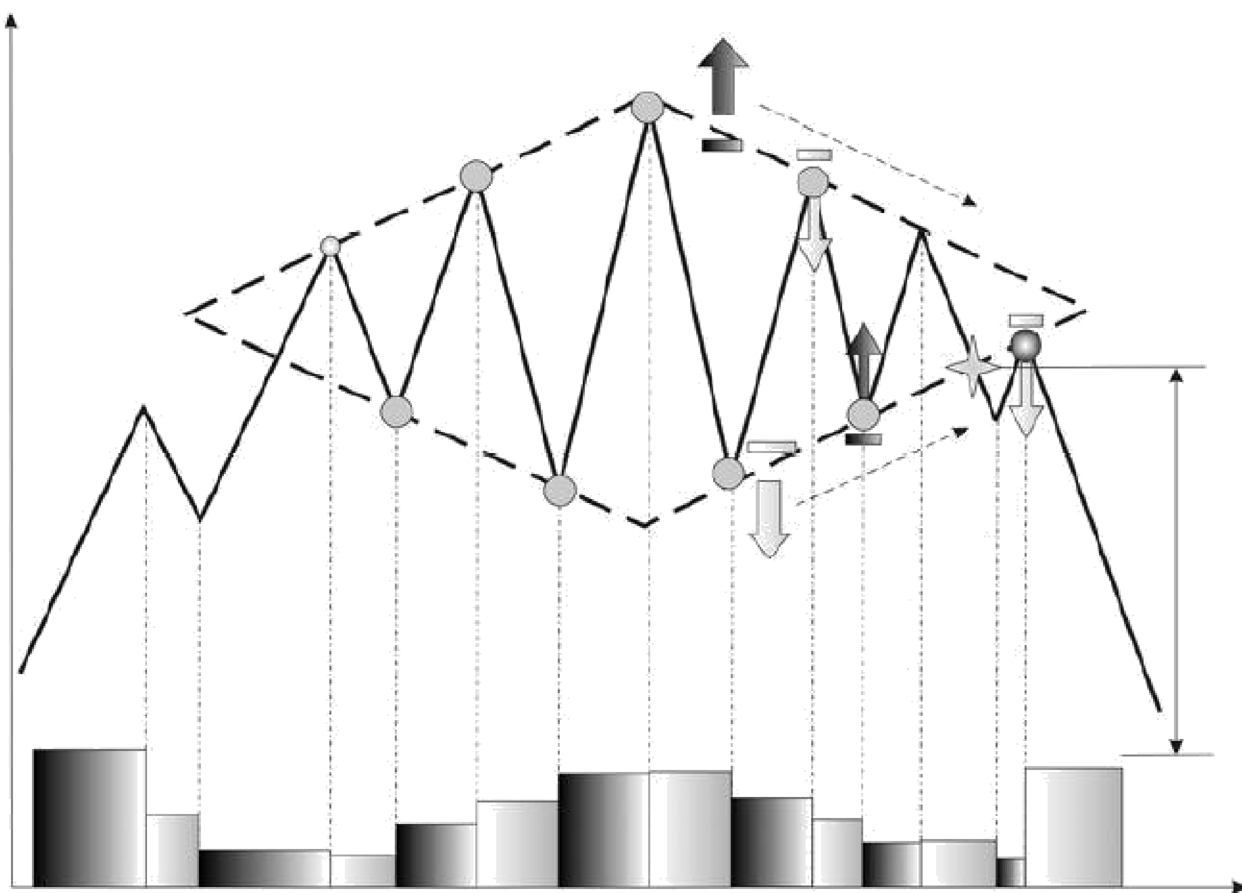
Hình 57. Mô hình Chữ nhật



Hình 58. Mô hình Chữ nhật. USD/CHF, 4H, MetaTrader - Admiral Markets

Hình 58 minh họa mô hình chữ nhật được tạo thành trên biểu đồ 4 giờ của cặp USD/CHF từ ngày 7 tháng 8 năm 2007 đến ngày 10 tháng 8 năm 2007. Trong trường hợp này, xu hướng đi lên được khôi phục sau khi mô hình chữ nhật được tạo thành. Mô hình chữ nhật có thể bị nhầm với một loại mô hình khác. Ví dụ, nếu chúng ta quay lại mô hình Đỉnh ba và biểu đồ giá cổ phiếu AIG, chúng ta thấy mô hình giá có thể được coi là mô hình chữ nhật. Trong trường hợp này, mô hình chữ nhật là mô hình đảo chiều.

Mô hình Kim cương



Hình 59. Mô hình Kim cương

Mô hình Kim cương Mô hình Kim cương (Hình 60) được tạo thành khi một tam giác mở rộng và chuyển thành một tam giác đối xứng. Chiến thuật giao dịch áp dụng cho mô hình Kim cương dựa trên chiến thuật được áp dung cho mô hình Tam giác Đối xứng.

Đặc trưng của mô hình Kim cương:

- Là một mô hình tam giác mở rộng.
- Bạn cần có hai điểm dao động cao nhất và hai điểm dao động thấp nhất để tạo thành một tam giác đối xứng.
- Thời điểm bắt đầu giao dịch là khi mục tiêu giá và các mức cắt lỗ được xác định như trong mô hình tam giác đối xứng.
- Khối lượng giao dịch giảm xuống là dấu hiệu cho thấy sự tạo thành của một tam giác mở rộng và sau đó nó sẽ tăng trở lại. Sau đó, khối lượng giao dịch lại giảm đi

một lần nữa cho thấy sự tạo thành của một tam giác đối xứng và tăng lên sau thời điểm của sự phá vỡ.

Mô hình Kim cương là một mô hình hiếm gặp và khó xác định. Mô hình này có thể được coi là mô hình tiếp diễn hoặc đảo chiều.



Hình 60. Mô hình Kim cương. EUR/USD, 4H, MetaTrader - Admiral Markets

Hình 60 minh họa mô hình kim cương đảo chiều được tạo thành trên biểu đồ 4 giờ của cặp EUR/USD từ ngày 10 tháng 10 năm 2006 đến ngày 10 tháng 10 năm 2006. Mục tiêu giá đạt được hoàn toàn giống như trong mô hình tam giác đối xứng.

Thống kê về các mô hình giá

Chúng ta sẽ tiến hành sắp xếp các mô hình giátheo độ tin cậy và xác suất để đạt được mục tiêu giá. Kết quả được dựa trên các nghiên cứu về mô hình giá tại các thị trường tài chính (Ngoại hối, chứng khoán, hàng hóa tương lai). Các kết quả nghiên cứu được đưa ra trong Biểu 1 là nghiên cứu mang tính thống kê và không hoàn toàn đáng tin cậy. Một vài số

liệu của một số mô hình giá không xuất hiện là do các mô hình này ít xuất hiện và được coi là mô hình có điều kiện.

Biểu 1. Các mô hình giá: Độ tin cậy và xác suất để đạt tới mục tiêu giá.

Mô hình giá	Tạo thành tại Đỉnh hoặc Đáy	Độ tin cậy của một mô hình giá từ mức 1 (ít tin cậy nhất) đến 8 (đáng tin cậy nhất)	Xác suất đạt tới mục tiêu giá (%)
Đầu và các vai	Đỉnh	1	74
	Đáy	4	74
Đỉnh đôi/Đáy đôi			
Adam & Adam	Đỉnh	2	72
	Đáy	5	66
Adam & Eve	Đỉnh	7	69
	Đáy	4	66
Eve & Adam	Đỉnh	6	72
	Đáy	5	66
Eve & Eve	Đỉnh	1	73
	Đáy	3	67
Đỉnh ba/Đáy ba	Đỉnh	4	68
	Đáy	4	64
Đảo chiều Bật tăng mạnh và Đổ	Đỉnh	2	78

vỡ	Đáy	4	68
Tam giác Đối xứng	-	4	75
Tam giác Hướng lên	-	7	69
Tam giác Hướng xuống	-	4	69
Hình cái nêm	Tiếp diễn Đảo chiều	8 3	51 68
Hình cờ	-	2	64
Thòng lọng	-	6	56
Chữ nhật	Phá vỡ lên trên Phá vỡ xuống dưới	6 5	82 60
Kim cương	Phá vỡ lên trên Phá vỡ xuống dưới	7 2	75 69

Mô hình MSVD

Trong nhiều năm dài quan sát và ứng dụng các mô hình giá vào các thị trường giao dịch tài chính, có rất nhiều câu hỏi được đặt ra liên quan đến tác động của các mô hình giáđối với thị trường, tính hiệu quả và độ tin cậy của chúng. Ví dụ, liệu có thể được xác định điểm gia nhập chính xác của mục tiêu giá và các khía cạnh khác trong giao dịch hay không? Qua thời gian, các nhà kinh doanh đã đúc rút được các quy tắc của thị trường cũng như các mô hình thể hiện phản ứng của nó mà nếu được kiểm chứng sau một thời gian giao dịch thực tế, chúng có thể trở thành các mô hình giá mới.

Chúng tôi sẽ giới thiệu một yếu tố mới trong lý thuyết hiện nay về các mô hình giá và tạo ra một mô hình giá mới, chưa từng được xem xét trước đây. Nó sẽ giúp chúng ta xác định các mục tiêu của mình khi áp dụng phương pháp phân tích đồ thị.

Như chúng tôi đã đề cập ở trên, ưu điểm chính của các mô hình giá là chúng cho bạn các mục tiêu giá khách quan mà thị trường có thể đạt tới sau khi nó đã phávỡ một vài ngưỡng chặn mạnh. Bạn có thể tận dụng những mục tiêu giánày để kiếm lời. Nhìn vào Biểu 1, chúng ta có thể thấy không phải lúc nào thị trường cũng đạt 100% mục tiêu giá. Tại sao lại như vậy? Điều gì đã dẫn tới kết quả đó? Điều gì đã khiến cho thị trường đôi khi không thể đạt tới mục tiêu giánhưng đôi khi lại vượt quá cả mục tiêu này? Câu trả lời cho những câu hỏi này nằm ở sự kết hợp phức tạp giữa những điều kiện thị trường và khoảng thời gian mà mức giá cần để tạo thành một mô hình giá.

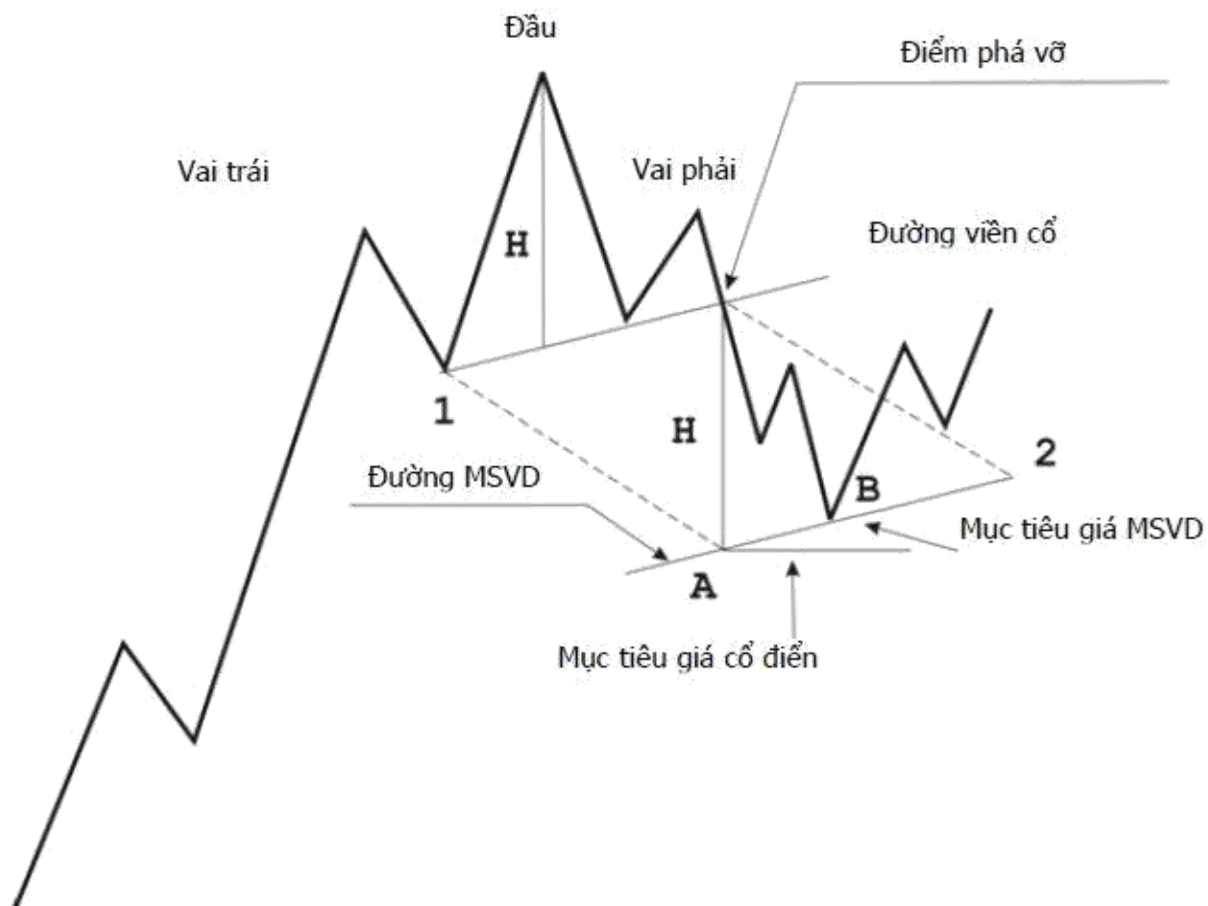
Có sự khác biệt nào về khoảng thời gian mà mức giá cần để đạt tới mục tiêu giá hay không?

Câu trả lời là "Có!". Mục tiêu giá sẽ thay đổi tùy thuộc vào khoảng thời gian trôi qua tính từ thời điểm mô hình giáđược hoàn thiện. Thay đổi mục tiêu giá có thể diễn ra theo chiều hướng:

- Tích cực khi nó làm tăng lợi nhuận dự kiến
- Tiêu cực khi nó làm giảm mức lợi nhuận dự kiến

Chúng tôi đã khám phára quy tắc MSVD để xác định sự thay đổi trong mục tiêu giá tùy thuộc vào các điều kiện thị trường và thời gian. Quy tắc MSVD chỉ ra rằng mục tiêu giá thay đổi ngược chiều với khoảng thời gian từ khi sự phá vỡ được xác định nhưng lại phụ thuộc vào độ dốc của đường (hỗ trợ hoặc kháng cự) đã bị giá phá vỡ để hoàn thiện mô hình giá.

Chúng tôi sẽ cho các bạn thấy một ví dụ. Hình 61 minh họa một mô hình Đầu và các vai được tối ưu hóa. Mô hình này đáp ứng tất cả các điều kiện đặc trưng của mô hình Đầu và các vai mà chúng tôi đã nói ở trên. Vậy sự khác biệt mà nó mang tới là gì? Mục tiêu giá là khoảng cách từ mức đỉnh của phần đầu và điểm phá vỡ A. Như các bạn có thể thấy, mục tiêu giá chỉ có thể đạt 85% (điểm B) thay vì 100%. Điều này có nghĩa là nếu bạn tuân theo các quy tắc Chốt lời đối với mô hình Đầu và các vai, mục tiêu giá của bạn sẽ không thể đạt được. Phải chăng bạn đã hiểu sai mô hình giávà điểm phá vỡ là không chính xác? Câu trả lời là "Không phải như vậy". Mô hình giáhoàn toàn đúng. Nhưng mục tiêu giáđã thay đổi. Nói cách khác, nếu động lực đi xuống cao thì mục tiêu giá của bạn là sẽ điểm A. Giá càng mất nhiều thời gian để đi xuống và chạm tới mục tiêu giá cổ điển thì mục tiêu giá sẽ càng thay đổi nhiều. Mục tiêu giá của bạn có thể chuyển từ A xuống B tùy thuộc vào động lực của diễn biến giá.



Hình 61. Mô hình MSVD. Mô hình Đầu và các vai tối ưu hóa.

Trong ví dụ về mô hình Đầu và các vai tại Hình 61, để vẽ được đường MSVD, chúng tôi đã làm như sau:

1. Đo chiều cao của đỉnh H.
2. Tính toán khoảng cách tính từ H tới điểm phá vỡ theo chiều diễn biến của nó và đánh dấu điểm A.
3. Vẽ một đường song song với đường viền cổ của mô hình Đầu và các vai đi qua điểm A.

Và đồ thị đã được vẽ xong. Chúng tôi đã đánh dấu xong mục tiêu giáđộng của mình. Vẽ một đường MSVD trong trường hợp một đường chặn mạnh có độ dốc âm cũng tương tự như những gì chúng tôi vừa làm. Đường chặn mạnh sẽ có độ dốc âm và đường MSVD cũng tương tự. Mô hình MSVD phải đáp ứng được các điều kiện sau:

- Đường MSVD phải song song với một đường chặn mạnh, đường này sẽ hoàn thiện mô hình một khi nó bị phá vỡ bởi mức giá.

- Đường MSVD đóng vai trò như một mục tiêu giánhưng điều này chỉ đúng trong khu vực đáng tin cậy của đường này. Khu vực này được giới hạn bởi điểm 1 và 2, điểm A và điểm phá vỡ trên biểu đồ. Nếu nó nằm ngoài khu vực trên, mục tiêu giá có thể không còn đáng tin cậy.

- Giá có thể không đạt tới khu vực đáng tin cậy của đường MSVD vì hai lý do. Lý do thứ nhất là vì một điểm phá vỡ không chính xác, thị trường sẽ diễn biến theo chiều ngược lại. Lý do thứ hai là giáđã bình ổn trong một thời gian dài sau điểm phá vỡ sẽ diễn biến mạnh mẽ theo chiều hướng tới mục tiêu giá. Điều này có thể có nghĩa là thị trường sẽ đạt tới mục tiêu giáMSVD cũng như một mục tiêu giá cổ điển.

- Góc giữa đường MSVD và trục hoành không cần thiết phải lớn hơn 30 độ. Góc này nên do mô hình giá quyết định. Các ngưỡng chặn mạnh của một vài mô hình giá không tạo thành các góc lớn. Trong trường hợp này, góc giữa đường MSVD và trục hoành sẽ lớn hơn 30 độ; bạn nên áp dụng mục tiêu giá cổ điển, cụ thể là điểm A trong ví dụ của chúng tôi.

- Mô hình MSVD là chính xác với tất cả mô hình nào có thể áp dụng nó. Ví dụ, bạn không thể áp dụng mô hình MSVD vào mô hình Đỉnh đôi hoặc Chữ nhật vì các ngưỡng chặn mạnh của hai mô hình này nằm theo phương ngang.

- Một vài mô hình giá có thể tạo thành các đường thể hiện ngưỡng chặn mạnh với góc nghiêng âm hoặc dương. Ví dụ, trong mô hình Đầu và các vai, độ dốc của đường thể hiện ngưỡng chặn mạnh có thể dương hoặc âm, điều này có nghĩa là độ dốc của đường MSVD cũng có thể dương hoặc âm tương ứng. Với các mô hình giá khác (ví dụ, mô hình Chữ nhật), đường MSVD có thể có độ dốc âm nếu xu hướng là đi lên và độ dốc dương nếu xu hướng là đi xuống.

Chúng ta hãy cùng quay lại với Biểu 1. Nếu chúng ta sử dụng mô hình MSVD để xác định mục tiêu giá thì khả năng đạt được mục tiêu giáđó sẽ cao hơn.

Mô hình MSVD có thể được áp dụng với các loại phân tích khác nhau. Bên cạnh phân tích biểu đồ, nó còn có thể áp dụng được với phân tích giá tỷ lệ (Proportional price analysis).

Kết luận

Phân tích biểu đồ (cổ điển) có tác dụng rất lớn trong quá trình giao dịch trên các thị trường tài chính, nhờ nó bạn luôn có thể tìm ra hướng đi cho mình trong điều kiện thực tế của thị trường. Cho dù bạn sử dụng kiểu và chiến lược giao dịch nào; bạn là nhà kinh doanh

chuyên nghiệp hay nghiệp dư; bạn giao dịch tiền tệ, cổ phiếu hay hàng hóa thì bạn vẫn nên bắt đầu ngày giao dịch của mình bằng việc phân tích biểu đồ.

CHƯƠNG 5
Phân tích tỷ lệ

Phương pháp phân tích tỷ lệ tập trung vào các khía cạnh khác nhau của diễn biến giá, và tất cả các nhà kinh doanh cũng như phân tích đều được khuyến khích nghiên cứu và tìm hiểu nó. Khi giao dịch trên thị trường Ngoại hối, việc thấy được cả chiều hướng tiếp theo của diễn biến cũng như giới hạn của nó đều rất quan trọng. Nếu không, bạn có thể bỏ lỡ mức lợi nhuận tiềm năng tối đa hoặc chậm trễ trong việc đóng trạng thái của mình.

Có rất nhiều phương pháp xác định các giới hạn then chốt nhưng chúng ta sẽ chỉ nghiên cứu những phương pháp phổ biến và hiệu quả nhất.

Các nhà môi giới chứng khoán đã khám phára một quy tắc hồi quy từ hơn một thế kỷ trước. Họ nhận thấy rằng, khi thị trường có một diễn biến đáng kể cùng chiều với xu hướng, thì theo quy luật, giá sẽ điều chỉnh từ 1/3 - 2/3 so với diễn biến ngược chiều trước đó. Khi nghiên cứu sâu hơn về mối tương quan này, các nhà phân tích phát hiện ra rằng con số chính xác của sự điều chỉnh tương ứng là 0,618 và 0,382, hay còn được gọi là Tỷ lệ Vàng (Golden Section). Sau đó, họ chuyển sự chú ý sang lý thuyết được xây dựng bởi nhà toán học người Ý Leonardo Fibonacci và quy tắc Tỷ lệ Vàng. Trên thực tế, Tỷ lệ Vàng đã được người Hy Lạp cổ đại sử dụng trong Toán học, Nghệ thuật và Kiến trúc và sau đó, nó lại trở nên phổ biến trên các thị trường tài chính giống như các nghiên cứu của Fibonacci. Chúng tôi sẽ không đi sâu vào chi tiết lý thuyết nói trên trong cuốn sách này mà chỉ đưa ra cho các bạn nhiều thông tin lý thú về nó. Chúng ta sẽ tập trung vào khía cạnh quan trọng nhất của lý thuyết về dãy số Fibonacci, khía cạnh này có quan hệ trực tiếp tới quá trình phân tích các thị trường tài chính.

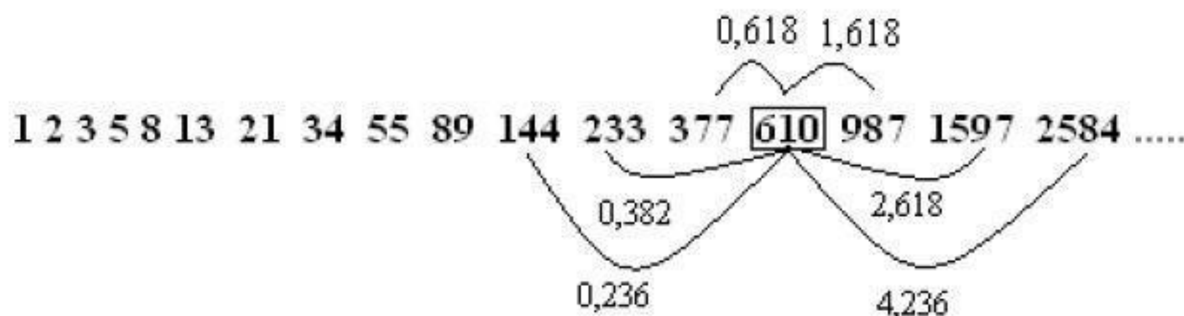
Dãy số Fibonacci

Dãy số Fibonacci là một dãy số mà trong đó, số đứng sau luôn bằng tổng của hai số liền trước cộng lại:

1, 2, 3, 5, 8, 13, 21, 34, 55, 89, 144, 233, 377, 610, 987, 1597, 2584 ...

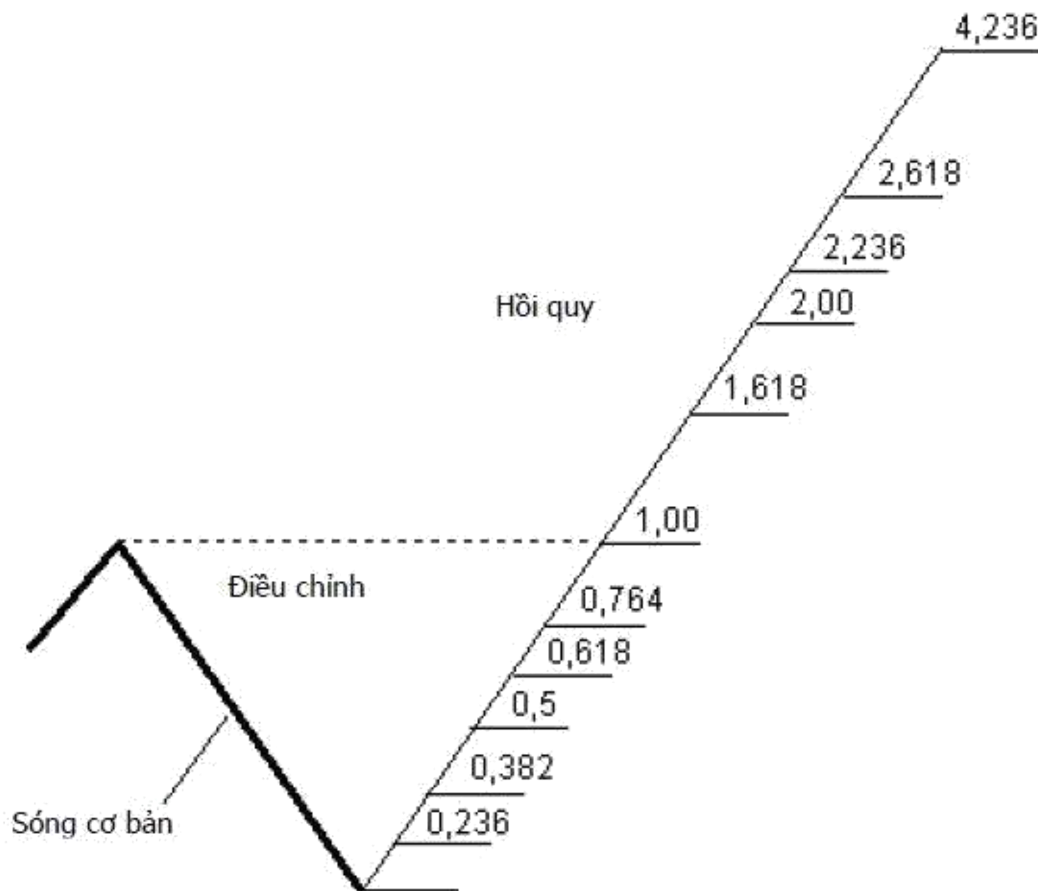
Những con số này có quan hệ qua lại rất đặc biệt. Bất cứ con số nào trong dãy số đều bằng xấp xỉ 0,618 lần số đứng sau và 1,618 lần số đứng trước và số càng lớn thì tỷ lệ này

càng chính xác. Bất cứ số nào trong dãy đều bằng xấp xỉ 0,382 lần số đứng sau số liền sau nó và 2,128 lần số đứng trước số liền trước nó; xa hơn nữa, nó sẽ bằng 0,236 lần số thứ hai sau số liền sau nó và 4,236 lần số thứ hai trước số liền trước nó.



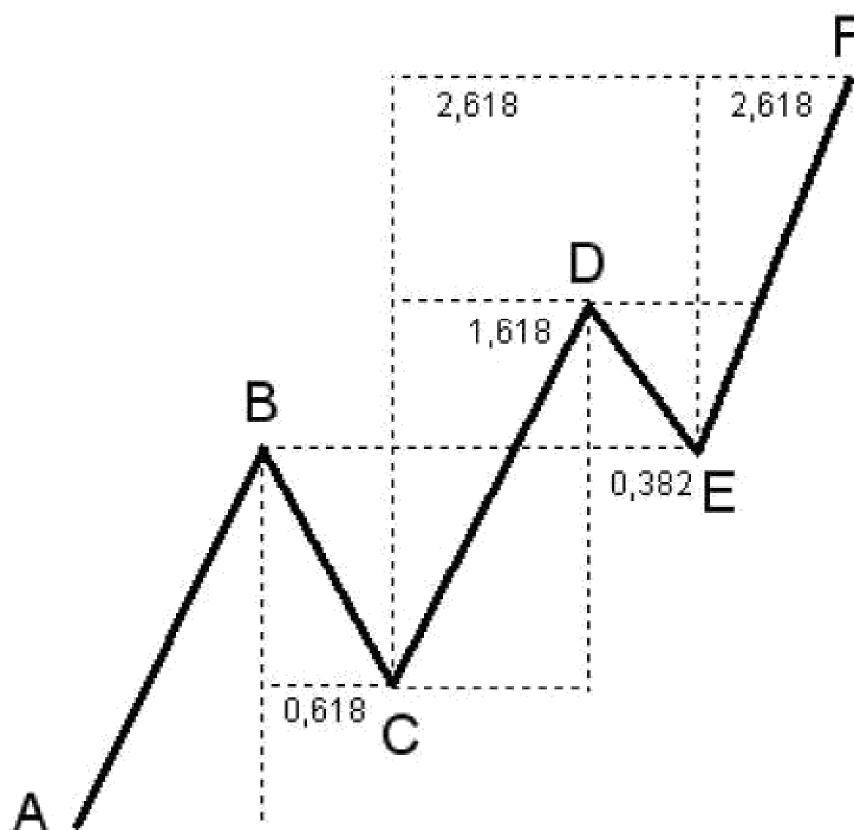
Giá cả cũng tuân theo các tỷ lệ mà chúng tôi vừa nói đến ở trên. Vậy bạn có thể tính toán và áp dụng dãy số Fibonacci như thế nào?

Các nhà kinh doanh thường xuyên sử dụng phương pháp này để tính toán và dự báo độ dài của diễn biến giá bằng cách đo chiều dài của sóng so với xu hướng đi lên hoặc đi xuống trước đó, còn được gọi là Các ngưỡng Fibonacci Nội bộ (Fibonacci Inner Levels). Sóng giá là một diễn biến giá từ đỉnh xuống đáy hoặc từ đáy lên đỉnh (thuật ngữ này được sử dụng bởi Charles Dow và Elliot, xem Chương 8. Phân tích Sóng). Khi một sóng đi xuống kết thúc để một sóng đi lên khác bắt đầu, chúng ta sẽ lấy chiều dài của sóng này làm đơn vị để dự đoán các ngưỡng Fibonacci (Hình 62). Các ngưỡng này vừa là các mục tiêu giá của diễn biến đi lên tiếp theo vừa là các ngưỡng hỗ trợ và kháng cự tự nhiên.



Hình 62. Các ngưỡng đảo chiều tiềm năng

Trong ví dụ ở Hình 63, sóng AB là đơn vị đo lường để dự doán sóng BC tiếp theo. Sóng điều chỉnh BC bằng 0,618 lần chiều dài sóng AB. Sau đó chúng ta lại sử dụng sóng BC làm đơn vị đo lường để dự đoán điểm D. Chiều dài sóng CD sẽ bằng 1,618 lần sóng BC. Chúng ta cũng sử dụng sóng BC để dự đoán điểm F, nằm cách C một khoảng bằng 2,618 sóng BC. Sóng DE điều chỉnh bằng 0,382 lần sóng CD và cùng lúc đó, điểm E và điểm B nằm trên cùng một mức giá. Nó phản ánh quy luật là đường kháng cự một khi đã bị phá vỡ sẽ trở thành đường hỗ trợ. Sau đó chúng ta lại sử dụng sóng DE làm đơn vị đo lường để dự đoán sóng EF, sóng này có chiều dài bằng 2,618 sóng BC và 2,618 sóng DE. Khi các ngưỡng được tạo thành từ các giá trị hồi quy của dãy số Fibonacci trùng khớp nhau tại một mức giá thì nhiều khả năng đó sẽ là một ngưỡng đảo chiều. Các ngưỡng Fibonacci, nếu được áp dụng đúng, sẽ là điểm hút giávà đồng thời, còn đóng vai trò là các ngưỡng đảo chiều hoặc tích lũy.



Hình 63. Giá tuân thủ các ngưỡng hỗ trợ và kháng cự một cách chặt chẽ.

Hãy luôn nhớ rằng khi giá tiến gần đến mục tiêu giá thì nó vẫn có thể chệch khỏi mục tiêu đó từ 4 đến 5 điểm phần trăm. Nếu giádao động trong khoảng 1000 điểm phần trăm thì một khoảng chênh lệch từ 40 đến 50 điểm phần trăm so với mục tiêu giá vẫn là một kết quả rất tốt trong quá trình chinh phục mục tiêu này.

Dãy hồi quy Fibonacci

Phương pháp sau đây được sử dụng để dự đoán chiều dài của cả các sóng điều chỉnh (ngược chiều với xu hướng chủ đạo) lẫn thúc đẩy (cùng chiều với xu hướng chủ đạo).



Hình 64. Hồi quy Fibonacci (EUR/JPY, 4 giờ) MetaTrader - Admiral Markets

Hình 64 minh họa một ví dụ về hồi quy Fibonacci được áp dụng cho cặp EUR/JPY. Diễn biến tăng đáng kể bắt đầu từ ngày 19 tháng 4 đến ngày 3 tháng 5, được đánh dấu bằng một đường đậm trên biểu đồ, tạo ra mục tiêu giá cho diễn biến đi xuống tiếp sau nó. Khi giá bắt đầu đi xuống, nó bình ổn tại mức 0,382 lần của sóng trước đó, bật trở lại và lại đi xuống đến mức 0,618. Sau đó giásẽ đảo chiều và khôi phục xu hướng đi lên. Đây là một quátrình điều chỉnh điển hình.



Hình 65. Dự đoán mục tiêu giá (EUR/USD, Hàng ngày) MetaTrader - Admiral Markets

Các ngưỡng dự đoán đóng vai trò là các ngưỡng hỗ trợ và kháng cự tạm thời và được các nhà kinh doanh sử dụng để đóng các trạng thái của mình nhằm thu lời. Khi một ngưỡng bị phá vỡ thì giá sẽ hướng tới ngưỡng tiếp theo. Sóng đi xuống trên biểu đồ hàng ngày của cặp EUR/USD trên Hình 65 cho chúng ta thấy cơ sở để dự đoán mục tiêu giá tiếp theo của sóng đi lên. Khi giáđi lên, nó có xu hướng bình ổn tại ngưỡng 0,382; 0,618; 0,764; 1,618 và 2 của dãy hồi quy Fibonacci. Khi một ngưỡng bị phá vỡ, giá sẽ hướng tới ngưỡng tiếp theo.

Sử dụng Chỉ số ZigZag, một trong các Chỉ số của Khách hàng mà phần mềm MetaTrader4 đưa ra, là một trong nhiều phương pháp để đánh dấu dãy hồi quy Fibonacci lên biểu đồ. Chỉ số ZigZag chỉ ra mọi diễn biến giáđáng chú ý mà không bị ảnh hưởng bởi nhiễu động thị trường.

Một chỉ số khác cũng giúp đánh dấu các ngưỡng Fibonacci là Zigzag Fibo Beta (dãy hồi quy Fibonacci được đánh dấu một cách tự động với sự trợ giúp từ đường Zigzag này).



Hình 66. Chỉ số ZigZag giúp đánh dấu dãy hồi quy Fibonacci để dự đoán các mục tiêu giá. (EUR/USD, 1 giờ) MetaTrader – Admiral Markets



Hình 67. Chỉ số Zigzag Fibo Beta (USD/CHF, 4 giờ) MetaTrader – Admiral Markets

Chỉ số Zigzag Fibo Beta (USD/CHF, 4 giờ) MetaTrader - Admiral Markets Chỉ số Zigzag Fibo Beta đánh dấu các ngưỡng Fibonacci với sự trợ giúp từ sóng đi xuống gần nhất được tạo thành trên biểu đồ 4 giờ của cặp USD/CHF trong Hình 67. Khi giáđi lên, nó bình ổn ở mức Fibonacci 38,2%.

Dải quạt Fibonacci (Fibonacci Fan)

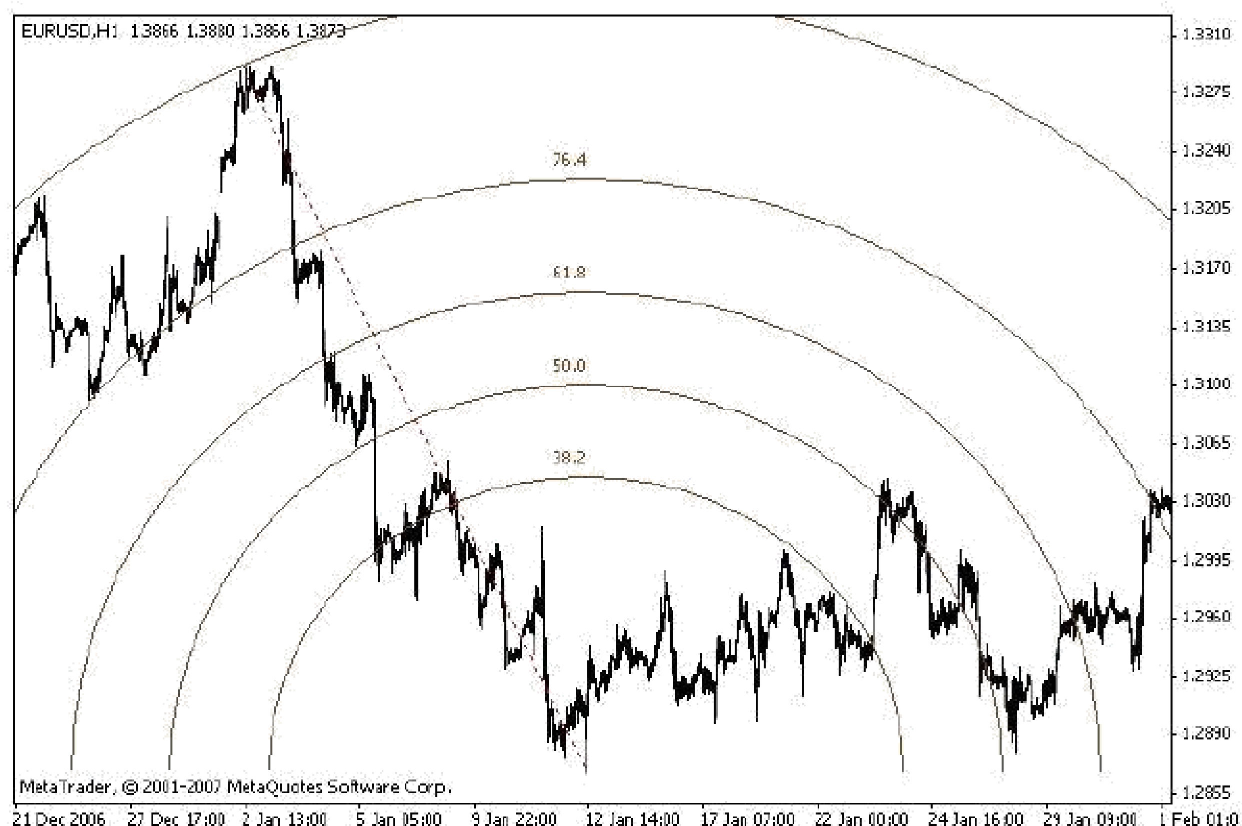


Hình 68. Dải quạt Fibonacci (GBP/USD, 4 giờ), MetaTrader – Admiral Markets

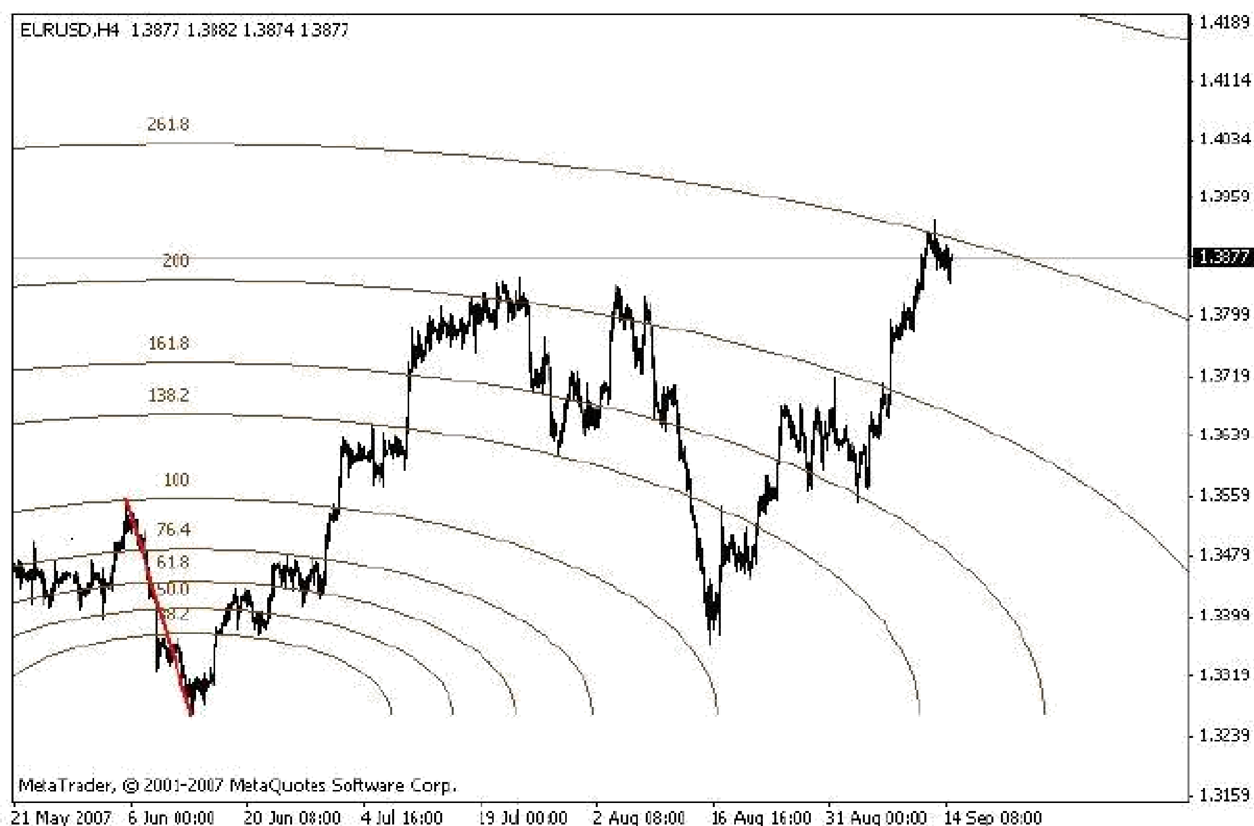
Dải quạt Fibonacci được áp dụng giống như dãy hồi quy Fibonacci, nó dựa trên mức đỉnh hoặc mức đáy trước đó. Các đường của dải quạt chính là các ngưỡng hỗ trợ và kháng cự.

Các vòng cung Fibonacci (Fibonacci Arcs)

Các vòng cung Fibonacci được áp dụng tương tự như Dải quạt Fibonacci, nhưng chúng có một ưu điểm lớn hơn, đó là chúng có tính đến yếu tố thời gian. Chúng phát huy tối đa khả năng của mình khi giádao động trong khoảng hẹp trong một thời gian dài sau một diễn biến giá mạnh mẽ.



Hình 69. Các vòng cung Fibonacci (EUR/USD, 1 giờ), MetaTrader - Admiral Markets



Hình 70. Các đường vòng cung Fibonacci (EUR/USD, 4 giờ), MetaTrader - Admiral Markets

Các đường vòng cung thường trở thành các giới hạn giáđáng tin cậy nếu chúng được dự đoán dựa trên một sóng mạnh. (Hình 70).

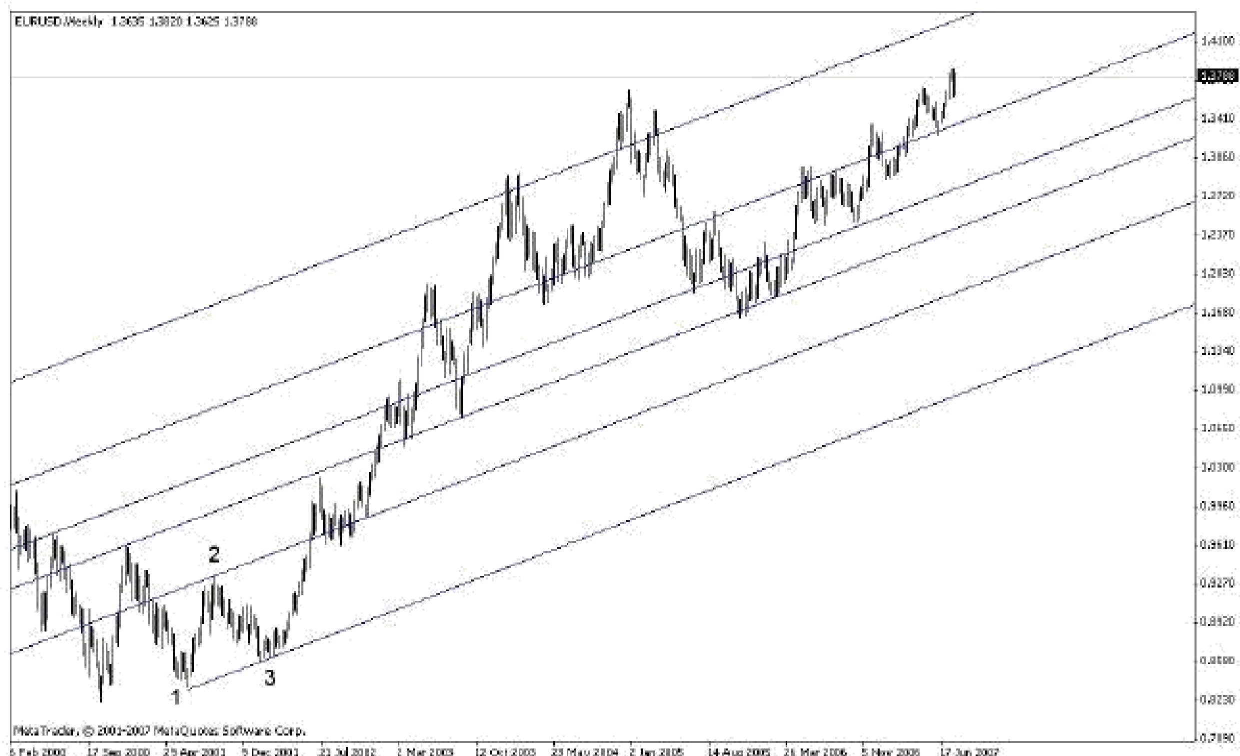
Fibonacci mở rộng (Fibonacci Expansion)

Phương pháp này còn được gọi là Các ngưỡng Fibonacci Ngoại lai. Việc dự đoán mục tiêu giáđược dựa trên sóng gần nhất cùng chiều với xu hướng. Trong Hình 71, chúng ta dự đoán chiều dài của sóng AB, đưa lên biểu đồ để dự đoán sóng BC. Phương pháp này được sử dụng khi bạn cho rằng chiều dài của sóng hiện tại sẽ lớn hơn chiều dài của sóng liền trước ngược chiều với xu hướng (CD > BC). Thông thường, khi một sóng thúc đẩy được hình thành (AB) và giáđiều chỉnh trong sóng BC, thì sóng thúc đẩy sau đó (CD) sẽ có thể tạo thành một tỉ lệ nào đó so với sóng thúc đẩy liền trước nó. Ví dụ, sóng CD sẽ bằng 0,618 (hoặc 1,618) sóng AB. Phương pháp này còn được gọi là Các ngưỡng Joe DiNapoli.



Hình 71. Fibonacci mở rộng (GBP/USD, Ngày), MetaTrader - Admiral Markets

Kênh giá Fibonacci (Fibonacci Channels)



Hình 72. Các kênh giá Fibonacci (EUR/USD, Tháng), MetaTrader - Admiral Markets

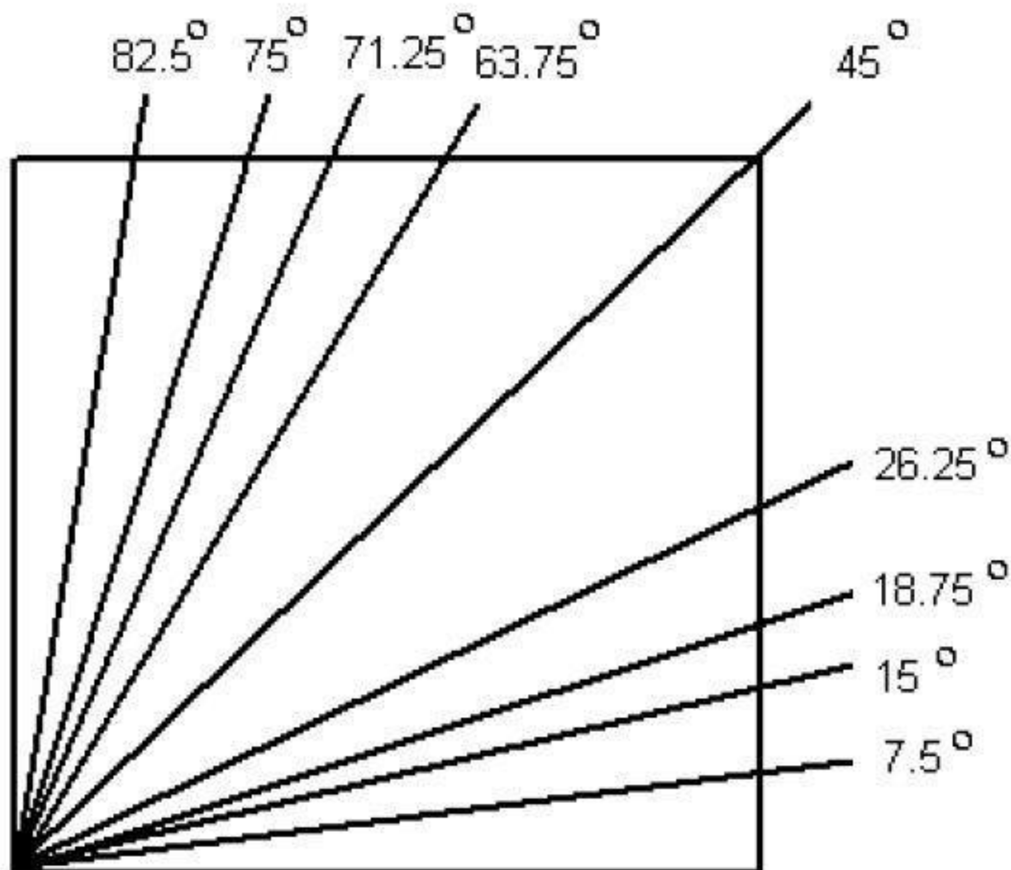
Bạn có thể xây dựng Các kênh giá Fibonacci bằng cách nào? Các kênh giá Fibonacci được áp dụng vào chu kỳ đầu tiên cùng chiều với xu hướng. Chu kỳ đầu tiên là sự tạo thành mô hình Đáy-Đỉnh-Đáy trong một xu hướng đi lên (1, 2, 3 trong Hình 72) hoặc Đỉnh-Đáy-Đỉnh trong một xu hướng đi xuống. Các kênh giáFibonacci là các ngưỡng hỗ trợ và kháng cự quan trọng. Chúng phản ánh một thực tế là xu hướng thường phát triển đi lên hoặc đi xuống một cách không tương đương qua các giai đoạn khác nhau.

William Gann (1878 - 1955)

Một trong những nhà kinh doanh thành công nhất, TS. William Gann là tác giả của một lý thuyết thú vị kết hợp các diễn biến giá với yếu tố thời gian. Gann áp dụng rất nhiều phương pháp hình học và toán học vào các dự báo của mình. Ông có lực lượng đông đảo người ngưỡng mộ và học theo. Tuy nhiên, lý thuyết của ông khá phức tạp. Chúng ta sẽ chỉ xem xét những yếu tố cơ bản trong đó và nghiên cứu hai công cụ sẵn có trong MetaTrader4. Theo lý thuyết của Gann, diễn biến giá tối ưu sẽ diễn ra tại góc 45 độ so với trục hoành. Dạng thức hình học của diễn biến giá và các góc của nó được coi là nền tảng để dự báo các diễn biến giátrong tương lai.

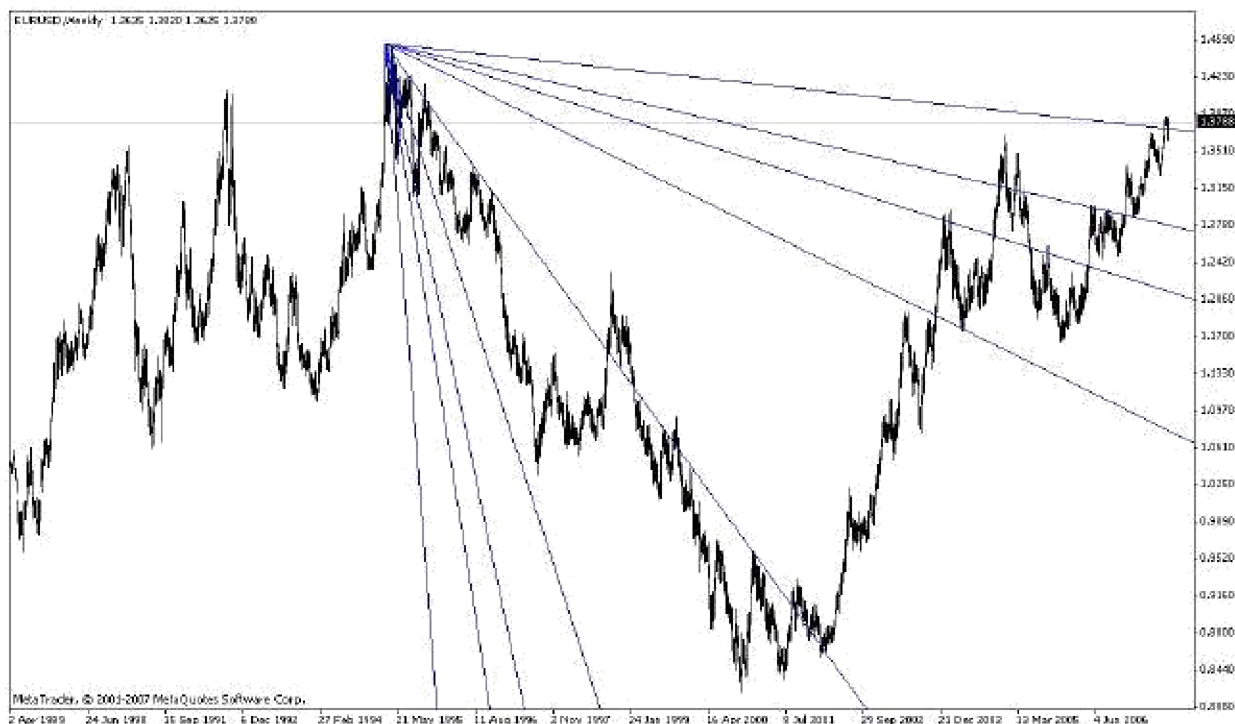
Dải quạt gann (Gann fan)

Dải quạt Gann bao gồm 9 đường, đóng vai trò là các đường hỗ trợ và kháng cự và được tạo nên với các góc khác nhau so với trục hoành. Đường trung tâm tạo với trục hoành một góc 45 độ.



Hình 73. Sơ đồ Dải quạt Gann

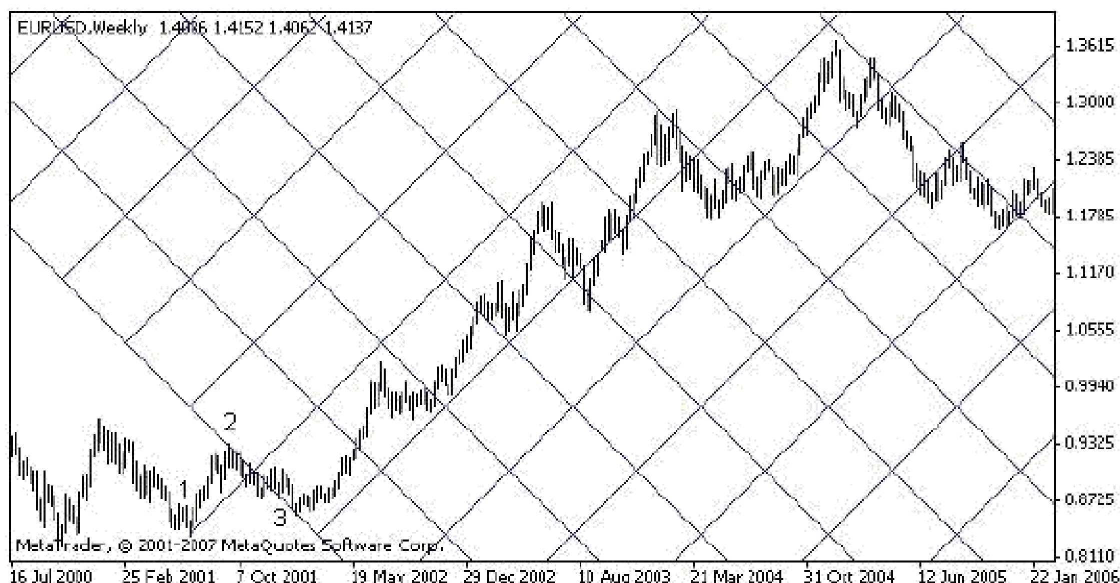
Chúng ta phải xác định các mức Đỉnh hoặc Đáy gần nhất để áp dụng mô hình Dải quạt Gann cùng chiều với sóng tiếp với góc 45 độ. Các đường của Dải quạt Gann đóng vai trò là các ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự cho diễn biến giá tiếp theo.



Hình 74. Dải quạt Gann (EUR/USD, Tháng), MetaTrader – Admiral Markets

Ô *kẻ Gann (Gann Grid)*

Ô kẻ Gann được xây dựng tương tự như Dải quạt Gann. Các đường được áp dụng từ Đáy xuống Đỉnh của chu kỳ đầu tiên (1, 2, 3 trong Hình 71) tại góc 45 độ so với trục hoành. Bảng ô kẻ đưa ra các chỉ dẫn, các đường hỗ trợ và kháng cự cho diễn biến giáđang xét. Nếu giáđi lên, nó sẽ tuân theo các đường hướng lên trên. Nếu giáđi xuống, nó sẽ tuân theo các đường hướng xuống dưới.



Hình 75. Ô kẻ Gann (EUR/USD, Tuần) MetaTrader - Admiral Markets

Các phương pháp và chỉ số khác trong phân tích tỷ lệ

Các ngưỡng Chốt (Pivot Levels)

Các điểm chốt cho phép dự đoán chiều hướng của thị trường với sự trợ giúp của một vài phép tính đơn giản. Nó thường được sử dụng trong giao dịch trong ngày. Một điểm chốt là một mức giá mà nếu bị giá phá vỡ thì nó sẽ thay đổi chiều hướng của diễn biến giá trong ngày hôm đó. Nó được tính toán dựa trên các mức giáđáng chú ý (đỉnh, đáy, và đóng cửa) của ngày hôm trước.

Các ngưỡng chốt được tính toán bởi:

Điểm chốt = (Đỉnh + Đóng cửa + Đáy)/3
Hỗ trợ 1 = 2 x Điểm chốt - Đỉnh
Kháng cự 1 = 2 x Điểm chốt - Đáy
Hỗ trợ 2 = Điểm chốt - (Kháng cự 1 - Hỗ trợ 1)
Kháng cự 2 = Điểm chốt + (Kháng cự 1 - Hỗ trợ 1)
Hỗ trợ 3 = Đáy - 2 x (Đỉnh - Điểm chốt)
Kháng cự 3 = Đỉnh + 2 x (Điểm chốt - Đáy)

Nếu thị trường mở cửa ở mức giádưới Điểm chốt thì bạn sẽ có lợi hơn nếu mở các trạng thái bán trong ngày hôm đó. Điểm chốt, Kháng cự 1 và Hỗ trợ 1 là các điểm cần quan

tâm nhất. Kháng cự 2, Kháng cự 3 hoặc Hỗ trợ 2, Hỗ trợ 3 phản ánh tình trạng thị trường quá mua hoặc quábán; chúng đóng vai trò là các mục tiêu giáđể đóng các trạng thái đang mở.

Hình 76 minh họa ví dụ về việc sử dụng Các điểm chốt. Như bạn có thể thấy, giá di chuyển từ Điểm chốt theo cả hai hướng tùy thuộc vào các ngưỡng hỗ trợ và kháng cự. Nếu một ngưỡng bị phá vỡ, giá sẽ hướng tới ngưỡng tiếp theo.



Hình 76. Các điểm chốt (USD/JPY, 1 giờ) MetaTrader - Admiral Markets

Hồi quy Fibonacci 3

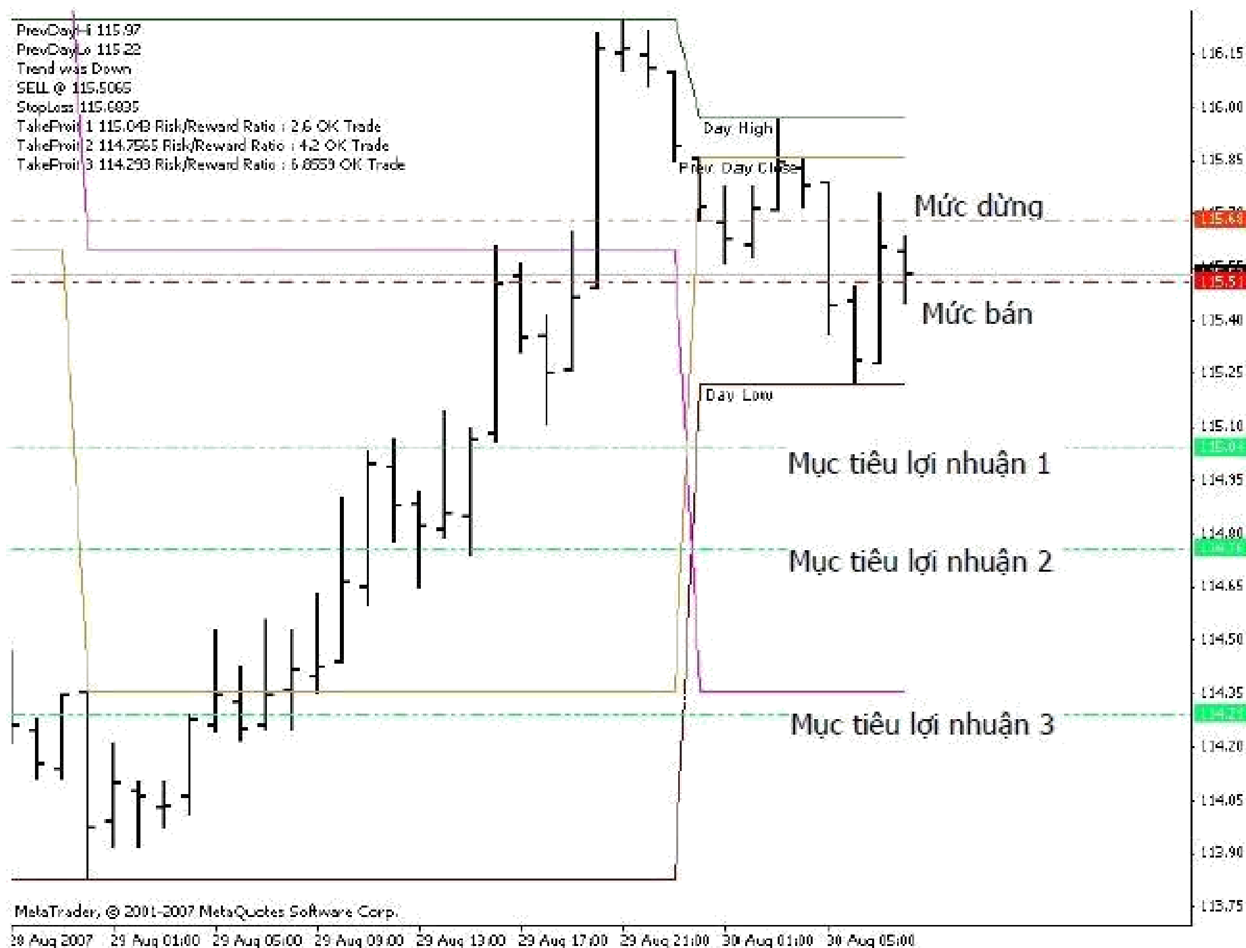


Hình 77. Hồi quy Fibonacci 3 (EUR/USD, 1 giờ), MetaTrader - Admiral Markets

Chỉ số này dự báo Các ngưỡng Fibonacci dựa trên hai sóng cuối cùng: sóng dài hạn và sóng ngắn hạn (Hình 77).

Hình 77 minh họa Hồi quy Fibonacci 3 trên biểu đồ 1 giờ của cặp EUR/USD. Sau khi giá đã đạt tới ngưỡng 1,3683, nó sẽ giảm dần do quátrình điều chỉnh xuống mức 38,2%. Sau đó giá lại tăng lên, đạt mức 38,2% và 81,8% của diễn biến giáđi xuống.

Fibo Calc



Hình 78 Fibo Calc (USD/JPY, 1 giờ) MetaTrader - Admiral Markets

Fibo Calc là một phương pháp giao dịch dựa trên các chỉ số Fibonacci. Nó có thể được sử dụng làm cơ sở để tạo ra một chiến lược giao dịch trong ngày. Chỉ số này dự đoán các ngưỡng Fibo dựa trên các dao động trong một ngày giao dịch đồng thời chỉ ra các ngưỡng giáđể bạn mở một trạng thái giao dịch, đặt các Lệnh Dừng lỗ và Chốt lời của mình. Nó thậm chí còn cho chúng ta các chỉ số Rủi ro/Lợi nhuận (Risk/Reward).

Hình 78 minh họa phương pháp Fibo Calc. Chúng ta sử dụng xu hướng hình thành từ ngày hôm trước để dự đoán xu hướng giá. Trong Hình 78, xu hướng là đi xuống. Ngưỡng giá để mở một trạng thái là Mức Bán 115,51 và ngưỡng giáđể đặt lệnh Cắt lỗ là Mức Dừng 115,68. Các Mục tiêu Lợi nhuận 1, 2 và 3 với các chỉ số Rủi ro/Lợi nhuận tương ứng được chỉ ra.

Murray Math

Chỉ số Murray Math là một phương pháp dựa trên một số ngưỡng quan trọng. Chỉ số này dựa trên các lý thuyết của Gann, các lý thuyết này sử dụng chỉ số 1/8 để xác định các tỷ lệ tự nhiên của diễn biến. Murray tạo ra một hệ thống hình học sử dụng một số quy tắc trong lý thuyết của Gann và lý thuyết Nến Nhật Bản. Nguyên tắc căn bản là phải xác định được xu hướng, giao dịch dựa trên xu hướng đó và nhanh chóng rời khỏi thị trường khi đã có lời (chuyển từ mức này sang mức khác). Kênh giáđược chia ra thành 8 phần mà mỗi phần lại là một mức quan trọng.

Hình 79 minh họa Murray Math trên biểu đồ 4 giờ của cặp EUR/USD. Khi giátăng, các ngưỡng của chỉ số này là các ngưỡng kháng cự; khi giá giảm, chúng lại trở thành các ngưỡng hỗ trợ. Khi một ngưỡng bị phá vỡ, nhiều khả năng giásẽ đạt tới ngưỡng tiếp theo. Do đó, việc một ngưỡng bị phá vỡ cũng chính là dấu hiệu để mở một trạng thái, và khi giá chạm tới ngưỡng tiếp theo thì đó là dấu hiệu để chốt lời. Như bạn có thể thấy trên hình 79, giáđạt tới ngưỡng tiếp theo trong 8 lần xảy ra sự phá vỡ. Trong 4 trường hợp còn lại, giá không thể làm được điều này. Cần phải đặt các lệnh Dừng lỗ trên các đỉnh liền trước hoặc dưới các đáy liền trước ngược chiều với sự phá vỡ. Trong ví dụ của chúng ta, khoảng chênh giữa các ngưỡng là 120 điểm phần trăm và lệnh Cắt lỗ tối thiểu là 60 điểm phần trăm. Điều đó có nghĩa là chỉ số Rủi ro/Lợi nhuận bằng một nửa, tức là khả năng có một giao dịch thành công cao hơn hai lần so với khả năng có một giao dịch thất bại.

Hình 79 Murray Math (EUR/USD, 4 giờ) MetaTrader - Admiral Markets

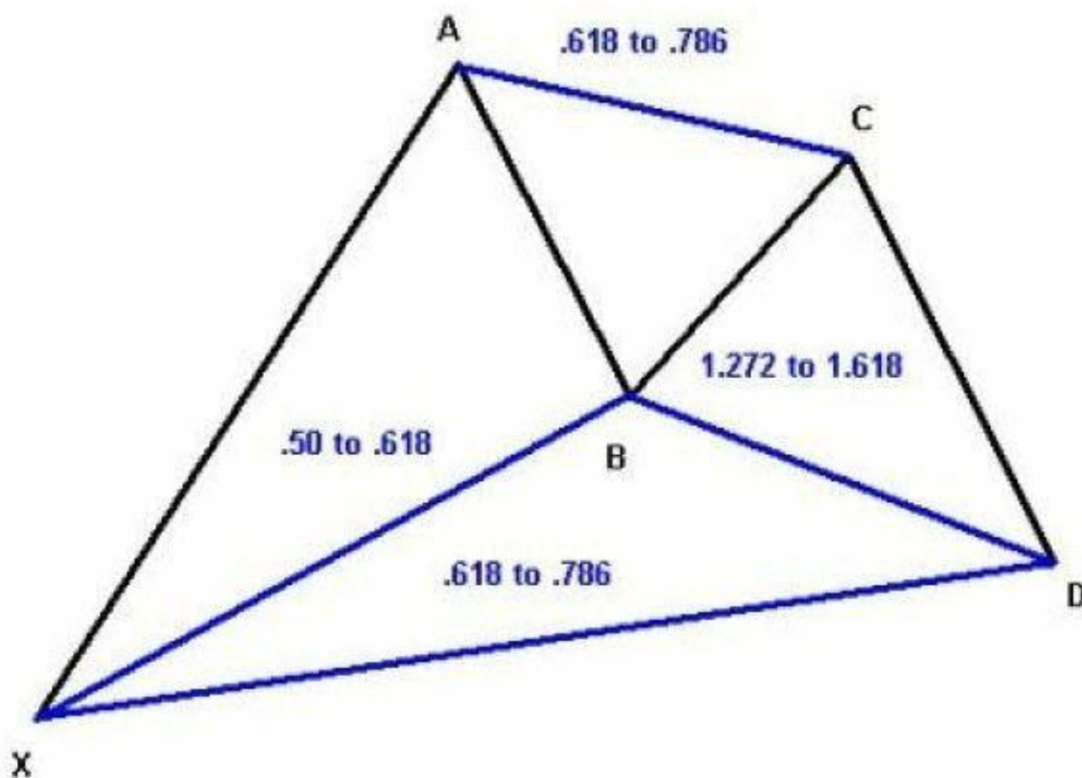
Các mô hình hài hòa trong các tỷ lệ sóng

Vào những năm 1930, H. M. Gartley đã mô tả một số mô hình thường xuất hiện trên biểu đồ giá tại các thị trường tài chính ("Lợi nhuận trên thị trường chứng khoán"). Sau đó, các mô hình này dần trở nên phổ biến hơn nhờ các công trình của Larry Pesavento và Scott Carney. Các mô hình hài hòa xuất hiện trên các biểu đồ giá phản ánh các tỷ lệ Fibo của sự đảo chiều của giá. Chúng được sử dụng để xác định khả năng có được lợi nhuận tiềm năng. Xét về lý thuyết sóng, phần lớn các mô hình đều là sự kết hợp điều chỉnh hoặc sự tạo thành cuối cùng trước khi một diễn biến giá mạnh mẽ theo chiều ngược lại diễn ra. Chúng cũng chính là đặc trưng của các thị trường tài chính.

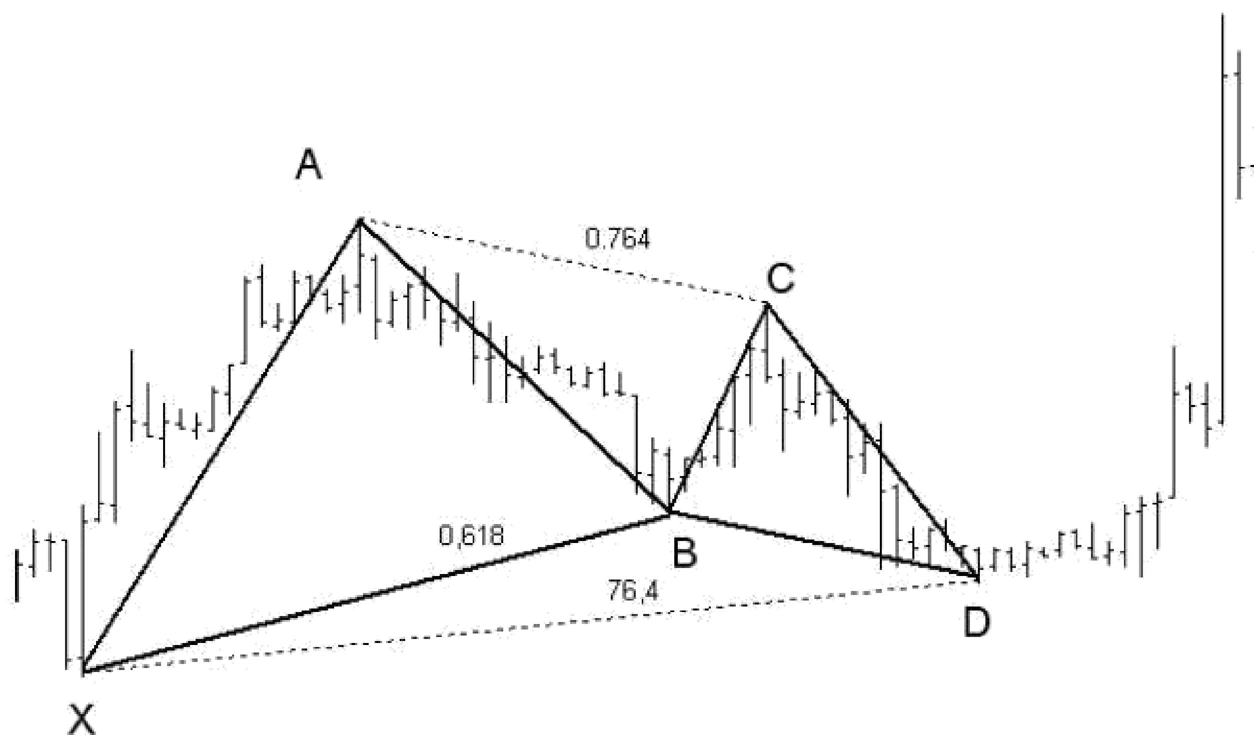
Mô hình Cánh bướm (Butterfly)

Đây là mô hình hài hòa phổ biến nhất trong số các mô hình dạng này.

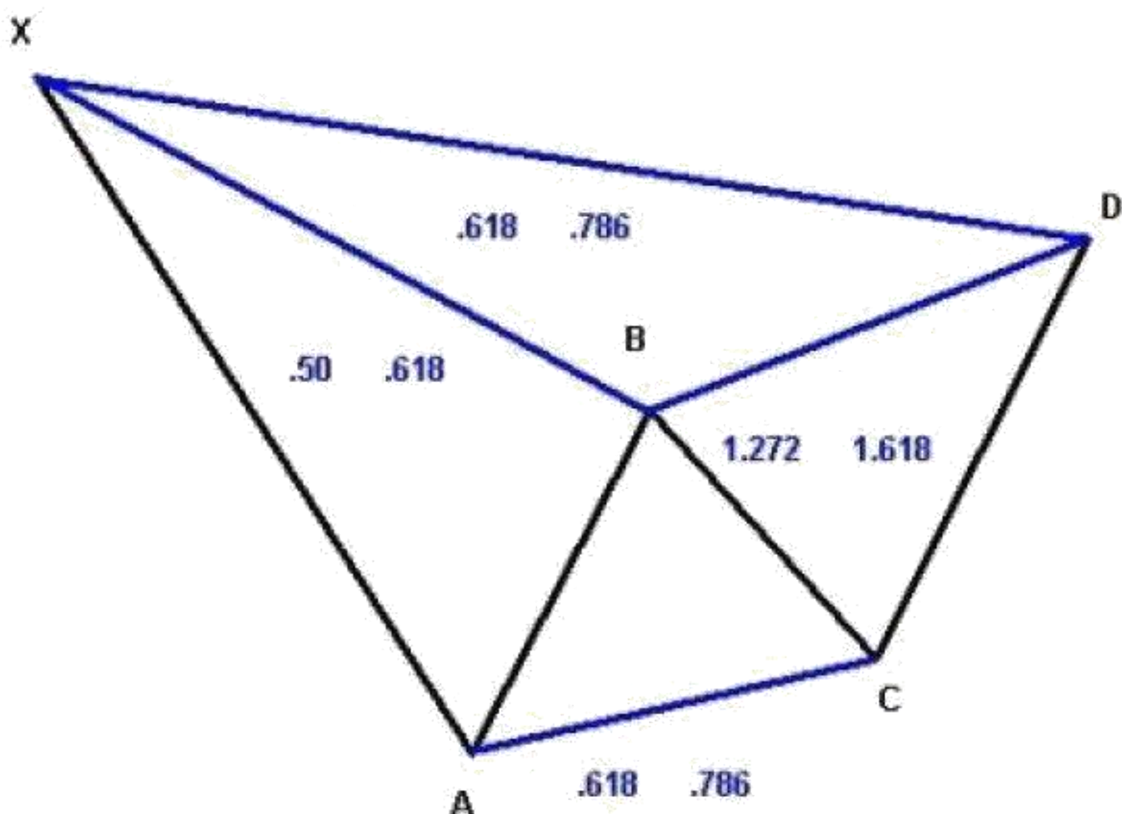
Một điều chỉnh Zigzag nối tiếp sau sóng thúc đẩy theo chiều đi lên (Hình 80, điểm A). Đợt điều chỉnh đầu tiên đạt 50% - 61,8% ngưỡng điều chỉnh (điểm B), sau đó giálại tăng lên cùng chiều với sóng thúc đẩy (điểm C) với mức 61,8% của đợt điều chỉnh đầu tiên. Đợt điều chỉnh thứ hai (điểm D) đạt 61,8 - 76,4% của sóng thúc đẩy A. Các diễn biến giá này tạo thành 2 tam giác có chung điểm B. Các tam giác hợp lại tạo thành một hình cánh bướm. Mô hình cho thấy điểm D (61,8 - 76,4% diện tích) là vùng đảo chiều tiềm năng với đặc điểm là lợi nhuận tiềm năng lớn và rủi ro tối thiểu. Nếu thị trường đảo chiều trong khu vực này theo chiều sóng thúc đẩy (tín hiệu đảo chiều là sự tạo thành đáy trong một khung thời gian hẹp) thì sau đó giásẽ tăng đến mục tiêu tối thiểu là tại ngưỡng của điểm A.



Hình 80. Mô hình hài hòa Cánh bướm cho thấy nên mua vào tại điểm D.

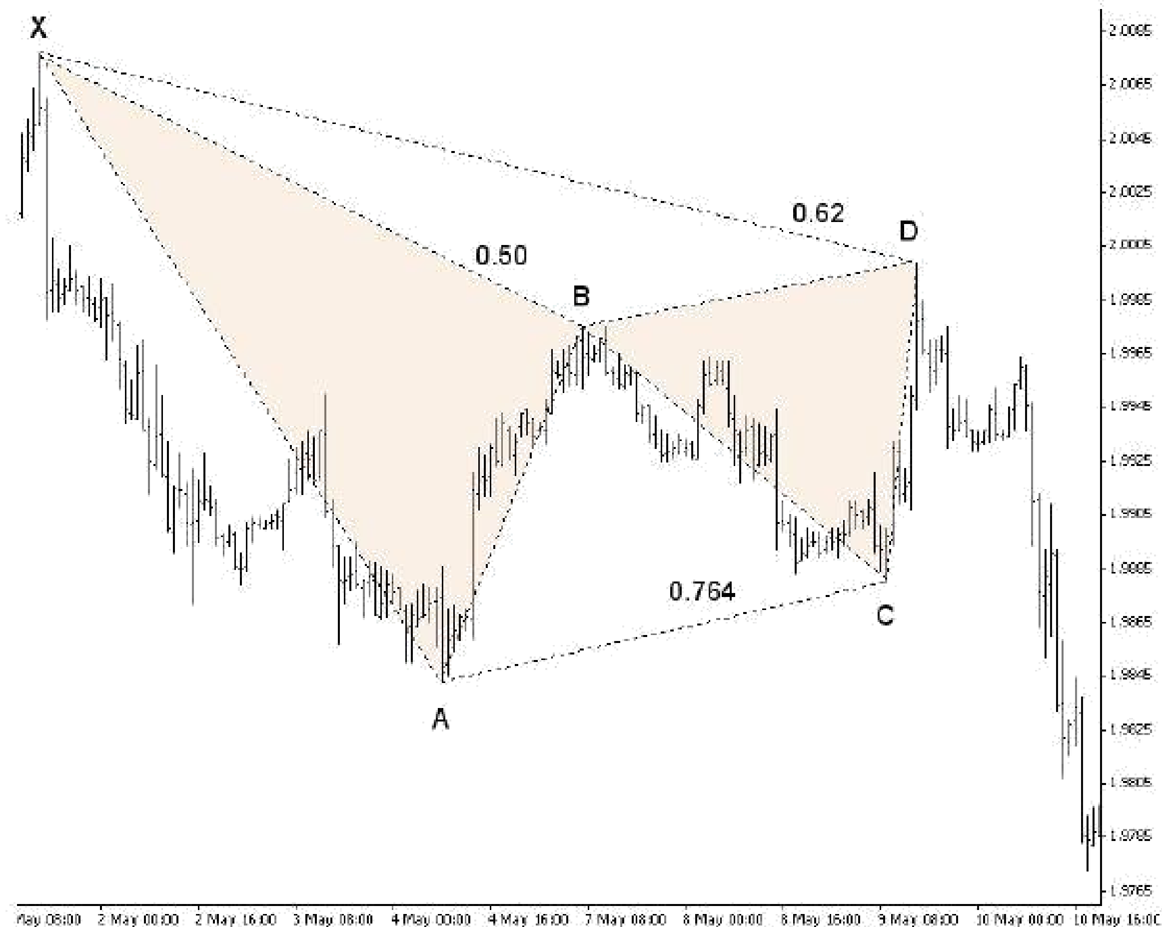


Hình 81. Mô hình hòa hợp Cánh bướm (GBP/USD, 1 giờ), MetaTrader - Admiral Markets



Hình 82. Mô hình hòa hợp Cánh bướm cho thấy nên bán ra tại điểm D.

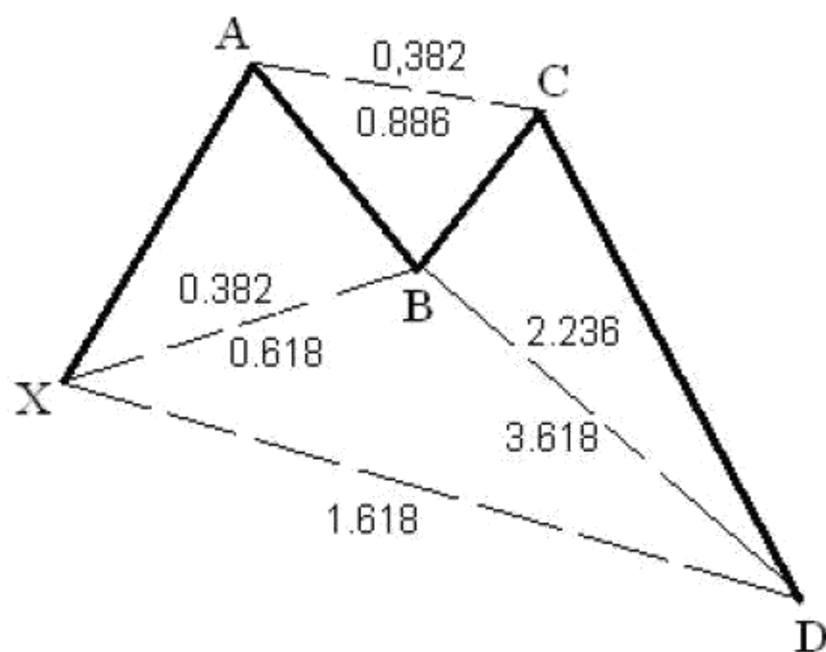
Trên thực tế, mô hình này xuất hiện rất thường xuyên và trên các khung thời gian khác nhau. Bạn không cần phải nắm được toàn cảnh sóng thị trường hiện tại, bởi nó không giúp tạo ra sự khác biệt. Mô hình có thể được tạo thành tại sóng thứ hai, thứ tư hoặc một đường zigzag lớn, bởi trong bất cứ trường hợp nào thì tiềm năng tại điểm D đều rất lớn. Đương nhiên, bạn cũng cần nhớ là nên bảo vệ kết quả giao dịch của mình bằng các lệnh dừng lỗ.



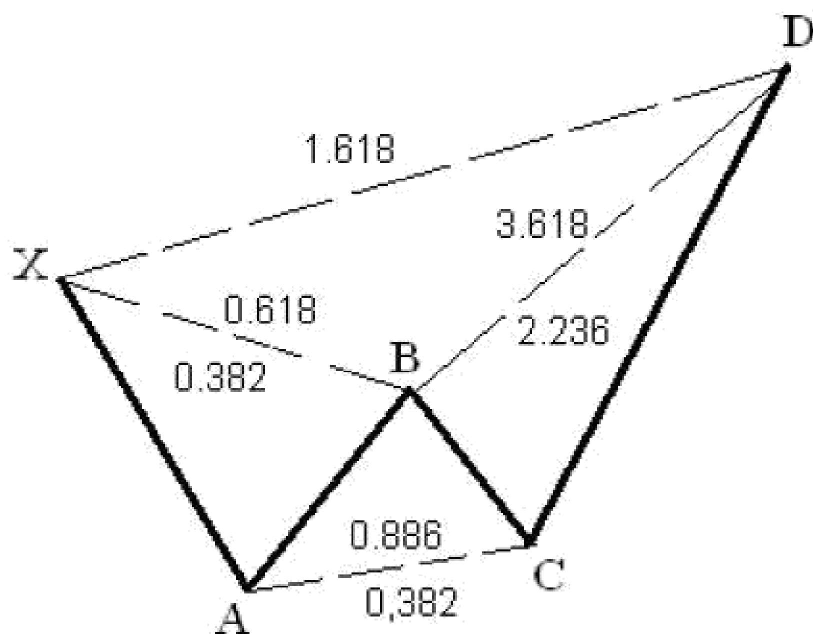
Hình 83. Mô hình hài hòa Cánh bướm (GBP/USD 1 giờ), MetaTrader - Admiral Markets

Hình 83 minh họa mô hình hài hòa Cánh bướm được tạo thành trên biểu đồ 1 giờ của cặp GBP/USD từ ngày 1 đến ngày 9 tháng 5. Giáđiều chỉnh tại mức 62% (tại ngưỡng tâm lý 2,00) và hoàn thiện mô hình tại điểm D cho thấy dấu hiệu để bán ra. Giáđạt mức 1,975 mục tiêu giá tại ngưỡng 1,618 của diễn biến AD.

Bên cạnh mô hình cân đối cổ điển còn có một vài biến thể khác của nó, có tên gọi là các mô hình Con cua và Con dơi.



Hình 84. Mô hình hài hòa Con cua. Điểm D là dấu hiệu của một sự đảo chiều tiềm năng và nên mua vào.

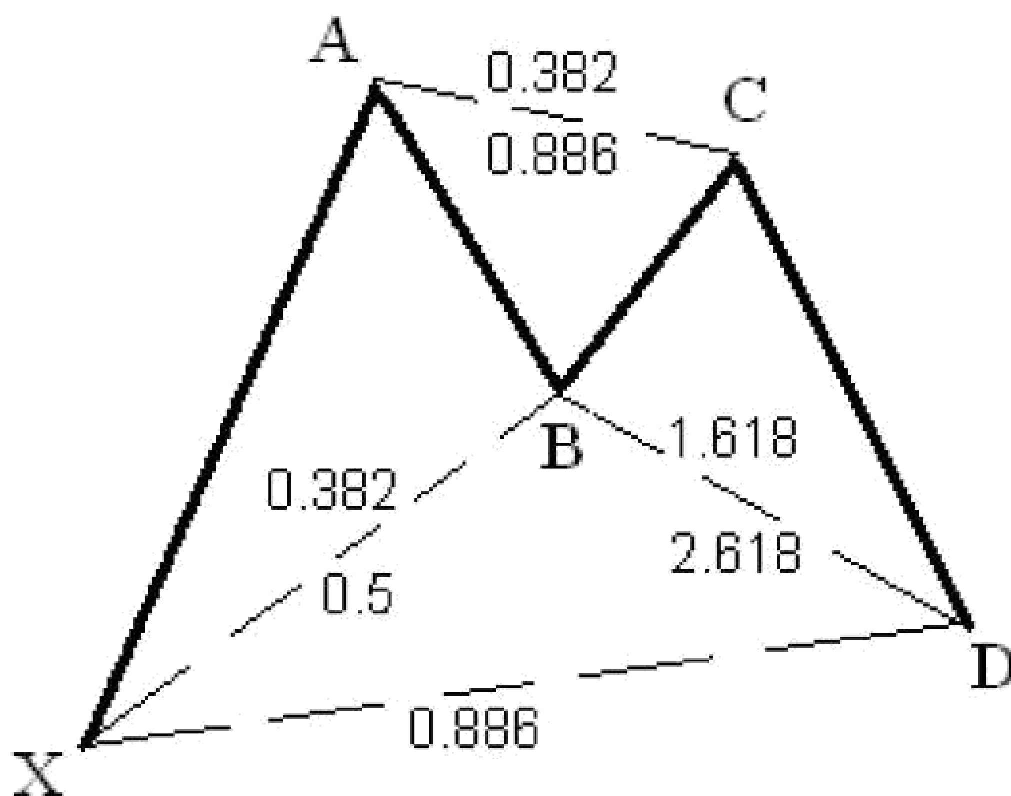


Hình 85. Mô hình cân đối Con cua khi thị trường đi xuống. Điểm D là dấu hiệu của một sự đảo chiều tiềm năng và nên bán ra.

Biên độ giá hẹp gần với điểm đảo chiều tiềm năng D là đặc trưng của mô hình hòa hợp này. Điểm D nằm ở ngưỡng 1,618 của đoạn XA còn các ngưỡng 2,236; 2,618 hoặc 3,618 là của sóng BC. Mô hình này thường chỉ ra các điểm đảo chiều một cách chính xác và chỉ yêu cầu đặt các mức cắt lỗ nhỏ.

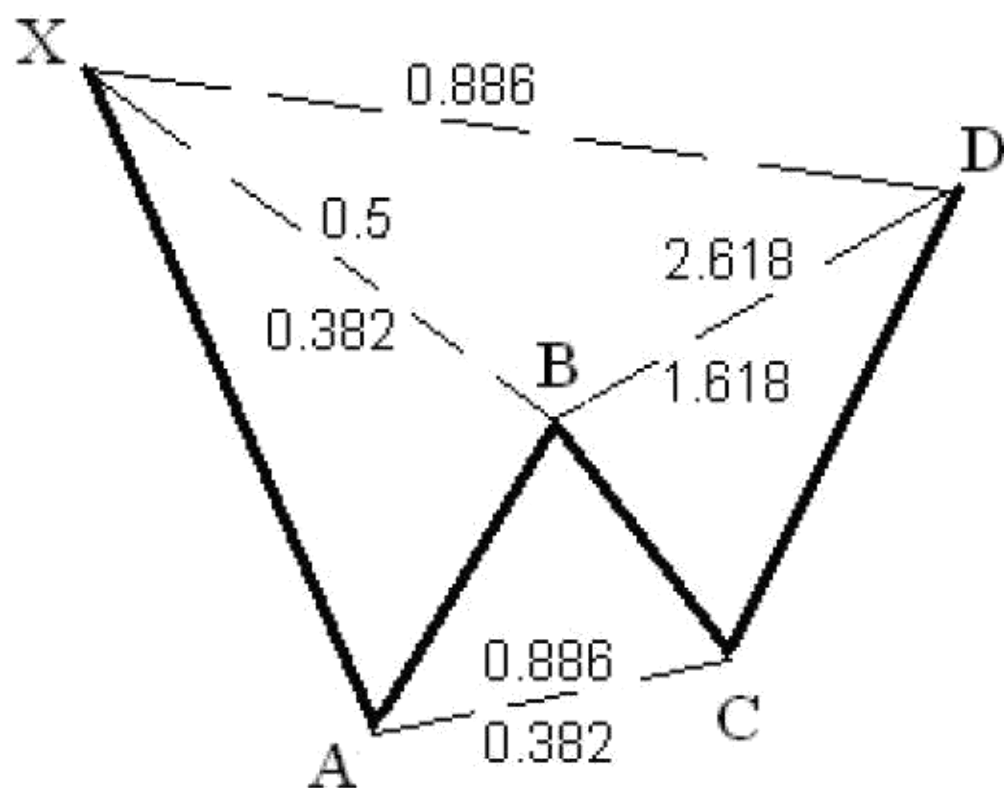
Mô hình hài hòa con dơi

Mô hình này được đặc trưng bởi điều chỉnh ở ngưỡng 0,886 của sóng XA, điều này giúp xác định khu vực đảo chiều tiềm năng (điểm D). Diễn biến giá từ điểm B sẽ thấp hơn 0,618 (ngưỡng 0,5 hoặc 0,382 của XA). Tỷ lệ điều chỉnh sóng BC để dự đoán đểm D thường nằm từ 1,618 đến 2,618.

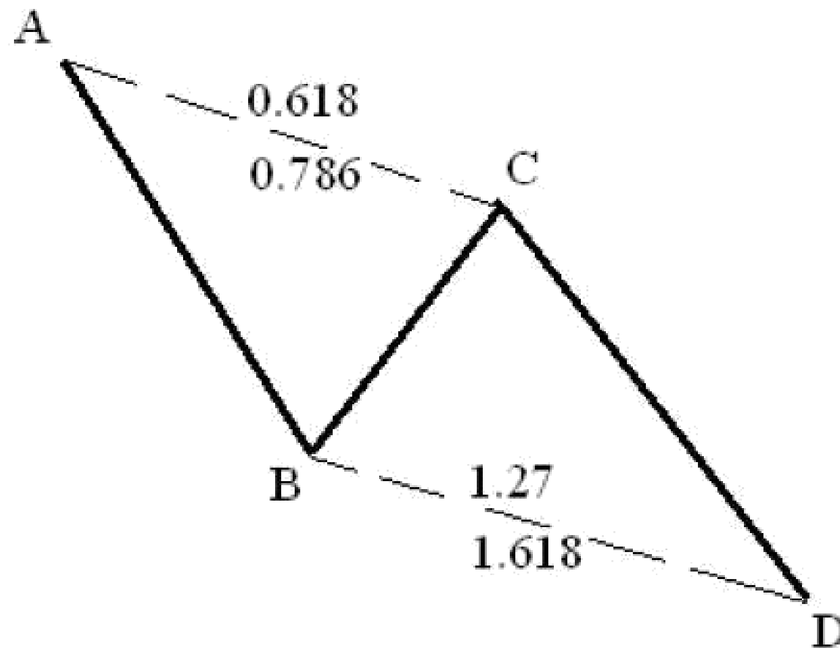


Hình 86. Mô hình hài hòa Con dơi cho thấy dấu hiệu nên mua vào tại điểm D

Các mức 1,27; 0,382; 1,618 hoặc tương đương của sóng AB và CD là đặc trưng của phần lớn các mô hình cân đối Cánh bướm, bởi chúng xác nhận các mô hình cân đối này.

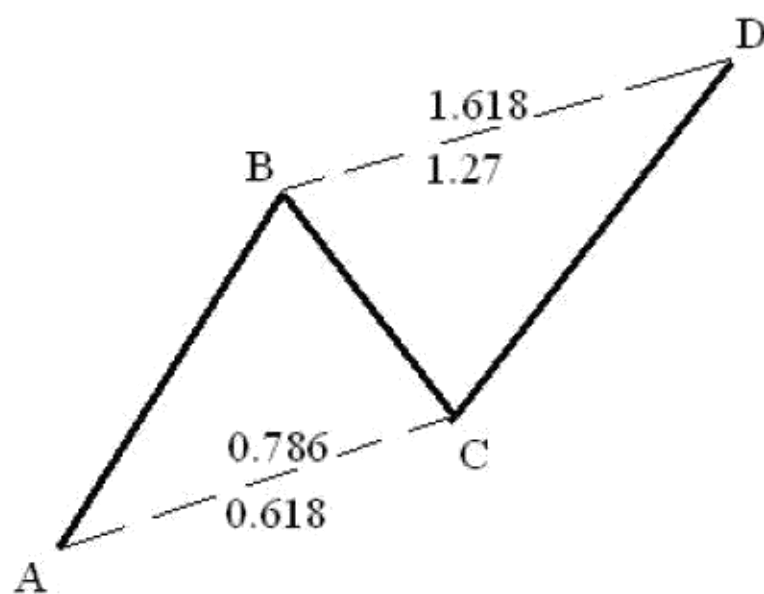


Hình 87. Mô hình hài hòa Con dơi cho thấy dấu hiệu nên bán ra

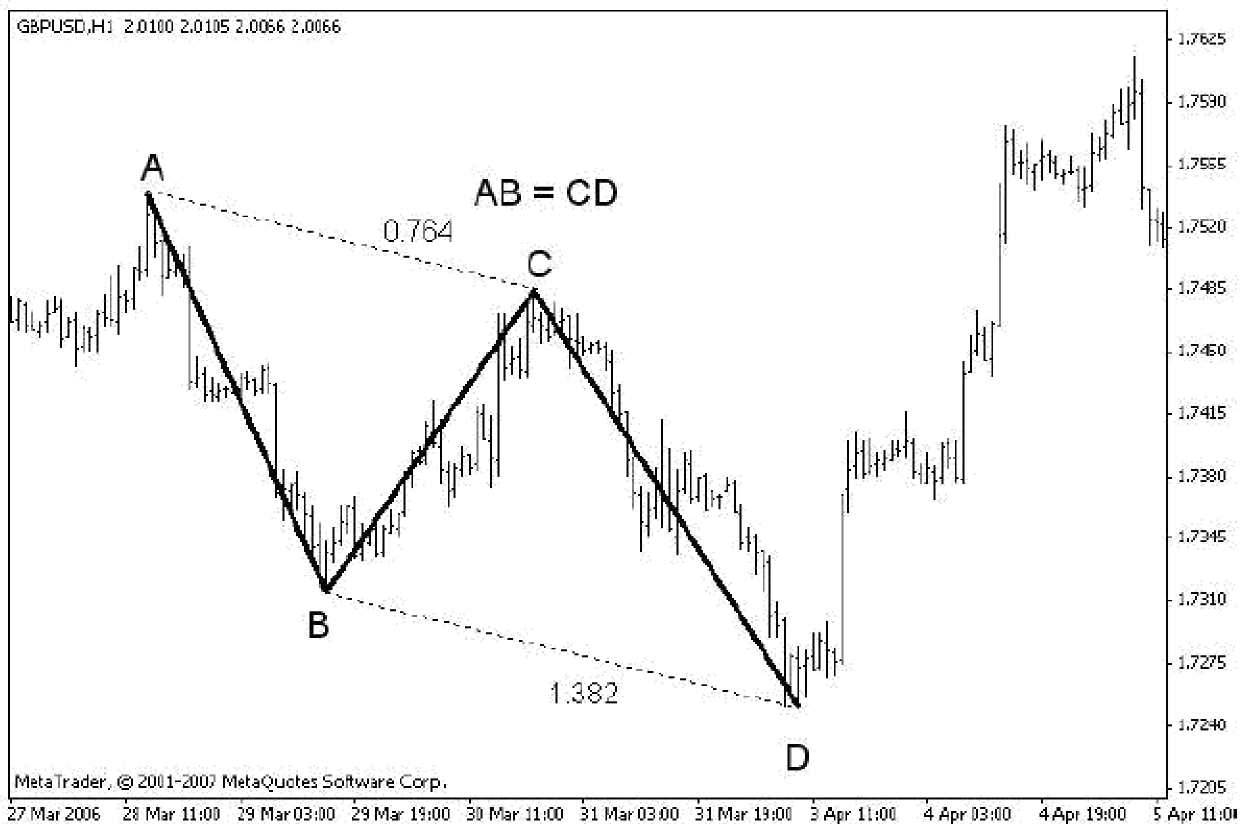


Hình 88. Sự cân bằng của các sóng AB và CD cho thấy dấu hiện nên mua vào tại điểm D.

Nguyên tắc cân bằng rất thường gặp và có thể được sử dụng để dự đoán điểm đảo chiều tiềm năng (điểm D). Hình 90 minh họa một mô hình hài hòa trên biểu đồ cặp GBP/USD, biểu đồ này chỉ ra thời điểm nên tham gia thị trường khi sóng CD đi xuống thứ hai tương đương với sóng đi xuống AB thứ nhất.

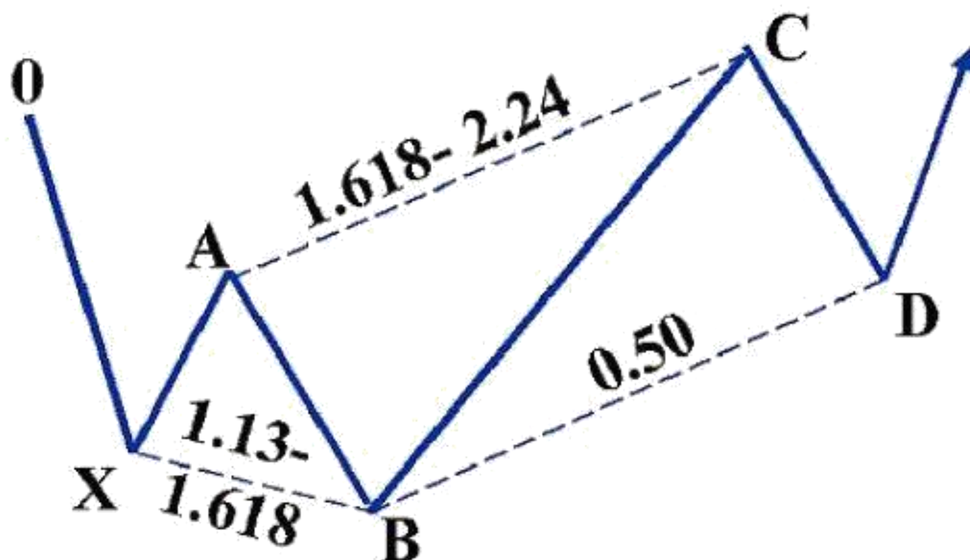


Hình 89. Sự cân bằng của các sóng AB và CD cho thấy dấu hiện nên bán ra tại điểm D.



Hình 90. Sự cân bằng của các sóng AB và CD (GBP/USD, 1 giờ) MetaTrader - Admiral Markets

Mô hình 5-0 là một trường hợp riêng của mô hình có sự cân bằng giữa sóng AB và CD.



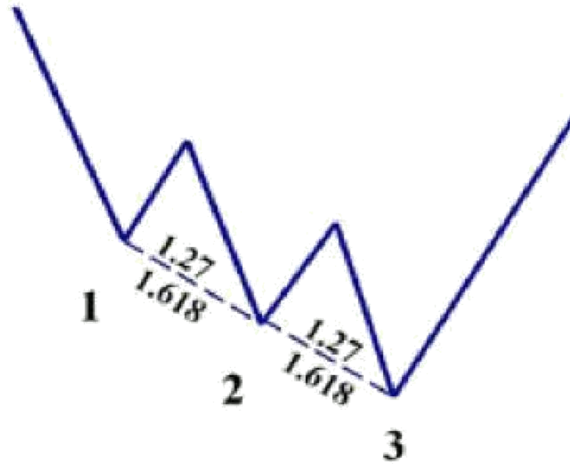
Hình 91. Mô hình 5-0

Mô hình đi lên 5-0 là đặc trưng của diễn biến đi xuống khi điểm B là một mức đáy (đi kèm với nó là sự phân kỳ giữa đáy X và B) được nối tiếp bởi một sự tăng vọt về giá (từ điểm D). Những dấu hiện cho thấy sự tin cậy của mô hình này khi dự đoán điểm D là mức giátăng vọt sau điểm B (1,618 - 2,236) và sau đó kéo mạnh trở lại 50%.

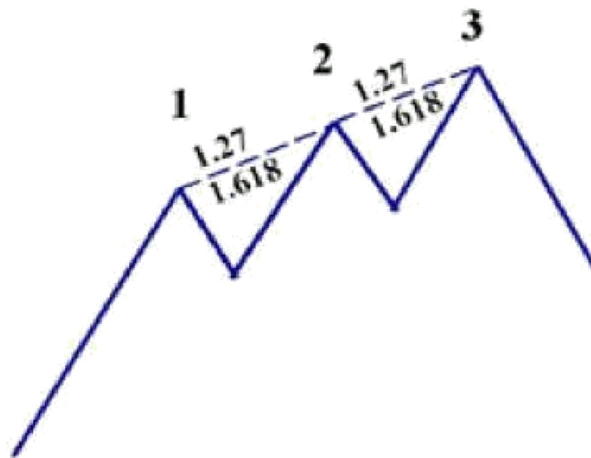
Ba đợt sóng (Three-drives)

Mô hình giánày được đặc trưng bởi hiện tượng mỗi một trong số ba diễn biến giáđều đạt tới mức 1,27 hoặc 1,618 lần so với mức giátrước đó, hay còn gọi là các động lực giá cân bằng. Mô hình này thường chứa đựng tiềm năng lợi nhuận lớn và được tiếp nối bởi một diễn biến đảo chiều rất mạnh. Xét về mặt lý thuyết sóng, các mô hình này còn được gọi là Các đường chéo Kết thúc (Ending Diagonals) hay Sự thúc đẩy Cuối cùng (Terminal Impulse).

Các mô hình này thường cho thấy xu hướng đang yếu đi và một sự đảo chiều tiềm năng. Chúng thường được tạo thành vào giai đoạn cuối của một một xu hướng lớn và có tiềm năng lợi nhuận rất lớn. Hình 94 minh họa mô hình này trên biểu đồ cặp GBP/USD. Như chúng ta có thể thấy trên biểu đồ, mỗi bước tiến mới của giá lại cao hơn mức trước đó một chút, nhưng chúng không tạo thành bất cứ sóng thúc đẩy nào. Chúng là dấu hiệu cho thấy những người đầu cơ giálên đang mất dần ảnh hưởng và thị trường tiềm ẩn một diễn biến đảo chiều.

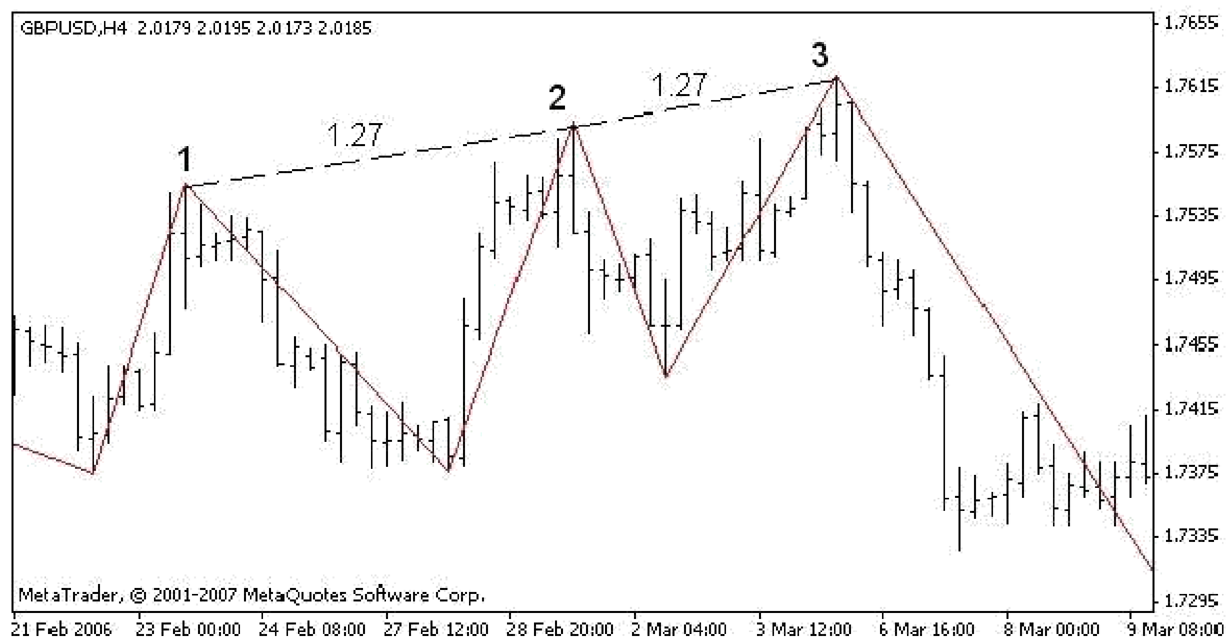


Hình 92. Mô hình Ba đợt đi lên cho thấy dấu hiệu mua vào tại điểm 3



Hình 93. Mô hình Ba đợt đi xuống cho thấy dấu hiệu bán ra tại điểm 3

Các mô hình này thường rất dễ xác định và đáng tin cậy. Điều kiện cần thiết là phải xác định được các tương quan sóng để xác định các mô hình hòa hợp và tận dụng những tín hiệu mà chúng đưa ra. Trong trường hợp này, việc sử dụng chỉ số ZUP sẽ rất tiện lợi. Chỉ số này cho thấy các tương quan sóng bằng việc sử dụng một chỉ số Zigzag.



Hình 94. Mô hình Ba đợt (GBP/USD, 4 giờ) MetaTrader - Admiral Markets



Hình 95 Chỉ số Zup (EUR/USD, 4 giờ) MetaTrader - Admiral Markets

Hình 95 minh họa chỉ số Zup, chỉ số này giúp dễ dàng xác định các mô hình hài hòa. Nó cũng minh họa các mô hình hài hòa Con dơi khi sóng điều chỉnh thứ nhất dừng lại tại mức 0,382 (0,36) và sóng điều chỉnh thứ hai dừng lại tại mức 0,66, cũng chính là dấu hiệu để mua vào.

CHƯƠNG 6
Các chỉ số và công cụ dao động (Oscillators)

Đường trung bình di động (Moving Average - MA)

Đường trung bình di động là một kỹ thuật được sử dụng để phân tích chuỗi dữ liệu cũng như thu được dữ liệu tích hợp về diễn biến giá trong một giai đoạn nhất định.

Đường trung bình di động là chỉ số được sử dụng nhiều nhất trong phân tích kỹ thuật. Nó được áp dụng với biểu đồ giá và thể hiện xu hướng trong khi bỏ qua các dao động về giá.

Chỉ số này sử dụng các tham số sau:

- Giá
- Giai đoạn
- Loại hình

Ví dụ, chúng ta có một dãy số sau:

a1, a2, a3, a4, a5, a6, a7, a8, a9, a10, a11, a12, a13, a14, a15

Như chúng ta đã nói ở trên, có bốn loại giáđược sử dụng trong phân tích kỹ thuật. Đó là: giá mở cửa, đóng cửa, đỉnh và đáy. Các giátrị của đường trung bình di động cho thấy loại giánào đã được sử dụng. Nói cách khác, nó cho thấy một giá trị giá (price value) trung bình thay đổi phụ thuộc vào loại giáđược sử dụng: Mở cửa, Đóng cửa, Đáy hoặc Đỉnh. Một vài chỉ số phái sinh từ những mức giánày thường được sử dụng để tính toán các giá trị của đường trung bình di động.

Giá Trung vị (median price) = (Đỉnh + Đáy)/2
Giá Điển hình = (Đỉnh + Đáy + Đóng cửa)/3
Giá Đóng cửa theo Trọng số = (Đỉnh+ Đáy + Đóng cửa + Đóng cửa)/4

Tham số thứ hai là Giai đoạn. Giai đoạn là một con số cho thấy quãng thời gian đã được sử dụng để thu thập dữ liệu. Ví dụ, nếu Giai đoạn là 34, điều đó có nghĩa là giátrị hiện tại của đường trung bình di động được tính toán bằng việc sử dụng dữ liệu có được qua 34 giai đoạn khác nhau. Trên biểu đồ Ngày, điều đó có nghĩa là dữ liệu đã được thu thập qua 34 ngày gần nhất.

Tham số thứ ba là loại hình Đường trung bình di động. Có một vài loại Đường trung bình di động và chúng ta sẽ xem xét 3 loại cơ bản sau:

- Đường trung bình di động đơn giản (Simple MA - SMA)
- Đường trung bình di động theo Hàm mũ (Exponential MA - EMA)
- Đường trung bình di động Tuyến tính theo Trọng số (Linear Weighted Moving Average - WMA)

Đường trung bình di động đơn giản (SMA) là một giá trị giá trung bình trong một quãng thời gian nhất định. Chúng ta sẽ cùng xem qua dãy số mà chúng ta đã đề cập ở trên. Hãy giả định là tất cả các con số đó đều là giáđóng cửa trong một quãng thời gian nhất định. Chúng ta dùng những con số này để tính toán SMA như thế nào? Ví dụ, chúng ta cần tính toán SMA của giáđóng cửa trong 15 giai đoạn (đây sẽ là một trong những điểm tạo thành Đường trung bình Di động). Do đó:

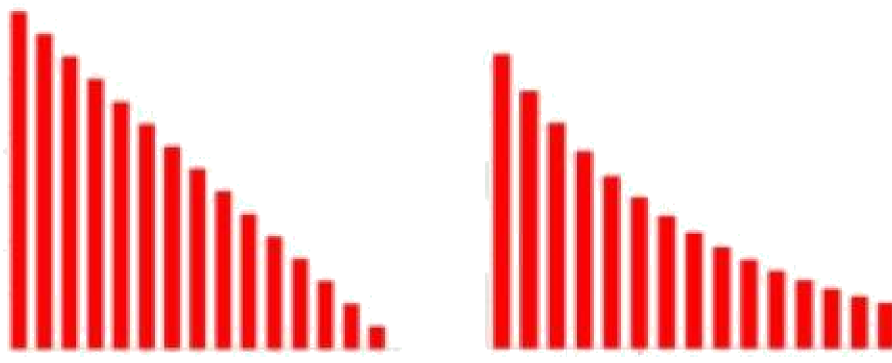
$$\text{SMA (15, Giá đóng cửa)} = \frac{a_1 + a_2 + a_3 + a_4 + a_5 \ldots + a_{14} + a_{15}}{15}$$

SMA nên được áp dụng trên các biểu đồ dài hạn như biểu đồ ngày, tháng hoặc năm.

Đường trung bình di động Tuyến tính theo Trọng số (WMA) cũng được tính toán như một giá trị giá trung bình trên một quãng thời gian nhất định nhưng ngược lại với SMA, mỗi giai đoạn được sử dụng để tính toán WMA đều có thể tác động khác nhau tới kết quả cuối cùng. Ví dụ, chúng ta có được một giá trị trung bình theo cấp số cộng, nhưng khi tính toán giá trị giáWMA trên các giai đoạn khác nhau, chúng ta sẽ có các trọng số khác nhau. Giá trị giá của giai đoạn cuối cùng sẽ có vai trò quan trọng hơn trong tính toán WMA, trong khi trọng số của giá trị giácó xu hướng giảm dần theo thời gian.

Khi tính toán Đường trung bình di động theo Hàm mũ (EMA), các giátrị giá cuối cùng có vai trò quan trọng hơn, giống như đối với WMA. Sự khác biệt nằm ở chỗ, giá trị giá ở các giai đoạn đầu đóng vai trò quan trọng hơn giátrị giá ở các giai đoạn sau. Nói cách khác, các trọng số của giá trị giá giảm đi theo thời gian với tốc độ nhanh hơn so với trường hợp của WMA. Điều đó có nghĩa là chúng giảm đi theo hàm mũ.

Các biểu đồ dưới đây thể hiện sự giảm dần vai trò của các giá trị giá trên tất cả các giai đoạn tiếp theo khi tính toán WMA và EMA.



Hình 96 minh họa cả ba loại Đường trung bình di động, mỗi loại được tính trên 20 giai đoạn và sử dụng giáđóng cửa của biểu đồ hình nến.



Hình 96. SMA, EMA, WMA. USD/CAD, Ngày, MetaTrader - Admiral Markets

Hình 96 minh họa tốc độ phản ứng của các loại Đường trung bình di động khác nhau với cùng một điều kiện thị trường. Nhanh nhất là WMA và chậm nhất là SMA.

Đường trung bình di động là chỉ số cơ bản trong phân tích kỹ thuật. Rất nhiều chỉ số khác mà hầu hết các nhà kinh doanh sử dụng đều dựa trên chỉ số này. Đường trung bình di động có thể được sử dụng cho bất cứ chiến lược giao dịch nào, bằng cách này hay cách khác, với vai trò là dấu hiệu để tham gia hoặc rút khỏi thị trường; một bộ lọc nhiễu động hay mức cắt lỗ hiệu quả, v.v... Chỉ số này được nghiên cứu bởi một lý thuyết gia nổi tiếng mà chúng ta sẽ đi sâu nghiên cứu về ông ở những phần sau.

MACD

Phân kỳ/hội tụ trung bình di động (Moving Average Convergence Divergence - MACD) là một chỉ số cho thấy sự phân kỳ/hội tụ của Đường trung bình di động. Nó là sự chênh lệch giữa hai đường trung bình di động được thể hiện bằng các thanh thẳng đứng. Đường trung bình di động của MACD (còn được gọi là đường tín hiệu) được sử dụng để xác định các thời điểm gia nhập thị trường. Đây là một trong các chỉ số cổ điển phổ biến nhất hầu hết các nhà phân tích và kinh doanh sử dụng để xác định độ mạnh của xu hướng trên các thị trường tài chính.

Thông thường, Đường trung bình di động theo Hàm mũ EMA 26 và 12 giai đoạn sẽ được sử dụng để tạo nên chỉ số này và Đường trung bình di động 9 ngày được sử dụng như đường tín hiệu.

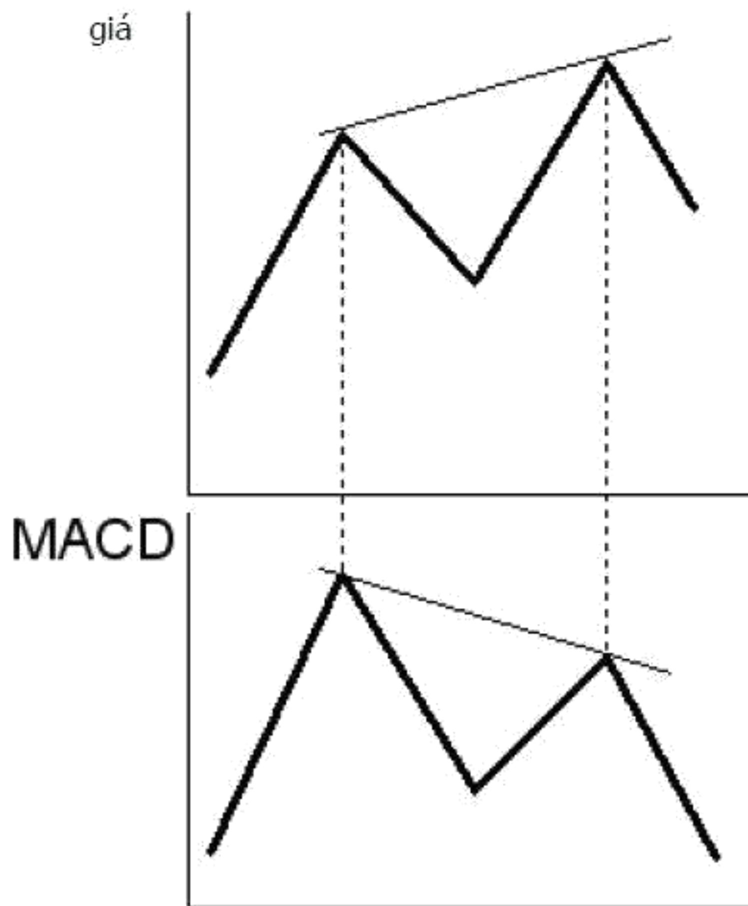
MACD = EMA12-EMA26-EMA9*(EMA12-EMA26)

Quy tắc chung khi sử dụng MACD là:

- Khi các thanh MACD nằm trên mức 0 thì xu hướng là đi lên; khi các thanh MACD nằm dưới mức 0 thì xu hướng là đi xuống.

- Xu hướng đi lên là mạnh mẽ và có thể tiếp tục khi đường MACD tạo thành các thanh cao hơn (với trường hợp xu hướng đi xuống cũng tương tự).

Khi giá tạo thành các đỉnh cao hơn và đường MACD tạo thành các đỉnh thấp hơn tại cùng một thời điểm thì điều đó có nghĩa là xu hướng đi lên đang yếu đi và giácó thể bắt đầu đi xuống. Đây được gọi là sự phân kỳ. Phương pháp dự đoán giánày được coi là chính xác bởi sự phân kỳ báo trước cho chúng ta về những diễn biến đảo chiều tiềm ẩn của giá.

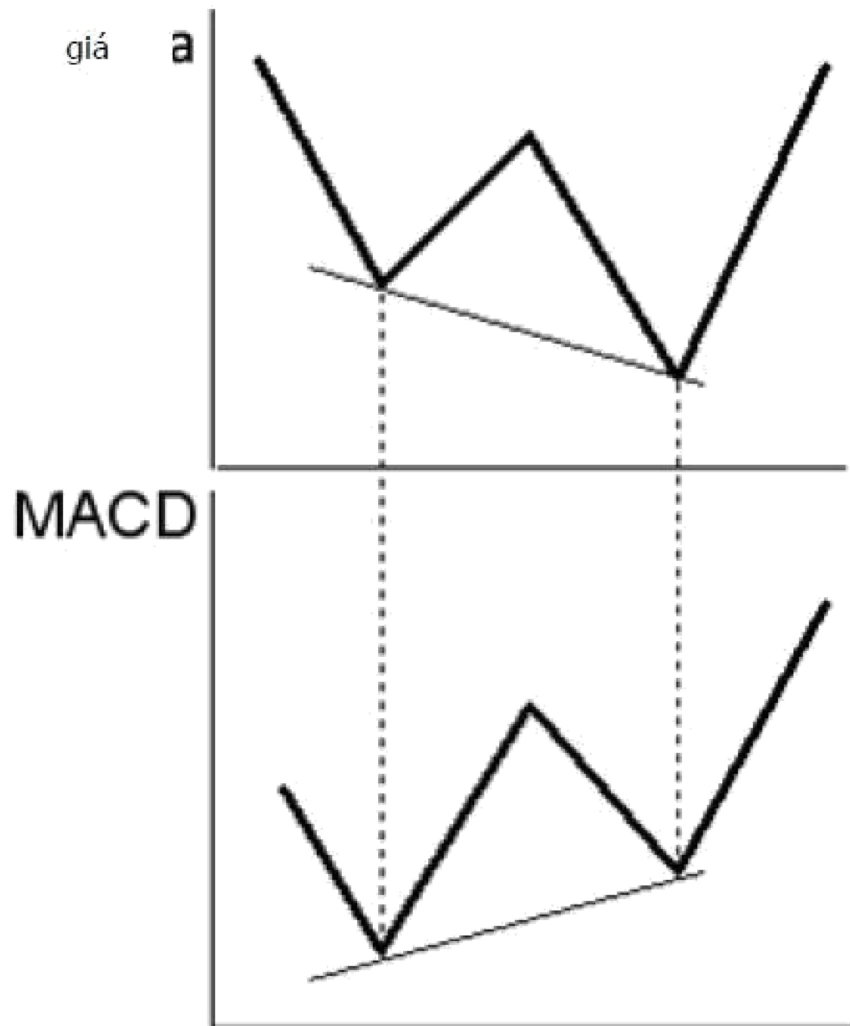


Hình 97. Ví dụ về sự phân kỳ đi xuống

Sự phân kỳ giữa chiều hướng giá và chiều hướng của chỉ số phản ánh nguyên tắc không xác nhận xu hướng hiện tại của thị trường. Khi các đỉnh giácao hơn được xác nhận bởi các đỉnh chỉ số cao hơn, nó có nghĩa là các nhà kinh doanh đang mua vào rất mạnh mẽ và kỳ vọng mức giá sẽ còn lên cao hơn nữa. Không xác nhận có nghĩa là các đỉnh mới gần như được tạo thành do tác động từ quán tính của bản thân chúng (với xu hướng đi lên; xu hướng đi xuống cũng tương tự như vậy nhưng với các đáy) do thị trường quá thiếu vắng những người bán ra để ngăn cản sự tăng giá. Sau đó sẽ là thời điểm mà tất cả các nhà kinh doanh muốn mua vào đều đã thực hiện giao dịch mua và không còn ai muốn mua thêm nữa (đây chỉ là cách nói hình tượng, sẽ thực tế hơn khi nói khối lượng đặt mua nhỏ). Khối lượng giao dịch nhỏ (thường là từ các nhà kinh doanh đóng trạng thái mua của mình) khiến cho giáđi xuống trong đó những người đầu cơ giálên giảm dần vai trò của mình và khối lượng mua vào giảm xuống mức tối thiểu. Đây chính là thời điểm để mở các trạng thái ngược chiều với xu hướng trước đó do có khả năng xảy ra sự đảo chiều, cũng như khả năng thu lời là rất lớn. Sự phân kỳ là một tín hiệu quan trọng không chỉ đối với MACD mà còn với nhiều

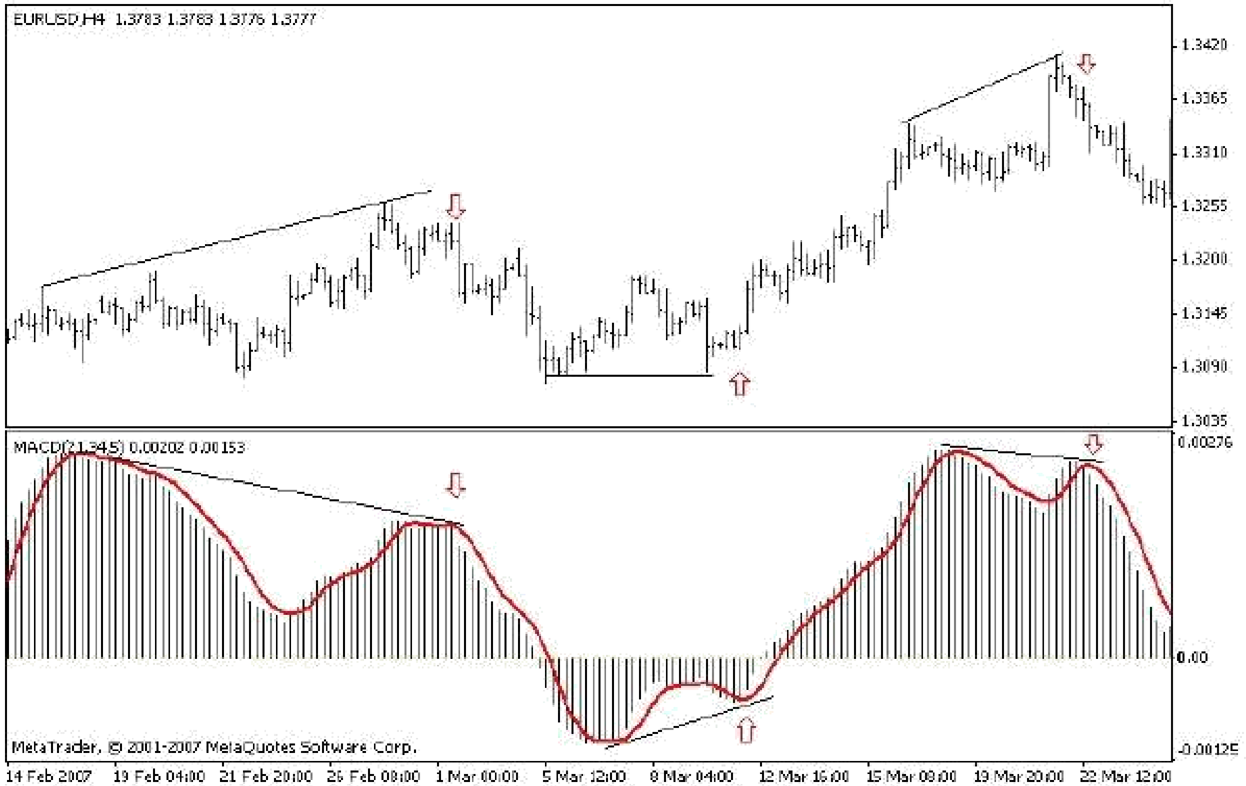
công cụ đo dao động khác như Chỉ số Sức mạnh Tương đối - RSI, Công cụ đo dao động Ngẫu nhiên, v.v...

Chỉ số MACD được sử dụng để xác định động lực của xu hướng. Động lực này bao gồm sự sẵn sàng và khả năng của nhóm đầu cơ giálên hoặc giá xuống trong việc củng cố xu hướng thị trường (mua vào hoặc bán ra thêm). Xu hướng (tăng lên hoặc giảm xuống) sẽ tiếp tục chừng nào mà lợi ích mở vẫn tồn tại. Giá sẽ được thúc đẩy bởi cường độ của các lệnh mới đưa ra thị trường. Diễn biến giá phản ánh lợi ích mở, và cần nhớ rằng sớm hay muộn gì thì nó sẽ biến mất khi giáđạt tới giới hạn Chốt lời hoặc Dừng lỗ. Lẽ tự nhiên là điều này sẽ khiến cho giá diễn biến theo chiều ngược lại. (Ví dụ, khi bạn đóng một trạng thái mua vào, bạn bán ra cùng một khối lượng tiền tệ đó nhưng ở một mức giákhác). Đây là một quá trình liên tục được đặc trưng bởi cường độ khác nhau (nó có thể nhanh hơn hoặc chậm lại), đây cũng là đặc trưng của các thị trường tài chính. MACD chính là công cụ để phát hiện ra các đặc trưng này.



Hình 98. Ví dụ về sự phân kỳ đi lên.

Hình 99 minh họa ví vụ cho việc sử dụng MACD để có được tín hiệu giao dịch. Khi MACD rơi xuống dưới đường tín hiệu, đây là dấu hiệu để bán ra; khi MACD đi lên phía trên đường tín hiệu, đây là dấu hiệu để mua vào. Dấu hiệu bán ra đáng tin nhất là khi chỉ số nằm trong khu vực dương rõ ràng và dấu hiệu mua vào đáng tin nhất là khi chỉ số nằm trong khu vực âm rõ ràng. Giáthường xuyên không phản ứng lại với một dấu hiệu nào đó ngay lập tức vì nó sẽ khuyến khích một sự thúc đẩy giá khác cùng chiều (điều sẽ tạo thành một mức đỉnh hoặc đáy mới). Nếu sự thúc đẩy giánày đi kèm với sự phân kỳ MACD thì tín hiệu thậm chí còn trở nên mạnh hơn.

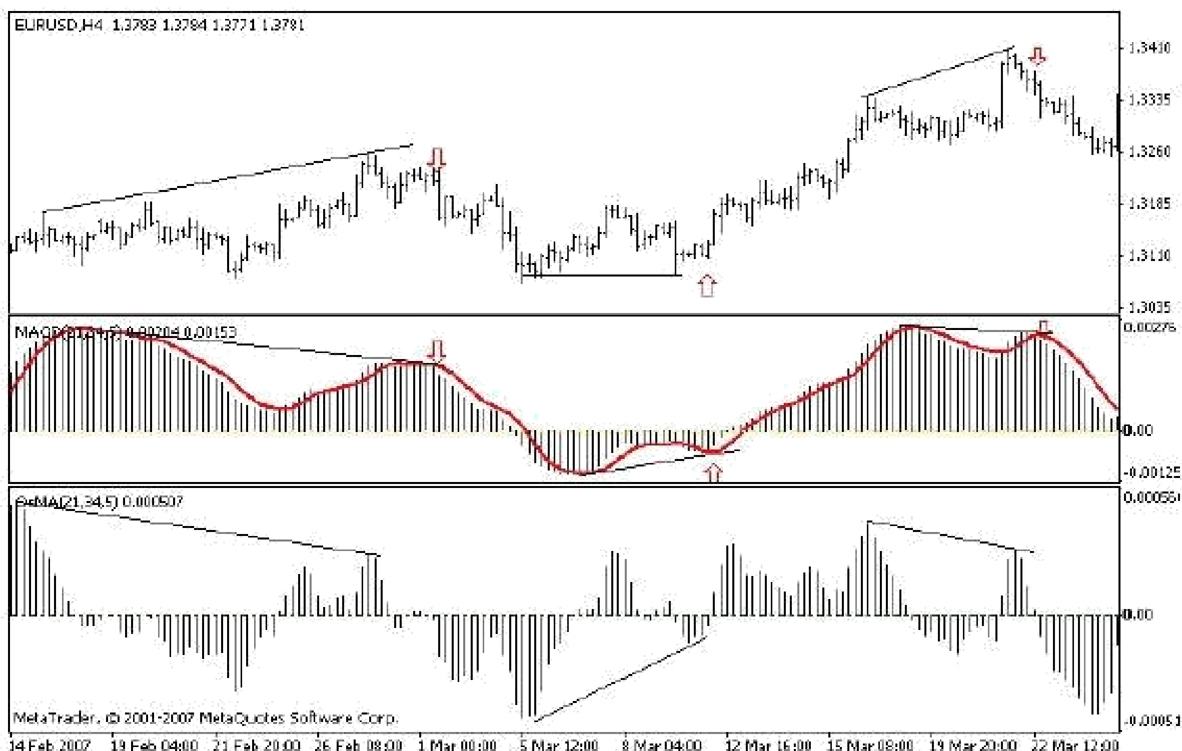


Hình 99. MACD (EUR/USD, 4 giờ), MetaTrader - Admiral Markets

MACD có hiệu quả nhất khi giá diễn biến trong một biên độ rộng. MACD có thể áp dụng với các biểu đồ trên tất cả các khung thời gian, nhưng nó đưa ra các tín hiệu rõ ràng hơn nếu được áp dụng với các khung thời gian dài hơn. Những dấu hiệu giao dịch quan trọng là những điểm giao cắt với đường tín hiệu, MACD trong khu vực quá mua/quá bán tất nhiên là mang tính phân kỳ, phân kỳ MACD trên biểu đồ 4 giờ, ngày và tuần được coi là các dấu hiệu giao dịch mạnh nhất.

OsMA - Đường trung bình di động của Công cụ đo dao động (Moving Average of Oscillator)

Thông thường chỉ số này là sự chênh lệch giữa công cụ đo dao động và đường trung bình di động của công cụ đo dao động đó. Thường thì nó chính là MACD được sử dụng như một công cụ đo dao động cơ bản trong khi đường tín hiệu MACD chính là đường trung bình di động của công cụ đo dao động. Như chúng ta đã biết, MACD cung cấp các tín hiệu đáng tin cậy khi đường tín hiệu cắt qua các thanh MACD. OsMA phản ánh khoảng cách giữa chiều cao của các thanh và đường tín hiệu. Do đó, chúng ta có được chỉ số cho biết thông tin về xu hướng ngắn hạn và dự báo các tín hiệu đảo chiều MACD.

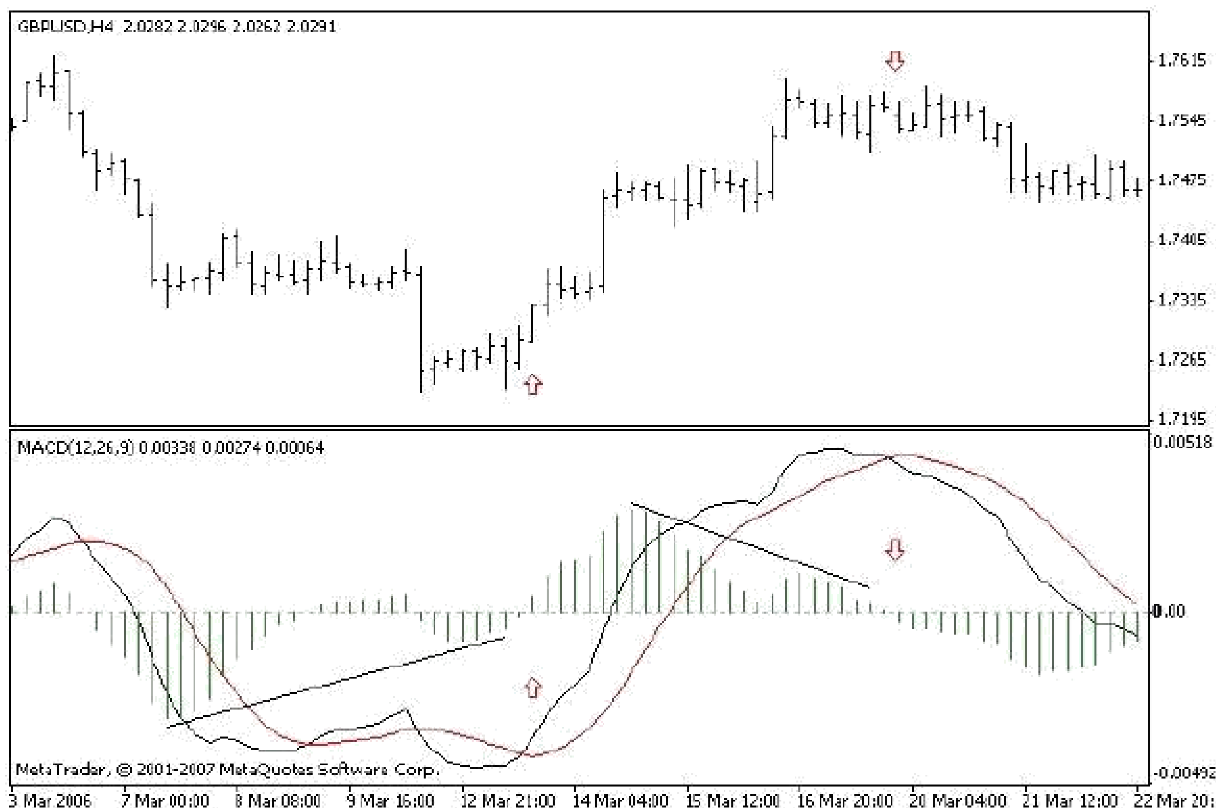


Hình 100. OsMA (EUR/USD, 4 giờ), MetaTrader - Admiral Markets

Hình 100 minh họa công cụ đo dao động OsMA, nó báo trước cho chúng ta tín hiệu bán ra MACD bằng các thanh thấp hơn và tín hiệu mua vào MACD bằng các thanh cao hơn. Bản thân tín hiệu là sự cắt qua ngưỡng 0. Những phân kỳ của chỉ số này là rất rõ ràng và thường thì chúng dự báo những sự đổi chiều quan trọng (Bill William, một nhà đầu tư và kinh doanh huyền thoại, khi nói về chỉ số Tăng tốc, một chỉ số tương tự như OsMA, đã nhận xét; "Với sự trợ giúp của chỉ số này, việc phân tích sẽ giống như đọc báo tin tức buổi sáng vậy".

MACD mới

Chỉ số MACD mới là sự kết hợp giữa MACD và OsMA (Hình 101). Chúng ta có được một công cụ đo dao động cho chúng ta biết các thông tin về xu hướng dài hạn cũng như ngắn hạn. Đường MACD cơ bản và đường tín hiệu của nó được thể hiện bởi hai đường cong gần ngưỡng 0. Các chỉ số OsMA được thể hiện bởi các thanh. Như chúng ta có thể thấy từ ví dụ trong Hình 101, các thanh của MACD mới tạo thành sự phân kỳ trước khi tín hiệu cơ bản được đưa ra (sự giao nhau của hai đường cong).

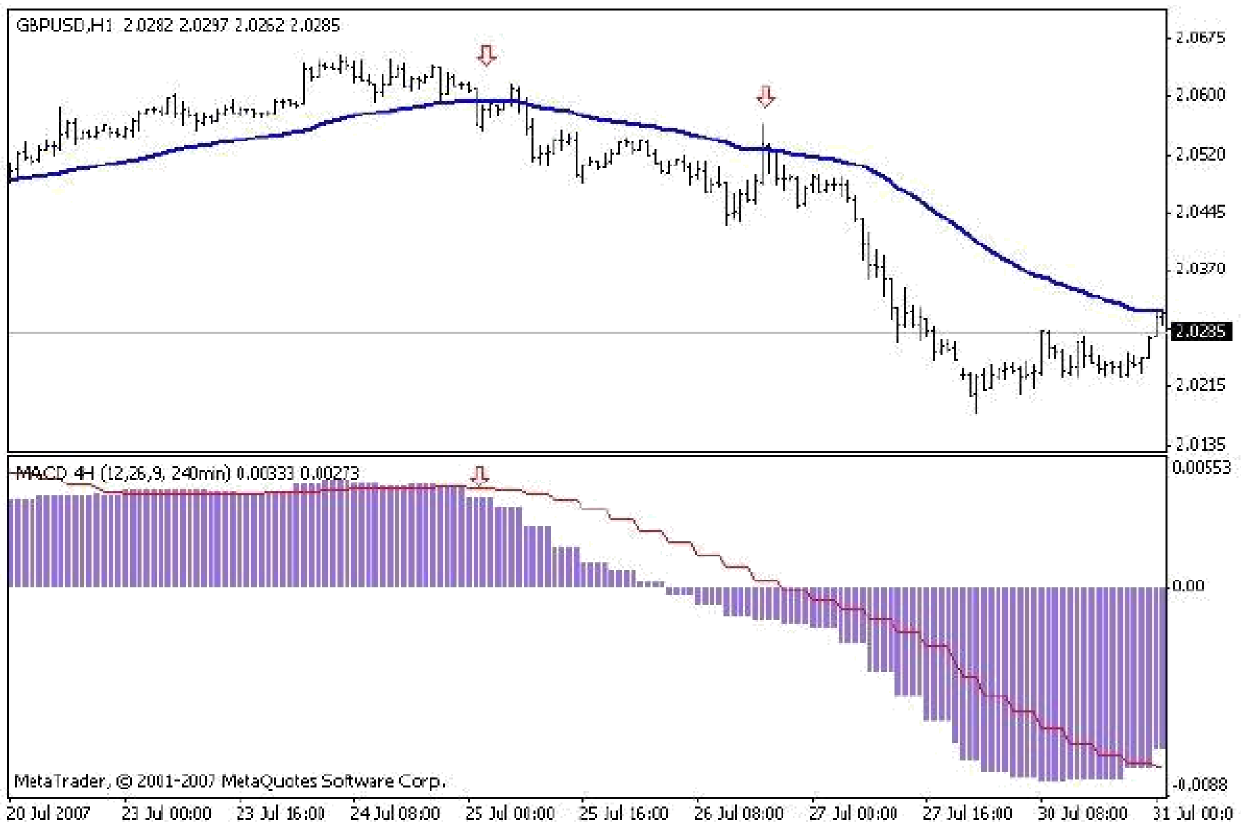


Hình 101. MACD mới (GBP/USD, 4 giờ) MetaTrader - Admiral Markets

MACD 4 giờ

MACD 4 giờ là một chỉ số khác, cho chúng ta thông tin về việc đường MACD diễn biến như thế nào trên biểu đồ 4 giờ bất kể nó được áp dụng trong khoảng thời gian nào (Hình 102). Do đó, chúng ta sẽ có cơ hội để theo sát cùng lúc các biến động giá ngắn hạn và xu hướng dài hạn.

Hình 102 minh họa MACD 4 giờ được áp dụng trên biểu đồ 1 giờ. Sau khi MACD 4 giờ cung cấp một tín hiệu bán ra, giáđi lên trên đường trung bình di động 34 hai lần và nó có thể khiến một nhà kinh doanh bối rối và hiểu nó như một tín hiệu đi lên. Cùng lúc đó, MACD 4 giờ tạo thành các thanh thấp hơn xác nhận xu hướng đi xuống và cho chúng ta lý do để hiểu những mức tăng giánày là những khu vực nên tham gia thị trường để mở các trạng thái bán ở các mức giácao hơn.



Hình 102. MACD 4 giờ (GBP/USD, 1 giờ), MetaTrader - Admiral Markets

Chỉ số Kênh Hàng hóa (Commodity Channel Index - CCI) Donald Lambert lần đầu tiên mô tả Chỉ số Kênh Hàng hóa trên tạp chí *Commodities* tháng 10 năm 1980. Mục đích của chỉ số này là nhằm xác định những đảo chiều mang tính chu kỳ của các công cụ tài chính. Nó còn có một mục đích khác là xác định những thời điểm mà thị trường ở trong trạng thái quá mua/quá bán. Nó được tính toán như sau:

$$CCI = \frac{Tp - SMA(Tp)}{0.015x\text{Độ lệch trung bình}}$$

Tp (GiáĐiển hình) = Đỉnh + Đáy + Đóng cửa/3

SMA - Đường trung bình di động đơn giản

Độ lệch trung bình - độ lệch trung bình của GiáĐiển hình.

Chỉ số này biến động trong 3 khu vực:

- dưới -100
- giữa -100 và +100
- trên +100



Hình103. Chỉ số Kênh Hàng hóa. EUR/USD, Ngày, MetaTrader - Admiral Markets

Trong phần lớn các trường hợp, thị trường diễn biến trong khoảng từ -100 đến +100.

Khi chỉ số vượt qua mức +100, điều đó có nghĩa là công cụ tài chính này đang trong tình trạng quá mua. Khi chỉ số xuống dưới mức -100, điều đó có nghĩa là công cụ tài chính này đang trong tình trạng quá bán.

Khi chỉ số cắt qua ngưỡng -100 từ mức quámua, đây là tín hiệu để mua vào. Khi chỉ số cắt qua ngưỡng +100 từ mức quábán, đây là tín hiệu để bán ra.

Sự phân kỳ có vai trò lớn đối với chỉ số CCI.

Công cụ đo dao động Ngẫu nhiên (Stochastic)

Công cụ đo dao động Ngẫu nhiên do George Lane tạo ra từ những năm 1950, là một trong số các công cụ đo dao động phổ biến nhất. Rất nhiều nhà kinh doanh sử dụng nó để có được tín hiệu giao dịch. Chỉ số này cho thấy khả năng của những người đầu cơ giálên trong việc đóng cửa thị trường tại mức gần với mức cao nhất của biên độ giá(giáđóng cửa sẽ gần với Đỉnh nhất) hoặc khả năng của những người đầu cơ giáxuống trong việc đóng cửa thị trường tại mức gần với mức thấp nhất của biên độ giá (giáđóng cửa sẽ gần với Đáy nhất). Mục đích là nhằm xác định sức mạnh của xu hướng ngắn hạn. Chúng ta có thể nói rằng chỉ số này phản ánh nhịp điệu của diễn biến giá.

Công cụ đo dao động Ngẫu nhiên được tạo thành từ hai tham số là %K và %D

%K = [(Ct – L5)/(H5 – L5)]*100

Ct - giáđóng cửa của thanh hiện tại

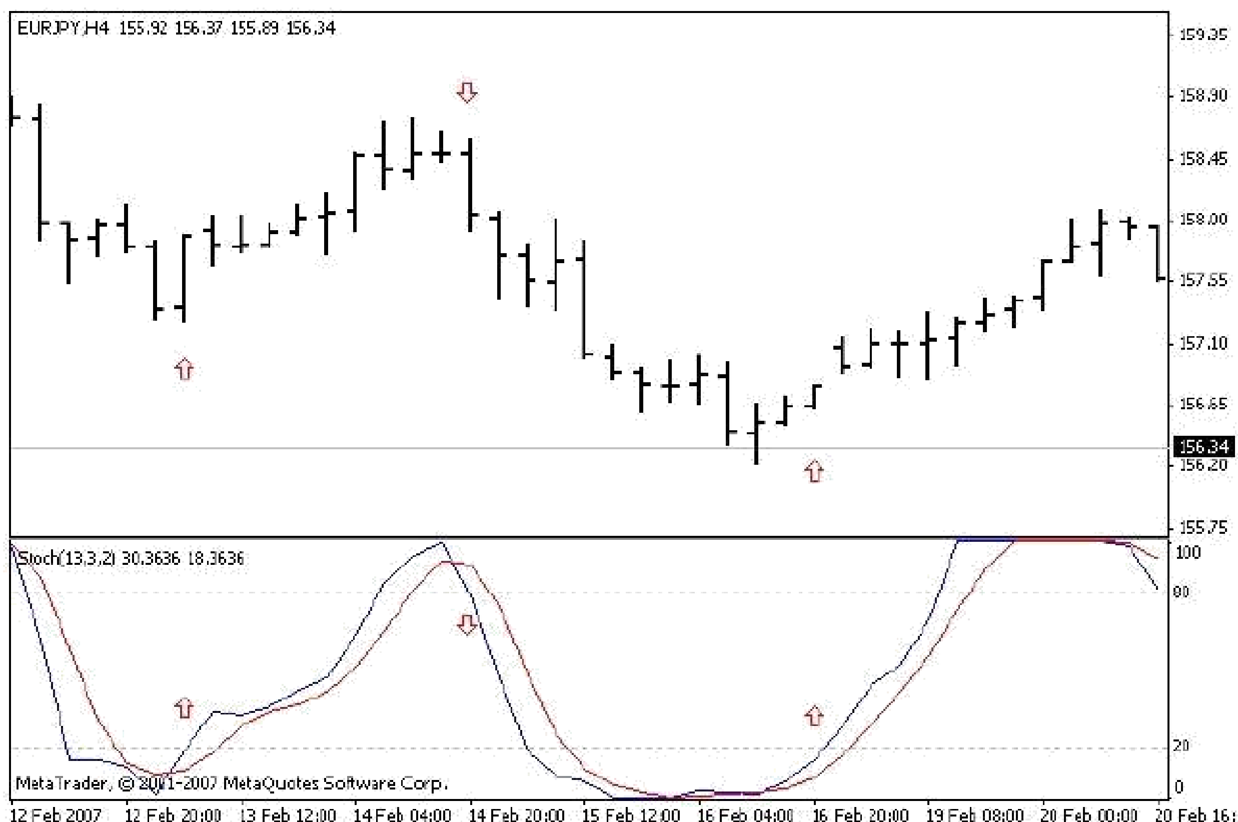
L5 - đáy thấp nhất của 5 thanh trước đó

H5 - đỉnh cao nhất của 5 thanh trước đó

Đường cong thứ 2 %D là đường trung bình di động của %K. Khi nó cắt đường %K thì đó là tín hiệu cho việc đảo chiều giá.

%D=(CL3/HL3)*100

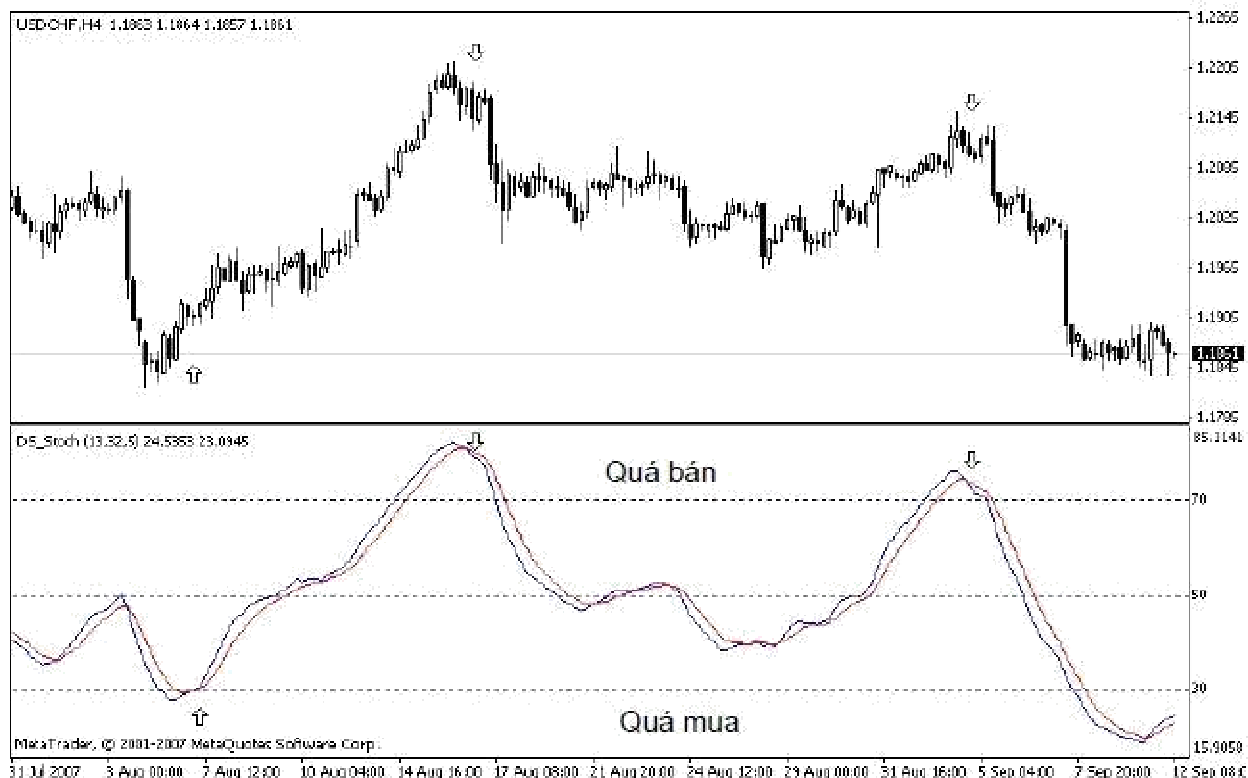
CL 3 là tổng trong 3 ngày của (Ct-L5) và HL3 là tổng trong 3 ngày của (H5-L5). Công cụ đo dao động ngẫu nhiên này dao động trong khoảng từ 0 đến 100. Dấu hiệu mua vào là khi chỉ số lên tới mức trên 20 và dấu hiệu bán ra là khi chỉ số xuống dưới mức 80. Khu vực nằm trên mức 80 và dưới mức 20 là khu vực quábán và quámua. Khi giáđang ở trong khu vực quá bán, bạn có thể kỳ vọng là những người đầu cơ giáxuống đang mất dần ảnh hưởng và có khả năng giásẽ tăng lên. Hãy đợi đến khi chỉ số này lên tới mức trên 20 để chắc chắn là diễn biến đi lên mới đã bắt đầu.



Hình 104. Công cụ đo dao động Ngẫu nhiên (EUR/JPY, 4 giờ), MetaTrader - Admiral Markets

Hình 104 minh họa giao dịch sử dụng Công cụ đo dao động Ngẫu nhiên. Sau khi đã có một tín hiệu giao dịch, đường chỉ số đạt mức trên 80 hoặc dưới 20 rất nhanh chóng. Khi xu hướng đã trở nên mạnh mẽ, đường chỉ số có thể đứng ở ngưỡng quá bán (trên 80) hoặc quá mua (dưới 20) trong một thời gian dài. Đây là lý do vì sao bạn không nên vội vàng đóng các trạng thái của mình tại thời điểm đó. Giai đoạn cuối của xu hướng thường được hoàn tất bằng một sóng thúc đẩy mạnh cùng chiều với xu hướng. Trong ví dụ ở Hình 104, sau khi đã có tín hiệu mua vào (ở khoảng giữa biểu đồ), chỉ số rơi xuống dưới mức 20 rất lâu trước khi giáđạt tới khoảng giữa diễn biến đi xuống của nó. Trong trường hợp này, thời điểm tốt nhất để đóng trạng thái là khi chỉ số cho thấy dấu hiệu nên mua vào.

Công cụ đo dao động Ngẫu nhiên Đôi (DS Stochastic)



Hình 105. Công cụ đo dao động Ngẫu nhiên Đôi (USD/CHF, 4 giờ), MetaTrader - Admiral Markets

Chỉ số này có các đặc trưng của một công cụ đo dao động Ngẫu nhiên cổ điển, nhưng nó cũng đồng thời thể hiện cả xu hướng dài hạn. Các quy tắc đối với chỉ số này cũng tương tự như các quy tắc của công cụ đo dao động Ngẫu nhiên cổ điển. Xét một cách tổng thể, chỉ số này là một công cụ đo dao động, nó nối tiếp những diễn biến thị trường và cung cấp các tín hiệu bằng các giao điểm của 2 đường (%K và %D như trong trường hợp với chỉ số Ngẫu nhiên). Đặc tính riêng của chỉ số Ngẫu nhiên Đôi là các khu vực nằm trên mức 70 và dưới mức 30 là các khu vực mà thị trường ở trong tình trạng quá bán hoặc quá mua (xem Hình 105).

Nếu các đường Ngẫu nhiên Đôi cho thấy dấu hiệu bán ra thể hiện qua sự giao cắt với nhau trên mức 30 thì tiềm năng của diễn biến sẽ ở mức cao. Khi sử dụng chỉ số này, cần phải xem xét diễn biến giá một các tổng thể. Thông thường, sau khi đã có tín hiệu giao dịch, giá sẽ biến động cùng chiều với tín hiệu. Nếu giáđiều chỉnh, chỉ số sẽ dậm chân ở gần mức 50 và khi sự điều chỉnh qua đi, nó sẽ khôi phục xu hướng của mình.

Chỉ số Sức mạnh Tương đối (Relative Strength Index -RSI)

Được phát triển bởi J. Welles Wilder, chỉ số RSI cũng là một trong những chỉ số phổ biến nhất, được sử dụng để ước lượng động lực của thị trường.

RSI được tính toán như sau:

$$RSI = 100 - \frac{100}{1 + RS}$$

Trong đó, RS được tính bằng giá trị trung bình của các mức Giáđóng cửa Cao (hơn giámở cửa) chia cho giá trị trung bình của các mức Giáđóng cửa Thấp (hơn giámở cửa) trong một khoảng thời gian nhất định.

RSI tiêu chuẩn là RSI tính trên 14 giai đoạn với 3 đường chính tại các mức 30, 50 và 70. Tuân theo các đường này, khu vực thị trường quábán được tạo thành ở mức trên 70 và thị trường quámua được tạo thành ở mức dưới 30.

RSI cung cấp một số tín hiệu, trong đó:

- Sự phá vỡ ngưỡng 50. Tín hiệu mua vào được đưa ra khi chỉ số cắt qua ngưỡng 50 và ngược lại, tín hiệu bán ra được đưa ra khi chỉ số xuống dưới ngưỡng 50.

- Tín hiệu mua vào được đưa ra khi chỉ số đi qua phía trên ngưỡng 30 từ khu vực quá bán. Tín hiệu bán được đưa ra khi chỉ số đi qua phía dưới ngưỡng 70 từ khu vực quá mua. Các tín hiệu này quan trọng hơn so với sự phá vỡ ngưỡng 50.



Hình 106. Chỉ số Sức mạnh Tương đối USD/CAD, Ngày, MetaTrader - Admiral Markets

Sự phân kỳ và phá vỡ đường xu hướng chỉ số rất quan trọng đối với RSI. Các đường xu hướng chỉ số cần được quan tâm khi chỉ số dậm chân gần mức 50, cho thấy thị trường đang điều chỉnh.

Biên độ phần trăm của Williams (Williams' Percent Range)

Biên độ Phần trăm của Williams là một chỉ số kỹ thuật động xác định tình trạng quá bán/quá mua của thị trường.

Nó được tính toán như sau:

%R = (HIGH (i-n)-CLOSE)/(HIGH (i-n)-LOW (i-n))*100

Trong đó: CLOSE - giáđóng cửa ngày hôm nay

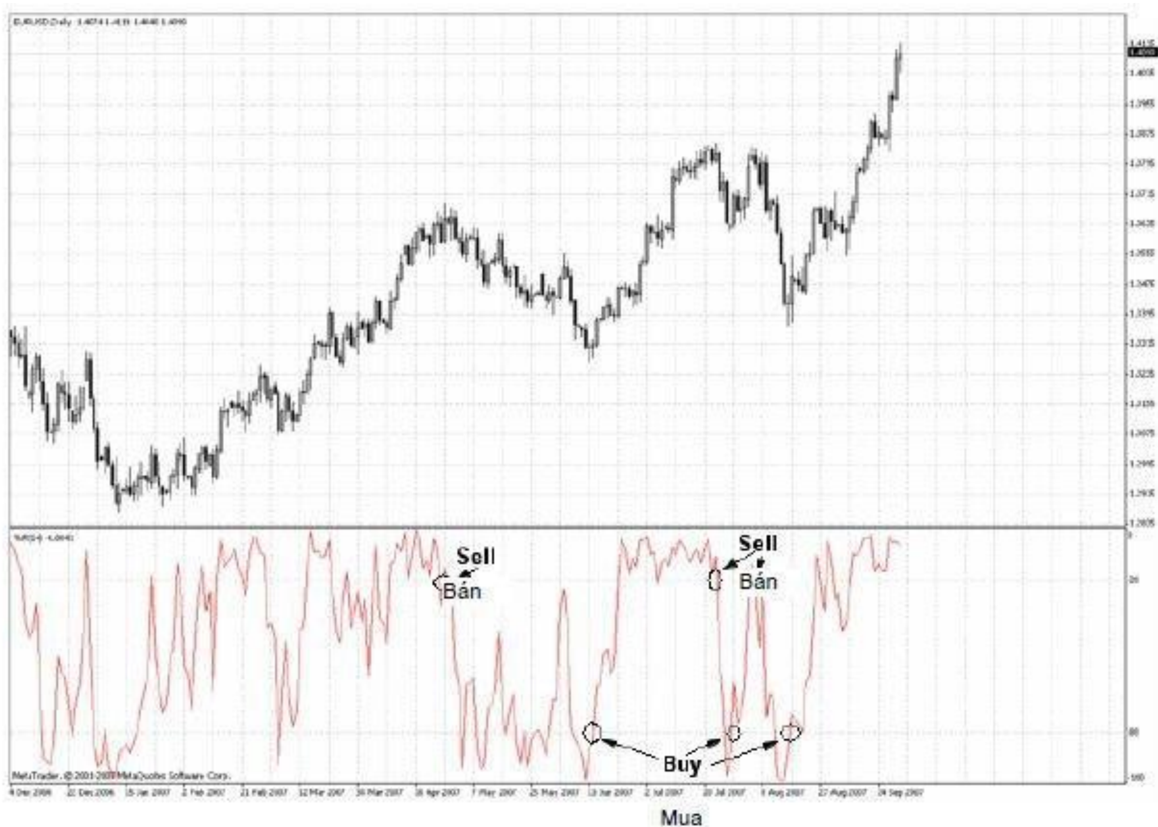
HIGH (i-n) - Đỉnh cao nhất trong n giai đoạn

LOW (i-n) - Đáy thấp nhất trong n giai đoạn

Chỉ số có 2 mức cần chú ý là 20 và 80. Nếu chỉ số nằm trên mức 20, điều đó có nghĩa là thị trường đang quámua. Tương tự, nếu nó nằm dưới mức 80, điều đó có nghĩa là thị trường đang quábán.

Chỉ số này cung cấp tín hiệu mua vào khi nó cắt mức 80 theo hướng lên trên từ khu vực quá bán (Hình 107).

Chỉ số này cung cấp tín hiệu bán ra khi nó cắt mức 20 theo hướng xuống dưới từ khu vực quá bán. Nếu chỉ số đi vào khu vực quábán/quámua sau khi đã đưa ra tín hiệu giao dịch thì tốt hơn là bạn nên đóng trạng thái vừa mở theo tín hiệu đó lại.



Hình 107. Biên độ Phần trăm Williams. EUR/USD, Ngày, MetaTrader - Admiral Markets

Các dải Bollinger (Bollinger bands)

Các dải Bollinger là một trong các chỉ số phổ biến nhất về kênh giá do John Bollinger tạo ra. Đây là một chỉ số quan trọng, vì nó có thể được sử dụng như một phương pháp giao dịch độc lập khi nó có thể đưa ra tất cả các tín hiệu giao dịch cần thiết.

Chỉ số này được tạo thành từ 3 đường cong, chúng tạo thành một kênh giá. Các đường cong này là:

- Đường trung bình di động đơn giản (SMA) 20 giai đoạn hoặc Dải Bollinger Giữa.
- Dải Bollinger Trên và Dưới đóng vai trò như đường lệch chuẩn so với đường SMA 20 giai đoạn.

Các đường cong này có thể rộng hoặc hẹp, tùy thuộc vào động lực của thị trường.

Khi các đường cong này đứng gần nhau, điều đó có nghĩa là thị trường đang có thêm động lực. Động lực thị trường sẽ giảm bớt khi giá cắt qua dải Bollinger Trên hoặc Dưới và thanh cắt qua có giáđóng cửa ở trên hoặc dưới nó. Sự phá vỡ của dải Bollinger Trên là dấu hiệu cho việc mua vào và sự phá vỡ dải Bollinger dưới là dấu hiệu cho việc bán ra.

Sau điểm phá vỡ, giá sẽ diễn biến gần với dải phá vỡ.

Nếu điều chỉnh giá diễn ra và giá diễn biến chạm đường SMA 20, đó là tín hiệu để mở thêm các trạng thái mới khi mà đường trung bình di động đóng vai trò như ngưỡng hỗ trợ (khi mở các trạng thái mua) hoặc ngưỡng kháng cự (khi mở các trạng thái bán).

Khi thị trường phá vỡ đường SMA 20, bạn nên đóng trạng thái của mình tại mức giá đóng cửa. Nếu giá tách rời một dải nào đó (trên hoặc dưới) và phá vỡ đường SMA 20, chắc chắn nó sẽ chạm tới dải còn lại. Ví dụ, sau khi giá chạm tới dải trên, nó sẽ tách khỏi dải này và cắt qua đường SMA 20 để chạm dải thấp hơn. Điểm 1 và 2 trong Hình 109 minh họa điều đó.

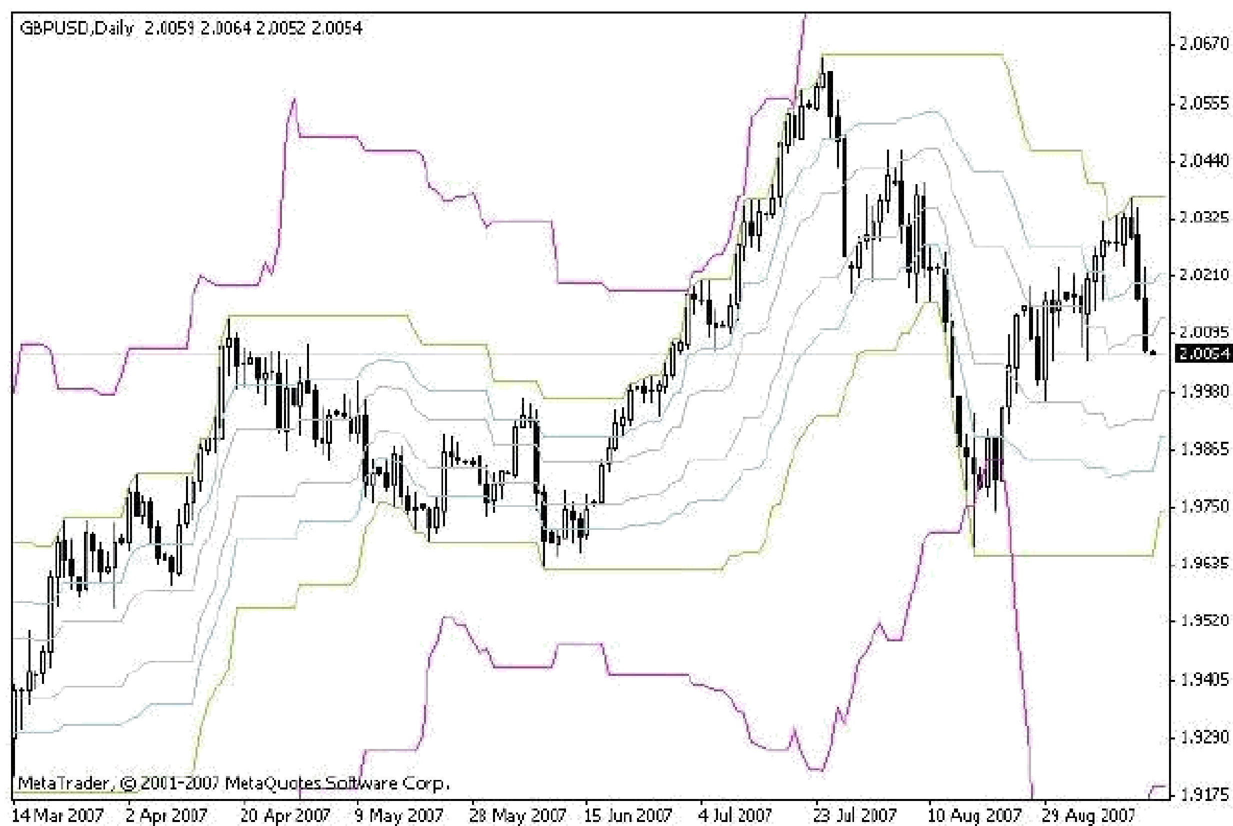
Dải Bollinger là một chỉ số xuất hiện sau xu hướng. Như bạn có thể thấy từ biểu đồ trên Hình 108, nó sẽ cho kết quả khả quan nếu áp dụng với các thị trường biến động mạnh.



Hình 108. Các dải Bollinger. USD/CAD, Ngày, MetaTrader - Admiral Markets

Các kênh bạc (Silver Channels)

Chỉ số này bao gồm 8 đường, các đường này chia biên độ giá thành các kênh. Mỗi mức đều có vai trò quan trọng của nó. Khi giá chạm vào các kênh ở phía ngoài, thị trường có thể đang trong tình trạng quá bán hoặc quá mua.



Hình 109. Các kênh Bạc (GBP/USD, Ngày), MetaTrader - Admiral Markets

Kênh Shi chính xác (SHI Channel True)



Hình 110. Kênh SHI chính xác. Vàng, Tuần, MetaTrader - Admiral Markets

Đây là một chỉ số thể hiện các kênh giáđộng và xác định chiều hướng của một xu hướng. Nó rất có tác dụng khi thị trường không có một xu hướng rõ ràng. Tại thời điểm đó, chỉ số này sẽ cho bạn một bức tranh tương đối về tình hình thị trường (Hình 110).

Công cụ đo dao động giákhông theo xu hướng (Detrended Price Oscillator - DPO)

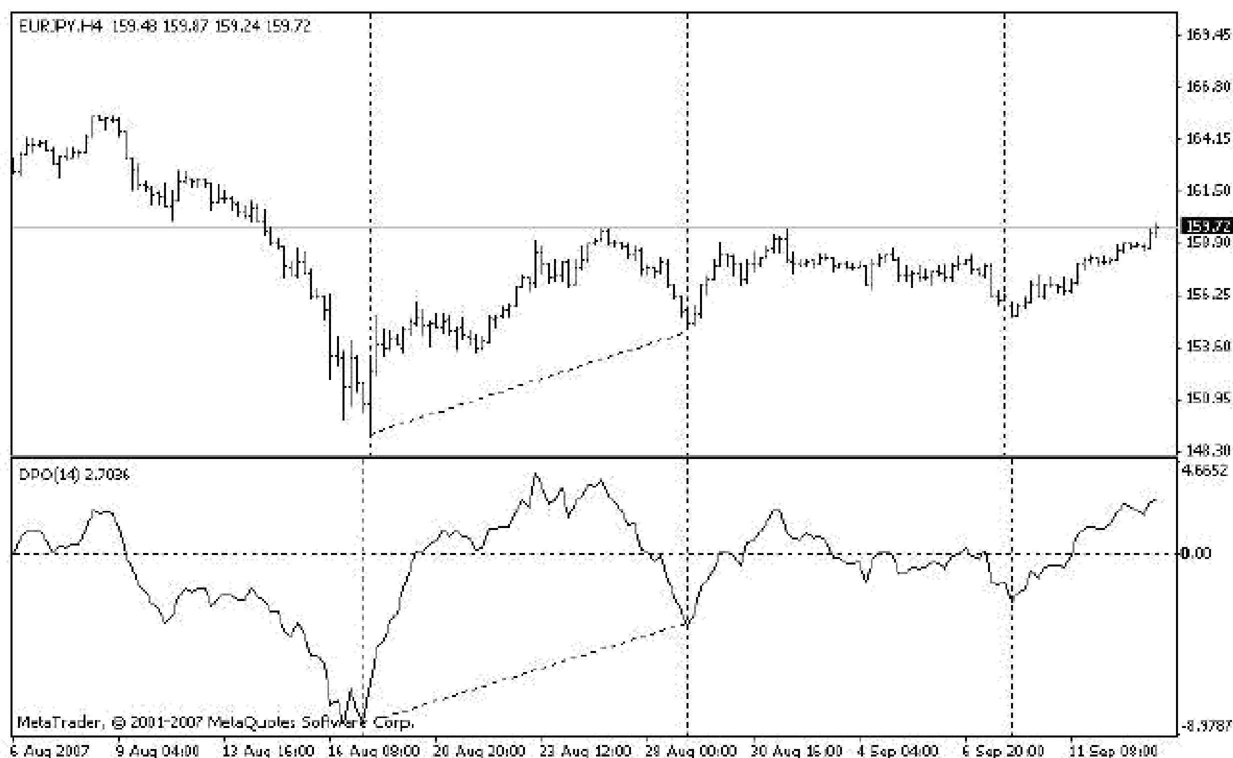
DPO là một chỉ số được dùng để xác định sự lặp lại mang tính chu kỳ của giá và tình trạng quá mua/quá bán trên thị trường. Chỉ số này được xây dựng một cách đơn giản và trở thành chỉ số Động lực cổ điển. Nó sử dụng đường trung bình di động trung tâm X-giai đoạn (X thường nằm trong khoảng từ 14 đến 20) có thể được thay thế bằng X/2 + 1 giai đoạn. Các mức giáđóng cửa được suy ra từ đường trung bình di động. Kết quả là chúng ta có được một công cụ đo dao động, cắt qua ngưỡng 0 theo hướng lên trên (khi xu hướng đi lên bắt đầu) hoặc xuống dưới (khi xu hướng đi xuống bắt đầu).



Hình 111. Các dấu hiệu giao dịch từ chỉ số DPO. (GBP/USD, 4 giờ), MetaTrader - Admiral Markets

DPO phản ánh các điểm đảo chiều xu hướng rất chính xác (Hình 111) do nó đưa ra các dấu hiệu thông qua sự cắt ngang qua mức 0. Cùng lúc đó, sự phân kỳ DPO là dấu hiệu xác nhận sự đảo chiều xu hướng.

Chu kỳ của diễn biến giálà tương đương về mặt thời gian khi các lần đảo chiều giá xảy ra. Trong khi hầu hết các phương pháp chỉ ra phương hướng và quy mô của sóng giá tiếp theo thì phân tích chu kỳ lại dự báo thời điểm của các lần đảo chiều giá. Các chu kỳ thường bắt đầu giữa hai mức đáy (xem Hình 112) nhưng cũng có thể được tạo thành giữa hai mức đỉnh (khi xu hướng là đi xuống). Giai đoạn này được tính toán và dự đoán trên biểu đồ trước đó một vài giai đoạn (những giai đoạn này được cho là những thời điểm có xác suất cao nhất cho việc đảo chiều giá trong khu vực chu kỳ). Điều này không có nghĩa là loại đảo chiều tương tự sẽ diễn ra sau "đảo chiều đáy"; thay vào đó "đảo chiều đỉnh" vẫn có thể xảy ra trong giai đoạn sau. Việc xác định được một mốc đảo chiều giá quan trọng trong chu kỳ (cộng/trừ một vài thanh) đã là đủ để cho thấy đây là một chỉ số đáng tin cậy.

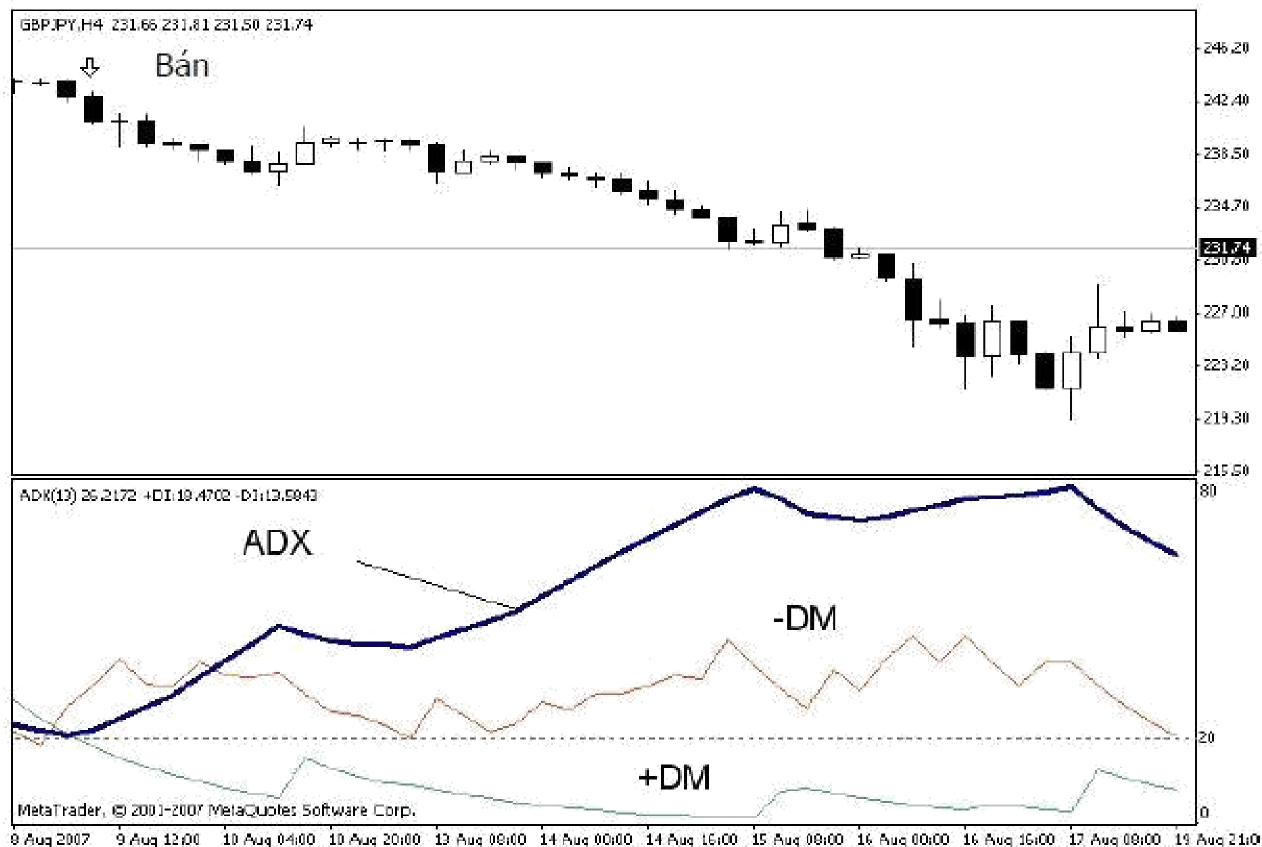


Hình 112. DPO được sử dụng để xác định các chu kỳ thị trường (EUR/JPY, 4 giờ), MetaTrader - Admiral Markets

Khi chu kỳ giá trùng khớp với chu kỳ thị trường mà DPO đã chỉ ra thì chu kỳ đó nhiều khả năng sẽ hiệu quả.

Chỉ số diễn biến định hướng trung bình (Average Directional Movement Index - ADX)

Welles Wilder đã phát triển chỉ số ADX vào giữa những năm 1970 như một sự bổ sung cho Phương pháp Parabol (Parabolic System) được sử dụng để tính toán động lực của thị trường. Chỉ số ADX dựa trên chỉ số diễn biến định hướng +DM và -DM. Diễn biến định hướng được xác định bằng việc so sánh các biên độ giá ngày hôm qua và hôm nay. Trong biên độ giá của ngày hôm nay, phần nào nằm ngoài biên độ giá của ngày hôm qua sẽ thể hiện diễn biến định hướng (DM). Bước tiếp theo là xác định ADX.



Hình 113. Chỉ số Diễn biến Định hướng Trung bình (GBP/USD, 4 giờ), MetaTrader - Admiral Markets

Khi đường ADX tăng từ mức thấp nhất (tương đương từ -20 đến -25), nó có nghĩa là xác suất bắt đầu một xu hướng mới là tương đối cao. Theo đó, bạn nên mở một trạng thái mua nếu đường +DX cắt đường -DX theo một góc nghiêng hoặc bạn mở một trạng thái bán nếu đường DX cắt đường +DX theo một góc nghiêng. Khi đường ADX tiếp tục đi lên, thị trường sẽ có một xu hướng rõ ràng và điều này có nghĩa là chúng ta sẽ tiếp tục duy trì các trạng thái đã mở. Khi đường ADX bắt đầu đi xuống sau khi đã đạt tới mức tối đa, diễn biến định hướng sẽ được coi là yếu đi, điều này nghĩa là việc điều chỉnh giá sẽ bắt đầu. Đây là thời điểm tốt để chốt lời chứ không phải là mở thêm các trạng thái mới.

Dừng và đảo chiều Parabol - Parabolic SAR (Parabolic Stop and Reverse)

Welles Wilder đã phát triển chỉ số SAR Parabol vào giữa những năm 1970. Chỉ số này xác định khi nào bạn nên đóng trạng thái của mình, khi nào nên mở trạng thái mới theo chiều ngược lại (SAR nghĩa là Dừng và Đảo chiều) và cách chốt lời. Chỉ số này tương tự như đường trung bình di động, nhưng sự khác biệt ở đây là nó diễn biến với một tốc độ khác. Chỉ số này được phát triển để có thể áp dụng vào các thị trường có xu hướng rõ ràng.

Nguyên tắc chung đằng sau SAR Parabol là đi theo xu hướng và khi thị trường đi xuống thì mở một trạng thái bán ra và chuyển mức cắt lỗ theo xu hướng của thị trường hoặc thị trường đảo chiều theo hướng ngược lại thì mở một trạng thái mua vào và chuyển mức cắt lỗ theo xu hướng của thị trường. Việc áp dụng chỉ số này khiến cho việc đặt các khoảng Dừng lỗ trở nên rất tiện lợi. Đường Parabol đi theo diễn biến thị trường và cùng lúc giáđiều chỉnh, nó sẽ giảm tốc độ của mình xuống. Đặc trưng này của Parabol cho chúng ta cơ hội để đi theo xu hướng trong thời gian lâu nhất có thể.

Hình 114 minh họa giao dịch theo đường parabol. Ở phía bên trái của biểu đồ, sau khi tín hiệu bán xuất hiện là thời điểm của sự điều chỉnh giá với cường độ tăng dần. Tại thời điểm đó, giásẽ gần với các đường chấm của chỉ số, nhưng nó không phávỡ các đường này. Do vậy, nếu chúng ta chuyển các lệnh dừng lỗ theo đường parabol, chúng ta có thể thu được lợi nhuận ở mức 60 điểm phần trăm. Khi thị trường đảo chiều và kích hoạt khoảng Dừng lỗ, chúng ta phải mở một trạng thái mua vào và đi theo xu hướng mới đó. Điểm đảo chiều thị trường là đáy hoặc đỉnh cuối cùng của diễn biến trước đó.



Hình 114. SAR Parabol (USD/JPY, 1 giờ), MetaTrader - Admiral Markets

P/t+1/=Pt*(EP-Pt)

Pt - giáđóng cửa của thanh hiện tại.

Pt+1 - giáđóng cửa của thanh tiếp theo.

EP - đỉnh cao nhất tính từ thời điểm bạn mở một trạng thái mua hoặc đáy thấp nhất từ thời điểm bạn mở một trạng thái bán.

AF - Tỷ lệ tăng tốc, xác định tốc độ mà chỉ số thể hiện diễn biến thị trường. Nó phụ thuộc vào số lượng các đỉnh mới từ thời điểm mua vào hoặc đáy mới từ thời điểm bán ra.

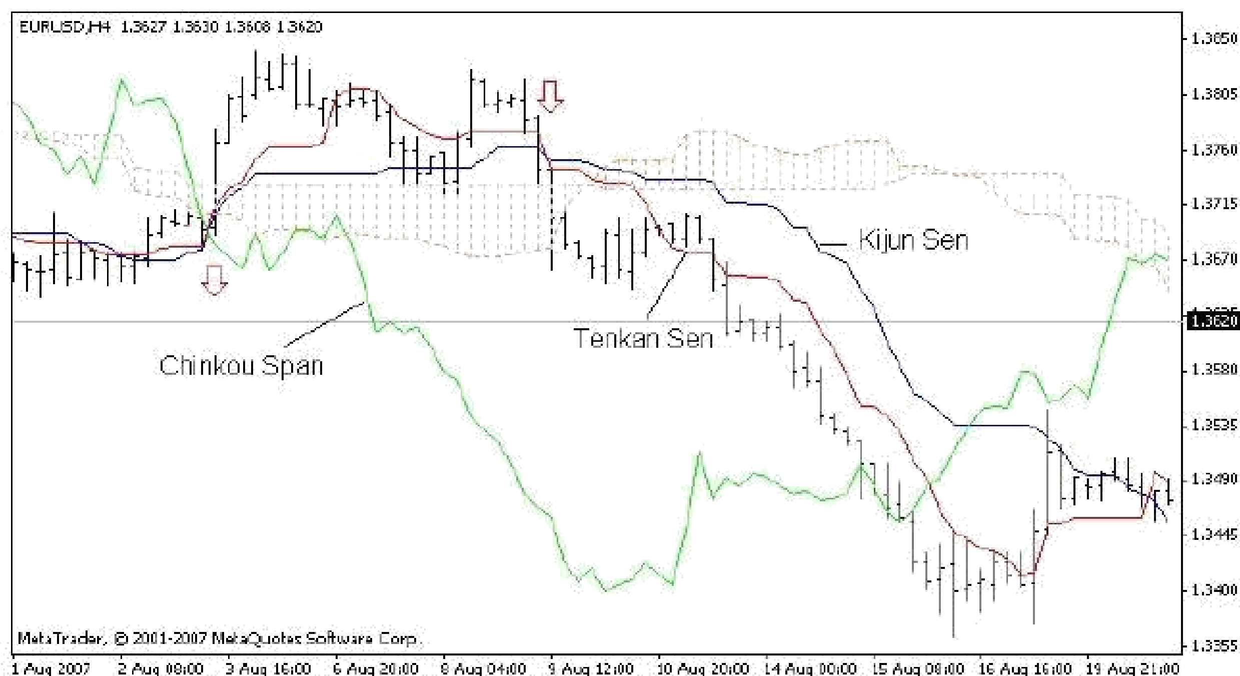
Ichimoku Kinko Hyo

Chỉ số Ichimoku được sử dụng để xác định xu hướng thị trường, các ngưỡng hỗ trợ và kháng cự và để tìm ra các tín hiệu giao dịch. Chỉ số này chỉ ra 4 khoảng thời gian được thể hiện bằng 4 đường:

a. ***Tenkan-Sen*** - thể hiện giá trị trung bình của giá trong một giai đoạn.

b. ***Kijun-Sen*** - thể hiện giá trị trung bình của giátrong giai đoạn tiếp theo. Khi hai đường Sen cắt nhau, đó là dấu hiệu để bắt đầu giao dịch.

c. ***Senkou-Span-A*** - thể hiện khoảng cách trung bình giữa hai đường được dự đoán khi dịch chuyển về phía trước một khoảng tương đương với giai đoạn thứ hai.



Hình115. Ichimoku Kinko Hyo (EUR/USD, 4 giờ), MetaTrader - Admiral Markets

d. ***Senkou-Span-B*** - thể hiện giá trị trung bình của giá trong một giai đoạn của thời kỳ xu hướng. Các đường Span này được thể hiện bằng hình "các đám mây" trong biểu đồ. Khi giá nằm trong đám mây, giới hạn của nó là các đường hỗ trợ và kháng cự. Nếu đường Span bị mức giá cắt qua theo chiều xuống dưới, đó là dấu hiệu bán ra; nếu theo chiều lên trên thì đó là dấu hiệu mua vào.

e. ***Chinkou Span*** - thể hiện giá trị trung bình của giáđược dự đoán ngược về phía sau một khoảng thời gian nhất định. Nó được sử dụng để xác nhận các tín hiệu cơ bản (sự giao cắt của đường Tenkan-Sen và Kijun-Sen) khi các mức giátrước đó bị vượt qua theo chiều tương ứng.

Các đường kích hoạt (Trigger Lines)



Hình 116. Các đường Kích hoạt. EUR/USD, Ngày, MetaTrader - Admiral Markets

Các đường Kích hoạt là một chỉ số khác mà chúng ta sẽ nghiên cứu. Đây là chỉ số bao gồm 2 đường, nếu 2 đường này giao cắt thì đó là dấu hiệu để giao dịch. Khi các đường chuyển thành màu xanh sau khi giao cắt, chúng là tín hiệu mua vào; khi các đường chuyển thành màu đỏ sau khi giao cắt, chúng là tín hiệu bán ra. Chỉ số này rất có tác dụng nếu được áp dụng trong các thị trường biến động mạnh.

Hai chỉ số mà chúng ta nghiên cứu dưới đây là các chỉ số đầu cơ. Nhà đầu cơ là một nhà kinh doanh chỉ giao dịch trong một phiên giao dịch và mở nhiều trạng thái mua và bán để kiếm lời từ những biến động giá ngắn hạn. Những chỉ số này có ích cho giao dịch ngắn hạn và chủ yếu là dành cho các thị trường biến động mạnh khi giá biến đổi rất mạnh chỉ trong một khoảng thời gian ngắn.

Xu hướng Hôm nay (Today Trend)

Chỉ số này cung cấp thông tin về chiều hướng thị trường hiện tại, cung cấp các tín hiệu giao dịch và chỉ ra vị trí đặt các lệnh Cắt lỗ và Chốt lời.



Hình 117. Xu hướng Hôm nay. USD/CAD, Ngày, MetaTrader - Admiral Markets

Đầu cơ Xu hướng (Trend Scalp)

Đầu cơ Xu hướng là một chỉ số bao gồm 2 đường, nếu 2 đường này cắt nhau thì đó là một tín hiệu giao dịch. Hình 118 minh họa các tín hiệu mua vào và bán ra mà chỉ số Đầu cơ Xu hướng chỉ ra trên biểu đồ 15 phút của cặp GBP/USD.



Hình 118. Đầu cơ Xu hướng. GBP/USD, 15 phút, MetaTrader - Admiral Markets

Các siêu tín hiệu (Super Signals)

Các mũi tên trên biểu đồ đánh dấu các tín hiệu mà chỉ số này đưa ra. Khi các mũi tên hướng lên trên chúng ta mua vào và khi các mũi tên hướng xuống dưới, chúng ta nên bán ra. Chỉ số này cung cấp các tín hiệu một cách nhanh chóng và thông thường thì thị trường sẽ diễn biến theo chiều ngược lại sau khi chỉ số này đã đưa ra một tín hiệu giao dịch. Trong trường hợp này, chỉ số sẽ thay đổi tín hiệu.

Lewis Borsellino, một nhà kinh và một chuyên gia có tiếng trong giao dịch các hợp đồng chỉ số tương lai từng nói "Các nhà đầu cơ đang cố gắng làm những gì mà nhà kinh doanh bình thường không thể làm được trên sàn giao dịch". Chúng tôi khuyên những người mới bắt đầu tham gia thị trường không nên giao dịch theo kiểu đầu cơ. Trước khi làm được điều đó, bạn cần tích lũy đủ kinh nghiệm giao dịch để nâng cao tốc độ phản ứng và suy nghĩ của mình.



Hình 119. Các siêu tín hiệu. GBP/USD, 15 phút, MetaTrader – Admiral Markets

Điểm & các hình thái (Point & Figures - P & F)

Đây là một trong những kỹ thuật giao dịch cổ và phổ biến nhất được sử dụng trong giao dịch trên thị trường tài chính, nó phân tích giámà không tính đến yếu tố thời gian. Biểu đồ được tạo nên bằng 2 loại biểu tượng 'X' và 'O'. Một dấu 'X' được đặt trên biểu đồ để thể hiện một diễn biến đi lên và dấu 'O' để thể hiện một diễn biến đi xuống. Khung thời gian có thể không xuất hiện trên các biểu đồ này. Chúng ta hãy cùng xem xét nó một cách chi tiết hơn.

Vị trí của một biểu tượng phụ thuộc vào sự tương ứng giữa bước tiến và bước lùi. Bước tiến sẽ được đánh dấu bằng một trong hai biểu tượng tùy theo giáđang diễn biến theo hướng nào. Bước lùi được sử dụng để thay thế biểu tượng 'X' thành 'O' và ngược lại. Nói cách khác, nếu bước tiến là 10 điểm phần trăm và sau đó diễn biến đi xuống kết thúc thì bước lùi sẽ là 15 điểm phần trăm (đánh dấu 'X' đầu tiên). Dấu 'X' tiếp theo sẽ được đánh khi thị trường tăng 10 điểm phần trăm. Diễn biến đi xuống cần phải ở mức 15 điểm phần trăm để biến 'X' thành 'O', sau đó chúng ta sẽ đánh dấu 'O'. Chúng ta cần giá giảm tiếp 10 điểm phần trăm nữa để đánh dấu 'O' tiếp theo.

Biểu đồ P & F có dạng như sau:

X 0
X 0X
X – tín hiệu mua vào 0X0X
X X X 0X0X0
X0X0X 0 0 0
X0X0 0 – tín hiệu bán ra
X0X 0
X0 0

Hình trên minh họa cho các tín hiệu mua vào và bán ra. Đây là một sự phá vỡ mô hình phức hợp. Khi một sự phá vỡ riêng lẻ diễn ra, chúng ta sẽ mở thêm nhiều hoặc đóng trạng thái hiện tại.

X X
X0X0
X0 0
X 0 – đóng trạng thái
X
X
X – mở thêm nhiều trạng thái
X X

X0

X – tín hiệu mua vào

X X X

X0X0X

X0X0

X0X

X0

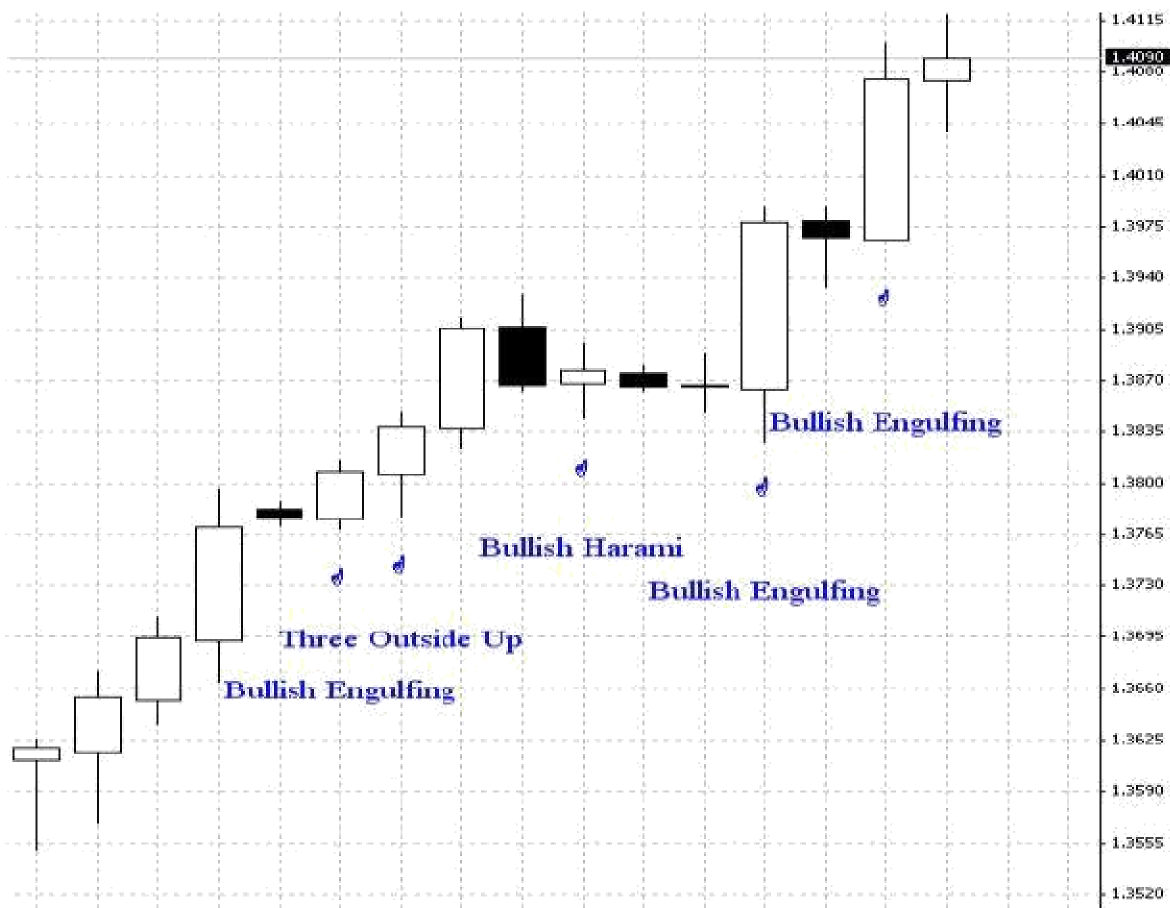
Có một chỉ số đánh dấu P & F tự động trong phần mềm MetaTrader4 (Hình 120).



Hình 120. Chỉ số Điểm và Các hình thái. EUR/USD, Ngày, MetaTrader - Admiral Markets

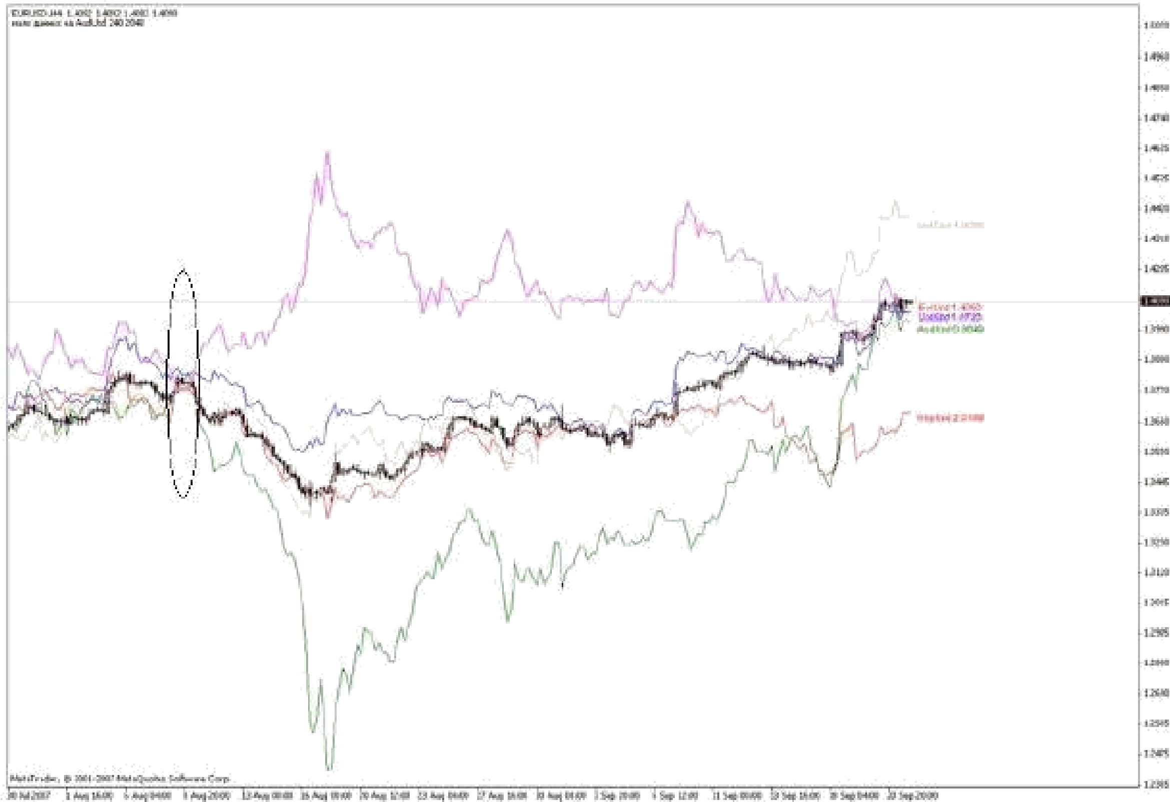
Nhận diện Mô hình (Pattern Recognition)

Đây là chỉ số xác định các mô hình giá một cách tự động sử dụng lý thuyết Nến Nhật Bản. Nó cung cấp các tín hiệu giao dịch tuân theo các mô hình giá.



Hình 121. Chỉ số Nhận diện Mô hình. EUR/USD, Ngày, MetaTrader - Admiral Markets

Tất cả các cặp USD

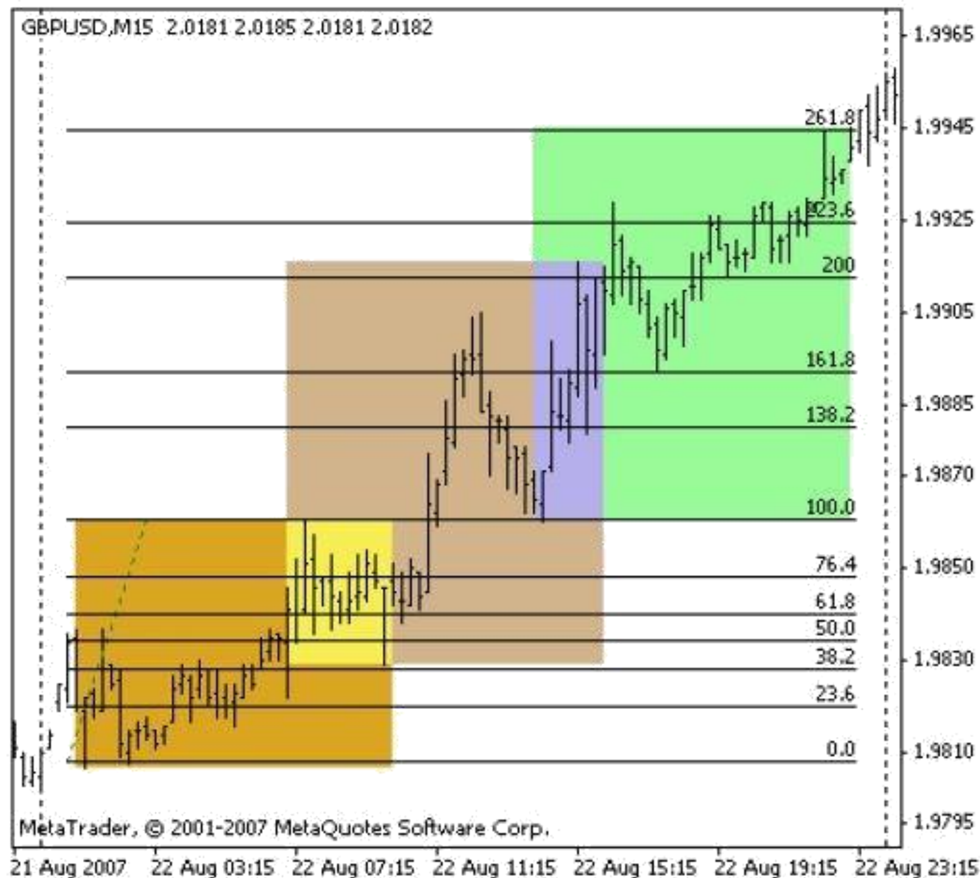


Hình 122. Tất cả các cặp USD. EUR/USD, Ngày, MetaTrader - Admiral Markets

Chỉ số này minh họa các diễn biến giá của các cặp USD cơ bản (EUR/USD, USD/CAD, GBP/USD, AUD/USD, USD/JPY, USD/CHF) trên cùng một biểu đồ.

Biểu đồ này thể hiện các thời điểm khi tất cả các biểu đồ của các cặp USD tiến đến gần và giao cắt nhau. Hình 122 minh họa một thời điểm như vậy trong một diễn biến giá mạnh.

Phiên giao dịch I (I-Session)



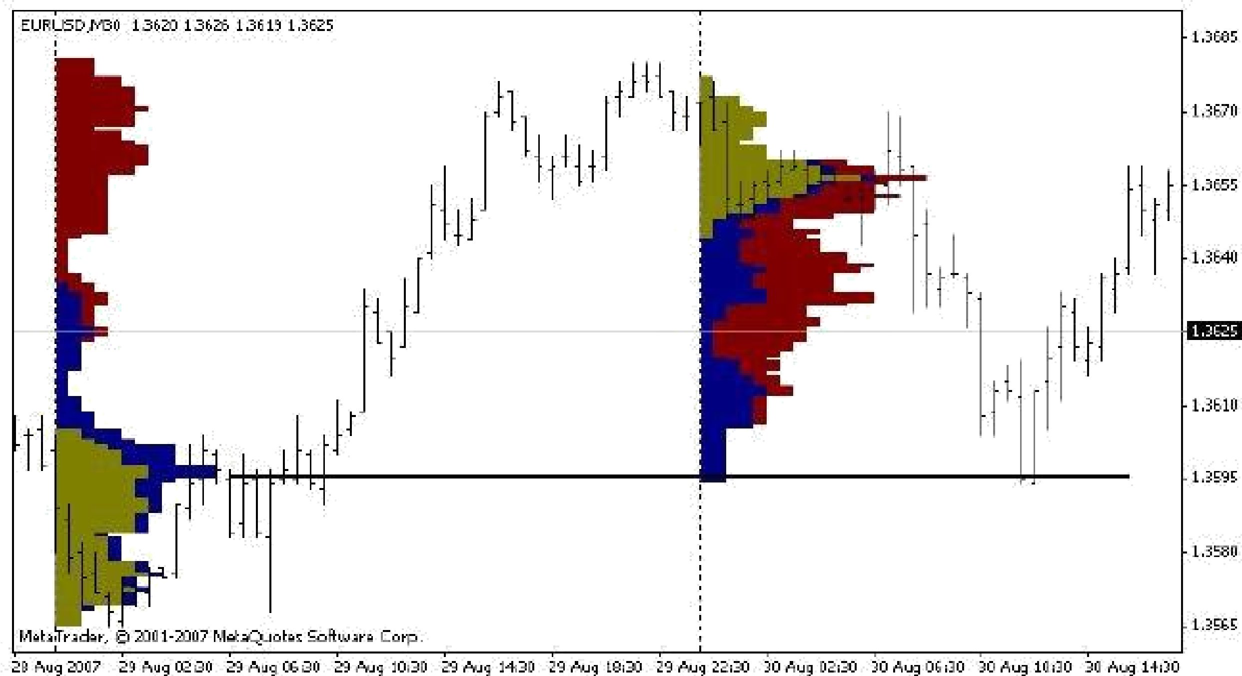
Hình 123. Chỉ số Phiên giao dịch I (GBP/USD, 15 phút), MetaTrader - Admiral Markets

Chỉ số này thể hiện thời gian của các phiên giao dịch châu Á, châu Âu và Mỹ. Nó minh họa biên độ giá trong mỗi phiên giao dịch. Chỉ số này cho phép chúng ta thấy được hoạt động giao dịch trong các phiên khác nhau và xác định thời điểm bắt đầu và kết thúc của các phiên này (lịch trình giao dịch là một tham số được cài đặt sẵn trong chỉ số này).

Một trong các phương pháp để sử dụng chỉ số này là áp dụng các dãy hồi quy và điều chỉnh Fibonacci (Hình 123) trong giới hạn biên độ giá của một phiên giao dịch.

Lịch sử Thị trường (Market profile)

Đây là một chỉ số về lịch sử hoạt động thị trường. Khối lượng giao dịch lớn chỉ ra các khu vực giátrong đó các mức giá diễn biến cùng chiều trong phần lớn thời gian và số lượng lớn nhất các giao dịch được thực hiện. Các mức giá có khối lượng giao dịch lớn còn được gọi là mode hay là thước đo xu hướng tập trung của một biến số (trong thống kê, đây là giá trị thường gặp nhất của một chuỗi dữ liệu) của biên độ giá trong ngày và là một ngưỡng rất quan trọng đóng vai trò như các ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự. Các khu vực giá có khối lượng giao dịch thấp sẽ bị đường giávượt qua dễ dàng.



Hình 124. Lịch sử Thị trường (EUR/USD, 30 phút), MetaTrader - Admiral Markets

Hình 124 minh họa ví dụ khi chỉ số Lịch sử Thị trường đánh dấu khối lượng cao nhất (hay còn gọi là mode tại mức giá 1,3595 vào ngày 29 tháng 8. Trong ngày tiếp theo, giá bắt đầu giảm xuống dễ dàng, vượt qua mức 1,3640 - 1,3610 khi khối lượng giao dịch thấp và dừng lại ở mức 1,3593 (mode) khi khối lượng giao dịch tăng lên. Mode đóng vai trò như các ngưỡng hỗ trợ và từ đó giásẽ bật ngược theo chiều đi lên.

CHƯƠNG 7
Kỹ thuật và chiến lược kinh doanh

Phương pháp giao dịch là một chuỗi các quy tắc mà nhà kinh doanh phải tuân thủ khi ra quyết định mở hay đóng một trạng thái giao dịch. Những quy tắc này dựa trên phân tích kỹ thuật và được chứng minh là tin cậy khi kiểm nghiệm tỷ lệ lặp lại của nó trong lịch sử. Một phương pháp giao dịch rõ ràng sẽ giúp bạn giải phóng bản thân khỏi cảm xúc nhất thời trong quá trình ra quyết định. Khi một nhà kinh doanh muốn mở một trạng thái giao dịch, anh ta hoặc cô ta sẽ bắt đầu nghi ngờ và đưa ra các câu hỏi, những thứ có thể tác động rất lớn đến tư duy của anh ta/cô ta:

- Liệu tôi có bỏ lỡ điều gì trong khi phân tích không?
- Liệu quyết định bán (hoặc mua) của tôi có đúng không?
- Đây có phải thời điểm phù hợp để tham gia thị trường không hay là tôi nên chờ đợi thêm một chút?
- Liệu tôi có đang mạo hiểm hay không?

Tất cả những nghi ngờ này sẽ tác động mạnh tới nhà kinh doanh và ảnh hưởng tới kết quả giao dịch của anh ta. Tham gia thị trường quá sớm hoặc quá muộn hay bỏ lỡ một giao dịch có lời thường là các lỗi giao dịch. Nếu nhà kinh doanh không có chiến lược, anh ta sẽ không thể chắc chắn được rằng quá trình giao dịch trong dài hạn của mình sẽ thành công và mang lại lợi nhuận bởi thua lỗ có thể vượt quá lợi nhuận. Nắm bắt được tình hình hiện tại của thị trường bằng cách sử dụng các kỹ thuật, nguyên tắc, chỉ số, v.v... khi mở một trạng thái giao dịch mới là điều quan trọng nhất.

Điều cần thiết với mỗi nhà kinh doanh là phải chọn một khung thời gian cụ thể (dài hạn hoặc ngắn hạn) khi xây dựng chiến lược giao dịch. Số lượng tiền trong tài khoản và các nguyên tắc quản lý chung sẽ đặt ra các giới hạn cần thiết cho chiến lược đó. Khung thời gian dài hơn sẽ khiến các dấu hiệu ít sai lầm hơn. Phân tích kỹ thuật áp dụng với các biểu đồ ngày và tuần thường chính xác hơn. Các biểu đồ này thường được ưa chuộng hơn nhưng lại đòi hỏi các mức cắt lỗ lớn, bởi vậy bạn cần có khoản vốn ban đầu lớn hoặc là chỉ giao dịch với số tiền nhỏ nhằm tránh rủi ro. Phân tích kỹ thuật áp dụng các khung thời gian ngắn hơn thường làm xuất hiện rất nhiều nhiễu động trên thị trường và vì vậy, cho ra kết quả với nhiều dấu hiệu sai lầm hơn. Trong trường hợp này, bạn nên sử dụng các mức cắt lỗ nhỏ,

nhưng như vậy thì khả năng xảy ra lỗi vẫn tăng cao. Tất cả những vấn đề này nên được xem xét và cân nhắc khi đưa ra quyết định lựa chọn chiến lược giao dịch cụ thể.

Quản lý Tiền là yếu tố quan trọng khi xây dựng chiến lược giao dịch của bạn. Hãy suy nghĩ kỹ và trả lời câu hỏi này: "một giao dịch bất kỳ của bạn sẽ chiếm bao nhiêu phần trong số vốn bạn có?" Tỷ lệ trung bình thường thấy là 1/10 hoặc 1/5 số vốn ban đầu phụ thuộc vào tính cách của nhà kinh doanh và các đặc điểm cụ thể của phương pháp giao dịch. Câu hỏi quan trọng thứ hai là: "Phương pháp hạn chế thua lỗ của bạn là gì và các mức cắt lỗ có thể lớn đến đâu?" Bạn nên hạn chế thua lỗ trên mỗi giao dịch ở mức 3-5% vốn của mình. Quan điểm cho rằng rủi ro của bạn là thấp nhất khi các mức cắt lỗ của bạn nhỏ nhất là hoàn toàn sai lầm. Các mức cắt lỗ nhỏ thường bị kích hoạt sau một biến động giá ngẫu nhiên nào đó và dẫn đến thua lỗ không cần thiết. Mức cắt lỗ được xác định bởi mức độ biến động của giá và khung thời gian giao dịch của bạn. Tốt hơn là bạn nên xác định độ lớn của các mức cắt lỗ cũng như số vốn sử dụng trong mỗi giao dịch ngay khi bạn xây dựng chiến lược của mình và tuyệt đối tuân thủ chúng.

Nhiệm vụ của một phương pháp giao dịch là chỉ ra những thời điểm tham gia và thoát khỏi thị trường. Một tín hiệu giao dịch được hình thành nhờ một vài điều kiện thị trường nhất định dựa trên các chỉ số, phân tích biểu đồ, v.v... Dấu hiệu ngừng giao dịch thường dựa trên sự tối đa hóa lợi nhuận và sử dụng Khoảng Dừng lỗ (Trailing Stops) có trong phần mềm giao dịch MetaTrader4. Có rất nhiều phương pháp giao dịch khác nhau. Về cơ bản, chúng được chia ra thành các phương pháp giao dịch theo xu hướng (theo sau một xu hướng của thị trường) và các phương pháp giao dịch theo biên độ (áp dụng trong thị trường bình ổn) bởi các điều kiện thị trường khác nhau thường đòi hỏi những chiến lược giao dịch khác nhau. Thường thì phương pháp giao dịch theo xu hướng cho ra những dấu hiệu tham gia thị trường ngay tại thời điểm bắt đầu một xu hướng mới, vì vậy nó thường tiếp diễn trong một thời gian dài và mang lại lợi nhuận lớn. Nếu áp dụng phương pháp giao dịch theo biên độ, lựa chọn thời điểm tốt nhất để tham gia cũng như thoát khỏi thị trường là điều quan trọng nhất. Phần lớn các phương pháp giao dịch mà nhiều nhà kinh doanh áp dụng đều theo sau một xu hướng của thị trường.

Cho dù phương pháp giao dịch của bạn là gì, bạn luôn phải kiểm nghiệm chúng trên thị trường cụ thể mà bạn muốn áp dụng. Xây dựng một phương pháp giao dịch có hiệu quả là một quá trình dài kiểm nghiệm trên thị trường, nhưng phần thưởng cho điều đó lại rất lớn. Một phương pháp giao dịch thành công sẽ cho bạn sự tự tin rằng các kết quả trong dài hạn sẽ tốt đẹp và mang đến nhiều lợi nhuận cho bạn. Các nhà kinh doanh thành công biết rất rõ rằng thực hiện thường xuyên nhiều giao dịch mang lại lợi nhuận với rủi ro thấp sẽ tốt hơn nhiều so với một giao dịch mang lại lợi nhuận lớn nhưng rủi ro cao.

Hãy cùng chúng tôi kiểm nghiệm một vài phương pháp và chiến lược giao dịch đã được sử dụng bởi các nhà kinh doanh thành công trên các thị trường tài chính.

LEWIS BORSELLINO

Lewis Borsellino, một trong những nhà kinh doanh xuất sắc nhất trên thế giới theo bình chọn của CNBC, là một chuyên gia trong thị trường tương lai và các công cụ tài chính khác. Hơn hai mươi năm kinh nghiệm làm việc trên sàn Giao dịch hàng hóa Chicago cũng giúp ông trở thành một trong những nhà kinh doanh hợp đồng tương lai nổi tiếng nhất và thành công nhất theo bình chọn của S&P500. Borsellino đồng thời là một nhà bình luận tài chính cho các đài truyền hình CNN-FN, Bloomberg TV, CNBC, WebFN, và Reuters. Ông là tác giả của các cuốn sách *Day Trader's Course Workbook* (tạm dịch, *Sổ tay của các nhà kinh doanh theo ngày*) và *The Day Trader: From the Pit to the PC* (tạm dịch, *Nhà kinh doanh theo ngày: Từ sàn giao dịch đến màn hình vi tính*).

Trong các cuốn sách này, Borsellino chia sẻ những hiểu biết và kinh nghiệm của mình với tư cách là một nhà kinh doanh đã giao dịch trực tiếp trên sàn và giao dịch trực tuyến qua các phần mềm vi tính kết nối mạng. Ông lưu ý độc giả của mình về các vấn đề tâm lý giao dịch và quản lý tiền. Trong cuốn sách của mình, ông còn tập trung vào quá trình liên hoàn của việc chuẩn bị mở và mở một trạng thái giao dịch.

"Mỗi lần giao dịch phải bao gồm những giai đoạn mà tôi gọi là chuẩn bị, quan sát mục tiêu và khai hỏa."

Dù là một nhà kinh doanh theo phương pháp cố định hay áp dụng các phân tích thị trường, bạn đều phải *chuẩn bị, quan sát mục tiêu* và *khai hỏa*.

- **Chuẩn bị** là bước đầu tiên trong giao dịch. Nó bao gồm kiểm nghiệm và phân tích các biểu đồ. Quyết định chiến lược giao dịch trong ngày của bạn, giá mua/bán, các ngưỡng hỗ trợ/kháng cự mà bạn sử dụng để giao dịch. Bạn phải tự giải phóng mình khỏi những suy nghĩ có thể làm ảnh hưởng tới quá trình ra quyết định của mình.

- **Quan sát mục tiêu** là bước thứ hai khi bạn quan sát thị trường và cố gắng tìm ra những kịch bản mà bạn đã xác định từ bước thứ nhất. Ví dụ, nếu bạn đánh dấu một ngưỡng hỗ trợ mạnh và thị trường mở cửa cao hơn mức này, giátăng một thời gian rồi sau đó bắt đầu giảm. Khi đó, nếu nó đến gần với ngưỡng hỗ trợ mạnh mà bạn vừa xác định thì bạn cần chuẩn bị sẵn sàng để mua vào.

- **Khai hỏa** là thời điểm bạn kết hợp tất cả những bước đã đề cập ở trên vào một hành động. Bạn xác định mức giá, ngắm mục tiêu và sau đó kịch bản mà bạn mong đợi xảy ra. Lúc này bạn sẽ khai hỏa bằng cách mở trạng thái giao dịch của mình và đặt các mức cắt lỗ cũng như chốt lời.

Đây gọi là kế hoạch giao dịch. Theo Borsellino, bạn luôn cần có một kế hoạch nhất định và bám sát nó.

"Đây là những gì bạn cần phải xây dựng, và thành quả của việc đó là tiền sẽ đến với bạn."

Bên cạnh ba bước của quá trình mở một trạng thái giao dịch, Borsellino còn lưu ý tới trạng thái tâm lý của nhà kinh doanh. Đó là lý do tại sao ông đặt ra một chuỗi các nguyên tắc trong cuốn *Day Trader's Course Workbook* mà ông gọi là *Mười điều răn trong giao dịch*:

1. ***Điều răn số 1. Mục đích của giao dịch là thành công, không phải là tiền.*** Động cơ của bạn phải là những giao dịch được thực hiện tốt. Tất cả chúng ta đều muốn làm tốt và gặt hái thành quả về mặt tài chính. Nhưng mục tiêu cuối cùng phải là bản thân sự thành công.

2. ***Điều răn số 2. Hãy có kỷ luật.*** Một phẩm chất quan trọng hơn tất cả mọi phẩm chất khác mà các nhà kinh doanh nhất thiết phải có là kỷ luật. Khả năng kiểm soát lý trí, cơ thể và cảm xúc của bạn là chìa khóa của giao dịch thành công. Bạn có thể có kỹ năng phân tích kỹ thuật tuyệt vời nhất nhưng nếu không có kỷ luật thì sẽ rất khó, nếu không nói là không thể thực hiện được các giao dịch một cách nhất quán và đem lại lợi nhuận. Một nhà kinh doanh có kỷ luật cho dù có lời hay thua lỗ cũng sẽ quay trở lại và tiếp tục giao dịch.

3. ***Điều răn số 3. Hãy biết mình là ai.*** Bạn có phải là người có thể đối mặt với rủi ro hoặc chỉ mỉm cười lạnh lùng trước suy nghĩ rằng mình đang mạo hiểm với toàn bộ số vốn hiện có hay không? Nếu suy nghĩ về chuyện đưa tiền vào giao dịch khiến bạn không ngủ được thì có lẽ một danh mục chứng khoán đa dạng với rủi ro thấp hay các tài sản có thu nhập cố định là tất cả những gì bạn có thể làm khi tham gia vào các thị trường tài chính. Nhưng nếu bạn có thể đối mặt với rủi ro theo một phong cách riêng, có kỷ luật thì có lẽ giao dịch là công việc dành cho bạn. Hãy nhớ, chìa khóa thành công ở đây là giao dịch một cách có kỷ luật. Bạn có phải là người "thực sự tuân thủ các nguyên tắc" khi đã vào cuộc chơi hay không? Nếu bạn muốn cácược - hãy tới Vegas. Nếu bạn muốn dùng tiền vốn của mình để thực hiện các giao dịch thành công dựa trên các phân tích kỹ thuật thì hãy xem xét đến việc giao dịch trên thị trường tài chính.

4. ***Điều răn số 4. Hãy quên đi cái tôi của chính mình.*** Cách nhanh nhất để kết thúc sự nghiệp kinh doanh của bạn là để cái tôi của mình làm ảnh hưởng đến các quyết định giao dịch. Và bạn càng thành công bao nhiều thì việc ngăn chặn điều đó sẽ càng trở nên khó khăn bấy nhiêu. Bạn cần phải làm cái tôi của chính mình im lặng để lắng nghe thị trường và làm theo những gì mà những phân tích kỹ thuật của bạn chỉ ra chứ không phải những gì bạn nghĩ là sẽ xảy ra. Khi bạn có thể để cái tôi của mình sang một bên và bám chặt lấy thị trường, bạn sẽ có nhiều cơ hội thành công hơn. Tin rằng bạn sẽ thành công bởi bạn có những kỹ năng nhất định hoặc bạn đã hiểu rõ thị trường lại là con đường gần như chắc chắn dẫn đến thất bại. Nhưng cùng lúc đó, bạn không thể quá yếu mềm về mặt cảm xúc đến mức các giao dịch không thành công làm tiêu tan hết sự tự tin của bạn. Khi giao dịch, hãy để cái tôi của mình sang một bên. Hãy cho phép mình thoát khỏi những trạng thái thua lỗ nhanh chóng dù điều đó có nghĩa là bạn đã sai lầm về diễn biến của thị trường. Và khi bạn thành công, đừng bao giờ để nó lấp đầy tâm trí bạn.

5. ***Điều răn số 5. Hãy hiểu là không có những thứ gọi là hy vọng, mong ước hay cầu nguyện một khi bạn đã tham gia vào thị trường.*** Thị trường sẽ đi lên khi có nhiều người mua hơn người bán và đi xuống khi điều ngược lại xảy ra chứ nó không tăng bởi vì bạn đã ước rằng nó sẽ như vậy và giảm bởi vì bạn vừa mở một trạng thái bán và luôn cầu nguyện cho điều đó. Lewis Borsellino đã nói: *"Tôi từng thấy quá nhiều nhà kinh doanh trong trạng thái nhìn chằm chằm một cách sợ hãi vào màn hình máy tính và cầu nguyện thị trường sẽ diễn biến theo cách này hay cách khác. Họ đang bế tắc trong một trạng thái thua lỗ mà không thoát ra và họ hy vọng, mong ước và cầu nguyện rằng thị trường sẽ đảo ngược trở lại theo cách họ dự đoán.* Thực tế hiện ra trên màn hình giao dịch. Hãy thoát ra khi thị trường đã chạm mức cắt lỗ của bạn. Thậm chí nếu sau đó thị trường có diễn biến ngược lại và cười vào mặt bạn đi nữa thì cũng hãy chúc mừng bản thân vì đã tuân thủ kỷ luật.

6. ***Điều răn số 6. Hãy duy trì lợi nhuận và cắt lỗ nhanh chóng.*** Bạn hãy đặt ra ngưỡng nguy hiểm, và một khi đã chạm điểm cắt lỗ hãy lập tức thoát ra ngoài. Thậm chí nếu đó chỉ là một khoản thua lỗ nhỏ thì cũng đừng chần chừ. Sau đó, hãy đánh giálại thị trường và thực hiện một giao dịch mới. Đồng thời, hãy học cách để lợi nhuận đang có tăng thêm nữa, nhưng đừng tham lam. Nếu bạn sử dụng phân tích kỹ thuật, bạn sẽ quyết định điểm tham gia và thoát khỏi thị trường trước khi mở trạng thái. Sau đó, khi dấu hiệu đã được xác nhận, bạn hãy thực hiện giao dịch đã định. Khi đã đạt mục tiêu lợi nhuận, hãy thoát khỏi thị trường. Bạn sẽ không bao giờ phá sản khi chốt lời. Đừng trở nên tham lam và duy trì trạng thái có lời quá lâu, thị trường có thể bất ngờ đảo chiều và để lại sau nó một kẻ thua cuộc.

7. ***Điều răn số 7. Hãy biết khi nào nên giao dịch và khi nào nên chờ đợi.*** Giao dịch cả ngày và tất cả các ngày là điều không thực tế và không thể xảy ra được. Bạn hãy giao dịch khi các phân tích, phương pháp và chiến lược của bạn nói rằng bạn có thể. Nếu thị trường không có xu hướng rõ ràng, hãy đợi cho đến khi điều đó xảy ra. Trong khi đó, hãy để thị trường bên trong và tiền ở bên ngoài tâm trí bạn.

8. ***Điều răn số 8. Hãy quý trọng cả thất bại lẫn thành công.*** Các giao dịch thua lỗ là người thầy tài giỏi nhất của bạn. Chúng cho thấy phân tích và đánh giácủa bạn có điều gì đó sai lầm. Hoặc có thể chỉ đơn giản là thị trường đã không diễn biến như những gì bạn suy nghĩ. Có thể bạn đang tìm kiếm các điểm phá vỡ mạnh trong khi thị trường lại chỉ dao động trong một vùng giới hạn. Hoặc có thể bạn đã quáchậm khi theo đuổi một xu hướng vì thực tế là thị trường đã lên tới đỉnh rồi. Khi có một trạng thái giao dịch thua lỗ, suy đoán của bạn có điều gì đó bất ổn so với diễn biến của thị trường. Vì vậy, hãy xác định một cách khách quan điều đó là gì; sau đó điều chỉnh cách nhìn nhận của bạn một chút nếu cần và quay trở lại giao dịch.

9. ***Điều răn số 9. Nếu đã trải qua tới ba giao dịch thua lỗ, hãy cho mình nghỉ ngơi một chút.*** Hãy đứng ngoài thị trường một thời gian. Hãy quan sát nó, để trí óc tỉnh táo và đánh giálại chiến lược của mình, sau đó mới thực hiện một giao dịch mới.

10. ***Điều răn số 10. Hãy tuân thủ những nguyên tắc không được phép phá vỡ ở trên.*** Vì nó không thể bị phá vỡ. Đừng bao giờ vi phạm Mười điều răn này nếu bạn muốn giao dịch thành công.

Điểm quan trọng nhất trong lý thuyết kinh doanh của Borsellino là những phân tích về tỷ lệ khoảng cách/độ lớn của lực. Sau nhiều năm kinh nghiệm trong giao dịch, Borsellino đã để ý thấy một vài mối liên hệ giữa các chỉ số và biểu đồ giá của một công cụ tài chính. Chương này sẽ đi sâu vào mức độ thường xuyên xuất hiện các mối liên hệ giữa đồ thị giá và các đường trung bình di động. Borsellino quan sát thấy rằng thị trường có những lực đẩy khác nhau phụ thuộc vào khoảng cách giữa đồ thị giá và một số đường trung bình di động nhất định. Điều này có nghĩa là, tùy vào khoảng cách của chúng, chúng ta có thể nói về các điều kiện của một thị trường quá mua/quá bán, khả năng của một sự đảo chiều xu hướng hoặc một vài ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự nhất định. Trong phân tích của mình, Lewis Borsellino chủ yếu sử dụng các đường trung bình di động 20, 50 và 200 giai đoạn áp dụng cho các đồ thị giá của các công cụ tương lai trên thị trường S&P500 và NASDAQ. Ví dụ, tác giả thấy rằng sự đảo chiều xu hướng có thể xảy ra nếu NASDAQ giao dịch ở khoảng cách 12% so với đường trung bình di động 20 ngày.

Chúng tôi sẽ cố gắng áp dụng lý thuyết này vào thị trường Ngoại hối. Chúng tôi sử dụng biểu đồ giá theo ngày của cặp EUR/USD từ năm 2002 làm ví dụ. Sau khi phân tích, chúng tôi thấy như sau: sau một biến động mạnh mẽ của giá, sự điều chỉnh hoặc đảo chiều sẽ xảy ra trong 81% các trường hợp sau khi giá biến động 6% theo chiều ngược lại với biến động lớn đó và tiến gần tới đường trung bình di động 200 ngày. Điều đó có nghĩa là giới hạn quá mua cho khoảng thời gian này là 6%, và nếu biến động ngược lại so với biến động lớn vượt quá 6%, thị trường sẽ bắt đầu mất dần sinh lực và vì vậy sự đảo chiều xu hướng có thể xảy ra.

Nếu giáđi qua giới hạn 6% thì trong 75% các trường hợp diễn biến điều chỉnh sau đó sẽ rơi vào khoảng từ 1,5-3%. Thực tế này cho chúng ta lý do để nói rằng mỗi điều chỉnh giá sẽ kết thúc trong giới hạn này nếu xu hướng diễn biến nhanh chóng và sau đó khôi phục chiều hướng cũ của mình.



Hình 125. EUR/USD, ngày, Meta Trader – Admiral Markets

Áp dụng thực tiễn. Bất kể một xu hướng nào đó đang ở giai đoạn nào, chúng ta cũng có thể sử dụng những chiến thuật này theo cách sau đây: nếu quan sát thấy một sự diễn biến mạnh mẽ của giá, vượt quá giới hạn 6%, chúng ta sẽ biết rằng thị trường đang ở trong tình trạng quá mua. Nó có thể không phải là một dấu hiệu cho việc bán ra, nên chúng ta sẽ đợi cho đến khi một dấu hiệu bán rõ rệt xuất hiện nhờ vào các yếu tố phân tích khác. Hãy lưu ý rằng khi giávượt qua giới hạn 6% thì một mô hình đảo chiều mới sẽ được hình thành, nối tiếp theo nó là một sự phân kỳ chỉ số. Mô hình này còn có tầm quan trọng lớn hơn nếu nó được hình thành trong khoảng cách 6% từ đường trung bình di động. Và ngược lại, nếu một mô hình lưỡng tính được hình thành trong khoảng cách 6% từ đường trung bình di động (ví dụ, giữa 3% và 4%), thì mô hình này có khả năng sẽ là một mô hình tiếp diễn.

Một vài đường trung bình di động có thể được sử dụng ở đây, thường là ba đường, chỉ ra ba loại xu hướng khác nhau. Hãy lấy ví dụ với các đường trung bình di động trong thời gian 20, 50 và 200 giai đoạn.

Chúng chỉ ra chiều của xu hướng. Số liệu lịch sử cho chúng tôi các mối liên hệ sau:

- MA 200 - 6%
- MA 50 - 3%, 3,5%

- MA 20 - 2%

Cứ cho rằng chúng tôi nhìn thấy hình như sau: giáđiều chỉnh tại giới hạn 5% từ MA200. Thị trường khôi phục chiều hướng sau khi điều chỉnh xảy ra và vượt quá giới hạn 6%. Bây giờ, chúng ta sẽ đợi cho giá chạm các giới hạn đánh dấu từ MA50 và MA200, theo sau đó là một sự điều chỉnh giá hay thậm chí là đảo chiều xu hướng.

Nếu kiểm tra dữ liệu trên khoảng điều chỉnh, chúng tôi có thể dự báo được diễn biến giá có thể xảy ra. Nói cách khác, chúng tôi sẽ chỉ ra các giới hạn của biến động giá.

Khoảng cách giữa đồ thị giá và một đường trung bình di động có thể được sử dụng kết hợp với hầu hết các chiến lược và bất kỳ phong cách giao dịch nào. Bạn nên nhớ rằng bạn không thể chắc chắn 100% rằng xu hướng sẽ khôi phục ngay lập tức nếu thị trường điều chỉnh N điểm phần trăm tính từ đường trung bình di động. Đó là lý do vì sao chúng ta biết được các khoảng hỗ trợ/kháng cự có thể xảy ra. Điều thứ hai cần được lưu ý là các vùng hỗ trợ/kháng cự có thể xảy ra là khác nhau ở các công cụ tài chính khác nhau và trên các thị trường khác nhau. Trước khi áp dụng kỹ thuật này, bạn cần tìm hiểu cẩn thận về công cụ tài chính mà bạn muốn giao dịch (tiền tệ, chứng khoán, các công cụ tương lai) nhằm xác định những đường trung bình di động nào sẽ cho bạn những dấu hiệu chính xác nhất và khoảng cách tốt nhất để áp dụng chúng là bao nhiêu.

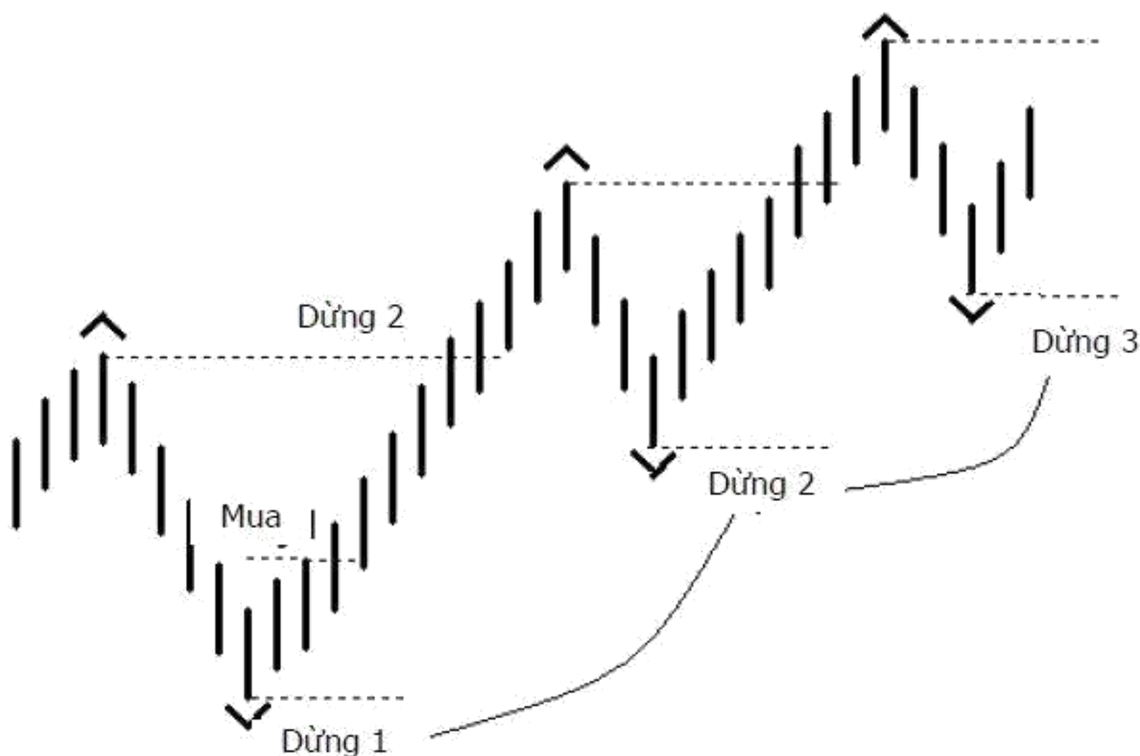
BILL WILLIAMS

Bill Williams là một nhà kinh doanh và phân tích nổi tiếng với hơn 40 năm kinh nghiệm giao dịch. Hàng nghìn nhà kinh doanh đã nghiên cứu theo những chỉ dẫn của ông, trong đó có cả các nhà kinh doanh chuyên nghiệp và các nhà môi giới trong các công ty tài chính lớn. Các cuốn sách của ông *Trading Chao* (tạm dịch: *Kiếm lời từ sự hỗn loạn), New Trading Dimensions* (tạm dịch: *Những khía cạnh mới trong giao dịch*), và *Trading Chaos: Second Edition* (tạm dịch: *Kiếm lời từ sự hỗn loạn: Xuất bản lần 2*) đều là những ấn phẩm bán chạy nhất. Ông có đóng góp lớn vào sự phát triển của lý thuyết dự báo và giao dịch. Chúng ta sẽ cùng kiểm nghiệm những kỹ thuật và chỉ số phổ biến nhất của Williams. Ông chính là người đã phổ biến hóa**các phân dạng** (Fractals). Các phân dạng là phương pháp rất tốt giúp đánh dấu các điểm cực trong một diễn biến giá. Về cơ bản, một phân dạng là một chuỗi năm thanh giátrong đó thanh ở giữa là điểm cực cao nhất (phân dạng trên) hoặc điểm cực thấp nhất (phân dạng dưới) như được minh họa trong Hình 126.



Hình 126. Các phép phân dạng.

Các phép phân dạng cho phép chúng ta đánh dấu các điểm cực cao và cực thấp của giá trong giai đoạn đầu của một diễn biến xu hướng của thị trường. Khi giá chạm điểm cực cao và sau đó đảo chiều, một thanh mới có điểm cực cao thấp hơn xuất hiện và đánh dấu một phân dạng. Nó là dấu hiệu cho thấy một đỉnh mới đang được hình thành, và chúng ta có thể sử dụng nó để mở một trạng thái bán hoặc đóng một trạng thái mua để chốt lời. Mỗi phân dạng sẽ đóng vai trò như một ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự vào ít nhất một thời điểm nào đó.



Hình 127. Giao dịch bằng các phân dạng.

Một trong những phương pháp giao dịch bằng các phân dạng là sử dụng chúng trong một xu hướng đi lên khi các điểm cực cao cao hơn và cực thấp cao hơn được hình thành. Nếu bạn muốn mở một trạng thái mua tại một mức giá tốt hơn, bạn nên đặt mức cắt lỗ thấp hơn phân dạng khi nó đã làm xuất hiện một mô hình đáy trên đồ thị giá trong một khoảng thời gian nào đó. Các ngưỡng giá của các phân dạng trên có thể được sử dụng để mở một trạng thái mua theo chiều của xu hướng nếu chúng đã bị đồ thị giá cắt ngang về phía trên. Các ngưỡng giá của các phân dạng dưới có thể được sử dụng để đặt các mức cắt lỗ và khoảng dừng lỗ. Kỹ thuật giao dịch bằng phép phân dạng áp dụng cho xu hướng đi xuống của thị trường cũng tương tự như vậy.

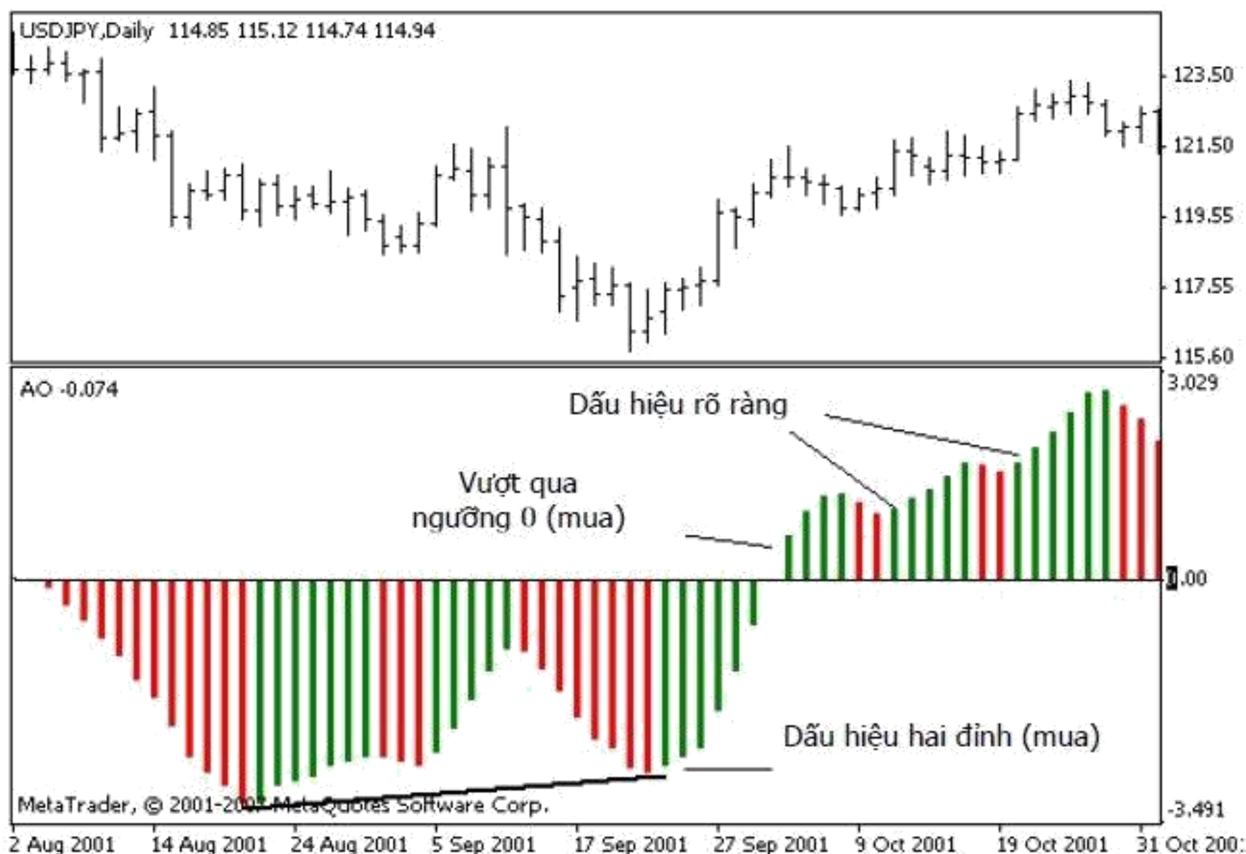


Hình 128. Giao dịch với các phân dạng (USD/CHF, 4H), MetaTrader – Admiral Markets

Khoảng dừng lỗ dựa trên các phân dạng (Hình 128) cho phép chúng ta duy trì trạng thái trong một xu hướng lâu hơn và bảo toàn lợi nhuận khỏi những đảo chiều ngẫu nhiên của giá.

Bill Williams sử dụng hai công cụ dao động để phân tích động lực của thị trường và xác nhận các dấu hiệu giao dịch. Chúng là **Chỉ báo Lo ngại** (Awesome Oscillator) và **Chỉ báo tăng tốc** (Accelerator Oscillator), chính là các công cụ tương đương của các chỉ số MACD và OsMA (xem chương trước).

Hình 129 minh họa giao dịch với đồ thị Chỉ báo Lo ngại. Dấu hiệu mua đầu tiên đạt được khi các thanh Chỉ báo Lo ngại ở trạng thái âm mạnh (nó cho thấy thị trường đang ở trong tình trạng bán quá nhiều) và hai điểm cực cao cao hơn được hình thành (nghĩa là có sự phân kỳ đi lên). Một dấu hiệu mua khác được xác nhận khi Chỉ báo Lo ngại cắt qua điểm 0: nó cho thấy xu hướng sẽ đổi chiều đi lên. Dấu hiệu mua thứ hai được xác nhận khi các thanh Chỉ báo Lo ngại nằm trên ngưỡng 0, một sự điều chỉnh giá sẽ diễn ra (được đánh dấu bởi các thanh đỏ trên Chỉ báo Lo ngại), và sau đó một thanh xanh mới được hình thành (được gọi là dấu hiệu "rõ ràng" -"Saucer" signal).



Hình 129. Chỉ báo Lo ngại (EUR/JPY, H1), MetaTrader – Admiral Markets

Chỉ báo Cá sấu - Alligator

Alligator là một trong những chỉ báo phổ biến nhất của Bill Williams. Nó được biểu diễn bằng sự kết hợp của ba đường trung bình di động dịch chuyển tới n giai đoạn.

- Đường trung bình di động 13 giai đoạn dịch chuyển tới 8 giai đoạn (đường số 2 trên biểu đồ);
- Đường trung bình di động 8 giai đoạn dịch chuyển tới 5 giai đoạn (đường màu đỏ trên biểu đồ);
- Đường trung bình di động 5 giai đoạn dịch chuyển tới 3 giai đoạn (đường số 3 trên biểu đồ); 1 2 3



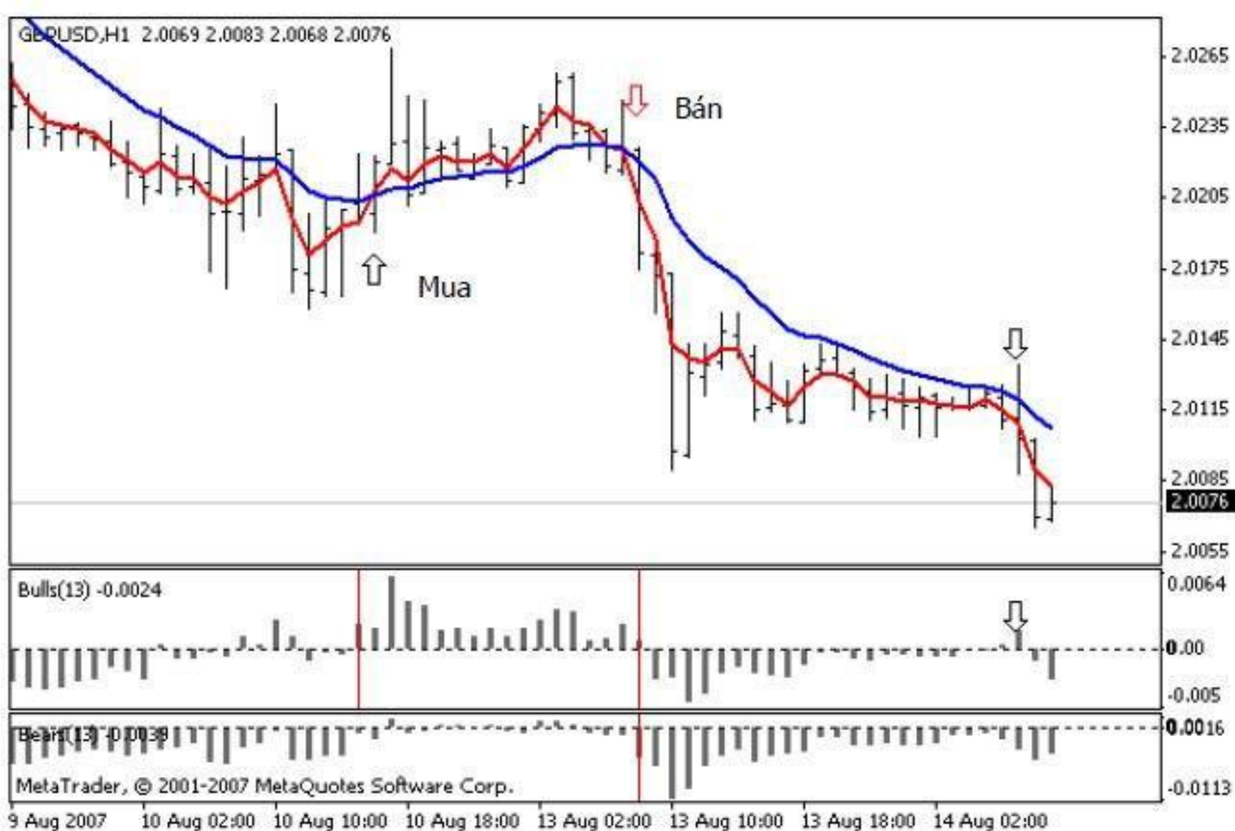
Hình 130. Alligator (GBP/USD, H1), MetaTrader – Admiral Markets

Khi các đường chỉ số cuộn vào nhau ("cá sấu ngủ"), chúng ta không giao dịch và chờ đợi điểm phá vỡ của mức phân dạng trước. Khi mức phân dạng trước bị phá vỡ, chúng ta xác nhận được một dấu hiệu giao dịch. Khi giá biến động, các đường chỉ số được sắp xếp như sau: đường màu xanh lácây là đường gần giá nhất, sau đó là đường đỏ và đường xanh là đường xa giá nhất. Khi giá dịch chuyển vào vùng giữa đường màu xanh lácây và đường đỏ, điều đó có nghĩa là chúng ta có thể tham gia vào thị trường tại mức giá tốt và giao dịch theo chiều của xu hướng. Đường màu xanh nước biển đóng vai trò là khoảng lệnh dừng.

ALEXANDER ELDER

Alexander Elder là một nhà kinh doanh chuyên nghiệp nổi tiếng. Các cuốn sách của ông *Trading for a Living* (tạm dịch: *Giao dịch để mưu sinh*) và *Study Guide for Trading for a Living* (tạm dịch: *Hướng dẫn giao dịch để mưu sinh*) thực sự là những ấn phẩm bán chạy nhất được nhiều nhà kinh doanh biết đến. Ông sinh ra ở Leningrad và lớn lên ở Estonia, nơi ông đã tốt nghiệp khoa y Trường đại học Tarty.Sau đó ông di cư sang Mỹ và làm nghề bác sĩ tâm lý. Hiểu biết của Elder về tâm lý con người đã giúp ích cho ông rất nhiều khi tham gia vào thị trường tài chính. Các chỉ báo của ông bao gồm Chỉ số sức mạnh (Force Index), Lực

đẩy lên (Bulls Power) và Lực kéo xuống (Bears Power). Một đặc trưng cơ bản của các nghiên cứu lý thuyết của Elder là ông tập trung rất nhiều vào đường trung bình di động 13 giai đoạn. Sau một thời gian nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính, ông nhận thấy rằng rất nhiều thị trường tài chính có vai trò như một dấu hiệu tốt của chiều hướng giá cả nói chung. Chúng ta sẽ cùng kiểm nghiệm một hệ thống được áp dụng thành công cho nhiều thị trường tài chính khác nhau. Dấu hiệu cơ bản để mở một trạng thái giao dịch là sự giao cắt của các Đường trung bình di động theo hàm mũ (EMA) 3 giai đoạn và 13 giai đoạn. Nếu EMA3 cắt qua EMA13 trong một chiều hướng đi lên, nó cho thấy dấu hiệu mua vào; nếu EMA3 cắt EMA13 trong một chiều hướng đi xuống, nó cho thấy dấu hiệu bán ra. Hai chỉ số khác của A. Elder là Lực đẩy lên và Lực kéo xuống cũng được sử dụng như các chỉ báo bổ trợ. Những chỉ báo này phản ánh những điểm tối đa và tối thiểu hiện hữu của EMA13 và được sử dụng để xác định sức mạnh của xu hướng hiện tại của thị trường.



Hình 131. Giao dịch theo EMA3-EMA13 trên biểu đồ 1 giờ của cặp GBP/USD, Meta Trader – Admiral Markets

Khi xu hướng là đi lên, Lực đẩy lên sẽ dương (các thanh của chỉ báo nằm trên mức 0). Khi xu hướng là đi xuống, Lực kéo xuống sẽ âm (dưới mức 0). Khi một thanh chỉ báo dương xuất hiện trên chỉ báo Lực đẩy lên trong một xu hướng đi xuống, điều đó có nghĩa là chúng ta có cơ hội bán ở mức giácao hơn với một vài trạng thái mới.

Hình 131 minh họa giao dịch theo EMA3-EMA13. Một dấu hiệu bán xuất hiện vào ngày 13 tháng 8 khi EMA3 cắt qua EMA13 trong một xu hướng đi xuống. Lực đẩy lên và Lực kéo xuống đều âm trong cả ngày hôm đó và cho chúng ta lý do để duy trì trạng thái; hai đường trung bình di động đang ở thứ tự đi xuống (EMA3 thấp hơn EMA13). Dấu hiệu bán thứ hai xuất hiện vào ngày 14 tháng 8, lúc 2 giờ chiều sau khi một thanh dương xuất hiện trên chỉ báo Lực đẩy lên, nhưng các đường trung bình di động không cắt qua nhau. Nó cho thấy thị trường đang điều chỉnh đi lên và cho chúng ta cơ hội mở một trạng thái bán mới.

Chỉ số sức mạnh được Elder xây dựng nhằm đo Lực đẩy lên mỗi khi giátăng và đo Lực kéo xuống mỗi khi giá giảm.



Hình 132. Chỉ số sức mạnh (GHP/USD, 4H), MetaTrader – Admiral Markets

Sức mạnh của mỗi diễn biến giáđược xác định dựa vào chiều hướng và biên độ của nó cũng như khối lượng giao dịch tương ứng. Nếu giáđóng cửa của ngày hôm nay cao hơn giáđóng cửa của ngày hôm qua thì sức mạnh sẽ dương. Nếu giáđóng cửa của ngày hôm nay

thấp hơn giáđóng cửa của ngày hôm qua thì sức mạnh sẽ âm. Một sức mạnh lớn hơn là kết quả của sự khác biệt lớn hơn giữa giá và khối lượng giao dịch.

Chỉ số sức mạnh = Khối lượng của thanh hiện tại * (Giáđóng cửa của thanh hiện tại - Giáđóng cửa của thanh trước đó)

Thời điểm thích hợp để mua vào là khi Chỉ số sức mạnh âm và thị trường đang có xu hướng đi lên. Nó có nghĩa là chúng ta sẽ có cơ hội mua ở mức giá thấp hơn trong một xu hướng đi lên. Khi giáchạm các điểm cao mới, chỉ số sẽ cho dấu hiệu của Lực kéo lên, có nghĩa là xu hướng đi lên hầu như chắc chắn sẽ tiếp diễn. Thời điểm thích hợp để bán là khi Chỉ số sức mạnh dương và thị trường đang có xu hướng đi xuống. Khi Chỉ số sức mạnh đạt các điểm thấp mới có nghĩa là lực kéo xuống mạnh và xu hướng đi xuống sẽ tiếp diễn.

TONY PLUMMER

Tony Plummer, một nhà tài phiệt nổi tiếng và cựu giám đốc của một ngân hàng đầu tư, đã có rất nhiều năm kinh nghiệm trên thị trường tài chính (ông đã quản lý các quỹ đầu tư trái phiếu và tiền tệ từ năm 1976 tới 1999). Trong cuốn sách *Forecasting Financial Markets* (Tạm dịch: *Dự báo các thị trường tài chính*), ông đưa ra những phân tích sâu sắc về ứng xử của các thành phần tham gia thị trường (bên đầu cơ giálên và đầu cơ giáxuống). Ông đã đưa ra các kỹ thuật phân tích tốt và các kỹ thuật ra quyết định đầu tư đúng đắn. Plummer rất nổi tiếng với lý thuyết "xung giá" (Price pulse) của mình, cũng chính là một phương pháp đơn giản hơn (so với Nguyên tắc Sóng (Wave principle) để dự báo các vùng đảo chiều quan trọng. Một kỹ thuật khác của ông, dùng chỉ báo Động lực (Momentum Indicator) để tìm ra các chu kỳ của thị trường (phương pháp có nhiều ưu điểm lớn khi phân tích các thị trường tài chính) cũng kháthú vị. Các dãy số Fibonacci đóng vai trò kháquan trọng trong các phương pháp của ông. Hãy xem xét phương pháp giao dịch được ông xây dựng trên đường trung bình di động phân kỳ/hội tụ (MACD), các đường trung bình di động và các mức Fibo.

Phương pháp này sử dụng MACD (34, 13, 8) và các đường trung bình di động hàm mũ 26 giai đoạn. Điều kiện của nó như sau: Trạng thái giao dịch được mở khi các thanh MACD cắt qua đường dấu hiệu và cùng lúc đó xuất hiện một trong các dấu hiệu xác nhận sau đây:

- Giáđảo chiều từ một trong các mức Fibo
- Giá cắt qua đường trung bình di động 26 giờ
- Phân kỳ MACD xuất hiện tại điểm cực cuối.

Một nửa trong số các trạng thái giao dịch đã mở sẽ được đóng lại khi giá chạm một trong các mức Fibo và một trong các dấu hiệu xác nhận sau đây xuất hiện:

- Chỉ báo dao động chạm mức cao nhất của nó

- Phân kỳ MACD xuất hiện.

Tất cả các trạng thái còn lại sẽ được đóng khi MACD cho thấy một dấu hiệu đảo chiều hoặc khi giá chạm mức làm kích hoạt các Lệnh cắt lỗ hoặc chốt lời.



Hình 133. Phương pháp giao dịch của Plummer (EUR/JPY, H1), MetaTrader – Admiral Markets

Hình 133 minh họa phương pháp giao dịch của Plummer áp dụng cho biểu đồ 1 giờ của cặp tiền tệ EUR/JPY. Một dấu hiệu bán được chỉ ra bởi MACD vào ngày 8 tháng 8, sau đó giáđảo chiều từ mức Fibo 1,618 và chạm mức 165,2 (mức giáđóng cửa của một thanh dấu hiệu). Sóng trước được sử dụng để tính toán mục tiêu giá là [164,15 - 162,25] *1,618 = 165,30 (không xuất hiện trên đồ thị). Sau đó giábắt đầu giảm và MACD hình thành các thanh thấp hơn, cho chúng ta lý do để duy trì trạng thái bán.

Giá chạm mức Fibo 1.618 vào ngày 10 tháng 8, và cùng lúc đó, MACD hình thành một phân kỳ đi lên. Tại thời điểm đó, chúng ta đóng trạng thái bán đã mở lại vì dấu hiệu mua đã xuất hiện. Lợi nhuận thu được là 395 điểm phần trăm (165,20 - 161,25). Sóng đi lên không chạm mức điều chỉnh 50% và thị trường diễn biến đi ngang, làm xuất hiện một dấu hiệu bán mới. Trạng thái mua chúng ta đã mở không thu được lợi nhuận cao (xấp xỉ 25 điểm phần trăm). Giácắt qua EMA26 về phía dưới cùng lúc với MACD hình thành một thanh

xuyên qua một đường dấu hiệu về phía dưới. Trạng thái bán cuối cùng được mở tại mức giá 161,5 và chưa có dấu hiệu để đóng nó lại vì MACD vẫn đang cho ra các thanh âm dài hơn (lợi nhuận chưa thu hồi là 230 điểm phần trăm)

LINDA B.RASCHKE

Từ năm 1981, Linda Bradford Raschke đã là một nhà kinh doanh chuyên nghiệp trên các thị trường tài chính, chủ yếu là quyền chọn cổ phần. Bà là Chủ tịch Công ty đầu tư LBRGroup. Thị trường tương lai S&P500 là nơi ưa thích của bà, đồng thời bà cũng tham gia giao dịch tại rất nhiều thị trường khác và sử dụng rất nhiều kỹ thuật khác nhau. Raschke là một trong số các nhà kinh doanh trong ngày. Chúng ta sẽ cùng kiểm nghiệm một phần chiến lược giao dịch của bà.

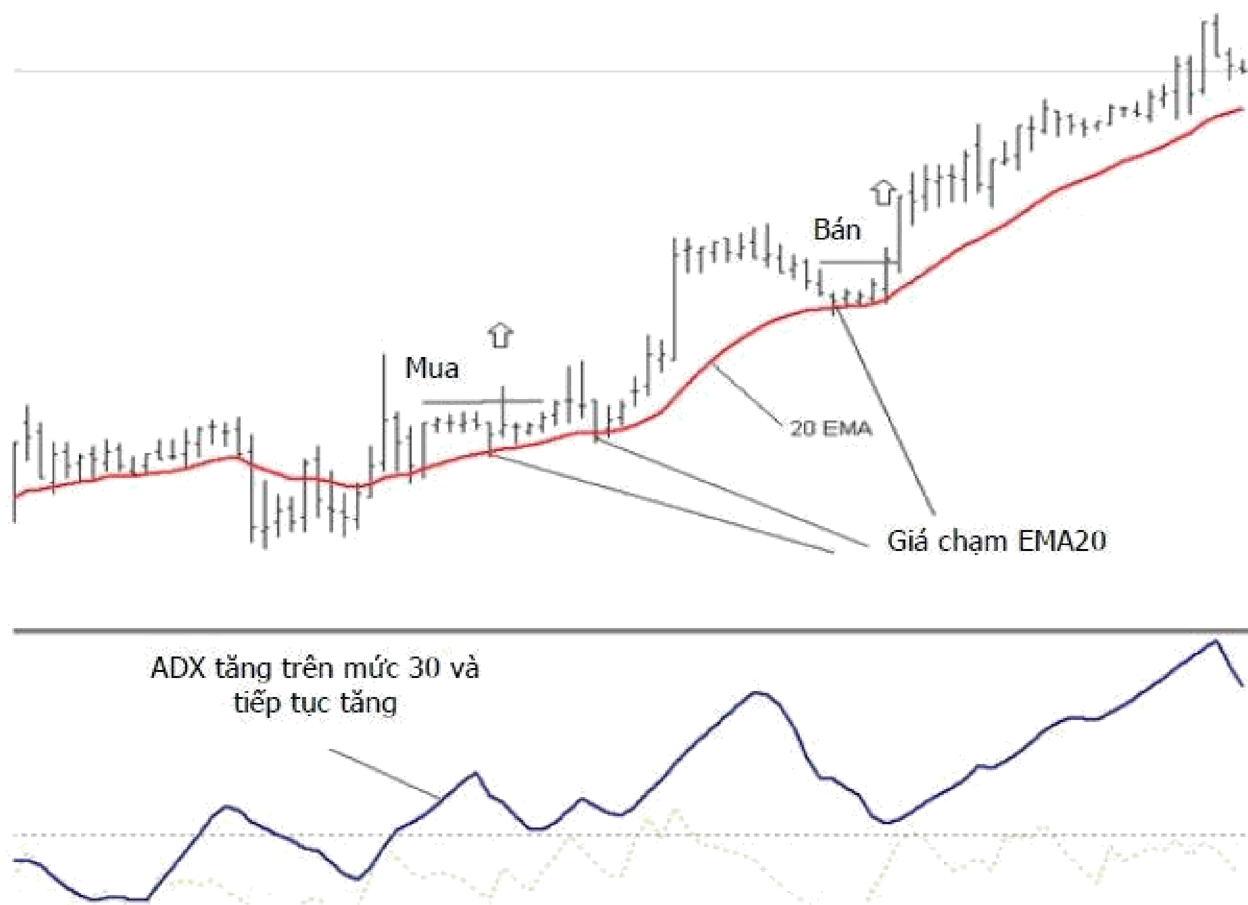
Một trong những phương pháp giao dịch của bà là dựa trên ADX (Chỉ số diễn biến xu hướng trung bình - Average Directional Movement Index).

Điều kiện để thực hiện phương pháp này là:

1. ADX 14 giai đoạn sẽ tăng trên 30 bậc và tiếp tục tăng nữa, nó cho thấy dấu hiệu của một xu hướng mạnh.

2. Chúng ta chờ giáđiều chỉnh về mức đường trung bình di động hàm mũ 20 giai đoạn EMA20, điều thường đi kèm với sự giảm nhẹ của ADX.

3. Khi giá chạm EMA20, chúng ta đặt Lệnh giới hạn mua trên điểm cao của thanh trước đó.



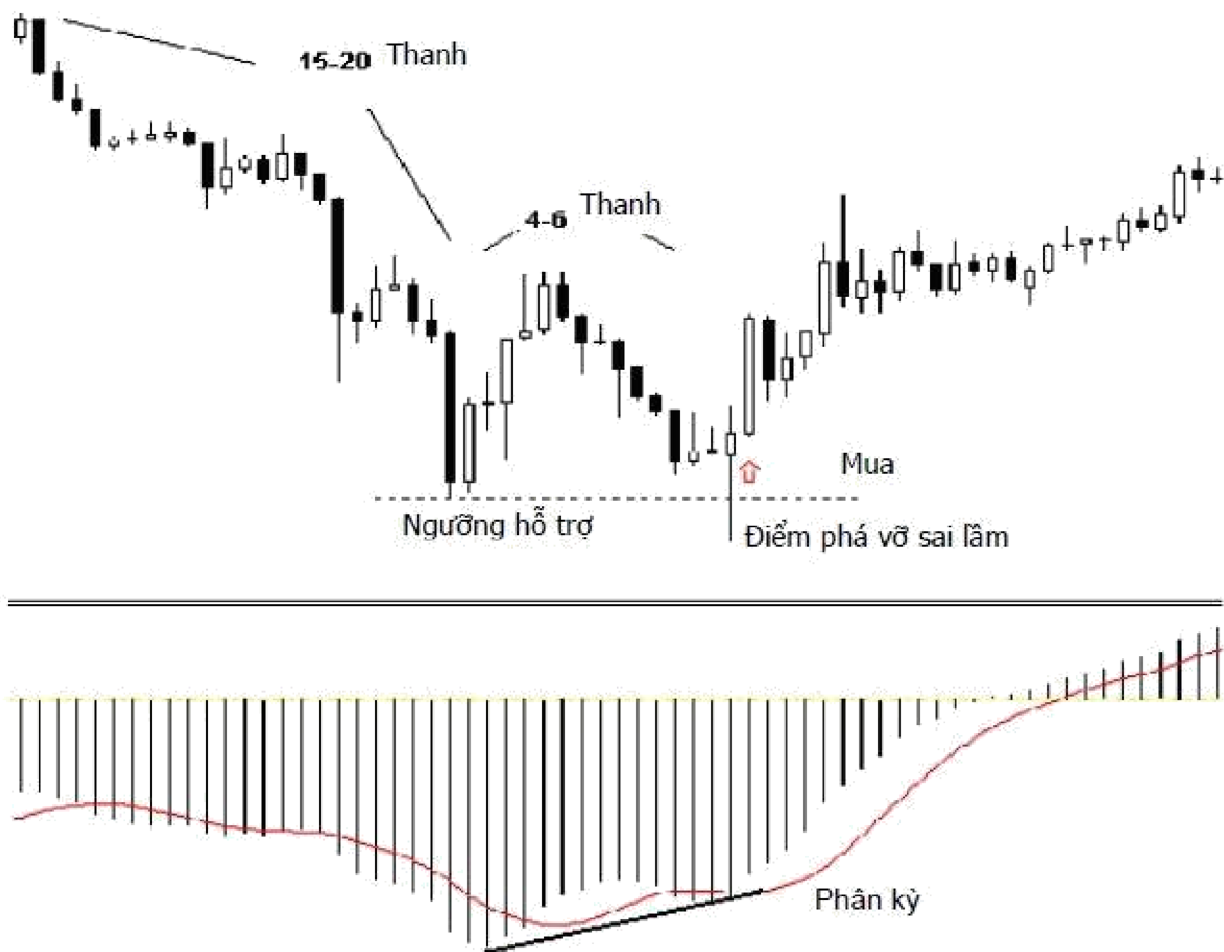
Hình 134. Giao dịch bằng ADX

4. Khi Lệnh giới hạn mua được kích hoạt, chúng ta đặt mức cắt lỗ tại điểm cao trước đó. Nếu ADX tăng, chúng ta chuyển mức cắt lỗ xuống dưới EMA20. Nếu ADX lập một mức cao sau đó bắt đầu giảm, chúng ta có thể đóng một phần hoặc toàn bộ trạng thái.

5. Sau một giao dịch có lời, bạn nên chờ đợi đến khi ADX giảm xuống dưới mức 30 mới bắt đầu tìm kiếm một giao dịch mới.

Bạn cần nhớ rằng mức 30 là tương đối và có thể thay đổi tùy theo thị trường cụ thể mà bạn đang giao dịch.

Phương pháp giao dịch điểm phá vỡ sai lầm (False Breakout system)



Hình 135. Chiến lược "Điểm phá vỡ sai lầm"

Kỹ thuật giao dịch này khá hiệu quả khi áp dụng cho thị trường đang điều chỉnh nhưng cũng có thể áp dụng cho thị trường đang có xu hướng nếu một số điều kiện nhất định được đáp ứng. Giá sẽ giảm trong khoảng 15-20 thanh trước khi một dấu hiệu giao dịch rõ ràng xuất hiện. Xu hướng sẽ mất hết động lực và thị trường sẽ rơi vào tình trạng quábán. Sau đó giárơi khỏi một ngưỡng hỗ trợ (Hình 135). Sau diễn biến đó giásẽ ổn định trở lại trong khoảng từ 4-6 thanh trước khi rơi xuống để kiểm nghiệm ngưỡng hỗ trợ. Đây là điều kiện cần thiết để xác nhận ngưỡng hỗ trợ đó. Sau đó giásẽ phá vỡ nó nhưng không thể tiếp tục diễn biến và nhanh chóng quay trở lại mức cũ. Đây là hiện tượng mà ta gọi là "điểm phá vỡ sai lầm". Khi thanh phá vỡ đóng lại thì đó cũng chính là dấu hiệu mở một trạng thái mua. Chúng ta sẽ đặt mức cắt lỗ thấp hơn thanh dấu hiệu. Dấu hiệu thậm chí còn trở nên mạnh hơn nếu nó được xác nhận bởi phân kỳ giá lên MACD.

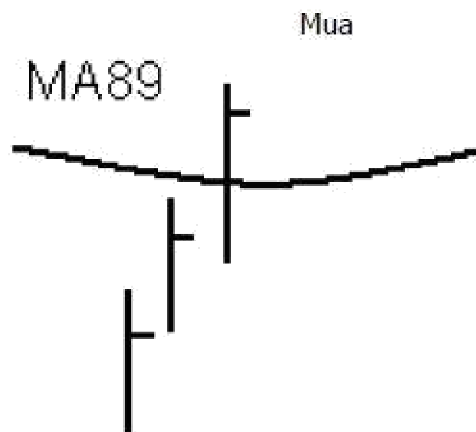
Hình 135 minh họa một dấu hiệu giao dịch được đưa ra bởi chiến lược "điểm phá vỡ sai lầm". Thời điểm mở một trạng thái mua là khi thanh dấu hiệu đóng lại. Thường thì những dấu hiệu như vậy sẽ có tiềm năng lợi nhuận cao với rủi ro ở mức thấp nhất. Các đỉnh và đáy

quan trọng thường được hình thành như vậy. Phương pháp này được áp dụng đồng thời với một xu hướng đi lên để xác định dấu hiệu bán.

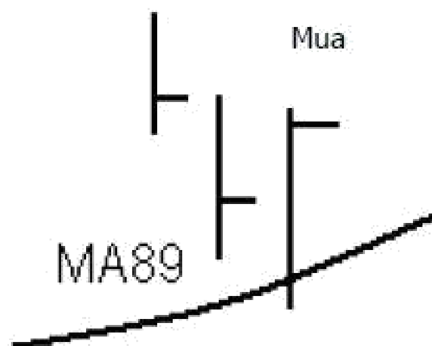
Phương pháp giao dịch MA89

Bây giờ hãy cùng chúng tôi xem xét một phương pháp giao dịch được xây dựng bởi chính các tác giả của cuốn sách này. Phương pháp này chủ yếu dựa trên đường trung bình di động đơn giản 89 giai đoạn. Các chỉ báo bổ trợ là các phân dạng và MACD (13, 34, 8). Phương pháp này có thể áp dụng cho những thị trường có tính thanh khoản cao và mọi khung thời gian, tuy nhiên, trước khi áp dụng nó vào giao dịch trên thị trường thực, chúng tôi khuyên bạn nên xác định nó trên các dữ liệu lịch sử của một vài công cụ tài chính để thấy rõ các nhược điểm sẽ xuất hiện tùy theo từng thị trường cụ thể (Ngoại hối, chứng khoán, hợp đồng tương lai).

Một dấu hiệu mua xuất hiện khi thanh dấu hiệu đóng trên MA89 (ngược lại với dấu hiệu bán). Hãy đặt mức cắt lỗ của bạn dưới phân dạng cuối cùng. Dấu hiệu mua thứ hai xuất hiện khi MA89 hướng lên trên, giá tiến gần tới nó và sau đó tách rời khỏi nó. Nhưng trong trường hợp này bạn không nên vội vã, mà hãy chờ cho đến khi thanh giálên đóng lại rồi mới mở một trạng thái mua.

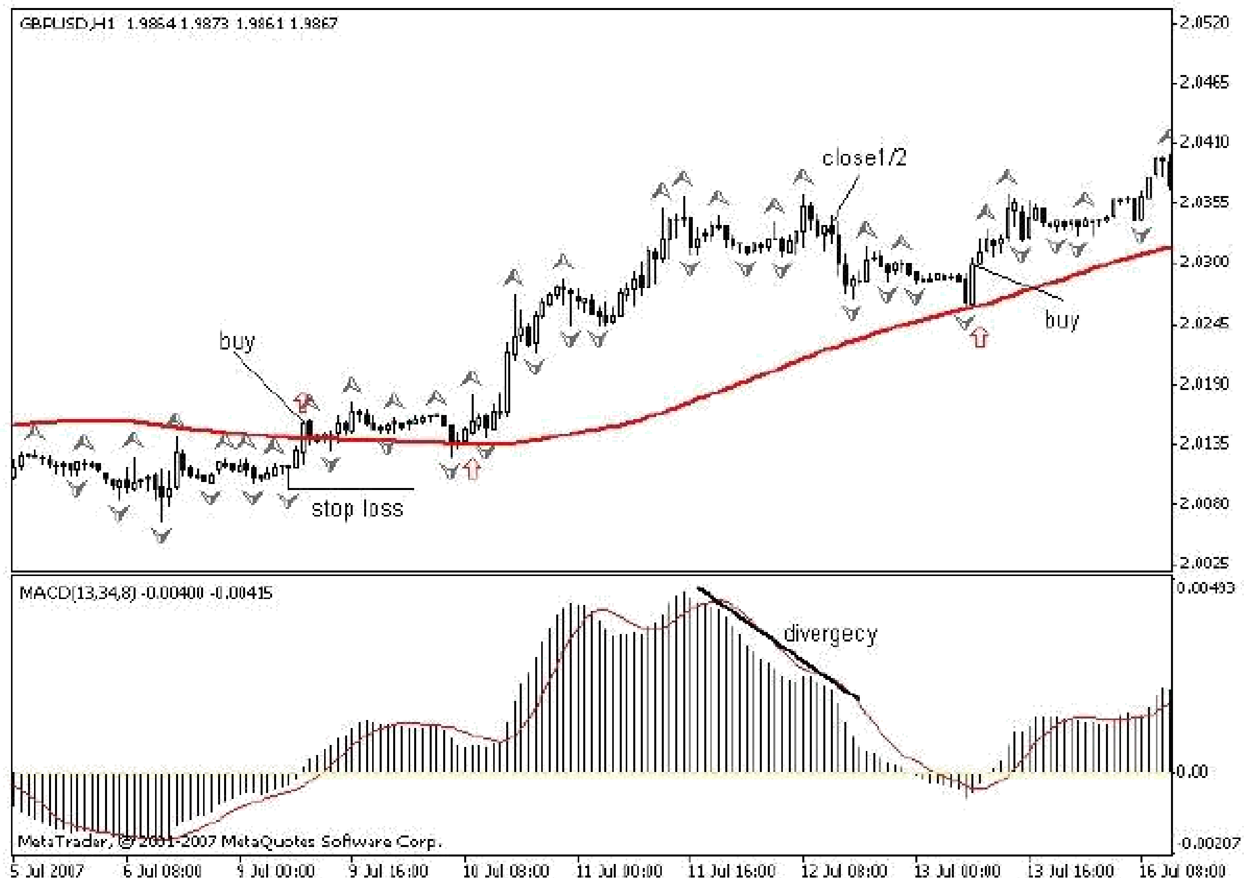


Hình 136. Điểm phá vỡ của MA89, dấu hiệu mua



Hình 137. Giá tách khỏi đường MA89 và cho thấy một dấu hiệu mua

Khi giao dịch được thực hiện, chúng ta sẽ thấy nếu giá hình thành một điểm cao mới và nếu MACD vẽ ra các thanh mới cao hơn, điều đó có nghĩa là xu hướng có khả năng sẽ được duy trì. Mỗi lần như vậy, bạn nên dời mức cắt lỗ của mình xuống thấp hơn 5-10 điểm phần trăm so với MA89. Nếu đường xu hướng có độ dốc lớn, bạn có thể đặt các mức cắt lỗ dưới các phân dạng, nhưng trong trường hợp này bạn có thể sẽ gặp rủi ro phải thoát khỏi thị trường sớm hơn và không đạt được toàn bộ lợi nhuận tiềm năng. Nếu một phân kỳ MACD xuất hiện, bạn có thể đóng một nửa trạng thái đã mở (vì xu hướng có thể yếu đi) nhưng không phải toàn bộ. Giá có thể tiếp tục tăng sau khi điều chỉnh diễn ra và bạn có thể mất lợi nhuận. Trạng thái sẽ bị đóng lại khi giá chạm mức cắt lỗ của bạn hoặc khi dấu hiệu đảo chiều xuất hiện (thanh dấu hiệu đóng lại dưới đường MA89).



Hình 138. Giao dịch với MA89 (GBP/USD, H1), MetaTrader – Admiral Markets

Hình 138 minh họa giao dịch với MA89 trên biểu đồ 1 giờ của cặp GBP/USD. Dấu hiệu mua xuất hiện vào ngày 9 tháng 7 tại mức giá 2,0157. Thực ra, mức cắt lỗ được đặt dưới phân dạng thấp sau cùng tại mức giá2,0096 (60 điểm phần trăm). Ngày hôm sau, một dấu hiệu mua khác xuất hiện lúc 9 giờ sáng, nhưng chúng ta không sử dụng nó bởi MA89 vẫn đang đi lên và trạng thái của chúng ta vẫn chưa dương. Trong suốt hai ngày sau đó, giábắt đầu tăng, bởi vậy chúng ta sẽ dịch chuyển mức cắt lỗ tới gần MA89. Một phân kỳ MACD đi xuống được hình thành lúc 11 giờ sáng ngày 12 tháng 7, vì vậy, chúng ta sẽ đóng một nửa trạng thái của mình tại mức giá 2,0327 (thu lời 170 điểm phần trăm). Giáchạm MA89 vào ngày 13 tháng 7 vào khoảng giữa từ 8 đến 9 giờ sáng và một nến theo chiều đi lên được hình thành báo hiệu nên mua vào (MA89 có độ dốc dương), Một trạng thái mua mới được mở tại mức giá 2,0303. Giá ở mức 2,0340-60 vào đầu tuần sau đó (ngày 16 tháng 7). Lợi nhuận chưa thu hồi từ trạng thái đầu tiên được mở là 183 điểm phần trăm; lợi nhuận chưa thu hồi từ trạng thái thứ hai được mở là 40 điểm phần trăm.

Phương pháp giao dịch này có thể được bổ sung bằng các chỉ báo phụ trợ và có thể sử dụng cả các mức Fibo để tối đa hóa lợi nhuận. Nhưng bạn nên nhớ rằng, nếu thị trường

bước vào giai đoạn rối ren, có khả năng bạn sẽ bị thua lỗ tạm thời. Trong trường hợp đó, MA89 sẽ dịch chuyển gần như theo chiều ngang và tốt hơn hết là bạn nên chờ đợi dấu hiệu mua thứ hai xuất hiện để mở một trạng thái mới. Khi thị trường bắt đầu có xu hướng và bạn chuyển mức cắt lỗ xuống dưới MA89 thì có khả năng bạn sẽ thu được lợi nhuận tốt (300-800 điểm phần trăm) - vượt xa khoản thua lỗ tạm thời rất nhiều lần. Đó là lý do vì sao chúng tôi khuyên bạn không đóng toàn bộ các trạng thái khi MACD cho thấy dấu hiệu tiêu cực.

JOE DINAPOLI

Joe DiNapoli là một nhà kinh doanh kỳ cựu với 38 năm kinh nghiệm giao dịch. Ông là một diễn giả được biết đến tại nhiều quốc gia trên thế giới, tác giả và nhà nghiên cứu các thị trường tài chính. DiNapoli là Cố vấn giao dịch Hàng hóa và đã giảng dạy các kỹ thuật giao dịch của mình trong suốt 20 năm tại các kinh đô tài chính của châu Âu, châu Á, Nga, Trung Đông và Mỹ.

DiNapoli là đồng tác giả cuốn *The Tops of Futures Trading, the Lessons of the Masters* (tạm dịch: *Đỉnh cao của giao dịch các công cụ tương lai, Bài học của các bậc thầy*), tác giả của cuốn sổ tay dành cho các nhà kinh doanh *Fibonacci, Money Management and Trend Analysis In Home Trading Course* (tạm dịch: *Fibonacci, Quản lý tiền và Phân tích xu hướng khi giao dịch tại nhà*). Tác phẩm có giá trị nhất của ông là *Trading with DiNapoli Levels* (tạm dịch: *Giao dịch với các mức DiNapoli*) mà giờ đây đã trở thành sổ tay cho tất cả mọi người quan tâm đến các kỹ thuật Fibonacci.

Hiện tại, DiNapoli là Chủ tịch của Tập đoàn Đầu tư phần mềm Coast và đang tham gia vào quá trình xây dựng và phổ biến các phương pháp giao dịch tự động.

Chúng tôi sẽ trích dẫn cuốn *Trading with DiNapoli Levels* (còn được gọi là chín mô hình sức mạnh) để kiểm nghiệm một phần nhỏ, nhưng phổ biến và hữu ích nhất trong tất cả các kỹ thuật và chiến lược giao dịch của DiNapoli. Và đương nhiên chúng ta sẽ cùng kiểm nghiệm các Mức DiNapoli nổi tiếng.

Nhưng trước khi tiếp tục, hãy cùng nêu ra các nguyên tắc và điều kiện chung sẽ giúp bạn hiểu được bản chất của các chiến lược này.

1. Các đường trung bình di động

   - 33x3 là một đường trung bình di động đơn giản (SMA) 3 giai đoạn của giá đóng cửa, dịch chuyển trong 3 giai đoạn. Tác giả sử dụng đường trung bình di động này trong các thị trường có tốc độ cao và thanh khoản lớn nhằm đưa ra các phân tích ngắn hạn.

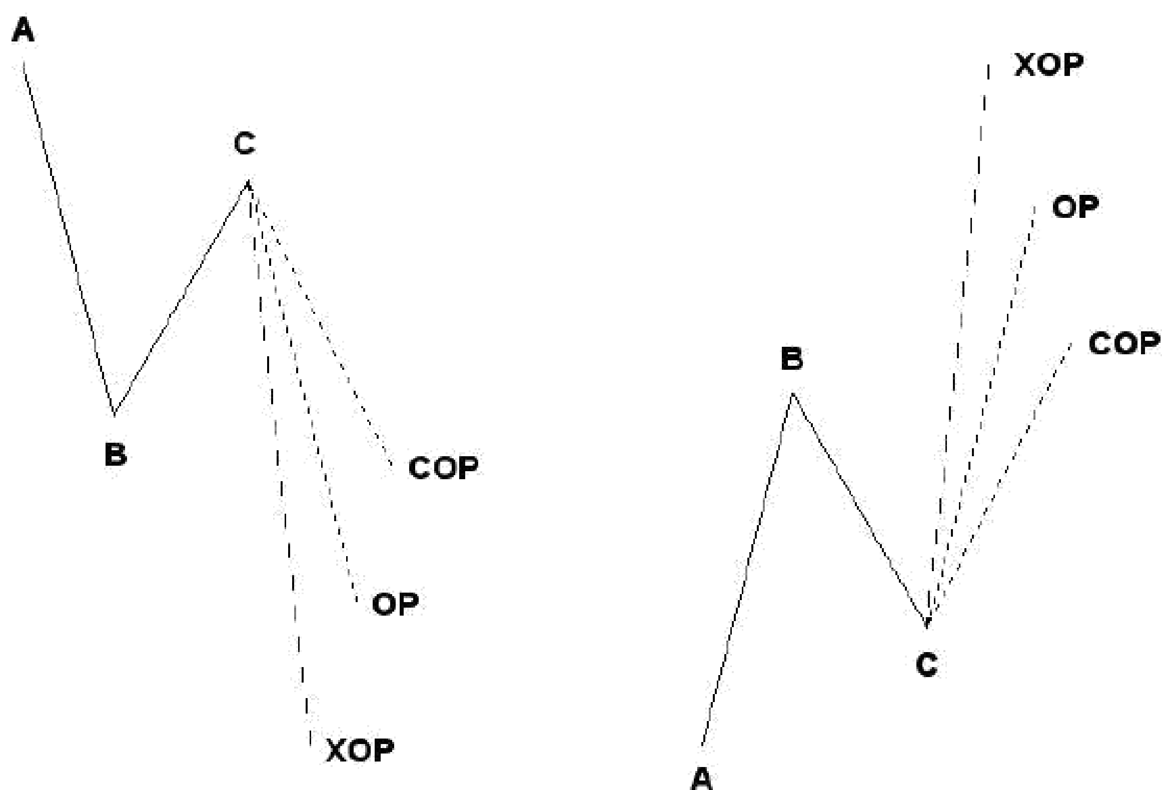
   - 7x5 là một SMA 7 giai đoạn của giáđóng cửa, dịch chuyển trong 5 giai đoạn. Đường trung bình di động này được sử dụng cho việc phân tích các thị trường ổn định hơn một chút, ví dụ như thị trường chứng khoán.

- 25x5 là một SMA 25 giai đoạn của giáđóng cửa, dịch chuyển trong 5 giai đoạn. DiNapoli sử dụng đường trung bình di động này cho các phân tích dài hạn.



Hình 139. Ba đường trung bình di động được DiNapoli sử dụng . USD/CHF, MetaTrader – Admiral Markets

2. Các mục tiêu giá, DiNapoli sử dụng ba điểm, xem Hình 140



Hình 140. Các mục tiêu giá của DiNapoli

- OP = B - A + C
- COP = 0,618 (B - A) + C
- XOP = 1,618 (B - A) + C

Tái thâm nhập đôi (Double penetration)

Hình 141 minh họa hiện tượng Tái thâm nhập đôi trên biểu đồ tuần của cặp USD/AUD.

Đặc trưng:

1. Thanh dấu hiệu tái thâm nhập đôi phải xuất hiện sau một biến động mạnh của thị trường trong vòng ít nhất từ 8-10 giai đoạn; 15 giai đoạn hoặc nhiều hơn thì càng tốt. DiNapoli gọi sự tăng giánày là giai đoạn đột biến (Thrust).

2. Sau một giai đoạn đột biến đi lên, chúng ta cần giáđóng cửa ở mức dưới, trên rồi lại dưới đường 3x3 trước khi dấu hiệu mua xuất hiện. Áp dụng ngược lại với một giai đoạn đột biến đi xuống.

3. Đỉnh (hoặc đáy) hình thành bởi các thanh như được chỉ ra trên biểu đồ cần phải ở gần nhau với khoảng cách hợp lý.

4. Độ rộng của đỉnh (hoặc đáy) từ thâm nhập đầu tiên tới thâm nhập tiếp theo (sau khi hồi quy) không nên vượt quá 8-10 thanh, 3 hoặc 4 thanh sẽ tốt hơn rất nhiều.

5. Dấu hiệu vẫn còn được duy trì cho đến khi giáđạt tới một Mục tiêu Lợi nhuận hợp lý (điểm M trên biểu đồ) hoặc mức hồi quy 0.618 từ điểm xa nhất của vùng điều chỉnh (sau lần thâm nhập thứ hai) tới điểm xa nhất trên giai đoạn đột biến vượt quágiáđóng cửa.

6. Các giai đoạn được DiNapoli sử dụng cho phương pháp thâm nhập đôi là ngày, tuần và tháng.



Hình 141. Tái thâm nhập đôi USD/CAD tuần, MetaTrader, Admiral Markets

"Thâm nhập đơn" (Single penetration) của dấu hiệu "Bánh mỳ và Bơ" (Bread and Butter signal)

Các mức DiNapoli đóng vai trò rất lớn trong mô hình này, và chúng ta sẽ kiểm nghiệm chúng ở phần sau của chương này.

Đặc trưng:

1. Dấu hiệu Bánh mỳ và Bơ phải là một biến động mạnh của thị trường trong vòng ít nhất là 8-10 giai đoạn. Nhiều hơn thì càng tốt.

2. Sau khi giá thâm nhập lần đầu tiên vào đường 3x3, hãy tìm kiếm một ngưỡng hồi quy Fibonacci trong ngày (hỗ trợ) tại một ngưỡng Fibo quan trọng để tham gia vào thị trường *theo chiều hướng của giai đoạn đột biến ban đầu*. Ngưỡng này nên rơi vào khoảng từ một đến ba giai đoạn của điểm phá vỡ được xác nhận đầu tiên của đường 3x3. Tác giả của mô hình cho chúng ta lời khuyên nên áp dụng nó với các biểu đồ ngày, tuần và tháng (theo DiNapoli, các ngưỡng Fibo được áp dụng với các biểu đồ 1 giờ để xác định thời điểm tham gia vào thị trường và đặt các mức cắt lỗ tương ứng).

3. Mục tiêu lợi nhuận là ngưỡng hồi quy Fibo 0.618 của diễn biến hoàn toàn ngược lại, nghĩa là diễn biến đối lập với giai đoạn đột biến ban đầu. Nó được đánh dấu * trên Hình 142.



Hình 142. Thâm nhập đơn USD/CAD tuần, MetaTrader – Admiral Markets

Nói cách khác, mô hình thâm nhập đơn sẽ xuất hiện trước thâm nhập đôi. Chúng ta sử dụng nó để thu lợi nhuận từ sự tăng giátrước lần thâm nhập thứ hai.

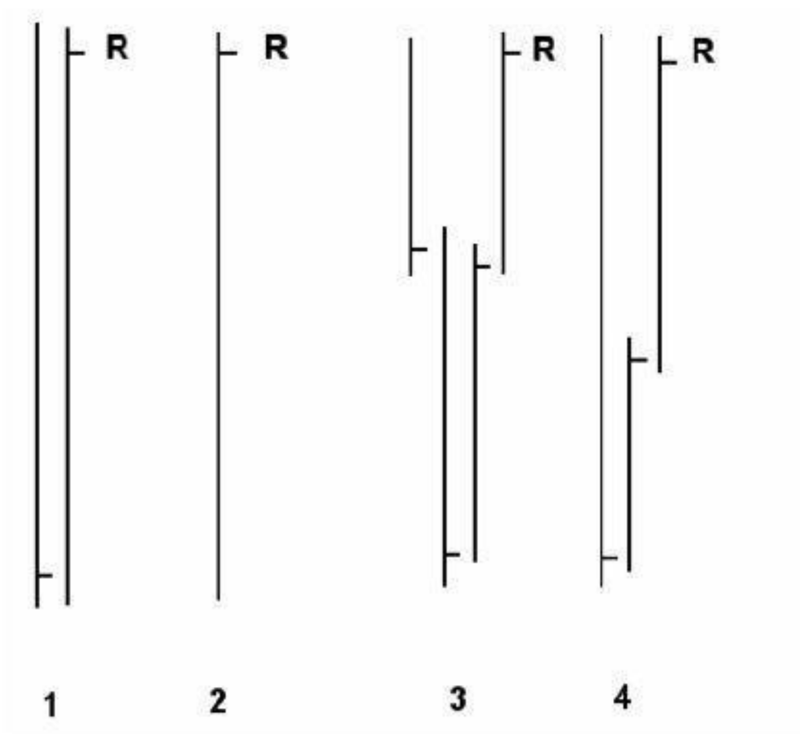
"Đường ray tàu hỏa" (Railroad Track)

"Đường ray tàu hỏa" là một mô hình có thể xuất hiện ở bất cứ khung thời gian nào trong khoảng từ năm phút đến một tuần. Nó thông báo cho bạn về khoảng thời gian tiếp theo trong một xu hướng của thị trường. Nó được thể hiện bởi một diễn biến mạnh mẽ của giá tới một mức độ nào đó (tối đa hoặc tối thiểu) mà sau đó các nhà kinh doanh bắt đầu bán hoặc mua theo nó và làm cho giá quay trở lại mức cũ. Mô hình này hoàn thiện khi giá quay trở về mức ban đầu, còn được gọi là điểm nhận dạng. Tác giả minh họa mô hình này với ví dụ sau:

"Hãy tưởng tượng bỗng nhiên có khoảng nửa tá biệt thự nhìn ra biển tại Santa Barbara, California được mang ra bán với giá100.000 đô-la mỗi căn. Chỉ trong nháy mắt chúng sẽ biến mất ngay. Các nhà đầu tư chuyên nghiệp và các nhà bán lẻ sẽ ngay lập tức vơ vội lấy chúng và giá sẽ lại quay trở về mức bình ổn."

Hình 143 minh họa bốn mô hình "Đường ray tàu hỏa" lý tưởng (R là điểm nhận dạng).

Thời điểm mở trạng thái giao dịch là khi giá chạm ngưỡng hồi quy Fibonacci 0,382 của xu hướng đi lên sau điểm R (điểm nhận dạng). Mức cắt lỗ được đặt tại ngưỡng 0,618 của chiều dài đường ray tàu hỏa. Mục tiêu giá là OP (tham khảo Hình 140).



Hình 143. Các đường ray tàu hỏa



Hình 144. Đường tàu. USD/CAD, H1, MetaTrader – Admiral Markets

Hình 144 minh họa mô hình Đường ray tàu hỏa được hình thành trên biểu đồ 1 giờ của cặp USD/CAD vào ngày 7 tháng 9, 2007 vào khoảng giữa 1 giờ chiều và 2 giờ chiều.

"Fib Squat[(1)]"

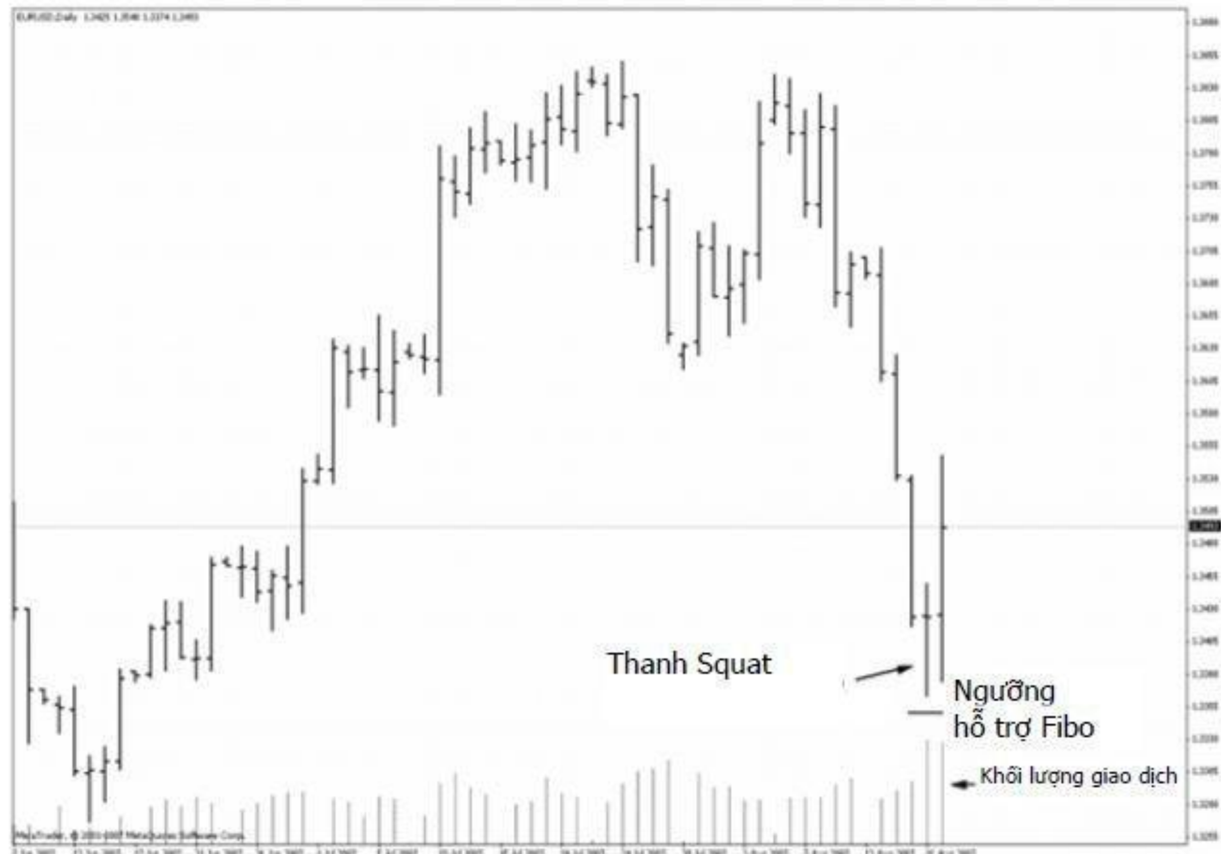
Mô hình Fib Squat được đặc trưng bởi một biên độ giá hẹp và khối lượng giao dịch lớn. Một thanh giánhư vậy cho thấy một ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự mạnh. DiNapoli sử dụng một mô hình Squat kết hợp với các ngưỡng Fibonacci (Fib). Vì thế những thanh này được xác định với mức độ chính xác rất cao. Vị thế giao dịch của bạn sẽ trở nên chắc chắn gấp hai lần khi một thanh Squat được hình thành trên biểu đồ, có nghĩa là vị thế của bạn được bảo vệ với một ngưỡng Fibonacci (Fibo) và bản thân thị trường cũng chỉ ra rằng nó đang có một ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự mạnh. DiNapoli xem xét một vài điều kiện để lọc ra các thanh Squat của mình: thanh Squat sẽ có khối lượng giao dịch lớn hơn 30% và chỉ số MFI[(2)] nhỏ hơn so với thanh trước nó.

MFI = rb/v

Trong đó:

rb là biên độ giátính theo điểm phần trăm

v là khối lượng giao dịch



Hình 145. Thanh Squat. EUR/USD, ngày, MetaTrader, Admiral Markets

Một thanh Squat vừa được minh họa trên biểu đồ ngày của cặp EUR/USD vào ngày 16 tháng 8 năm 2007 (Hình 145). Ở đây chúng ta quan sát thấy hai điều kiện của mô hình đã được đáp ứng: khối lượng và sự xuất hiện mối tương quan hợp lý giữa khối lượng và biên độ giá của thanh trước đó.

DiNapoli khuyên chúng ta áp dụng kỹ thuật giao dịch sau đây: chờ cho một thanh Squat được hình thành ở gần một ngưỡng Fibo mạnh, và sau đó mở trạng thái khi sự điều chỉnh Fibo nhỏ nhất xảy ra. Đặt mức cắt lỗ của bạn dưới điểm cực thấp (hoặc điểm cực cao nếu mở một trạng thái bán) của thanh Squat. Tác giả gọi kỹ thuật này là Tàu quét mìn A (Minesweeper A).

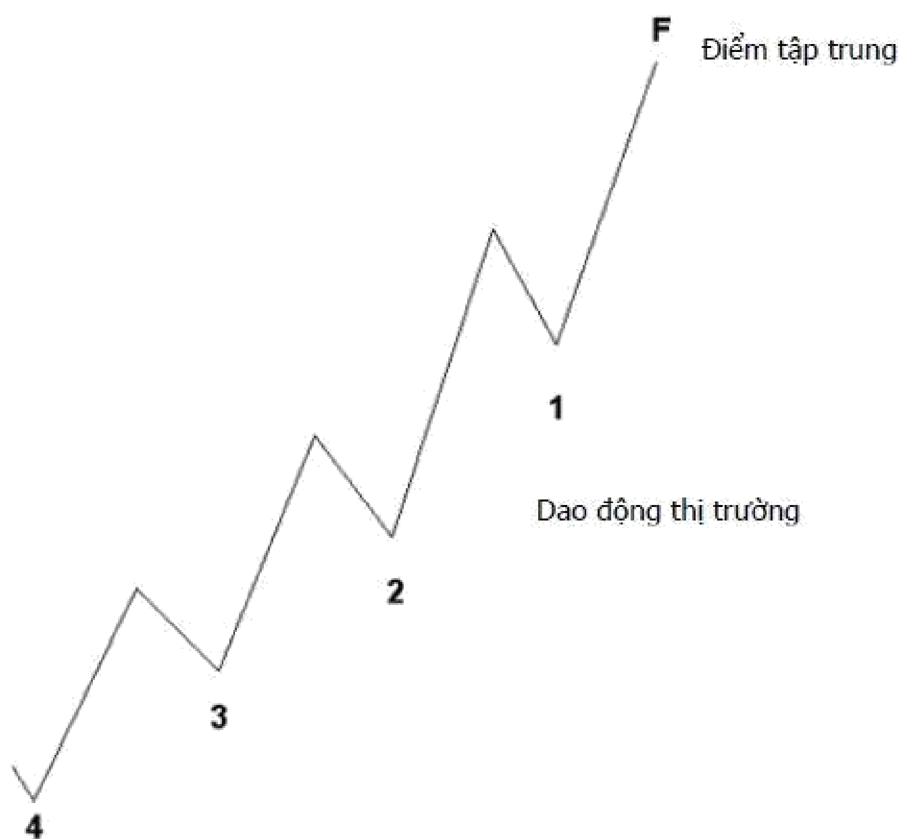
Chúng ta đã cùng kiểm nghiệm một số chiến lược giao dịch do tác giả cuốn sách xây dựng. Bây giờ hãy cùng tìm hiểu phương pháp giao dịch với các mức DiNapoli.

Các mức DiNapoli là gì? Đây là những ngưỡng hỗ trợ và kháng cự đáp ứng một vài điều kiện bổ sung. Chúng được xây dựng dựa trên các mức Fibo và giúp cho tác giả tiếp tục phát triển các lý thuyết Fibo. Các mức DiNapoli bao gồm các mức Fibo, các điểm mục tiêu và điểm hội tụ của các vùng giáđồng thuận

Các định nghĩa:

- Dao động thị trường (Market swing). Dao động thị trường là một diễn biến của thị trường kéo dài từ một phút tới vài năm. Nó được hình thành từ một điểm cực thấp hoặc cực cao "đáng kể" của thị trường tại một thời điểm trong quá khứ kéo dài đến điểm cực cao hoặc cực thấp gần nhất. Một dao động thị trường còn được gọi là một sóng. Hình 146 minh họa một dao động thị trường giữa Điểm tập trung (Focus number) F và Điểm phản ứng (Reaction) 4, thể hiện xu hướng đi lên của thị trường.

- *Điểm phản ứng.* Các điểm phản ứng được đánh dấu từ 1 đến 4 trong Hình 146. Điểm phản ứng là một điểm cực thấp hoặc cực cao trong một dao động thị trường cho sẵn. Nó không nhất thiết phải là điểm tối đa hoặc tối thiểu của sóng.



Hình 146. Các mức DiNapoli, các yếu tố cơ bản.

- *Các mức DiNapoli ẩn*. Trong cuốn sách này, DiNapoli phân biệt các điểm phản ứng không nhìn thấy, thể hiện các mức DiNapoli ẩn. Chúng được hình thành bởi các khoảng chênh giá; điểm tận cùng của một khoảng chênh giá là một điểm phản ứng. Các điểm phản ứng bắt đầu với một lực đẩy mạnh và thường đáng kể hơn.

- *Điểm tập trung* là điểm tận cùng của một Dao động thị trường. Tất cả các giá trị hồi quy (Fibnodes) của Dao động thị trường đã cho sẽ được tính toán từ điểm này. Nếu điểm tập trung thay đổi, tất cả các giá trị hồi quy của Dao động thị trường đã cho cũng sẽ thay đổi theo.

- *Fibnode hay các giá trị hồi quy* là ngưỡng hỗ trợ hoặc kháng cự tương ứng với một tỷ lệ hồi quy Fibo xác định. DiNapoli chỉ sử dụng các ngưỡng Fibo 0,382 và 0,618. Chúng được đánh dấu là các điểm F3 và F5.

- *Điểm mục tiêu* là một điểm dựa trên tỷ lệ Fibo mở rộng. Nó chỉ ra giá mục tiêu có thể xảy ra.

- *Điểm hội tụ "K"* là điểm hoặc vùng giá xuất hiện khi hai Fibnode từ các điểm phản ứng khác nhau có giá trị số học giống hoặc gần giống nhau. Điểm hội tụ chỉ được xuất hiện giữa hai Fibnode 0,382 và 0,618. Hai ngưỡng Fibo này sẽ có giá trị tương đương nhau, có thể có sự chênh lệch đôi chút. Điểm hội tụ cũng bao gồm biên độ giá giữa hai ngưỡng Fibo này.

Hình 147. Các mức DiNapoli. Trường hợp lý tưởng.

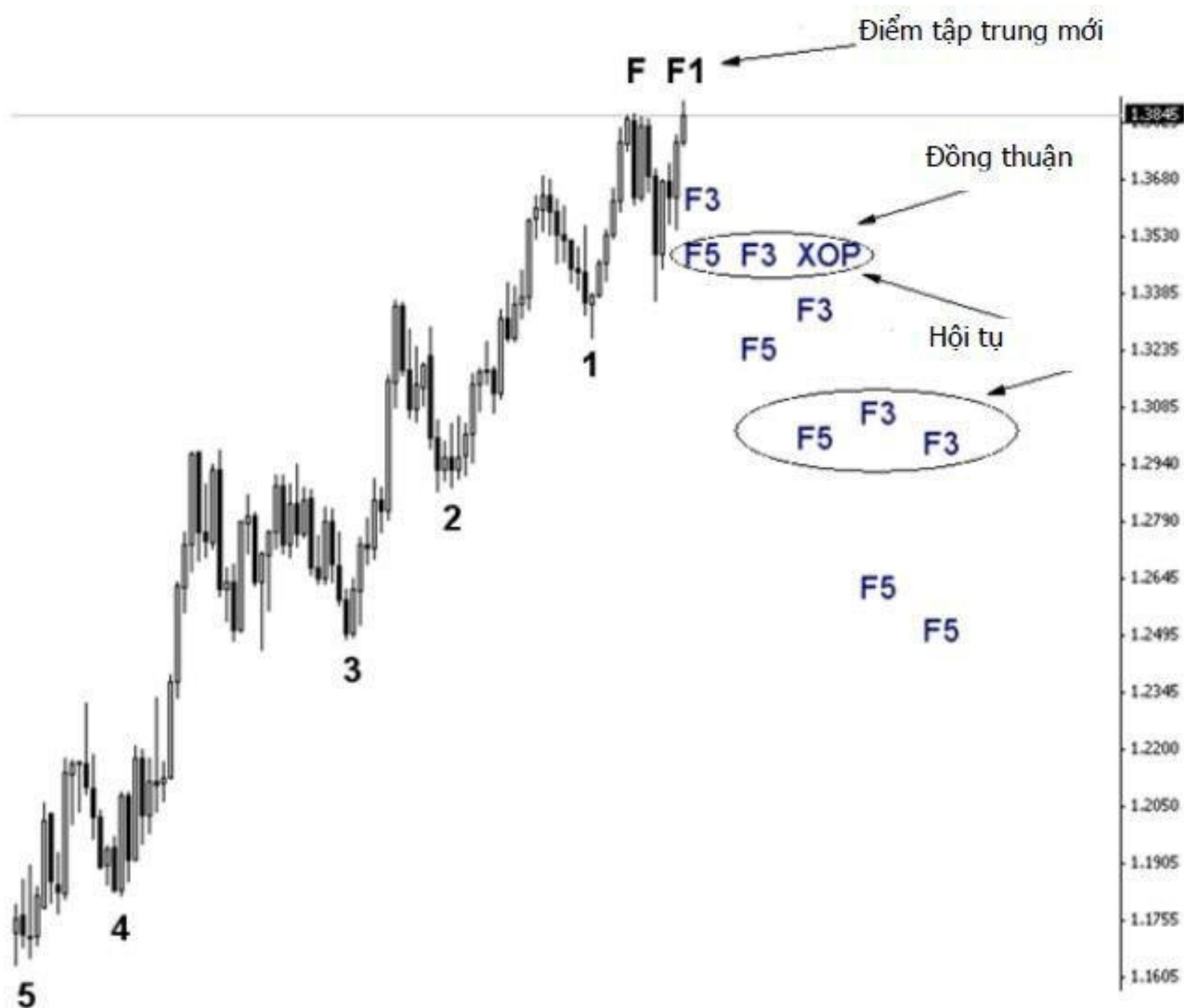
- *Mục tiêu lợi nhuận hợp lý* là mục tiêu giáđịnh sẵn cho một trạng thái giao dịch đã mở, được xác nhận với sự hỗ trợ của hai kỹ thuật xác định vị trí Mục tiêu giá hợp lý: Các điểm dự báo của Chỉ báo dao động và các điểm Fibonacci phái sinh.

- *Đồng thuận* là vùng giá xuất hiện khi trạng thái của Fibnode và điểm Mục tiêu (COP, OP, XOP) "gần nhau ở mức chấp nhận được."

- *Sự phá vỡ giá.* Nếu giá phá vỡ một mức Fibo thì nó làm vô hiệu hóa mức này và ta có thể xóa nó khỏi biểu đồ.

Hãy cùng tập hợp tất cả các yếu tố này lại với nhau trong một ví dụ minh họa lý tưởng thể hiện trên Hình 147.

Hãy cùng kiểm nghiệm một ví dụ khác trên thị trường thực. Hình 148 minh họa các mức DiNapoli áp dụng cho biểu đồ tuần của cặp EUR/USD. Nếu tính toán các mức này sử dụng các Điểm tập trung khác nhau, chúng ta có thể thấy rằng thị trường thường xuyên tách ra khỏi các mức DiNapoli để hình thành các điểm cực cao mới (điểm tập trung mới).



Hình 148. Các mức DiNapoli. EUR/USD, tuần, MetaTrader – Admiral Markets

Các kỹ thuật giao dịch của DiNapoli có thể được áp dụng cho các thị trường tài chính khác nhau và cũng có thể được sử dụng kết hợp với các chiến lược giao dịch khác. Các mức DiNapoli có thể được áp dụng với các thị trường tài chính khác nhau như: chứng khoán, tiền tệ, hợp đồng tương lai, v.v...

THOMAS DEMARK

Thomas DeMark là một trong những tên tuổi nổi bật nhất trong các cuộc thảo luận chuyên sâu về các thị trường tài chính. Ông đã tham gia lĩnh vực đầu tư trong hơn 38 năm. Là "Cố vấn của các cố vấn," ông từng là cố vấn cho các nhà quản lý hàng đầu của các quỹ đầu tư phòng ngừa rủi ro (Hedge fund) lớn và hiện vẫn đang viết bài cho các tạp chí tài chính. Ông từng tham gia rất nhiều cuộc hội thảo chuyên đề và là tác giả của các ấn phẩm nổi tiếng như *The New Science of Technical Analysis* (Tạm dịch: *Các nghiên cứu mới về phân tích kỹ thuật*), *New Market Timing Techniques* (Tạm dịch: *Các kỹ thuật lựa chọn thời điểm tham gia thị trường mới*) và *DeMark on Day Trading Options* (Tạm dịch: *DeMark với Các quyền chọn giao dịch ngày*).

Đối với các nhà kinh doanh thực hiện giao dịch hàng ngày, thật khó mà bỏ qua được một vài kỹ thuật, chỉ báo hoặc nguyên tắc do DeMark xây dựng. Sau đây là một vài trong số chúng:

Phân tích sóng D (D-wave Analysis)

Các dự báo biên độ ngày (Daily Range Projections)

Chỉ báo DeMarer (DeMarker Indicator)

Vùng giá giao nhau (Price Intersector)

Thiết lập giá (Price Setup)

Chỉ số mở rộng biên độ (Range Expansion Index (REI)

Dãy liên tục (Sequential)

Các giới hạn phá vỡ TD (TD Breakout Qualifiers)

Đường cầu TD (TD Demand Line)

Tỷ lệ quyền chọn theo đồng đô-la TD (TDTD Dollar Rated Option Ratio)

Đường phá vỡ TD (TD Line Breakout)

Đường giá trị TD (TD Line Value)

Các đường TD (TD Lines)

Chỉ số điểm cực cao mới – cực thấp mới TD (TD New High-New Low Index)

Các điểm TD (TD Points)

Các điểm giá TD (TD Price Points)

Các dự báo giá TD (TD Price Projector)

Cung hồi quy TD (TD Retracement Arc)

Giới hạn hồi quy TD (TD Retracement Qualifier)

Đường cung TD (TD Supply Line)

Các điểm cung TD (TD Supply Points)

Các điểm cung TD (TD Supply Points)

Hãy cùng kiểm nghiệm một trong những chiến lược nổi tiếng nhất của ông - Dãy liên tục.

Dãy liên tục

Đây là một chiến lược cải tiến và rất đơn giản. Nó không bao gồm các chỉ số mà là các mức giá trên thị trường. DeMark sử dụng chiến lược này để luận ra các xu hướng mới trong lý thuyết chu kỳ thị trường.

Từ tên gọi của nó có thể thấy rõ rằng phương pháp này sẽ cho ta một dấu hiệu rõ ràng xuất hiện sau tất cả các tiền điều kiện lần lượt được đáp ứng theo một thứ tự xác định.

Chiến lược này được chia ra làm một số giai đoạn, mỗi giai đoạn trong đó lại có những điều kiện khác nhau. Điều quan trọng ở đây là mối tương quan giữa giáđóng cửa của một thanh (sử dụng biểu đồ ngày) và giáđóng cửa của một thanh tại thời điểm vài ngày trước đó.

Giai đoạn đầu tiên là *sự thiết lập* (Setup). Điều kiện bắt buộc của giai đoạn này là phải có một chuỗi gồm ít nhất chín mức giáđóng cửa liên tiếp cao hơn hoặc thấp hơn mức giáđóng cửa của bốn ngày giao dịch trước nó. Chín thanh giánày được gọi tắt là *sự thiết lập*. Nói cách khác, khi nhìn vào một diễn biến đi lên, chúng ta phải tìm một chuỗi chín thanh giá với giáđóng cửa của mỗi thanh trong đó phải cao hơn giáđóng cửa của thanh tương ứng tứ bốn ngày trước. Nó cho thấy xu hướng của thị trường là đang đi lên. Tình huống thị trường đi xuống cũng tương tự khi giáđóng cửa của chín thanh giá thấp hơn giáđóng cửa của thanh giátương ứng từ bốn ngày trước đó. Tiếp theo giai đoạn thiết lập thường sẽ là một sự điều chỉnh nhẹ so với xu hướng chính. Hình 149 minh họa giai đoạn đầu tiên này.

Theo DeMark, diễn biến giátrong giai đoạn thứ nhất phải đáp ứng một vài điều kiện sau:

1. Chỉ xem xét các ngày giao dịch (các phiên giao dịch). Các ngày cuối tuần (các đêm cuối tuần, tùy thuộc vào múi giờ giao dịch của bạn) không được tính đến.

2. Giáđóng cửa của thanh (ngày giao dịch) trước thanh đầu tiên (ngày giao dịch) trong dãy (giai đoạn thiết lập), còn gọi là "thanh số không", sẽ thấp hơn hoặc bằng (nếu xu hướng là đi lên) hoặc cao hơn (nếu xu hướng là đi xuống) giáđóng cửa của thanh tại thời điểm bốn ngày trước đó.

3. Nếu giáđóng cửa của bất cứ thanh nào trong giai đoạn thiết lập bằng với giá đóng cửa của thanh tương ứng của bốn ngày trước đó, giai đoạn thiết lập sẽ bị gián đoạn và phải được tính toán lại từ đầu.

4. Giai đoạn thiết lập có thể bao gồm nhiều hơn 9 thanh giá, nhưng thời gian bắt buộc đối với một giai đoạn thiết lập đủ điều kiện sẽ được thỏa mãn khi yêu cầu về chín mức giáđóng cửa liên tiếp như trên được đáp ứng.

Xác nhận Sự thiết lập dãy liên tục trong giai đoạn đầu tiên

Chuỗi chín thanh giá của giai đoạn thiết lập sẽ phải đáp ứng một điều kiện khác. Nó được xác nhận bởi một yếu tố gọi là "giao điểm" (Intersection). Giao điểm yêu cầu rằng biên độ giá của ngày thứ tám hoặc thứ chín của giai đoạn thiết lập phải chồng lấn lên phạm vi giá của bất cứ thiết lập nào trong ba ngày trước đó hoặc hơn. Xác nhận của Sự thiết lập dãy liên tục được minh họa trong Hình 149.



Hình 149. Giai đoạn đầu tiên – xác định chín mức giá đóng cửa thấp hơn giá đóng cửa của bốn ngày giao dịch trước đó. Thiết lập có hiệu lực khi thanh thứ mười hình thành. Biểu đồ USD/CAD, ngày, MetaTrader – Admiral Markets

Ví dụ, thiết lập mua yêu cầu rằng điểm cực trên của thanh thứ tám hoặc thứ chín phải cao hơn điểm cực trên của một thanh trong ba ngày trước đó hoặc hơn. Thiết lập bán yêu cầu rằng điểm cực dưới của thanh thứ tám hoặc thứ chín phải thấp hơn hoặc bằng điểm cực trên của một thanh trong ba ngày trước đó hoặc hơn.

"Giao điểm" có thể xảy ra sau thanh thứ tám hoặc thứ chín; các thanh tiếp theo sẽ không cần thiết phải thỏa mãn điều kiện thiết lập nữa. Một cách đơn giản, Giao điểm yêu cầu rằng biên độ giá của ngày thứ tám hoặc thứ chín của giai đoạn thiết lập phải chồng lấn lên phạm vi giá của bất cứ thiết lập nào trong ba ngày trước đó hoặc hơn. Hình 149 minh họa "giao điểm" xảy ra tại thanh thứ mười. Giai đoạn thứ hai sẽ bị trì hoãn cho đến khi điều kiện giao điểm được thỏa mãn.

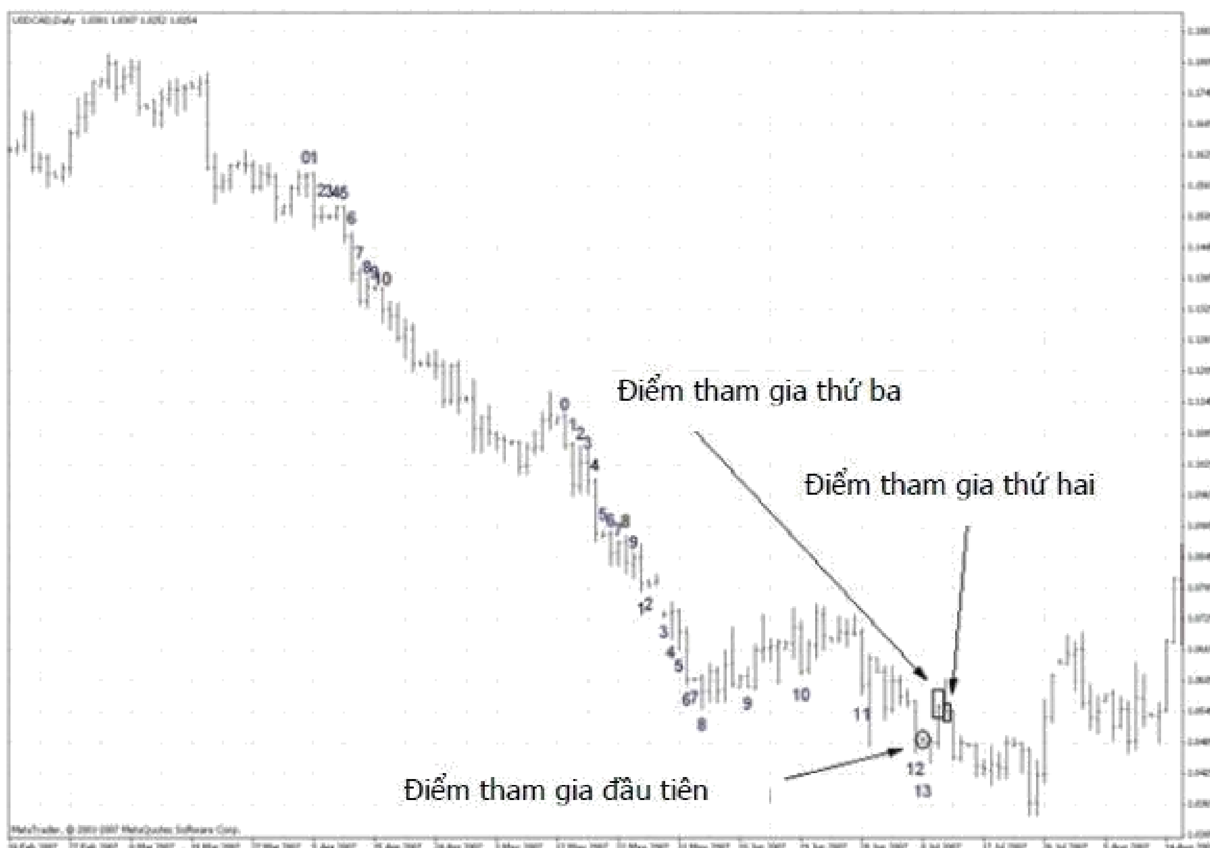
Có hai trường hợp trong đó thiết lập có thể bị hoãn lại. Trường hợp thứ nhất được gọi là "quay vòng" và xảy ra khi một thiết lập theo chiều hướng ngược lại diễn ra. "Quay vòng" được minh họa trong Hình 150 - thiết lập thứ hai xảy ra trước khi xuất hiện một dấu hiệu.

Trường hợp thứ hai liên quan đến giáđóng cửa ghi nhận tại bất cứ thời điểm nào trong khoảng thời gian từ lúc thiết lập hoàn thiện đến khi dấu hiệu xuất hiện. Một cách chính xác hơn, nếu một giáđóng cửa tiếp sau vượt quáđiểm cực trên cao nhất trong một ngày giao dịch - trong trường hợp thiết lập mua - hoặc điểm cực dưới thấp nhất trong một ngày giao dịch - trong trường hợp thiết lập bán - thì giai đoạn thiết lập sẽ bị gián đoạn và cần được bắt đầu lại. Hãy cùng xem Hình 149 - thiết lập sẽ không có giá trị nếu bất kỳ giáđóng cửa tiếp sau nào vượt quáđiểm cực trên cao nhất của thiết lập hay điểm cực trên của thanh số "1". Đối với thiết lập bán cũng như vậy.

Một khi thiết lập đã được thỏa mãn, quátrình đếm ngược sẽ bắt đầu. Quá trình này mô tả mối quan hệ của giáđóng cửa với giá cao nhất hoặc giá thấp nhất của hai ngày giao dịch trước đó.

Quátrình đếm ngược bắt đầu ngay sau khi "giao điểm" xuất hiện. Một khi tổng số 13 mức giáđóng cửa thấp hơn giáthấp nhất của hai ngày giao dịch trước đó trong trường hợp mua hoặc tổng số 13 mức giáđóng cửa cao hơn giácao nhất của hai ngày trước đó trong trường hợp bán được ghi nhận, dấu hiệu sẽ xuất hiện. 13 mức giáđóng cửa này không nhất thiết phải liên tục nhau. Về mặt lý thuyết, giai đoạn đếm ngược không thể hoàn thành sớm hơn 12 ngày sau giai đoạn thiết lập. Thường thì phải có tới 21 thanh giá hình thành giữa thời điểm thiết lập và hoàn tất đếm ngược.

Quátrình đếm ngược sẽ bị gián đoạn tại bất cứ thời điểm nào sau Đếm ngược và trước một dấu hiệu trong đó một thiết lập theo chiều hướng ngược lại xuất hiện.



Hình 150. Thiết lập và Đếm ngược. USD/CAD, ngày, MarketTrader – Admiral Markets

Hình 150 minh họa hai giai đoạn: Thiết lập và Đếm ngược được hình thành trên biểu đồ ngày của cặp USD/CAD từ tháng 4 năm 2007 đến tháng 7 năm 2007. Biểu đồ này chỉ ra rằng giáđóng cửa của ngày thứ mười ba rất gần với đáy của thị trường.

Giai đoạn thứ ba là Tham gia. Có ba phương pháp có thể áp dụng cho quá trình Tham gia của Dãy liên tục. Với phương pháp đầu tiên, thời điểm tham gia thị trường là vào cuối ngày giao dịch trong đó quátrình đếm ngược hoàn tất. Đây là thời điểm tham gia mạo hiểm nhất bởi giai đoạn thiết lập có thể bị quay vòng và dấu hiệu gốc đầu tiên sẽ biến mất trong quátrình đó. Mặc dù giao dịch vào thời điểm này tiềm ẩn khả năng thua lỗ, nhưng nó là thời điểm duy nhất cho phép bạn mua hoặc bán tại mức tuyệt đối của giáđóng cửa cao hoặc thấp.

Phương pháp thứ hai đảm bảo rằng giá sẽ không bị quay vòng. Nhưng nó đòi hỏi một sự "dịch chuyển" giánhư sau:

- Một mức giá đóng cửa cao hơn mức giáđóng cửa bốn ngày trước đó trong trường hợp mua vào; hoặc

- Một mức giáđóng cửa thấp hơn mức giáđóng cửa bốn ngày trước đó trong trường hợp bán ra.

Phương pháp Tham gia thứ ba là chờ đợi "sự dịch chuyển" biên độ diễn ra trong vòng hai ngày. Nói cách khác, khi quátrình đếm ngược hoàn tất v à ngày thứ mười ba được xác lập. Hãy bán tại thời điểm đầu tiên khi mức giáđóng cửa tiếp theo lớn hơn điểm cực trên của hai ngày trước đó và mua tại thời điểm đầu tiên khi mức giáđóng cửa tiếp theo thấp hơn điểm cực dưới của hai ngày trước đó. Phương pháp này là sự trung hòa giữa phương pháp một và hai.

Hãy cùng nhìn vào Hình 150. Nó minh họa ba phương pháp tham gia. Trong trường hợp cụ thể này, tham gia lần đầu tiên sẽ mang lại thành công nhất. Lần thứ hai và thứ ba mang lại kết quả xấp xỉ như nhau.

Thoát khỏi thị trường

Có hai thời điểm thoát khỏi thị trường. Thứ nhất là khi thiết lập đầu tiên hoàn tất và giá không vượt quá mức giá xa nhất ghi lại được bởi sự thiết lập không hoạt động gần nhất. Thứ hai là duy trì trạng thái đến khi dấu hiệu đảo chiều xuất hiện.

Mức cắt lỗ

Theo DeMark, có hai kỹ thuật xác định mức Cắt lỗ. Cả hai cùng xem xét biên độ giá của ngày có biên độ thấp nhất trong cả giai đoạn thiết lập và đếm ngược đối với dấu hiệu mua hoặc biên độ giá của ngày có biên độ giá lớn nhất trong cả giai đoạn thiết lập và đếm ngược đối với dấu hiệu bán.

Trong trường hợp của dấu hiệu bán, biên độ thực sự của ngày có biên độ thấp nhất được tính toán bằng cách lấy đỉnh của ngày hôm đó hoặc giáđóng cửa của ngày hôm trước - tùy thuộc giá trị nào lớn hơn - trừ đi mức đáy của ngày hôm đó. Mức cắt lỗ được xác định bằng cách lấy mức đáy của ngày hôm đó trừ đi giátrị vừa tính được.

Kỹ thuật ngược lại được áp dụng để tính toán mức cắt lỗ của một dấu hiệu bán. Biên độ thực sự của ngày có biên độ cao nhất được tính bằng cách lấy mức đỉnh của ngày hôm đó trừ đi mức đáy của ngày hôm đó hoặc mức đóng cửa của ngày hôm trước - tùy thuộc giá trị nào lớn hơn. Mức cắt lỗ được xác định là giá trị vừa tính được cộng với mức đỉnh của ngày đó. Trong cả hai trường hợp, giáđóng cửa tiếp theo phải vượt quá giá trị vừa tính toán được thì lệnh cắt lỗ mới được kích hoạt.

Trong trường hợp có một mức cắt lỗ của cả dấu hiệu mua và bán, kỹ thuật chọn ngày tương tự cũng được sử dụng. Thay vì sử dụng biên độ thực sự, mức cắt lỗ của dấu hiệu mua được tính toán bằng cách lấy giá trị chênh lệch giữa giáđóng cửa và mức đáy trừ đi mức đáy; mức cắt lỗ của dấu hiệu bán được tính bằng cách cộng mức đỉnh với giá trị chênh lệch giữa mức đỉnh và giáđóng cửa.

Cũng như các phần trước đã thảo luận về mức cắt lỗ, giáđóng cửa tiếp theo phải lớn hơn giátrị cắt lỗ.

Hãy cùng xem một ví dụ khác về áp dụng kỹ thuật của DeMark.



Hình 151. Dãy liên tục. Dow Jones, ngày, MetaTrader – Admiral Markets

Hình 151 minh họa biểu đồ ngày của Chỉ số Công nghiệp Dow Jones. Chiến lược dãy liên tục áp dụng cho biểu đồ này cho thấy các dấu hiệu bán tốt nhất khi giao dịch được thực hiện tại mức giá gần với mức giá cao nhất. Các điểm tham gia xuất hiện vào tháng 7 năm 2007. Kết quả đều là giao dịch thành công bất kể chiến lược tham gia nào được áp dụng.

Chiến lược dãy liên tục là một kỹ thuật hiệu quả nhằm xác định các đảo chiều trong diễn biến thị trường. Chiến lược này của Thomas DeMark bao trùm các chu kỳ của thị trường. Tác giả khuyên nên áp dụng kỹ thuật này với các biểu đồ ngày. Đây là phương pháp độc đáo trong phân tích thị trường. Nó không sử dụng bất kỳ chỉ báo hay yếu tố phân tích đồ thị nào. Nó khác với bất kỳ chiến lược nào khác bởi nó chỉ xem xét hai yếu tố là giá cả và thời gian. Phương pháp này sẽ tỏ ra rất hiệu quả khi kết hợp với các yếu tố khác trong phân tích thị trường.

LARRY WILLIAMS

Larry Williams là một trong những lý thuyết gia và chuyên gia nổi tiếng nhất của thời đại chúng ta. Ông có trên 40 năm kinh nghiệm và là tác giả của mười cuốn sách cũng như hàng loạt ấn phẩm khác. Thêm vào đó, Williams là nhà kinh doanh duy nhất đã mạo hiểm với một triệu đô-la tài sản của mình khi thực hành giao dịch. Ông là chủ sở hữu của Cup vô địch thế giới Robbins về Giao dịch Tương lai và đã biến 10.000 đô-la thành 1.100.00 đô-la chỉ trong vòng một năm.

Những nghiên cứu sáng tạo của Williams rất rộng lớn và khó có thể được đề cập hết trong phạm vi cuốn sách này. Chúng tôi sẽ đi sâu vào một số phương pháp cơ bản được Williams dùng để phát triển nghiên cứu thị trường được đề cập đến trong cuốn sách của ông *Long-term Secrets to Short-term Trading* (Tạm dịch: *Bí mật dài hạn để Giao dịch ngắn hạn*).

Các ý tưởng được nói đến trong cuốn sách có thể được chia làm hai phần:

- Phân tích các mối quan hệ liên thị trường - Williams chú ý rất nhiều tới ảnh hưởng mà các thị trường tài chính gây ra cho nhau. Trong cuốn sách của mình, ông chủ yếu xem xét mối quan hệ giữa thị trường vốn (chứng khoán, hợp đồng tương lai) và thị trường vàng. Ông đưa ra một vài mối liên hệ giữa giá vàng và giá chứng khoán. Trong trường hợp này, ông áp dụng chỉ số của mình Will-Mở rộng (Will-Spread). Chỉ số Will-Mở rộng đo lường sự chuyển động giá giữa thị trường mà bạn đang giao dịch và một thị trường thứ hai. Mối liên hệ của chúng như sau: đầu tiên, giá của thị trường thứ nhất (thị trường mà bạn đang giao dịch) được chia cho giá của thị trường thứ hai. Kết quả thu được được nhân với 100 và thể hiện trên biểu đồ. Biểu đồ thu được sẽ là chỉ báo cho các diễn biến trong tương lai.

- Là một nhà kinh doanh các công cụ tương lai, Williams đã phân tích mối liên kết trong các báo cáo của thị trường chứng khoán Mỹ. Ủy ban giao dịch hàng hóa tương lai (Commodity Futures Trading Commission - CFTC) công bố báo cáo Cam kết của các Nhà kinh doanh (Commitment of Traders report) vào thứ Sáu hàng tuần. Nó cho thấy tổng các trạng thái mua và bán của ba nhóm chính tham gia vào thị trường là:

Các công ty thương mại - các tổ chức thương mại tham gia vào thị trường có ảnh hưởng lớn (các nhà kinh doanh dầu lửa, các nhà sản xuất, các công ty khai thác nguyên liệu thô), có nhu cầu loại trừ rủi ro khỏi sự giảm giá trên thị trường. Các trạng thái giao dịch của họ còn được tác giả gọi là "tiền thông minh".

Các nhà đầu cơ lớn là các ngân hàng đầu tư vào hàng hóa và các công cụ tài chính, các quỹ đầu tư lớn (cả các quỹ phòng ngừa rủi ro) và các định chế tài chính khác.

Các nhà đầu cơ nhỏ chủ yếu là các nhà kinh doanh cánhân, các công ty đầu tư nhỏ.

Theo Williams, thành phần quan trọng nhất của thị trường là Các công ty thương mại. Bởi vậy, quan sát ứng xử và chiều hướng giao dịch của họ là rất cần thiết. Bên cạnh các nhóm tham gia vào thị trường, một yếu tố quan trọng khác trong các báo cáo là dữ liệu về Lợi nhuận Mở (Open Interest). Đây là phương pháp đo khối lượng các hợp đồng tương lai được thể hiện bằng số lượng các hợp đồng tương lai còn hiệu lực. Các điều khoản của các hợp đồng này phải đảm bảo là chưa hết hạn (việc giao hàng chưa được thực hiện) và không được thanh lý bởi giao dịch ngược chiều. Nguyên tắc sau rất quan trọng đối với các hợp đồng này: nếu lợi nhuận mở tăng mạnh, ví dụ, khoảng 30%, thì đó là dấu hiệu bán và ngược lại nếu lợi nhuận mở giảm 30%, nó cho thấy thị trường đang sẵn sàng cho một diễn biến đi lên mạnh mẽ.

Thời điểm quan trọng tiếp theo mà tác giả xem xét là giao dịch vào một ngày nhất định trong tuần hoặc trong tháng. Theo ông, có những ngày tốt nhất cho giao dịch mua hoặc bán. Ví dụ, một vài công cụ tài chính nên được mua vào các ngày thứ Hai và thứ Tư và nên được bán vào cuối tháng Tám.

Biểu 2 Các ngày phù hợp cho việc bán và mua các cặp ngoại tệ từ 27 tháng 2 năm 2003 đến 14 tháng 9 năm 2007.

Cặp tiền tệ	Các ngày tốt nhất để mua/bán	Lợi nhuận (điểm phần trăm)	Số lượng trạng thái được mở	Số lượng giao dịch có lời	Số lượng giao dịch thua lỗ
EUR/USD Mua	Thứ Ba	1697	237	128	109
	Thứ Sáu	822	237	128	109
Bán	Thứ Hai	514	235	123	112
GBP/USD Mua	Thứ Ba	2811	237	131	106
	Thứ Năm	1187	238	122	116
Bán	Thứ Hai	368	235	119	116
	Thứ Sáu	287	237	114	123
USD/CHF Mua	Thứ Hai	1048	236	131	105
	Thứ Ba	1671	237	126	111
Bán	Thứ Năm	548	238	113	125
USD/CAD					
Mua	Thứ Hai	466	236	116	120
	Thứ Sáu	2384	237	128	109
Bán	Thứ Ba	1264	237	128	109

Williams chỉ xem xét những ngày tốt nhất để giao dịch chứng khoán và các chỉ số của Mỹ. Chúng tôi quyết định áp dụng các dữ liệu này cho giao dịch tiền tệ. Các con số trong Biểu 2 là kết quả nghiên cứu của bốn cặp tiền tệ từ 27 tháng 2 năm 2003 đến 14 tháng 9 năm 2007. Các trạng thái được mở tại mức giá mở cửa của một ngày và đóng tại mức giá mở cửa của ngày hôm sau. Nói cách khác, nếu Ngày thứ Hai cho kết quả tốt thì có nghĩa là tất cả các trạng thái sẽ là trạng thái mua được mở tại mức giá mở cửa của ngày thứ Hai và đóng tại mức giá mở cửa của ngày thứ Ba.

Đối với mỗi cặp tiền tệ, có những ngày để mua hoặc bán tốt hơn các ngày khác.

Williams sử dụng các mối tương quan này làm bộ lọc cho các chiến lược giao dịch của ông. Ông mua và bán nếu hệ thống cho một dấu hiệu giao dịch vào một ngày nhất định.

Trong phân tích của mình, Williams đánh dấu mối tương quan giữa bốn yếu tố cơ bản của một thanh giá: Giá Thấp nhất và giá Cao nhất, giá Mở cửa và Đóng cửa. Theo ông, sức mạnh của bên bán là khoảng cách đo được từ Giá Thấp nhất đến GiáĐóng cửa, và sức mạnh của bên mua là khoảng cách từ Giá Cao nhất đến GiáĐóng cửa. Tác giả xem xét những mối tương quan này và tập hợp chúng thành các mô hình giá.

Chúng ta sẽ xem xét mô hình cơ bản thường được Williams sử dụng nhất, cũng là "mô hình đáng tin cậy nhất trong số tất cả các mô hình ngắn hạn." Đó là mô hình Oops! Sau nhiều năm nghiên cứu, phân tích và giao dịch trên thị trường hợp đồng tương lai, tác giả đã đưa ra một số kết luận sau:

- Diễn biến giá giữa các mức Mở cửa và Đóng cửa là kết quả của các hành động được thực hiện bởi các chuyên gia.

- Diễn biến giá giữa mức Đóng cửa của một ngày và giá Mở cửa của ngày tiếp theo (khoảng cách giá, nếu nó xảy ra) là kết quả của những phản ứng thái quá theo cảm xúc của các thành phần tham gia vào thị trường và là một sự đảo chiều nhanh.

Mô hình Oops! sẽ áp dụng các định nghĩa này. Mô hình này trông thế nào? Một dấu hiệu mua xuất hiện khi thị trường mở cửa ở mức giá thấp hơn và sau đó lấy lại mức thấp của ngày hôm trước. Một dấu hiệu bán xuất hiện với điều kiện hoàn toàn ngược lại, khi thị trường mở cửa ở mức cao hơn và sau đó lấy lại mức cao của ngày hôm trước.



Hình 152. Mô hình Oops!. Cổ phiếu General Electric, ngày, MetaTrader, Admiral Markets

Suy luận của tác giả như sau: Hãy giả sử chúng ta đang tìm kiếm tín hiệu mua. Phản ứng thái quá của thị trường là khoảng cách lớn về giá giữa mức đóng cửa của ngày hôm trước và mở cửa của ngày hôm sau. Mức phản ứng thái quá chính xác cho ta một tín hiệu mua là mức giá mở cửa thấp hơn mức thấp của ngày hôm trước, sau đó giáhồi phục trở lại mức thấp của ngày hôm trước và cho ta tín hiệu rằng thị trường có thể hội đủ sức mạnh để quay trở về với biên độ của ngày trước đó. Nó có nghĩa là các phản ứng mang tính cảm xúc đã đi qua và sau đó thị trường sẽ tăng mạnh.

Hãy để chúng tôi cho bạn một vài ví dụ. Cần phải lưu ý rằng mô hình này không thường xuyên xuất hiện trên Thị trường Ngoại hối, bởi nó là đặc trưng của thị trường chứng khoán và hợp đồng tương lai.

Hình 152 minh họa mô hình Oops! trên biểu đồ giá của Cổ phiếu General Electric từ tháng 6 năm 2007 đến tháng 9 năm 2007. Mô hình này xuất hiện kháthường xuyên và được cho là đáng tin cậy.

Nếu quan sát kỹ biểu đồ trên, bạn có thể thấy rằng không phải tất cả các mô hình Oops! đều được đánh dấu. Vậy tại sao chúng tôi chỉ đánh dấu có ba mô hình? Có điểm khác biệt gì giữa chúng với nhau và giữa chúng với các mô hình khác? Tại sao chúng lại quan trọng? Câu trả lời cho những câu hỏi trên được minh họa trong Hình sau.

Hình 153 minh họa quãng thời gian giống như Hình 152, nhưng chúng tôi thể hiện thêm trên đó Biên độ phần trăm của Williams (Williams' Percent Range). Hãy chú ý tới vị trí của chỉ báo khi mô hình Oops! hình thành. Đường chỉ báo nằm dưới mức -80, có nghĩa là nó đang nằm trong vùng quábán. Đây là một bộ lọc bổ sung cho mô hình này. Nói cách khác, mô hình Oops! trở nên quan trọng hơn khi nó hình thành trong một thị trường quá bán hoặc quá mua.

Williams cũng tập trung vào một mô hình tương tự như mô hình Oops!. Nó có các điều kiện như sau:

- **Mua -** nếu một ngày giao dịch mở cửa ở mức thấp hơn mức thấp của hai ngày trước đó, chúng ta sẽ đợi cho giátăng trở lại mức thấp của hai ngày trước đó để mở một trạng thái mua.

- **Bán -** một ngày giao dịch mở cửa ở mức cao hơn mức cao của hai ngày trước đó, chúng ta sẽ đợi cho giá giảm trở lại mức cao của hai ngày trước đó để mở một trạng thái bán.



Hình 153. Mô hình Oops! Biên độ phần trăm của Williams. General Electric, ngày, MetaTrader, Admiral Markets.

Hình 154 minh họa các ví dụ của mô hình được mô tả ở trên biểu đồ giá của cặp USD/CHF từ tháng 6 năm 2007 đến tháng 9 năm 2007.

Cho đến giờ, chúng ta đã vừa đi sâu nghiên cứu các điểm tham gia thị trường, tức là những thời điểm tốt nhất, theo Larry Williams, để mở các trạng thái giao dịch. Trong phần sau, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu các yếu tố khác của một chiến lược giao dịch thành công: lệnh cắt lỗ, mục tiêu giá và thời điểm thoát khỏi thị trường.



Hình 154. USD/CHF, ngày, MetaTrader – Admiral Markets

Hãy bắt đầu với mục tiêu giá. Williams là một trong những tác giả rất hiếm khi, nếu không nói là không bao giờ, sử dụng các mục tiêu giá. Theo quan điểm của ông, chờ đợi và đóng trạng thái của bạn tại mức giáđóng cửa của ngày giao dịch tương ứng là phương án ưu việt hơn là đặt ra các mục tiêu giá. Williams có thể duy trì trạng thái của mình từ 1-5 ngày. Ông sử dụng kỹ thuật gọi là Giải cứu (Bail Out) để thoát khỏi thị trường. Giải cứu có nghĩa là đóng trạng thái của bạn tại mức giá mở cửa có lời đầu tiên sau khi bạn tham gia thị trường. Nói cách khác, sau khi mở một trạng thái giao dịch, bạn sẽ tìm kiếm mức giá mở cửa đầu tiên đem lại lợi nhuận và đóng trạng thái đó lại. Nếu lấy mô hình cuối cùng trong Hình 154 làm ví dụ, chúng ta sẽ bán tại mức 1,2101 (5 tháng 9 năm 2007).

Thị trường diễn biến cùng chiều với suy đoán của chúng ta, vì vậy, chúng ta sẽ đóng trạng thái trên vào ngày hôm sau (6 tháng 9 năm 2007) tại mức giá mở cửa 1,2044 khi lợi nhuận đạt 57 điểm phần trăm.

Kỹ thuật Giải cứu có thể áp dụng với giá mở cửa khi trạng thái của bạn đã được duy trì trong vòng hai hoặc ba ngày. Trong trường hợp đó, lợi nhuận trong ví dụ vừa đề cập ở trên đã nhân thêm nhiều lần.

Nhưng điều gì xảy ra nếu thị trường diễn biến ngược lại với suy đoán của chúng ta và trạng thái giao dịch đã mở bị thua lỗ? Câu trả lời của Williams là "hãy sử dụng một lệnh cắt lỗ bằng tiền mặt". Điều đó có nghĩa là gì? Ở đây tác giả khuyên chúng ta sử dụng lệnh cắt lỗ tại một giá trị bằng tiền nào đó chứ không phải một ngưỡng được tính toán một cách kỹ thuật như các nhà phân tích vẫn thường khuyên.

Các mô hình mà chúng ta vừa kiểm nghiệm chỉ là một phần nhỏ của các mô hình của Williams. Bạn có thể xem thêm các yếu tố làm nên các mô hình giá của ông trong ấn phẩm của các tác giả khác như cuốn *Railroad Tracks by DiNapoli, Sequential by DeMark* (tạm dịch: *Đường ray tàu hỏa của DiNapoli, Dãy liên tục của DeMark*). Nhưng chắc chắn các mô hình giá của Williams là nổi tiếng nhất. Nếu bạn cảm thấy thích phong cách giao dịch như thế, chúng tôi khuyên bạn nên làm quen với tất cả các nghiên cứu của Williams và tự mình phân tích thị trường để có những khám pháriêng. Nhưng thậm chí nếu bạn có muốn đi theo phong cách này, hãy nghĩ về hai lời khuyên mà Williams vẫn thường xuyên lặp lại:

- Hãy luôn đặt các mức cắt lỗ!
- Hãy giao dịch các hợp đồng tương lai!

Phương pháp giao dịch Eliute

Các lý thuyết phân tích thị trường phổ biến có thể giải thích các khía cạnh khác nhau của đời sống thực. Ví dụ, các tỷ lệ Fibonacci và các tỷ lệ của cơ thể người, các sóng Elliot và các biến cố trong cuộc đời một con người, v.v... Việc các lý thuyết này có được phát triển riêng cho các thị trường tài chính hay không không quan trọng, bởi chúng được phát hiện ra từ đời sống thực và chỉ được áp dụng trong các thị trường tài chính. Tất cả chúng đều dựa trên những quy tắc quan trọng.

Đây là những quy tắc chung trong đời sống và trong các thị trường tài chính.

Chương này chỉ ra cụ thể phương hướng nghiên cứu của chúng tôi về lĩnh vực này trong tương lai. Một cuốn sách không đủ để mô tả toàn bộ lý thuyết. Đó là lý do vì sao mục tiêu của cuốn sách này là xác định các điều kiện cơ bản của lý thuyết và tìm hiểu tính logic của các yếu tố trong đó. Hãy cùng nhau mở đường cho sáng tạo!

Mỗi lý thuyết khoa học đều dựa trên một vài tiên đề làm nền tảng cho nó.

Lý thuyết thị trường, cũng được xây dựng dựa trên một vài tiên đề như các lý thuyết khác.

Khi bàn luận về diễn biến thị trường, có ba điều kiện cơ bản đặc trưng cho nó là:

- **Thúc đẩy (Impulse)** là diễn biến cơ bản của thị trường theo một chiều hướng nhất định. Thúc đẩy là một phần của xu hướng.

- **Điều chỉnh (Correction)** là phần thứ hai của xu hướng. Nó là một diễn biến thị trường ít mạnh mẽ hơn, đối ngược với diễn biến theo xu hướng mà sau đó quátrình thúc đẩy lại lặp lại.

- **Tích lũy (Consolidation)** có thể là điều kiện thị trường quan trọng nhất. Nó xảy ra khi thị trường đạt được sức mạnh để tạo nên một sự Thúc đẩy khác. Nó còn được gọi là điều kiện thị trường dao động trong biên độ. Tích lũy thường có diễn biến của một mô hình giánào đó mà chúng ta đã nghiên cứu ở Chương 4 (Phân tích đồ thị).

Ba điều kiện thị trường này là nền tảng của một lý thuyết thị trường. Sau khi đã xác định ba điều kiện cơ bản này, chúng ta phải xác định thêm hai yếu tố thị trường nữa là "Hỗn loạn" (Chaos) và "Trật tự" (Order). "Hỗn loạn" và "Trật tự" có thể xuất hiện bất cứ lúc nào và có thể kéo dài trong những khoảng thời gian khác nhau. Nếu áp dụng hai yếu tố này vào ba điều kiện thị trường cơ bản ở trên, chúng ta có thể nói "Trật tự" xảy ra khi thị trường đang ở trong tình trạng Thúc đẩy hoặc Điều chỉnh, và rằng "Hỗn loạn" xảy ra khi thị trường đang tích lũy.

Thị trường diễn biến như thế nào?

Đầu tiên, như chúng ta đã đề cập, điều kiện quan trọng nhất của thị trường là Tích lũy. Như một quy luật, Tích lũy là điều kiện cần thiết để thị trường bắt đầu một sự thúc đẩy mới. Mỗi diễn biến cơ bản mới hay sự Thúc đẩy đều cần có một giai đoạn tích lũy. Nói cách khác, "Trật tự" có được từ "Hỗn loạn".

Và câu hỏi đặt ra ở đây là: "Điều đó diễn ra như thế nào? Làm sao "Hỗn loạn" thay thế được "Trật tự" và ngược lại?

Hãy cùng xem xét một ví dụ từ cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Nếu nhìn quanh các con đường trong một thành phố, chúng ta có thể thấy "Hỗn loạn" và "Trật tự" thực sự có nghĩa là gì? Xe ô tô, người đi bộ, xe buýt, xe cộ trên phố và các thành phần tham gia giao thông khác là các bộ phận khác nhau của một hệ thống. Tất cả những thành phần này đều di chuyển theo một trật tự nào đó nhờ có những cơ chế được quy định sẵn. Một trong những cơ chế duy trì trật tự đó là đèn giao thông. Nhờ có đèn giao thông mà các thành phần tham gia giao thông có thể cùng tồn tại.

Hãy nhìn vào một phần khác của hệ thống này - các giao lộ. Tất cả các thành phần tham gia vào nó đều có quyền ngang nhau tại một giao lộ nhờ có các tín hiệu đèn, có nghĩa là tất cả đều có thể qua đường và tiếp tục hành trình.

"Trật tự" nằm ở cơ chế được quy định sẵn trong hệ thống này. Hãy giả sử có hai hướng, "A" và "B" và tín hiệu đèn giao thông cho phép 10 xe ô tô qua đường theo cùng một hướng. Tất cả chúng ta đều từng chứng kiến tình huống trong đó một trong các thành phần tham gia giao thông, một chiếc ô tô chẳng hạn, muốn vượt lên tín hiệu đèn. Và thường thì sẽ có

một vài thành phần khác cũng lập tức bám đuôi. Như thế, thay vì 10 xe, 14 xe có thể qua đường theo cùng một hướng "A".

Nhưng điều đó cũng có nghĩa là chỉ có 6, thay vì 10 xe có thể qua đường theo hướng "B" vì họ phải chờ đợi thêm 4 chiếc xe nữa qua đường theo hướng "A." Khi 4 chiếc xe này vượt đèn giao thông, chúng cản trở những chiếc xe khác đi theo hướng "B." Các phương tiện khác cùng đi theo hướng "B" sẽ cố gắng duy trì tỷ lệ 10-10 và để làm vậy, 4 xe trong số đó sẽ phải vượt tín hiệu đèn. Dần dần, giao thông tại giao lộ trở nên lộn xộn hơn, tín hiệu đèn mất đi chức năng quy định luật của mình, và tình trạng "Hỗn loạn" xảy ra. Tắc nghẽn xảy ra ở giao lộ và không ai qua được đường. Khi "Hỗn loạn" xảy ra, tình trạng dường như rất vô vọng và khó có thể trở lại trạng thái "Trật tự" được nữa.

Điều thú vị nhất ở đây là "Trật tự" bất ngờ trở lại. Ô tô, xe cộ, xe buýt, người đi bộ sớm hay muộn cũng sẽ tạo ra một trình tự khiến cho hệ thống chuyển từ "Hỗn loạn" sang "Trật tự".

Hãy cùng quay trở lại với thị trường. Nguyên tắc tương tự như ở giao lộ như sau:

- "Hỗn loạn" xảy ra sau "Trật tự" nghĩa là sau quátrình Thúc đẩy dưới một vài điều kiện khi chúng ta có xu hướng giá rõ ràng bất kể đó là đi lên hay đi xuống.

"Hỗn loạn" được đặc trưng bởi hiện tượng đóng cửa các trạng thái, trạng thái mới được mở theo nhiều chiều hướng khác nhau, dữ liệu cũng đi theo chiều hướng khác nhau, v.v... Điều đó có nghĩa là quátrình Tích lũy đang diễn ra.

- Giống như ví dụ về giao lộ, cũng có một thời điểm trên các thị trường tài chính khi các yếu tố thị trường tạo thành một trình tự để mở đường cho sự Thúc đẩy và "Trật tự" quay trở lại.

Như vậy là chúng ta vừa trình bày mối quan hệ giữa thị trường và đời sống thực. Và ở đây, chúng ta, với tư cách là các nhà kinh doanh, quan tâm tới việc làm thế nào để tìm ra trình tự khi tất cả các yếu tố của thị trường đều đi theo một xu hướng nào đó và "Hỗn loạn" thay thế "Trật tự".

Nếu bạn muốn giao dịch khi thị trường đang tích lũy, thì phương pháp thành công nhất là giao dịch dựa vào các mô hình giánhư trong Chương 4. Phương pháp này dựa trên kỹ thuật phá vỡ tích lũy, dẫn tới sự thúc đẩy theo một chiều hướng nào đó. Phương pháp giao dịch này khá thành công trên các thị trường tài chính, nhưng nếu áp dụng nó trong một thời gian dài thì bạn có thể thấy rằng một phần của diễn biến bị bỏ quên. Chính xác hơn, phần đầu tiên của diễn biến dẫn tới sự phá vỡ tình trạng Tích lũy đã bị bỏ quên.

Điều gì sẽ giúp chúng ta hiểu được thị trường, nghĩa là sẵn sàng cho quátrình Thúc đẩy và rằng "Hỗn loạn" sẽ thay thế "Trật tự?"

Câu trả lời đúng sẽ dựa trên những yếu tố thị trường đơn giản nhất. Trong chương 4 (Phân tích đồ thị), chúng ta đã xem xét các mô hình giátrong đó có những mô hình khá phức tạp và bao gồm nhiều diễn biến của thị trường. Chúng mô tả điều kiện thị trường tích

lũy nhưng dựa trên rất nhiều tham số như là độ dốc, chiều dài, chiều rộng, điểm phá vỡ, v.v...

Câu trả lời cho câu hỏi trên là hãy chia những mô hình giá này thành những mô hình giá nhỏ nhất hình thành bởi các yếu tố thị trường cơ bản: Điểm thấp, Giá mở cửa, Điểm cao, Giá đóng cửa.

Chúng ta đã vừa mô tả các mô hình giátương tự khi xem xét các lý thuyết của Williams và DeMark. Williams là một trong những lý thuyết gia hiện đại đã đóng góp cho sự phát triển của các mô hình giá.

Chúng ta có thể nói rằng giai đoạn đầu của trình tự khi "Hỗn loạn" thay thế "Trật tự", khi Tích lũy thay thế cho Thúc đẩy, hình thành từ mối tương quan giữa bốn mức giácơ bản và từ một mô hình giá nhất định.

Nhưng trước khi tiếp tục, hãy để chúng tôi nói với bạn một điều quan trọng. Không có mô hình giánào đúng 100% cả. Giống như ví dụ với giao lộ, "Trật tự" không thể được lập lại theo cùng một cách mỗi ngày, Tích lũy cũng không thay thế cho Thúc đẩy theo cách giống nhau mỗi ngày được. Điều đó có nghĩa là không có mô hình giánào hiệu quả 100% bởi vì có quá nhiều mô hình giá.

Hãy nhìn vào biểu đồ sau. Hình 155 và 156 minh họa biểu đồ ngày của cặp EUR/USD và USD/CAD.



Hình 155. USD/CAD, ngày, MetaTrader – Admiral Markets

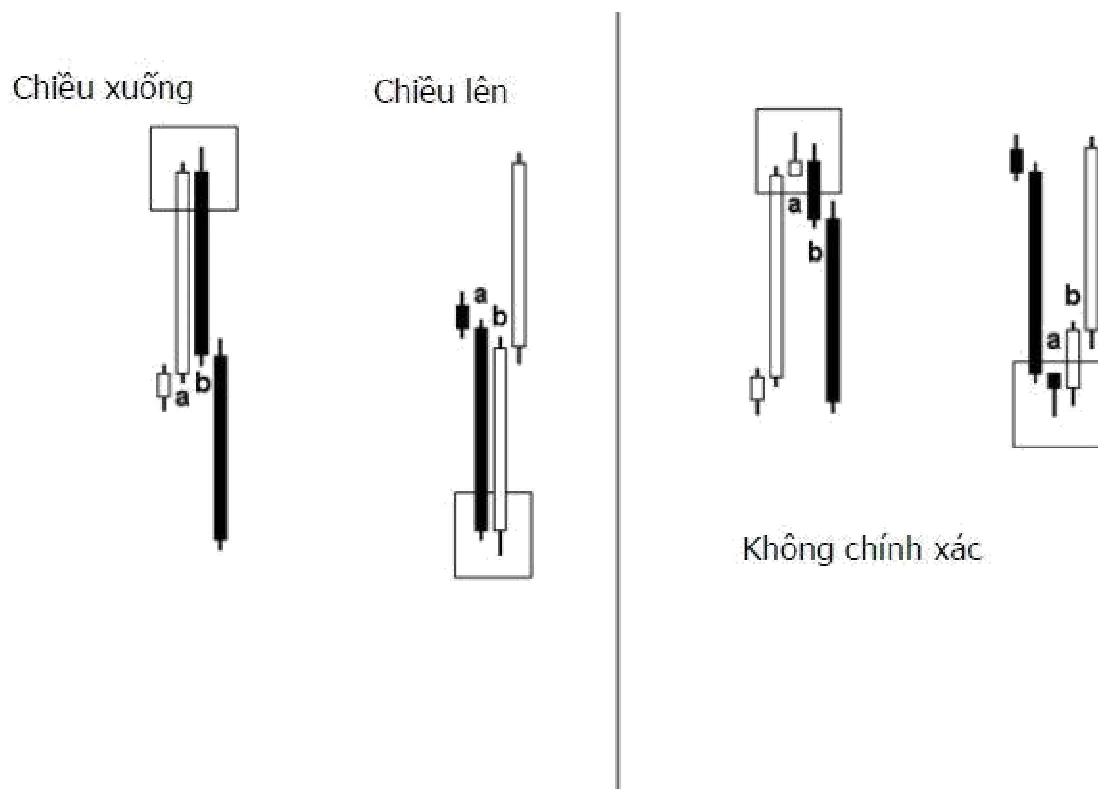


Hình 156. EUR/USD, ngày, MetaTrader – Admiral Markets

Có một vài thời điểm được đánh dấu trên mỗi biểu đồ. Phần lớn chúng đều ở trong giai đoạn Tích lũy. Bạn sẽ thấy rằng sau mỗi điểm đánh dấu, quátrình thúc đẩy lại diễn ra. Nếu quan sát kỹ hơn, bạn sẽ thấy tất cả những thời điểm này đều đáp ứng một vài điều kiện và làm hình thành một mô hình giá.

Chúng tôi sẽ gọi mô hình này là Mô hình E và gọi mô hình E là chiến lược giao dịch ELIUTE.

Mô hình E là gì? Đó là mô hình rất đơn giản dựa vào mối tương quan giữa bốn giá trị giá: Thấp, Mở cửa, Cao, Đóng cửa. Mô hình E xuất hiện khi giávượt quáđỉnh của thanh giá trước đó nhưng không thể tiếp tục diễn biến đi lên và quay ngược trở lại, đóng cửa ở mức thấp hơn giámở cửa. Hoặc khi giá giảm thấp hơn đáy trước đó, nhưng không thể tiếp tục đi xuống và quay trở lại, đóng cửa ở mức cao hơn giámở cửa.



Hình 157. «E», Chiều đi lên và chiều đi xuống

Hình 157 minh họa mô hình E chính xác và không chính xác.

Một điều kiện quan trong cần được đáp ứng khi các mô hình E xuất hiện. Giá sẽ hình thành đỉnh mới cao hơn hoặc đáy cũ thấp hơn, sau đó sẽ đóng cửa theo chiều hướng ngược lại và hình thành một nến đảo ngược: "Nếu "a" là một nến giá lên thì "b" là một nến giá xuống, và ngược lại, nếu "a" là một nến giá xuống thì "b" là nến giálên, điều này hoàn thiện mô hình giá. Mối tương quan chính xác giữa giá và khoảng cách giá hoặc các yếu tố khác của mô hình là bộ lọc khác của mô hình E. Chúng ta sẽ không đi sâu tìm hiểu các yếu tố đó trong cuốn sách này.

Bây giờ hãy xem xét kỹ thuật giao dịch với mô hình E hoặc các nguyên tắc giao dịch ELIUTE.

Tham gia. Nguyên tắc tham gia rất đơn giản.



Hình 158. Dấu hiệu mua, bán ELIUTE. USD/CAD, ngày, MetaTrader – Admiral Markets

Mua. Chúng ta mua khi Chiều đi lên "E" xuất hiện và thị trường có khả năng vượt qua đỉnh của thanh "b". Với một trạng thái mua, khoảng cách giữa đáy của thanh hiện tại và giá mở cửa của nó sẽ nhỏ hơn khoảng cách giữa đáy và giámở cửa của thanh "b". Điều này có nghĩa là bóng dưới của thanh hiện tại sẽ nhỏ hơn bóng dưới của thanh "b."

Bán. Chúng ta bán khi Chiều đi xuống 'E" xuất hiện và thị trường có khả năng giảm xuống thấp hơn đáy của thanh "b." Với một trạng thái bán, khoảng cách giữa đỉnh của thanh hiện tại và giá mở cửa sẽ nhỏ hơn khoảng cách giữa đỉnh và giá mở cửa của thanh "b".

Hãy nhìn vào các tín hiệu giao dịch trong Hình 158. Đây là biểu đồ ngày của cặp tiền tệ USD/CAD với các tín hiệu mua và bán được đánh dấu.

Thêm các trạng thái mới. Có hai nguyên tắc cho việc thêm các trạng thái mới:

- Chúng ta thêm một trạng thái nếu xuất hiện một tín hiệu giao dịch cùng chiều;

- Nguyên tắc thứ hai là cần thêm trạng thái nhanh chóng nhằm tối đa hóa lợi nhuận từ giai đoạn Thúc đẩy. Bạn có thể thêm trạng thái mua nếu giá của thanh sau vượt quáđỉnh của thanh đầu tiên khi diễn ra giao dịch. Bạn có thể thêm một trạng thái bán nếu giá của thanh sau giảm thấp hơn đáy của thanh đầu tiên diễn ra giao dịch. Có một điều kiện cần được đáp ứng. Khoảng cách giữa đáy (đỉnh) của thanh hiện tại và giá mở cửa của nó phải nhỏ hơn khoảng cách giữa đáy (đỉnh) và giá mở cửa của thanh trước đó để có thể mở một trạng thái mua (bán).

Theo nguyên tắc thứ hai, thêm các trạng thái giao dịch chỉ là quyết định đúng đắn khi nó diễn ra trong vòng ba thanh tiếp theo sau thanh đầu tiên diễn ra giao dịch. Sẽ là rất hiệu quả nếu một vài thanh giáđược hình thành theo cùng chiều hướng khi quátrình Thúc đẩy diễn ra.

Mức cắt lỗ. Có hai cách đặt mức cắt lỗ nếu bạn áp dụng chiến lược giao dịch ELIUTE. Cách thứ nhất an toàn hơn. Nếu bóng dưới (trong trường hợp trạng thái mua) của thanh hiện tại lớn hơn bóng dưới của thanh "b", tốt hơn hết là nên đóng trạng thái đã mở. Nếu bóng trên (trong trường hợp trạng thái bán) của thanh hiện tại lớn hơn bóng trên của thanh "b", bạn cũng nên làm điều tương tự.

Cách thứ hai là sử dụng đỉnh (trong trường hợp trạng thái bán) hoặc đáy (trong trường hợp trạng thái mua). Trong trương hợp này, mức cắt lỗ sẽ lớn hơn và vì thế, sẽ tốt hơn nếu được sử dụng khi bạn mở trạng thái đầu tiên; khi thêm các trạng thái giao dịch, bạn nên đặt các mức cắt lỗ ở giá trị biến thể so với mức của trạng thái ban đầu.

Thoát khỏi thị trường. Đây là phần khó nhất trong giao dịch. Nếu đóng trạng thái quá sớm, có thể bạn sẽ mất đi lợi nhuận tiềm năng. Nếu duy trì trạng thái trong một thời gian dài, thị trường có thể thay đổi chiều hướng biến động. Câu hỏi đặt ra là khi nào nên đóng trạng thái để vừa thu được lợi nhuận cao nhất có thể vừa bảo vệ được nó khỏi sự đảo chiều của thị trường. Không có câu trả lời rõ ràng nào trong phương pháp giao dịch ELIUTE. Bạn cần ước lượng xem "Trật tự" sẽ kéo dài bao lâu trước khi nó chuyển thành "Hỗn loạn" để xác định đúng thời điểm thoát ra khỏi thị trường.

Lựa chọn đầu tiên là đóng trạng thái ngay khi dấu hiệu đảo chiều xuất hiện. Các kỹ thuật khác nhau có thể được áp dụng theo cách này. Ví dụ:

- Giải cứu của Larry Williams;
- Đóng tất cả trạng thái sau khi bạn đã thực hiện thêm tất cả các giao dịch;
- Chúng ta có thể sử dụng khoảng cách giữa đỉnh (đáy) của mô hình E hiện tại và đáy (đỉnh) của mô hình E theo chiều ngược lại trước đó làm mục tiêu giá. Nếu chúng ta mở một trạng thái mua, mục tiêu giá sẽ bằng khoảng cách giữa đáy của thanh "b" của mô hình E hiện tại và đỉnh của thanh "b" của mô hình E đảo ngược trước đó. Khoảng cách này được cộng với giá mở cửa của thanh diễn ra giao dịch

đầu tiên. Cần lưu ý một điểm quan trọng là nếu chúng ta thêm một trạng thái mới, khoảng cách trên sẽ được cộng thêm vào giá mở cửa của thanh tương ứng.

Chúng ta vừa xem xét tất cả các khía cạnh của phương pháp giao dịch ELIUTE. Hãy cùng chỉ ra một vài điều kiện sẽ làm cho việc áp dụng phương pháp này trở nên tối ưu hơn.

- Áp dụng phương pháp giao dịch ELIUTE với các biểu đồ ngày;

- Khi xu hướng đang mạnh và dấu hiệu đảo chiều xuất hiện, đừng mở trạng thái giao dịch;

- Phương pháp này sẽ tỏ ra hiệu quả nhất nếu các tín hiệu giao dịch xuất hiện trong quátrình Tích lũy của thị trường. Không có nguyên tắc cố định nào cho việc xác định thời điểm thị trường tích lũy. Quan sát nó sẽ dễ dàng hơn nhiều so với xác định nó. Hãy sử dụng các tín hiệu giao dịch theo chiều hướng của quá trình Thúc đẩy sau quátrình tích lũy của thị trường.

- Mô hình E và phương pháp giao dịch ELIUTE là những điều kiện tiền đề để sau đó thị trường chuyển từ "Hỗn loạn" sang "Trật tự". Phương pháp này kháđơn giản và có tiềm năng được phát triển hơn nữa. Chúng tôi đã vừa trình bày khái niệm cơ bản của phương pháp dựa trên mô hình E. Việc nghiên cứu phương pháp giao dịch này được thực hiện chủ yếu trên thị trường Ngoại hối, nhưng nó cũng có thể dễ dàng được áp dụng cho các thị trường tài chính khác.

Kiểm tra phương pháp giao dịch

Như chúng tôi đã đề cập trong phần đầu của chương này, xây dựng một phương pháp giao dịch đòi hỏi thời gian và sự tập trung. Hãy chỉ đặt tiền của bạn vào các phương pháp có hiệu quả. Có một vài giai đoạn trong quá trình xây dựng phương pháp giao dịch như sau:

1. Lựa chọn các nguyên tắc giao dịch. Đây là điều cần thiết nhằm xác định các tín hiệu tham gia, thoát khỏi thị trường, thời điểm và giá trị các mức cắt lỗ.

2. Giai đoạn thứ hai là thử nghiệm phương pháp giao dịch trên dữ liệu lịch sử. Tại giai đoạn này chúng ta sẽ sử dụng dữ liệu lịch sử của biểu đồ giá của một cặp tiền tệ (hay cổ phiếu, hợp đồng tương lai) để đánh dấu các giao dịch đã được thực hiện theo phương pháp giao dịch của mình. Đây còn gọi là "giao dịch trên giấy". Chúng ta sẽ đi tìm câu trả lời cho câu hỏi: "Nếu tôi bắt đầu áp dụng phương pháp này vào giao dịch một năm trước và duy trì nó cho tới giờ thì kết quả sẽ ra sao?"

3. Phân tích kết quả giao dịch. Trong cuốn sách *The Trading Game* (Tạm dịch: *Trò chơi giao dịch*), Ryan Jones đã đưa ra một phương pháp hay để phân tích các phương pháp giao dịch có hiệu quả. Đầu tiên, bạn phải tính các tham số sau:

W - Lợi nhuận trung bình; **W** = số điểm phần trăm lợi nhuận/số lượng giao dịch có lời;

L - Thua lỗ trung bình; **L** = số điểm phần trăm thua lỗ/số lượng giao dịch thua lỗ;

%W - Tỷ lệ giao dịch có lời;

%W = số lượng giao dịch có lời /tổng số giao dịch đã thực hiện.

Hãy nhớ rằng giao dịch không có lời cũng là giao dịch thành công!

Chúng ta có thể áp dụng công thức sau: (W/L+1)*%W-1 ≥ 0,6 Một phương pháp giao dịch thỏa mãn bất phương trình này là một phương pháp có hiệu quả, xét theo tiêu chuẩn của Ryan Jones. Như bạn có thể thấy trên công thức, giao dịch thành công là các giao dịch mà lãi thu về nhiều hơn lỗ (tỷ lệ W/L hoặc khi số lượng giao dịch có lời nhiều hơn giao dịch thua lỗ.

Hãy cùng xem một ví dụ minh họa cho lý thuyết này. Giả sử có mười giao dịch liên tiếp với kết quả như sau:**+60, +60, -30, +60, -20, +50, -30, +40, -20, +30.**

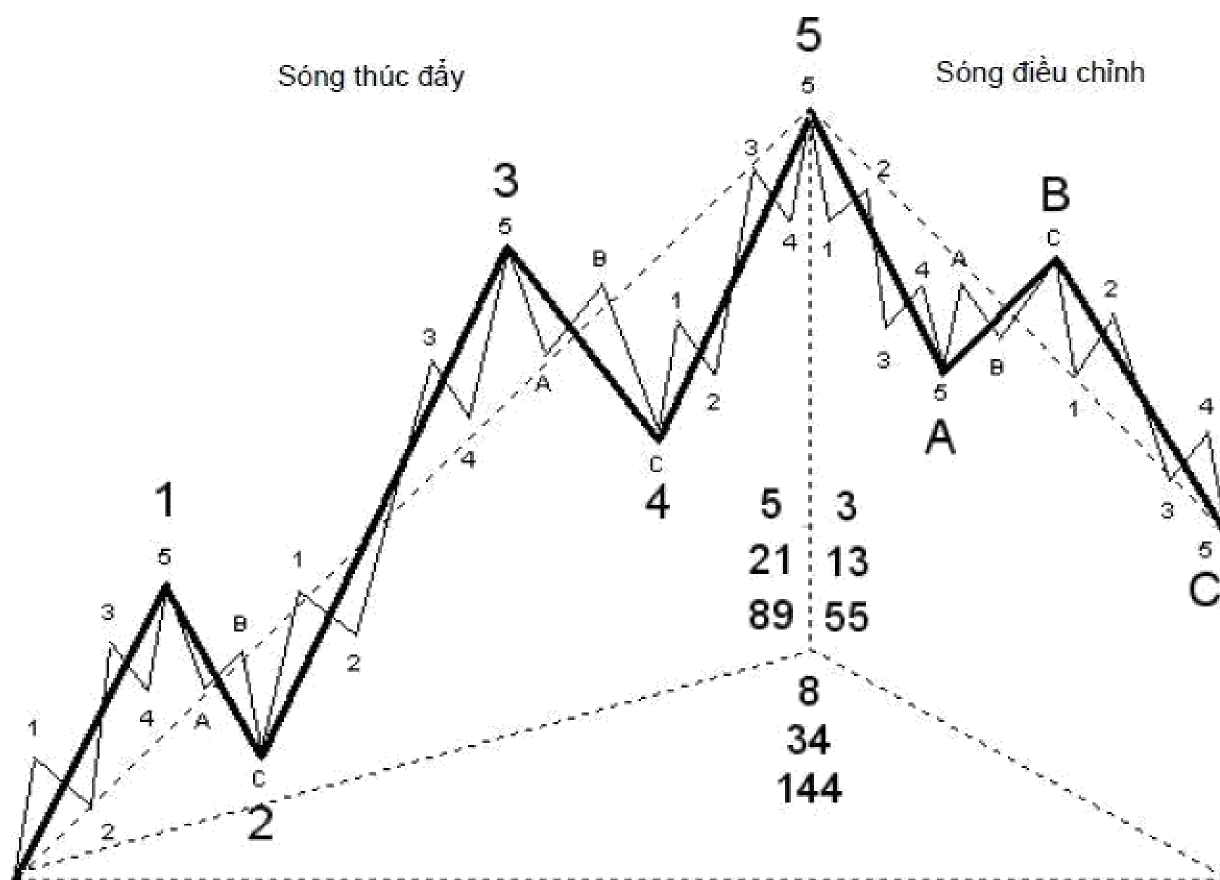
Chúng ta tính toán được như sau:**W=300/6=50;L=100/4=25;%W=6/10=0,6; (50/25+1)*0,6-1=0,8.**

Trong ví dụ trên chúng ta thấy số lượng giao dịch có lời cao hơn số lượng giao dịch thua lỗ và %W là 60%. Như vậy, nếu phương pháp giao dịch của chúng ta cho ra các kết quả như vậy, chúng ta có thể dễ dàng áp dụng nó trên thị trường thực.

CHƯƠNG 8
Phân tích sóng

ăm 1938, Ralph Nelson Elliott đã khám phára một lý thuyết có tính cách mạng Nđược gọi là Nguyên tắc Sóng, một trong những cách tiếp cận tích hợp chuyên nghiệp nhất để dự đoán các thị trường tài chính. Nguyên tắc Sóng của Elliott được rất nhiều người tin tưởng khi các mô hình sóng có khả năng miêu tả chính xác cấu trúc của các diễn biến trên thị trường. Lý thuyết này mang đến cho chúng ta nhiều cơ hội trong việc nắm bắt và dự đoán xu hướng. Công trình của Elliott được những người tin theo ông phát triển theo thời gian nhưng thực tế thì Elliott đã miêu tả gần như tất cả các mô hình thị trường trong lý thuyết của mình từ hơn 70 năm trước. Robert Pretcher, Glen Neely và rất nhiều người khác đã có nhiều đóng góp vào sự phát triển và hoàn thiện của Nguyên tắc Sóng.

Sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng các biểu đồ giá, Elliott chỉ ra rằng các thị trường tài chính diễn biến theo các mô hình. Các mô hình này có xu hướng lặp đi lặp lại trên các biểu đồ ở cả các khung thời gian dài hạn (nhiều năm cho đến nhiều thập kỷ) và ngắn hạn (nhiều tháng, nhiều ngày). Các mô hình giá nhỏ hơn liên kết với nhau để tạo thành vẫn các mô hình đó nhưng ở quy mô lớn hơn nhiều (xem Hình 159). Mọi chu kỳ giáđều bao gồm 5 sóng, 3 trong số đó cùng chiều với xu hướng (1, 3, 5) và xen giữa chúng là 2 sóng ngắt quãng ngược chiều xu hướng và tiếp theo đó là 3 sóng điều chỉnh (A, B, C). Các sóng 1 - 5 được gọi là các sóng Thúc đẩy và 3 sóng A, B, C được gọi là các sóng Điều chỉnh. Sóng A là một diễn biến giá rõ ràng từ đỉnh xuống đáy hoặc từ đáy lên đỉnh. Charles Dow, người được coi là cha đẻ của Phân tích Kỹ thuật, đã sử dụng giả định là giá thị trường diễn biến theo các sóng cho các nghiên cứu của mình (Chỉ số Bình quân Công nghiệp Dow Jones được đặt theo tên ông).



Hình 159. Nguyên tắc Sóng của Elliott.

Bản chất của lý thuyết sóng

Chúng ta có thể nói rằng Nguyên tắc Sóng của Elliott là một ví dụ được tối ưu hóa về chu kỳ thị trường. Chu kỳ thị trường là một khoảng thời gian khi giá phản ánh các hành động của bên mua vào (những người đầu cơ giálên) và bên bán ra (những người đầu cơ giá xuống). Thông thường, các chu kỳ được tính từ một mức đáy này đến một mức đáy khác nhưng vẫn có thể có các chu kỳ giữa một mức đỉnh này đến một mức đỉnh khác (đặc biệt nếu xu hướng là đi xuống). Kịch bản cho các chu kỳ thị trường cũng thường phát triển theo một cách giống nhau. Việc hình dung một chu kỳ thị trường nằm giữa các đáy (xem minh họa Hình 159) thường dễ dàng hơn và đây là lý do vì sao nhiều lý thuyết gia sử dụng nó để lý giải Nguyên tắc Sóng.

Sóng 1 được tạo thành khi các nhà kinh doanh đóng các trạng thái của mình và thu lời. Nếu điểm 0 là đáy thì điều đó có nghĩa là xu hướng trước đó là đi xuống và việc đóng các trạng thái bán dẫn đến việc giátăng vọt. Một đỉnh ngắn hạn được tạo thành vào cuối sóng thứ nhất. Đỉnh này mang đến cho các nhà kinh doanh, những người đang kỳ vọng giáđi xuống, cơ hội để mở các trạng thái bán ra ở một mức giá tốt hơn. Khi điểm 0 được tạo

thành, không ai biết rõ điểm này có phải là một đáy hay không và xu hướng đi xuống có lẽ vẫn sẽ tiếp tục. Các lệnh bán mới dẫn tới sóng giảm giá 2.

Sóng 2 xác nhận sự bắt đầu của một xu hướng tăng giá. Sóng này sẽ không đạt tới mức giálà điểm khởi đầu của sóng 1; mà thay vào đó nó sẽ trở thành một phần của xu hướng giảm giátrước đó. Theo quan điểm của Glen Neely (một người tin theo Lý thuyết Sóng và đã dành 10 năm nghiên cứu việc áp dụng lý thuyết này vào các thị trường tài chính), trong phần lớn các trường hợp, sóng thứ hai (điều chỉnh) sẽ không quásâu và đạt mức khoảng 61,8% chiều dài sóng đầu tiên. Khi giá không thể xuống tới mức đáy trước đó, đó là tín hiệu cho các thành phần tham gia thị trường tiến hành đóng các trạng thái bán ra của mình. Các nhà kinh doanh giao dịch trên các khung thời gian ngắn hạn có cơ hội để mở các trạng thái mua vào với mục tiêu giálà đỉnh của sóng thứ nhất hay thậm chí cao hơn. Do đó, một số lượng lệnh mua vào được dồn tích một cách tự nhiên vào cuối sóng thứ 2. Điều này là động lực đi lên cho sóng thứ 3.

Sóng thứ 3 thường là sóng dài nhất và không bao giờ là sóng ngắn nhất trong số 3 sóng Thúc đẩy (1, 3 và 5). Lợi nhuận tiềm năng trong đợt sóng này cũng rất lớn. Xu hướng rất mạnh mẽ và tất cả nghi ngại liên quan đến sự bắt đầu của một xu hướng mới đều biến mất sau khi đỉnh của sóng thứ nhất được tạo thành. Một sóng thứ 3 mở rộng thường sẽ tạo thêm lực đi lên cho sự Thúc đẩy, vì chiều dài của nó thường bằng từ 1,618 đến 2,236 (hoặc thậm chí là 2,618 chiều dài của sóng thứ nhất), sóng thứ nhất và thứ năm thường có chiều dài bằng nhau.

Dù sóng thứ ba có mạnh đến đâu chăng nữa, sớm hay muộn gì nó cũng sẽ yếu đi và các thành phần tham gia thị trường bắt đầu chốt lời. Điều này dẫn tới sóng thứ tư. Sóng này thường diễn ra trong một thời gian dài. Nhiều nhà kinh doanh đợi đến cuối sóng thứ tư để chốt lời trong sóng thứ năm, khi mà động lực của sóng thứ năm có thể được dự báo một cách dễ dàng và tiềm năng lợi nhuận là không hề nhỏ. Có một quy tắc về sóng thứ tư: sự kết thúc của sóng thứ tư sẽ ở mức 50-62% mức điều chỉnh của sóng thứ 3, khi mà chỉ số Công cụ đo dao động Sóng Elliott (Elliott Wave Oscillator - EWO) (tương tự như chỉ số MACD) đạt mức bằng 0. Nếu các điều kiện này được thỏa mãn, thì sóng thứ năm sẽ bắt đầu.

Khi mà sóng điều chỉnh thứ 4 qua đi, sóng thứ năm sẽ tiếp nối nó. Sóng thứ 5 có thể phát triển khác nhau tùy thuộc vào chiều dài và thời gian tồn tại của nó, điều này lại phụ thuộc vào sóng thứ nhất và thứ 3. Nói chung, nếu sóng thứ ba là đặc biệt dài (gấp đôi sóng thứ nhất) thì sóng thứ năm sẽ trở nên yếu đi (nó có thể không đạt tới mức giá của đỉnh sóng thứ 3 - điều này còn được gọi là "sóng thứ năm bị cắt xén"), và ngược lại, nếu sóng thứ ba có chiều dài bằng 1 đến 1,618 lần sóng thứ nhất, thì sóng thứ năm sẽ mạnh mẽ hơn. Trong trường hợp này, nó sẽ có chiều dài bằng 1,618 hoặc 2,618 lần sóng thứ ba (hoặc dài bằng khoảng cách từ điểm 0 đến đỉnh sóng thứ ba). Sóng thứ năm hoàn thiện diễn biến của xu hướng và các điểu chỉnh A, B, C sẽ diễn ra.

Điều chỉnh là một phần tự nhiên trong chu kỳ thị trường khi giá cố gắng khôi phục một phần diễn biến mà nó từng trải qua. Nói chung, sự điều chỉnh có xu hướng nằm trong khu vực 0,5 - 0,618 trong diễn biến của xu hướng (các sóng từ 0 - 5). Trên thực tế, điều chỉnh có

thể có nhiều dạng thức khác nhau nhưng điều chỉnh theo hình zigzag là biến thể cơ bản nhất. Trong trường hợp này, một số thành phần tham gia thị trường chọn sóng B để khôi phục xu hướng đi lên (xem Hình 159), vì nó được định hướng cùng chiều với xu hướng. Tuy nhiên, sự thất vọng đến cũng rất nhanh khi mà giá không thể đạt tới đỉnh của sóng thứ năm và nó khuyến khích một khối lượng bán ra lớn trong sóng C. Khi sóng C kết thúc, thị trường lại sẵn sàng bước vào một chu kỳ mới.

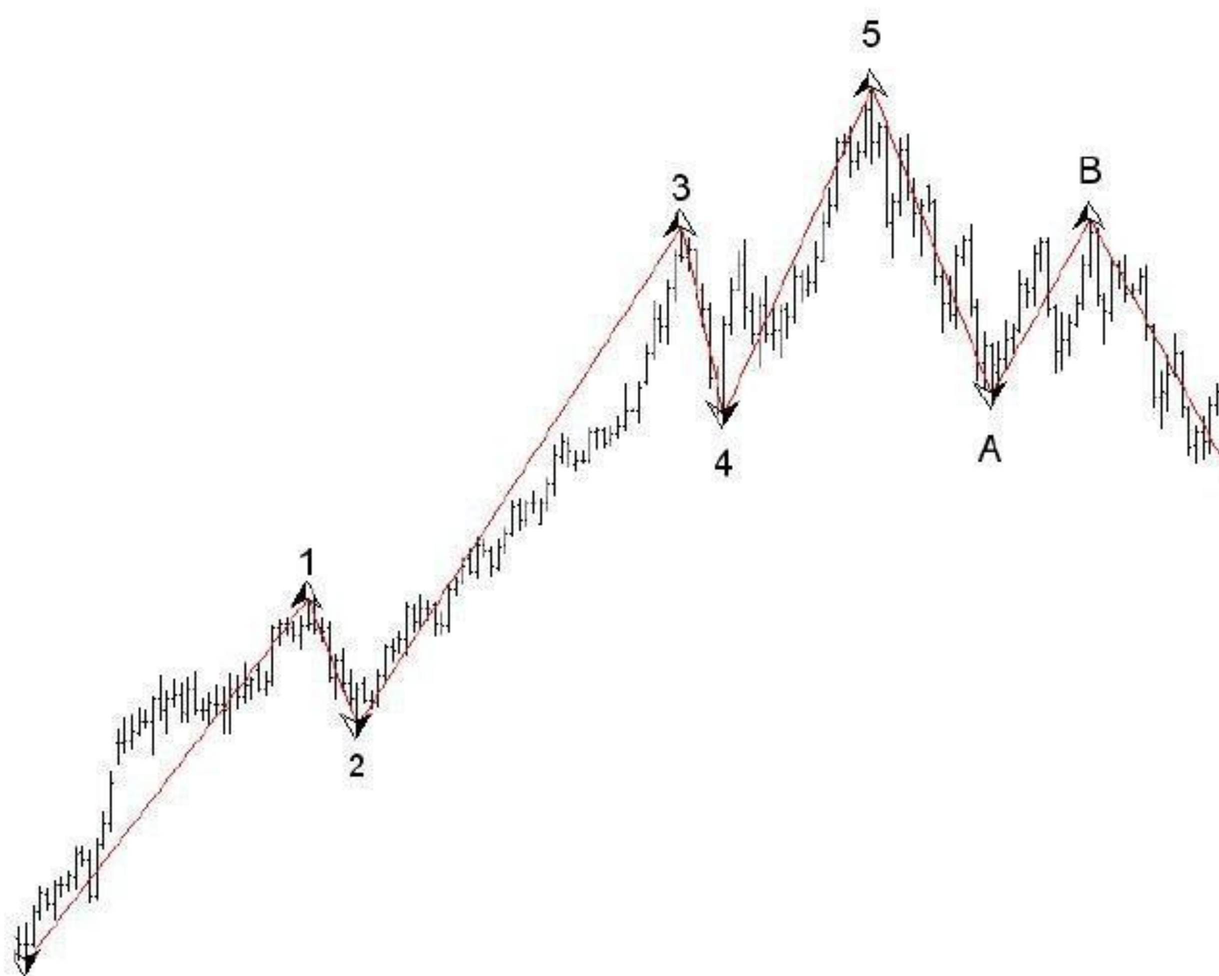
Áp dụng phân tích sóng

Phân tích sóng có thể được áp dụng với các thị trường có tính thanh khoản cao, như chứng khoán, ngoại hối, công cụ phái sinh. Tuy nhiên, bạn nên nhớ rằng Nguyên tắc Sóng mà Elliott mô tả là dành cho thị trường chứng khoán, và nếu áp dụng cho một thị trường mới thì nó phải có thêm đặc tính mới. Nếu lý thuyết này được áp dụng trong một thời gian dài (xấp xỉ 10 năm), thì thị trường có xu hướng tăng trưởng do sự điều chỉnh, diễn ra sau một sóng Thúc đẩy và không thể đạt tới mức giá khởi điểm (Hình 159). Điều này là đặc trưng của thị trường chứng khoán khi giátăng phản ánh sự gia tăng chi phí của các công ty lớn (quá trình vốn hóa). Nguyên tắc này không áp dụng với thị trường ngoại hối vì nếu áp dụng nó vào thị trường Ngoại hối thì có thể được hiểu là giá trị của một đồng tiền này tăng lên so với một đồng tiền khác xét về dài hạn, nhưng các yếu tố cơ bản lại hiếm khi là nguyên nhân của việc này.

Hiểu biết sâu sắc về Các sóng Elliott cho phép nhà kinh doanh thu được lợi nhuận tối đa từ một xu hướng. Xu hướng giá sẽ không thay đổi cho đến khi có một vài mô hình được hoàn thiện. Quy tắc chính là giao dịch trong các sóng Thúc đẩy do chúng cho phép bạn kiếm được nhiều lợi nhuận hơn và hạn chế giao dịch trong các thời kỳ điều chỉnh. Giáthường xuyên thay đổi chiều hướng của nó và những diễn biến đi kèm thường không có tiềm năng mang lại lợi nhuận lớn. Các nhà phân tích tài chính nhiều kinh nghiệm trong dự đoán sóng cố gắng tìm ra một bức tranh rõ ràng để dự báo chiều hướng này. Nếu việc phân tích là chính xác thì nó có thể đảm bảo việc giao dịch có lợi nhuận. Một nhà kinh doanh ít kinh nghiệm giao dịch nhưng quen với phân tích sóng lại có một số lợi thế khác. Anh ta/cô ta cảm nhận được các động lực của thị trường và những diễn biến giá trở nên rõ ràng hơn với anh ta/cô ta. Thật khó đối với một người bắt đầu làm quen với thị trường Ngoại hối, chưa áp dụng phân tích sóng để xác định khi nào sự điều chỉnh hoặc sự bắt đầu của một xu hướng đi lên mạnh mẽ sẽ diễn ra trên thị trường. Hiểu biết về phân tích sóng nuôi dưỡng sự kiên trì và tính kỷ luật ở nhà kinh doanh và dạy anh ta/cô ta cách chờ đợi để tham gia thị trường vào đúng thời điểm nhất. Các dãy số Fibonacci là một phần đáng kể trong phân tích sóng và một nhà kinh doanh có thể sử dụng chúng để xác định các điểm đảo chiều thành công.

Bước đầu tiên để áp dụng phân tích sóng là xác định các con sóng trên biểu đồ giá và tìm kiếm các mô hình giá. Trên thực tế, mọi đỉnh hoặc đáy rõ ràng đều phản ánh một con sóng trên một khung thời gian nào đó. Và bạn cần nhớ rằng các mô hình giá không phải luôn luôn có tác dụng trên khung thời gian ngắn hạn (dưới 1 giờ). Bạn có thể sử dụng các phân dạng (Fractals) (xem hệ thống giao dịch của Bill William) hoặc chỉ số Zigzag làm các

phương tiện hỗ trợ để xác định các con sóng. Việc áp dụng các phân dạng bao gồm từ năm thanh trở lên (ngược lại với phân dạng cổ điển) sẽ có hiệu quả hơn. Chỉ số WlxFractals cũng có thể giúp bạn tìm kiếm cơ hội giao dịch.



Hình 160. Việc xác định các con sóng với các chỉ số Zigzag và wlxFractals.

Hình 160 minh họa các phân dạng được tạo nên với 8 thanh thay vì 5 thanh như thường lệ. Chúng giúp xác định được những con sóng đáng quan tâm nhất trên biểu đồ giá.

Tổng quan về các con sóng

Thúc đẩy

Sóng này có thể là các sóng thúc đẩy xu hướng và**các đường chéo kết thúc (Ending diagonals)**.

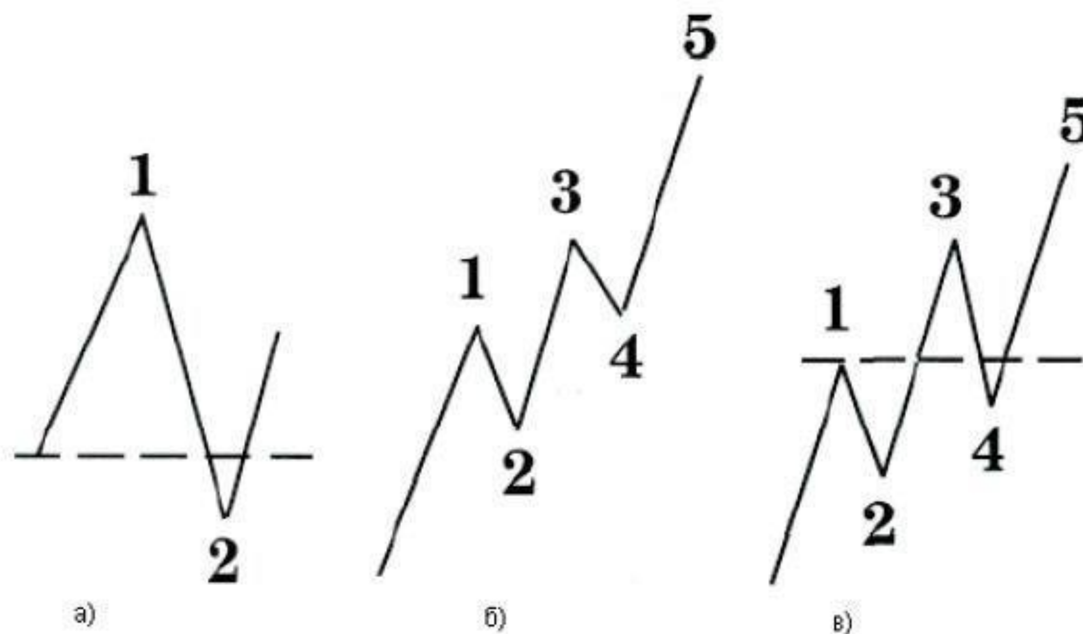
Các sóng thúc đẩy xu hướng là những vận động mạnh mẽ khi mà giáđạt tới các đỉnh mới cao hơn hoặc rơi xuống các đáy mới thấp hơn. Chúng thường được thể hiện trên các biểu đồ như một diễn biến xu hướng bao gồm 5 sóng - ba sóng cùng chiều với xu hướng và bị ngắt quãng bởi 2 sóng hoặc các mô hình ngược chiều xu hướng (thông thường, các lần điều chỉnh sẽ phức tạp hơn và cần nhiều thời gian hơn các sóng thúc đẩy).

Các quy tắc cho các sóng thúc đẩy xu hướng như sau:

a. Sóng thứ hai sẽ không đạt tới mức bắt đầu của sóng thứ nhất.

b. Sóng thứ ba không bao giờ là sóng ngắn nhất và trong hầu hết các trường hợp, đây là sóng dài nhất trong ba sóng thúc đẩy (1, 3 và 5).

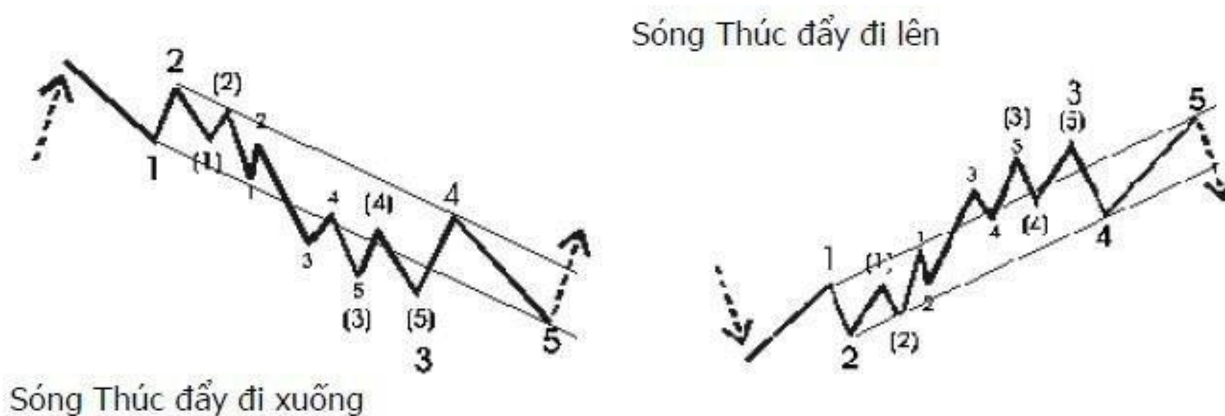
c. Đỉnh của sóng thứ tư không nên thấp hơn đỉnh của sóng thứ nhất. Điều ngược lại có thể xảy ra trong trường hợp đường chéo kết thúc, nhưng không xảy ra trong các sóng thúc đẩy xu hướng.



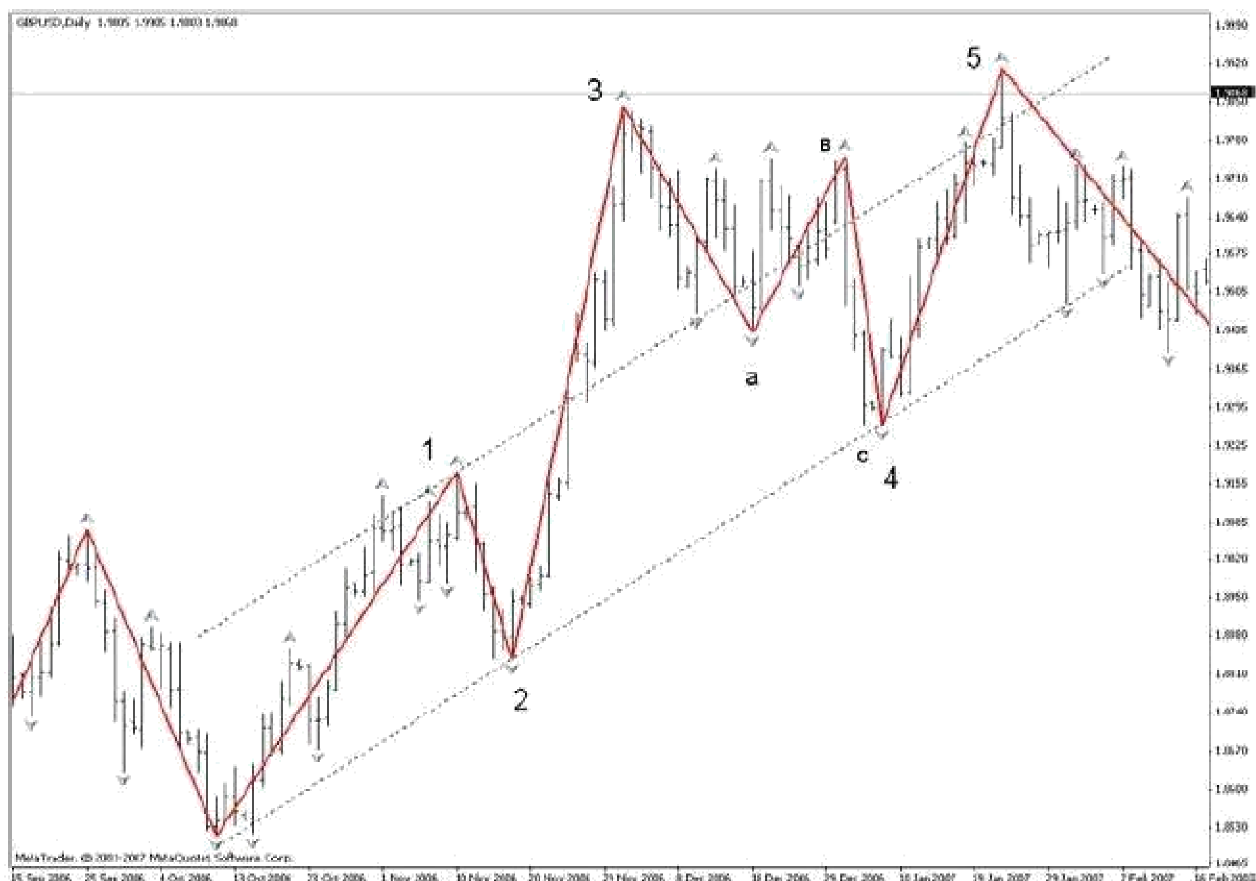
Hình 161. Các ví dụ về cách tính sóng không chính xác.

Hình 161 minh họa các ví dụ về cách tính sóng không chính xác. Trong trường hợp thứ nhất, quy tắc thứ nhất (sóng thứ hai sẽ không đạt tới mức bắt đầu của sóng thứ nhất) đã bị vi phạm. Trong trường hợp thứ hai, quy tắc thứ hai đã bị vi phạm (sóng thứ ba không bao giờ là sóng ngắn nhất và trong hầu hết các trường hợp, đây là sóng dài nhất trong ba sóng thúc đẩy). Trong trường hợp thứ ba, quy tắc thứ ba đã bị vi phạm (đỉnh của sóng thứ tư không nên thấp hơn đỉnh của sóng thứ nhất).

Một trong ba sóng thúc đẩy được mở rộng - sóng thứ nhất, thứ ba và thứ năm. Thông thường, sóng mở rộng sẽ có chiều dài bằng 1,618 lần hoặc hơn sóng dài thứ hai (quy tắc này có một số ngoại lệ). Có ba loại mô hình Thúc đẩy tùy thuộc vào sóng mở rộng. Biến thể với sóng thứ ba mở rộng là loại phổ biến nhất.



Hình 162. Sự mở rộng sóng thứ ba.



Hình 163. Sự mở rộng sóng thứ ba (GBP/USD, Ngày), MetaTrader – Admiral Markets

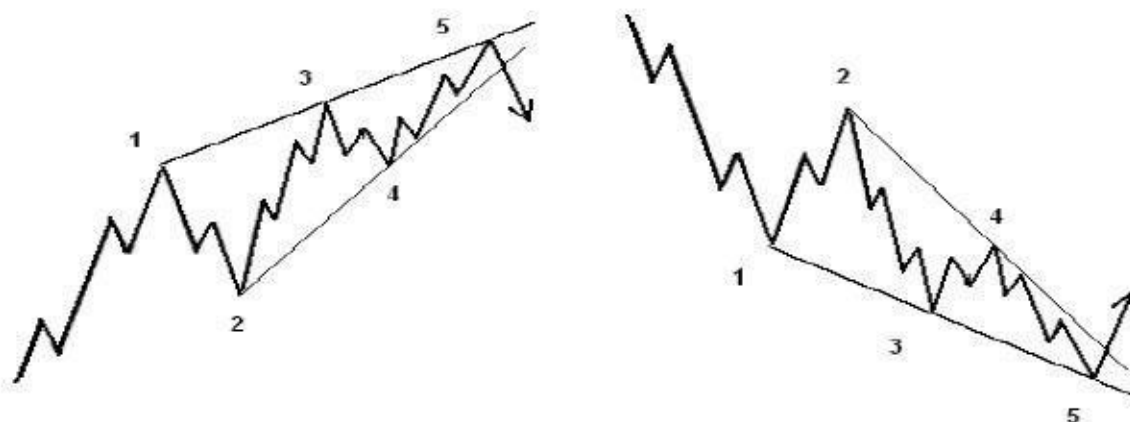
Thông thường, sự mở rộng sóng thứ ba có thể dễ dàng quan sát được trên biểu đồ (nó có một đỉnh và đáy rõ ràng - Hình 163).

Các điều kiện cơ bản của Thúc đẩy xu hướng với sự mở rộng của sóng thứ ba đã được thỏa mãn trên biểu đồ ngày của cặp GBP/USD. Sóng thứ ba có chiều dài bằng 1,618 lần sóng thứ nhất và thứ năm. Trong trường hợp Thúc đẩy với sự mở rộng sóng thứ ba, thường thì sóng thứ nhất và thứ năm có độ dài tương đương nhau hoặc có tương quan tỷ lệ với nhau (0,618 hoặc 0,5). Điều này có thể dễ dàng thấy được nếu bạn xây dựng hai đường song song: đường thứ nhất đi qua điểm 2 và 4, đường thứ hai song song với đường thứ nhất và đi qua điểm 1.

Các tam giác Chéo (Diagonal Triangles)

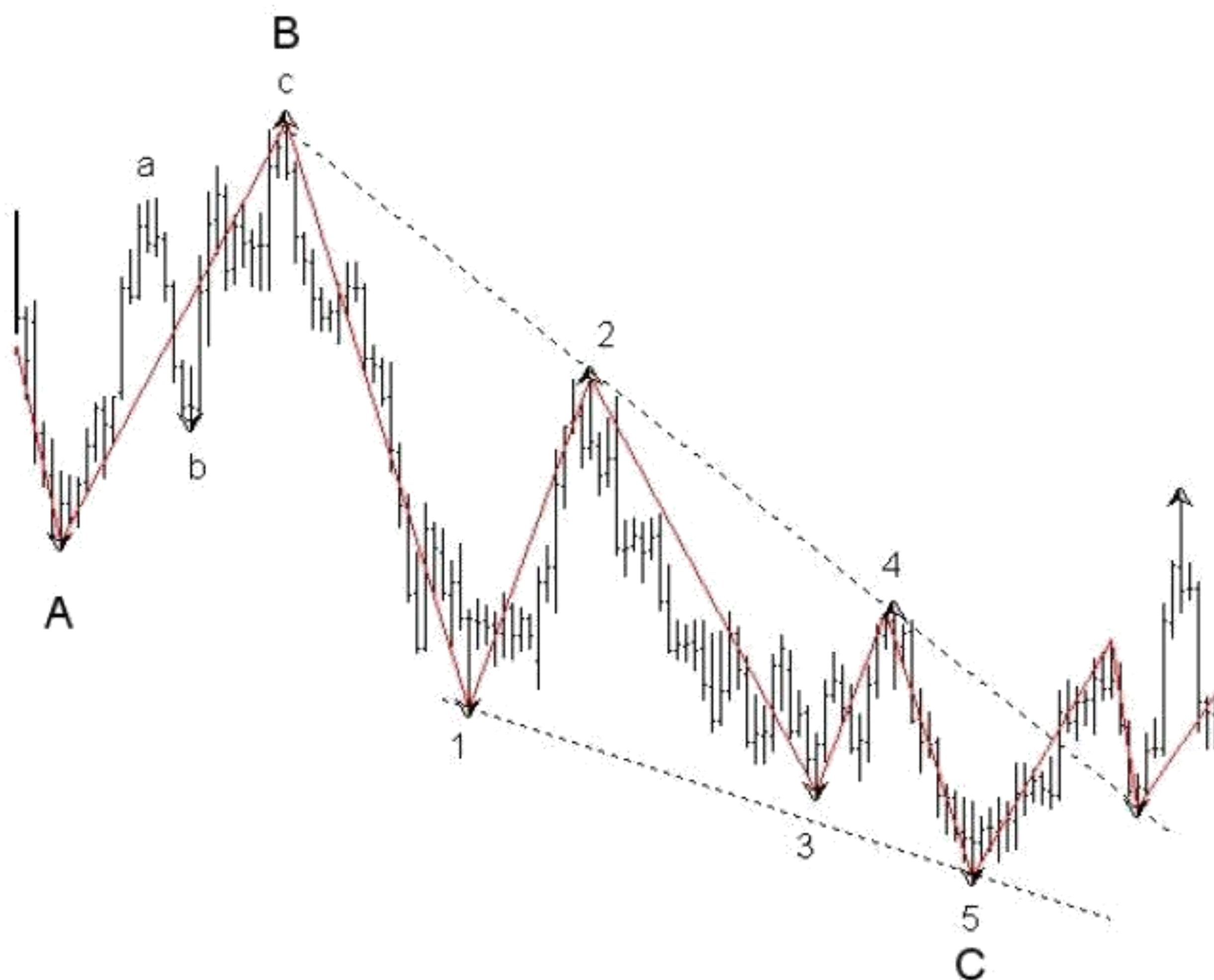
Các tam giác Chéo là các cấu trúc gồm năm sóng với sóng thứ nhất hoặc thứ năm được mở rộng thay vì sóng thứ ba mở rộng như mô hình sóng thúc đẩy tiêu chuẩn. Nếu các sóng này có thể dễ dàng quan sát thấy (nghĩa là các đỉnh và đáy phân biệt một cách rõ ràng) thì các tam giác chéo có thể có tỷ lệ 5:3:5:3:5 (số lượng các sóng nhỏ hơn có trong mỗi sóng lớn

hơn) hoặc 3:3:3:3:3. Trong trường hợp thứ hai, các sóng là các đường chéo kết thúc và các mô hình này thường xuất hiện tại vị trí của sóng thứ 5 hoặc sóng C.



Hình 164. Các tam giác chéo với tỷ lệ 5:3:5:3:5.

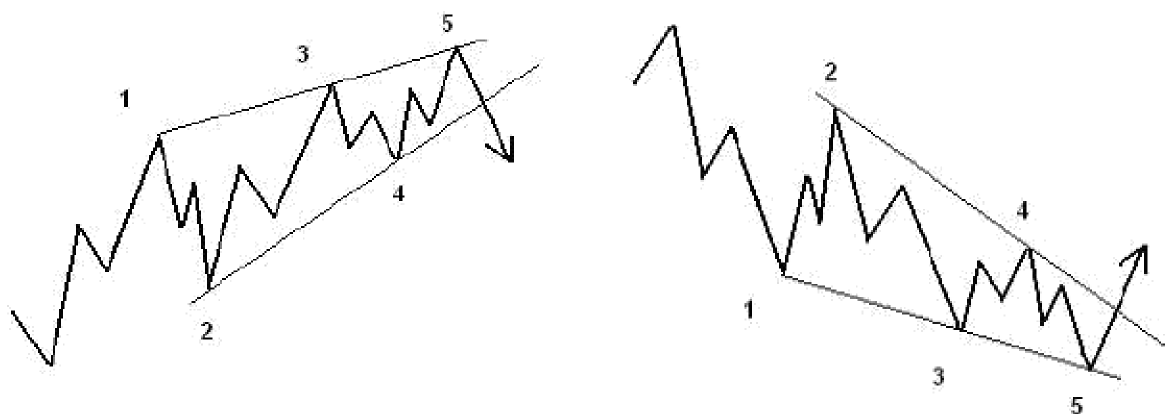
Khi sóng thứ nhất được mở rộng, mô hình sẽ trông giống như một cái phễu hội tụ.



Hình 165. Tam giác chéo tại vị trí C. (EUR/JPY), 4 giờ, MataTrader – Admiral Markets.

Hình 165 minh họa tam giác chéo xuất hiện tại vị trí C. Trong ví dụ này, tam giác chéo có tỷ lệ 5:3:5:3:5.

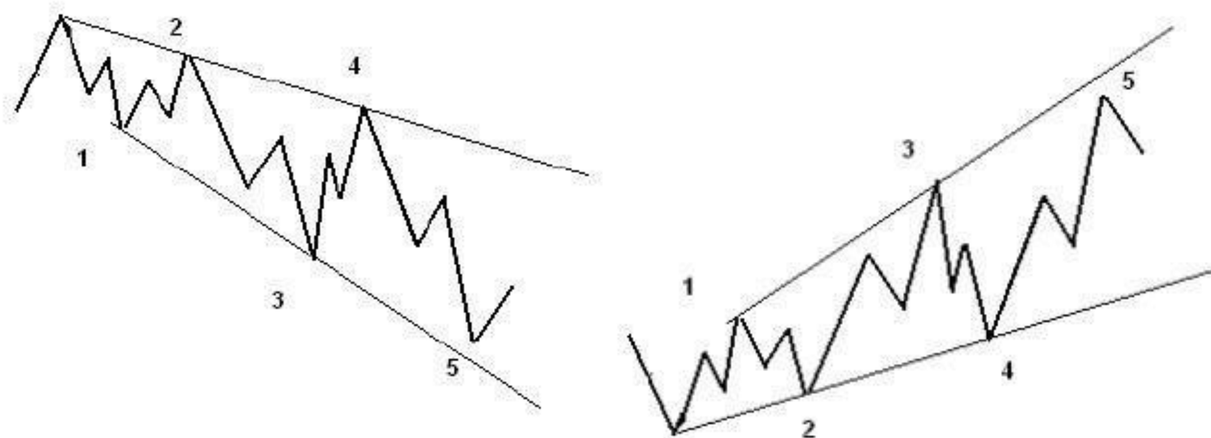
Các đường chéo kết thúc



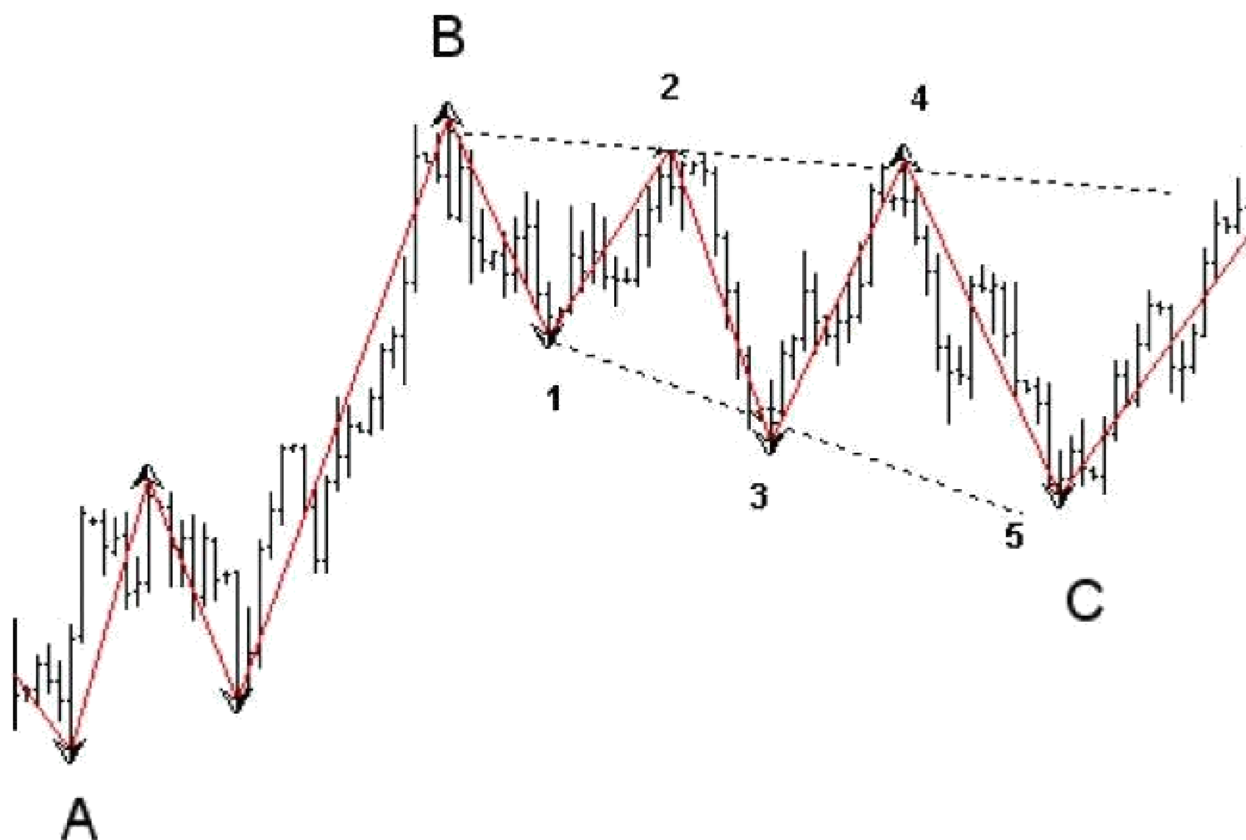
Các đường chéo kết thúc có tỷ lệ là 3:3:3:3:3

Hình 166. Đường chéo kết thúc

Tất cả các sóng thứ năm đều được mở rộng, và các mô hình trông giống như một cái phễu phân kỳ.



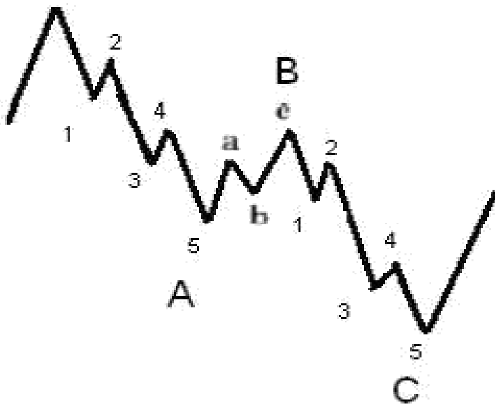
Hình 167. Đường chéo kết thúc với sự mở rộng sóng thứ năm.

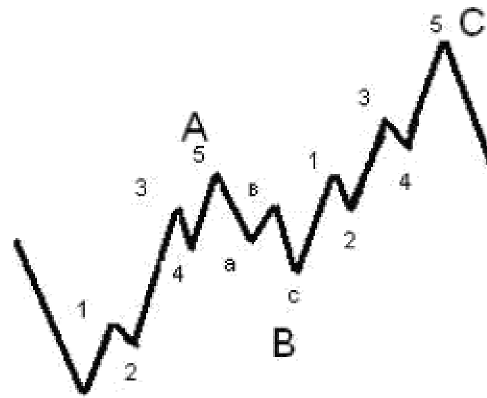


Hình 169. Đường chéo kết thúc xuất hiện ở vị trí C. Cấu trúc bên trong của nó là :3:3:3:3:3

Các sóng điều chỉnh

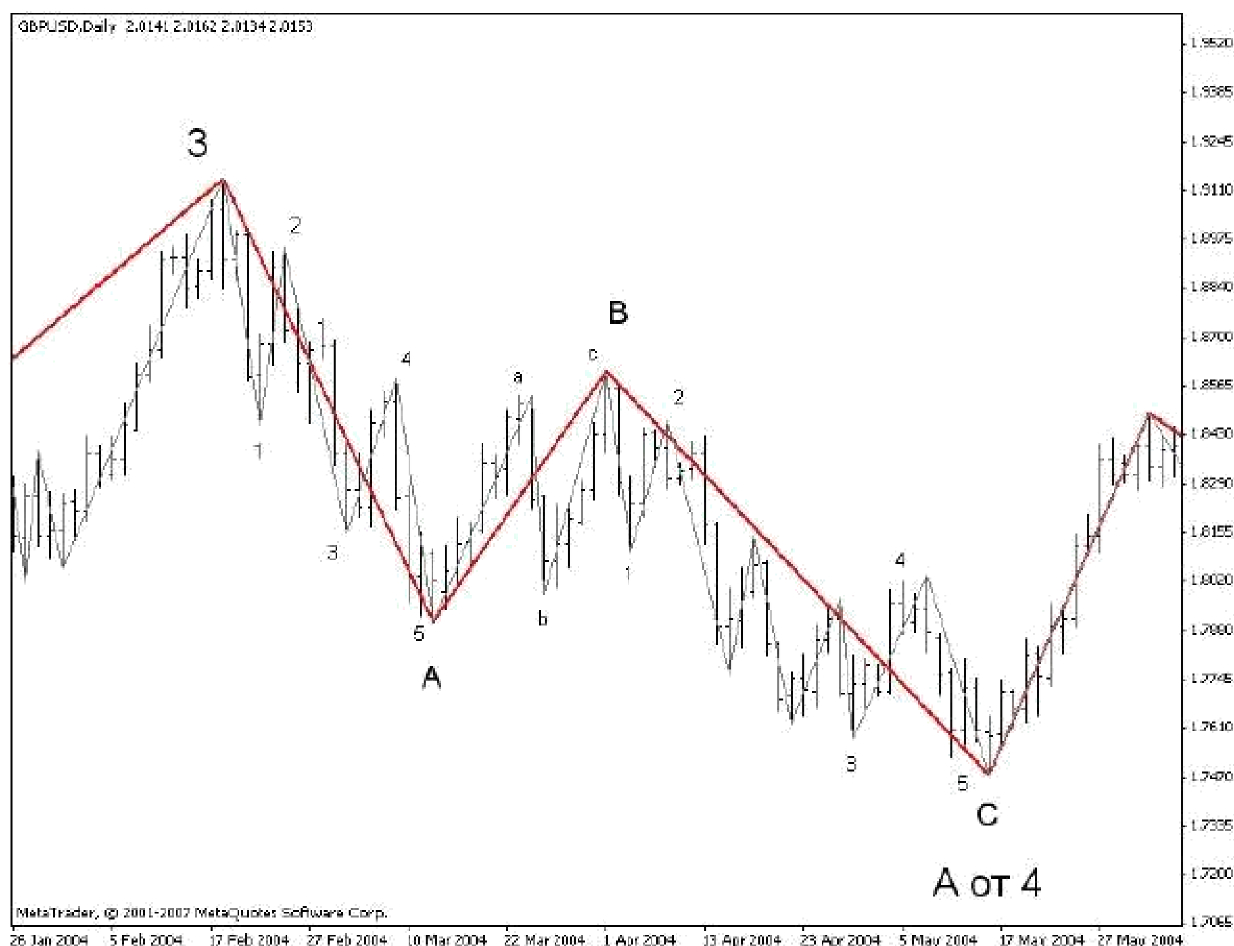
Sóng 2, 4, A, B,C, D hoặc E ở một mức cao hơn có thể là các sóng điều chỉnh. Sóng điều chỉnh là một cấu trúc phức tạp của sự thúc đẩy và thường không có nhiều tiềm năng kiếm lời nếu nó không phải là một mô hình hàng ngày hay hàng tuần. Tuy nhiên, nếu một nhà kinh doanh có thể xác định được chúng, đó sẽ là lợi thế lớn của anh ta bởi khi sự điều chỉnh qua đi thì đó là lúc bắt đầu một sóng thúc đẩy mới, có thể tận dụng sóng này để thu lợi nhuận tiềm năng ở mức tối đa. Loại hình sóng điều chỉnh phụ thuộc vào loại của sóng A, chiều hướng của sóng B và độ dài của sóng C khi so sánh với sóng A và B. Bạn cần nhớ rằng sóng B thường là tín hiệu sai, do nó được hướng cùng chiều với sóng Thúc đẩy, và rất nhiều nhà kinh doanh mở các trạng thái cùng chiều xu hướng với hy vọng xu hướng sẽ tiếp tục. Bạn có thể ước đoán sức mạnh của sóng thúc đẩy tiếp theo bằng độ dài của sóng B và C. Sóng B càng mạnh, sóng C càng yếu thì sóng thúc đẩy tiếp theo càng mạnh (sóng thứ ba hoặc thứ năm).





Hình 169. Zigzag **Hình 170.** Zigzag nghịch đảo

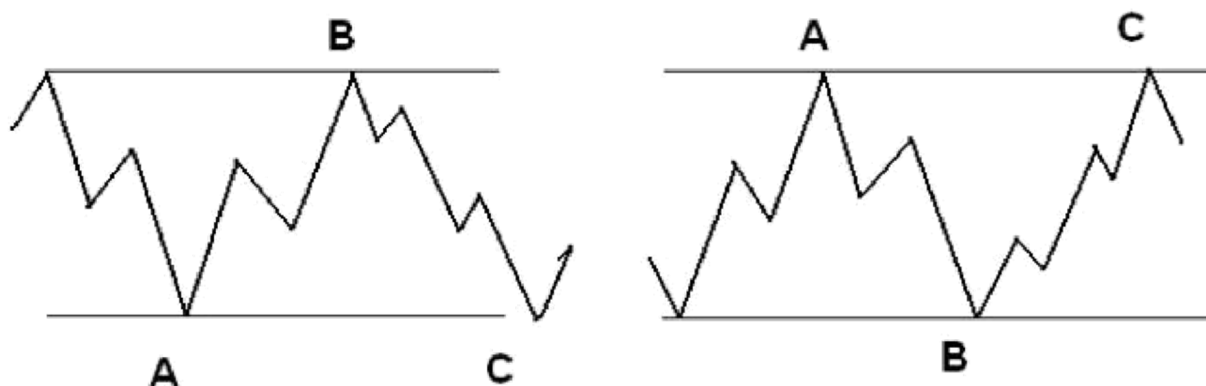
Zigzag (:5:3:5). Loại sóng điều chỉnh này được Elliott sử dụng trong Nguyên tắc Sóng của mình (các điều chỉnh A, B, C - Hình 159). Mô hình này thường thể hiện một sự điều chỉnh sâu (xấp xỉ 50-61,8%). Nếu sóng A có thể được quan sát thấy dễ dàng thì nó sẽ là một cấu trúc gồm năm sóng. Theo sau nó là sóng B gồm 3 sóng con, sóng B sẽ kết thúc tại mức 62% độ dài sóng A. Sóng C cuối cùng (bao gồm 5 sóng) thường tương đương với sóng A hoặc 0,618 hoặc 1,618 lần chiều dài sóng A.



Hình 171. Zigzag trong sóng A (GBP/USD, Ngày) MetaTrader – Admiral Markets

Điều chỉnh phẳng (Flats) (:3:3:5)

Điều chỉnh phẳng khác với điều chỉnh zigzag ở chỗ sóng B có chiều dài tương đương hoặc ít nhất 80% chiều dài sóng A. Sóng A bao gồm 3 sóng con. Do vậy, quy tắc là: khi sự điều chỉnh bắt đầu, hãy theo dõi kỹ sóng A. Nếu sóng A bao gồm 5 sóng con, điều đó có nghĩa là điều chỉnh zigzag xuất hiện; và nếu sóng A bao gồm 3 sóng con thì điều chỉnh phẳng hoặc tam giác xuất hiện. Điều chỉnh Phẳng thông thường xuất hiện khi sóng B đạt tới mức bắt đầu của sóng A trong khi sóng C cũng đạt tới và lấn lên phần bắt đầu của sóng A.

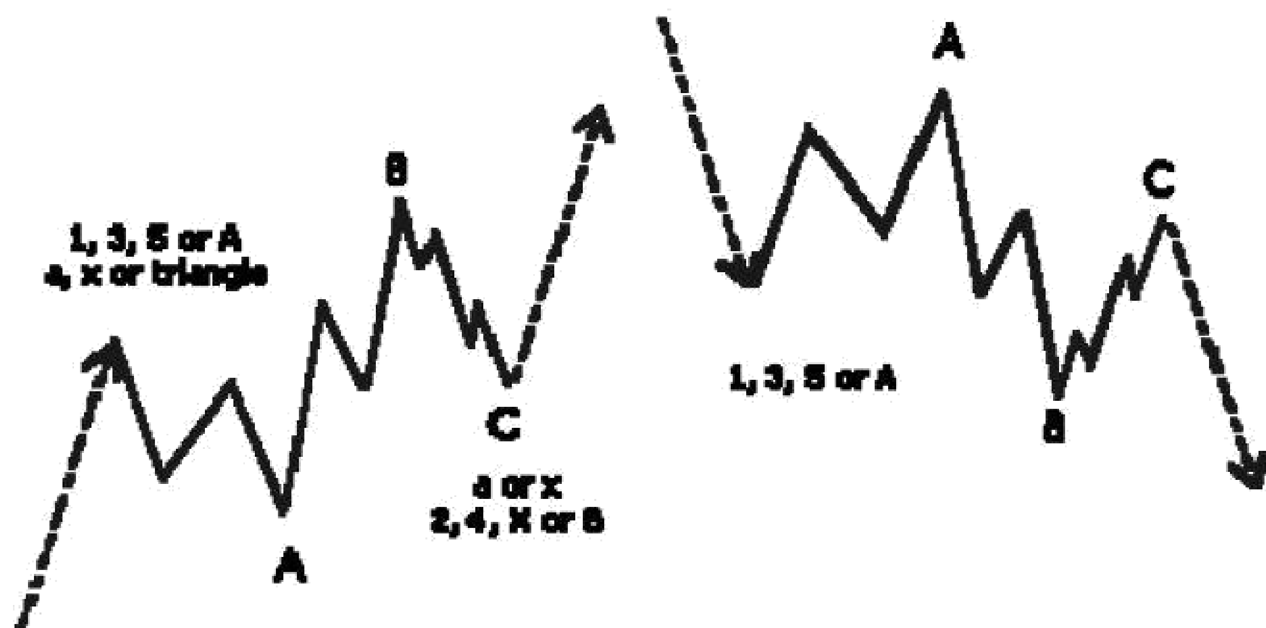


Hình 172. Các điều chỉnh phẳng

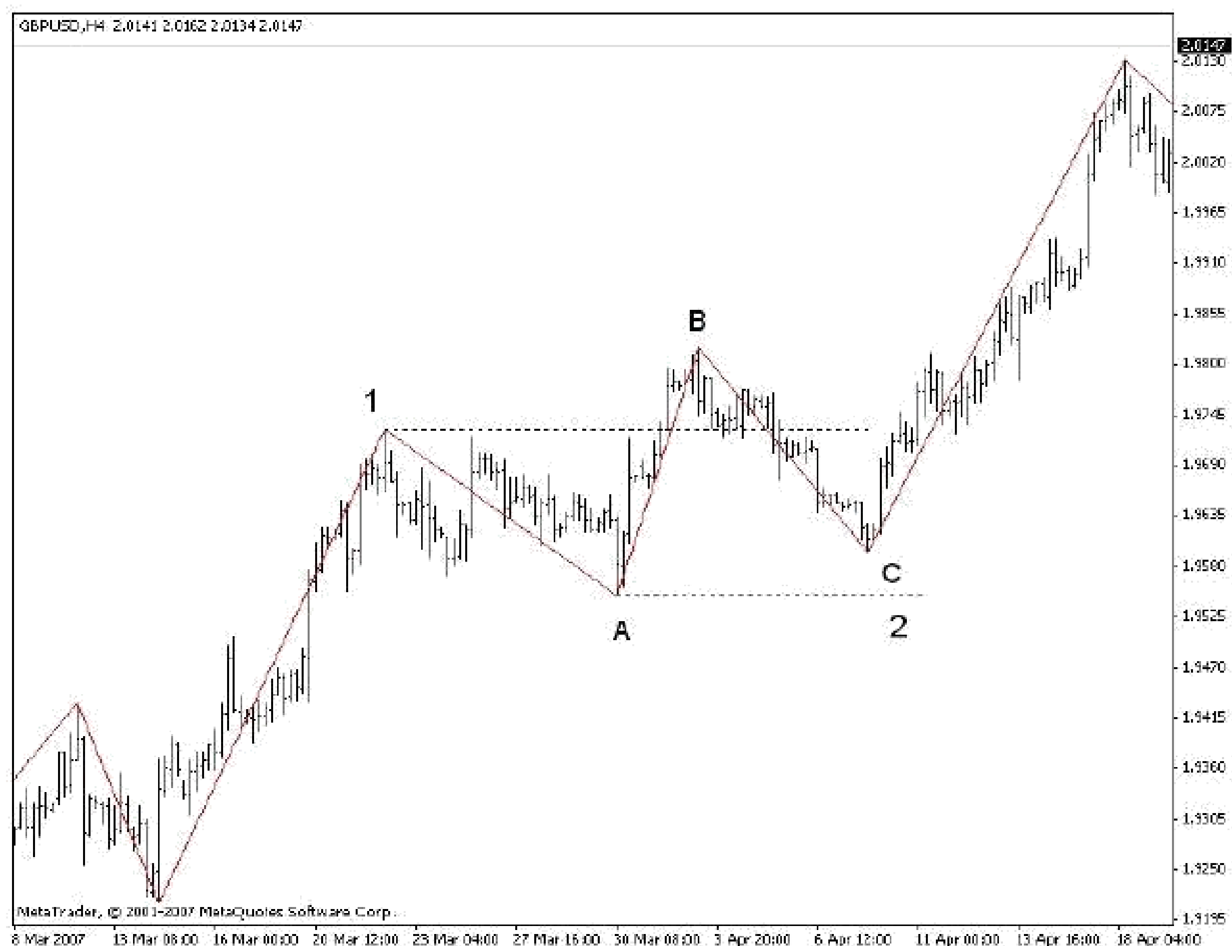


Hình 173. Điều chỉnh phẳng (EUR/USD, 4 giờ), MetaTrader – Admiral Markets

Điều chỉnh phẳng động (Running Flat) diễn ra khi sóng B dài hơn sóng A và sóng C tiếp theo không đạt tới mức bắt đầu của sóng A. Đây là dấu hiệu của một xu hướng mạnh và sóng Thúc đẩy tiếp theo thậm chí còn có thể mạnh hơn và dài hơn.

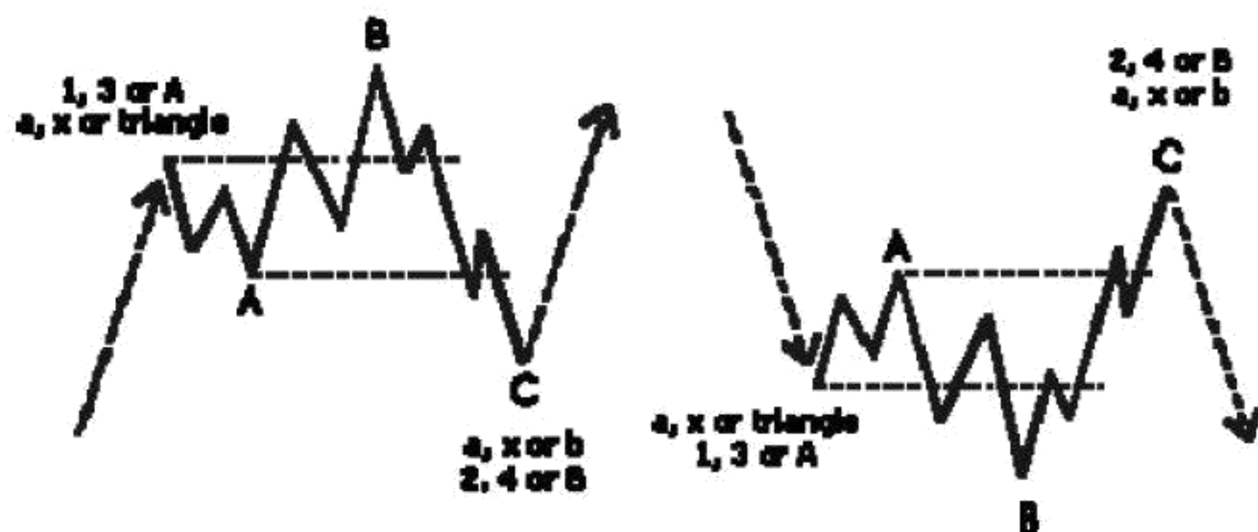


Hình 174. Điều chỉnh phẳng động

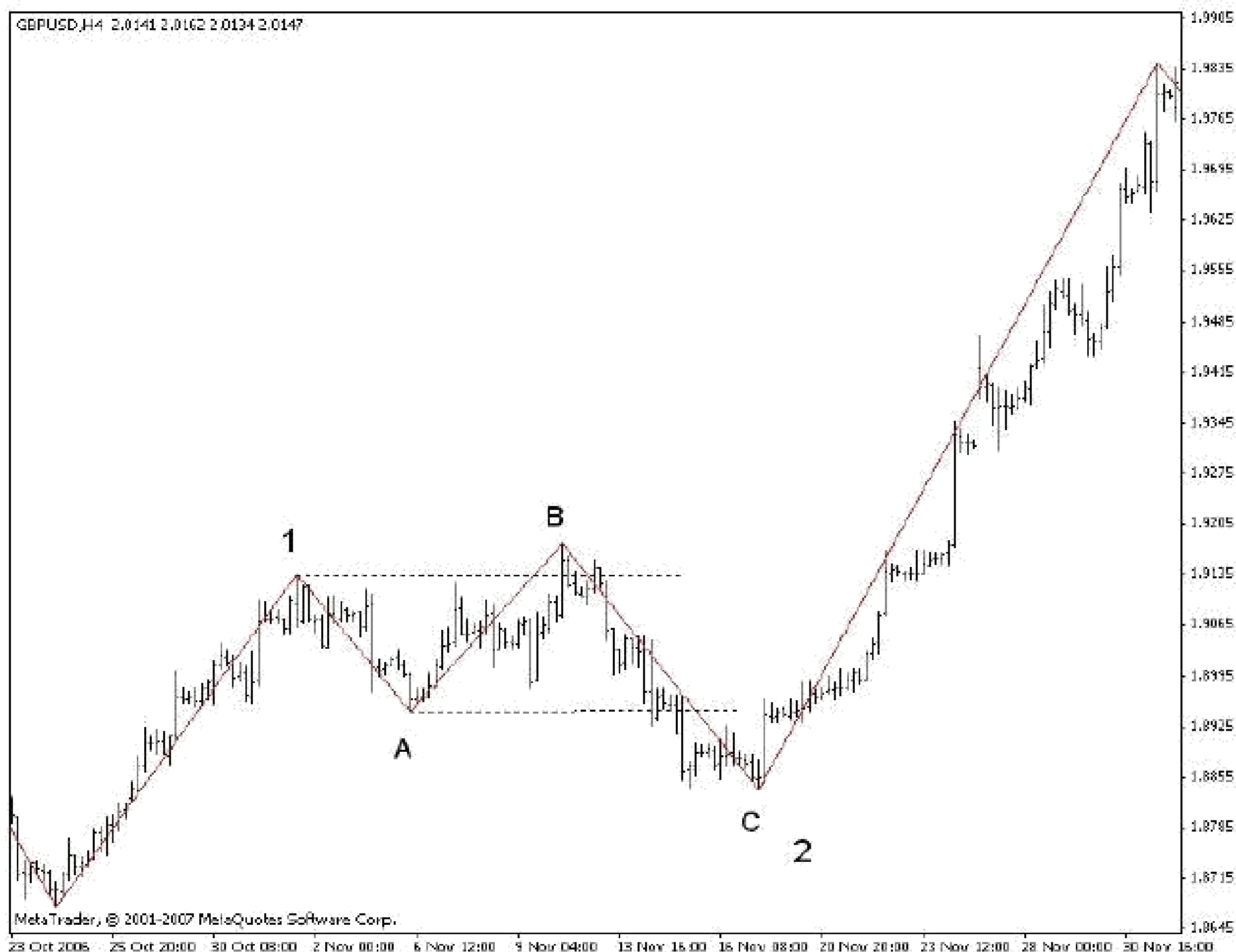


Hình 175. Điều chỉnh phẳng động (GBP/USD, 4 giờ), MetaTrader – Admiral Markets

Điều chỉnh phẳng bất thường (Irregular Flat) diễn ra khi sóng B dài hơn sóng A và sau đó, sóng C lấn lên phần bắt đầu của sóng A. Mô hình này trông giống như một cấu trúc mở rộng và thông thường diễn biến giá không mang nhiều tiềm năng như trong trường hợp của Điều chỉnh phẳng động.

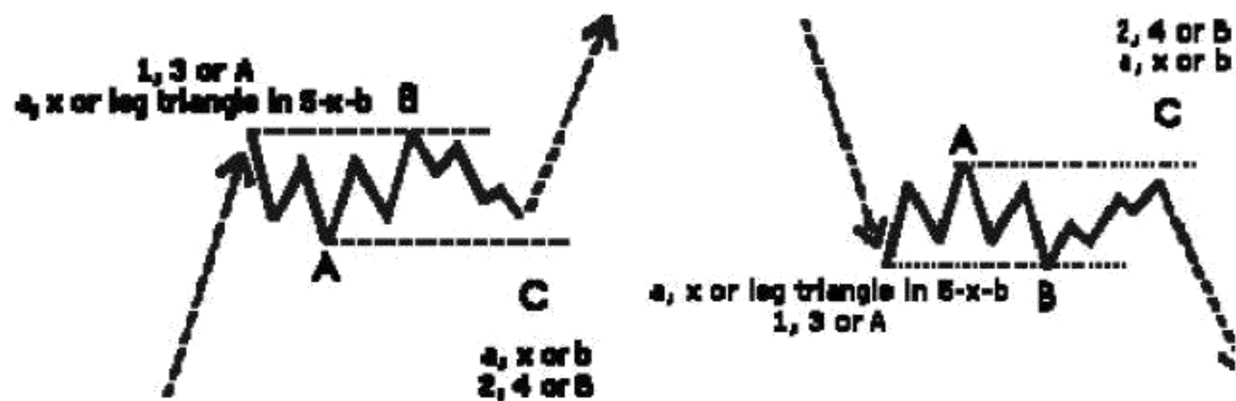


Hình 176. Điều chỉnh phẳng bất thường

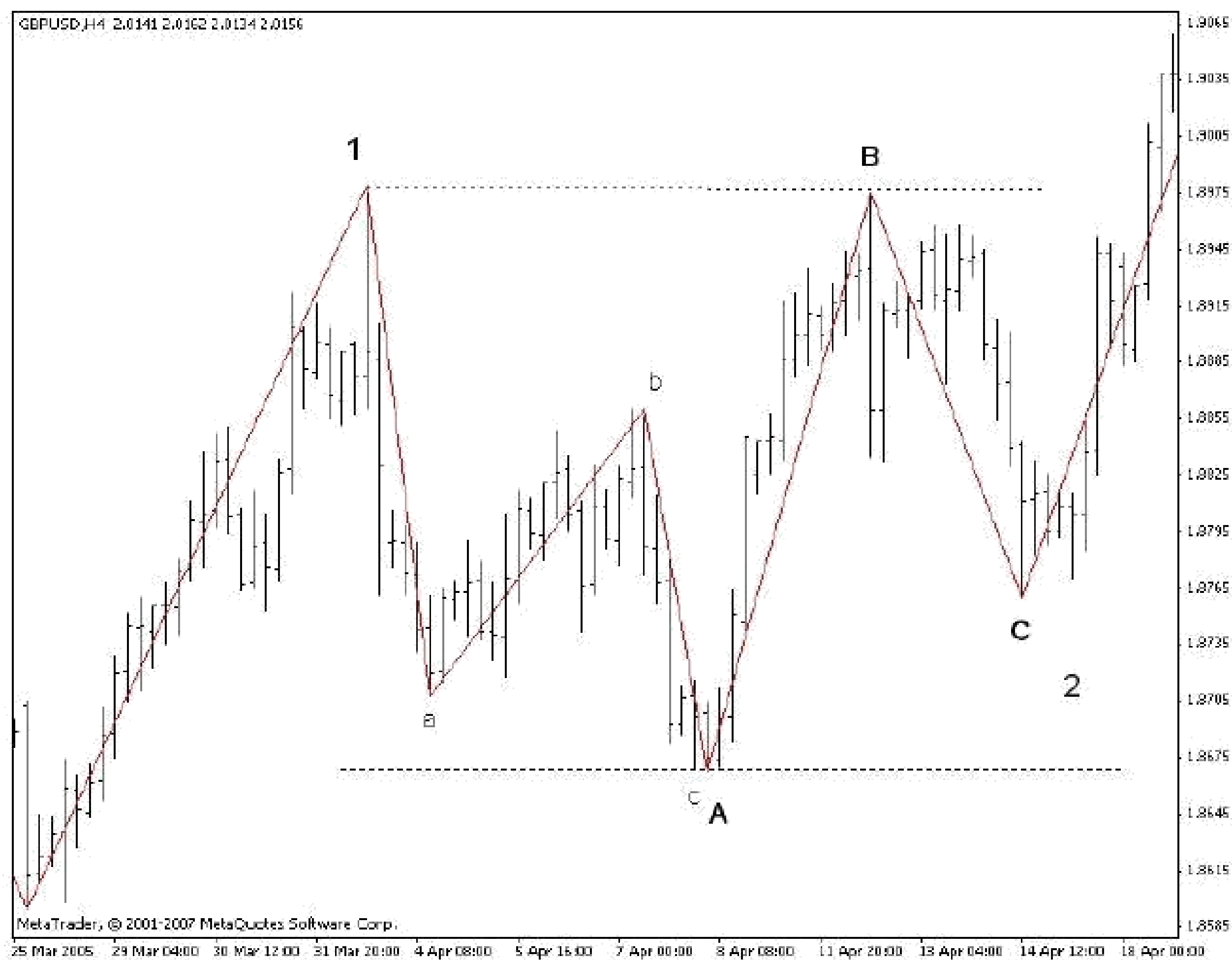


Hình 177. Điều chỉnh phẳng bất thường (GBP/USD, 4 giờ), MetaTrader – Admiral Markets

Điều chỉnh Thất bại C (Failure C) là một mô hình mạnh. Nếu sóng C không đạt tới mức bằng sóng A (bằng 0,618 lần chiều dài sóng A) thì điều đó có nghĩa là sóng thúc đẩy tiếp theo rất có thể là một diễn biến mạnh mẽ.

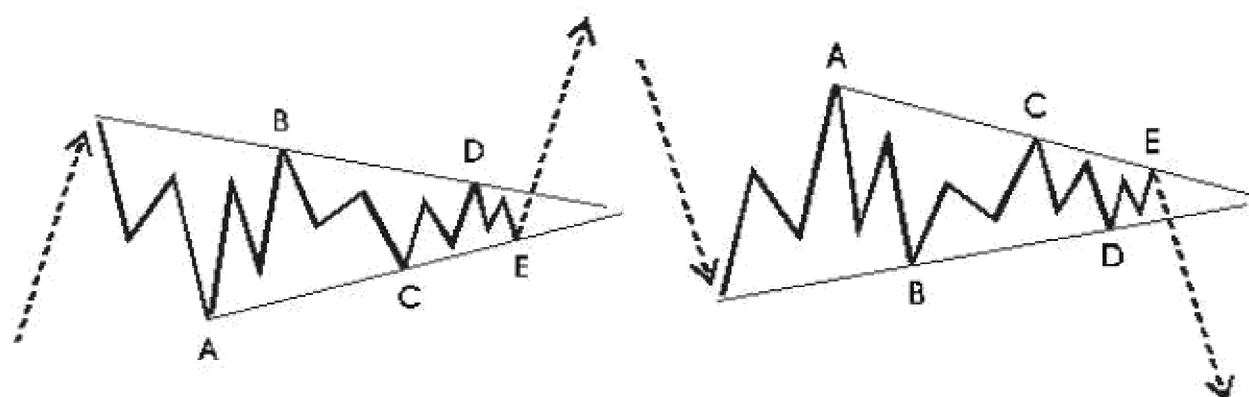


Hình 178. Thất bại C

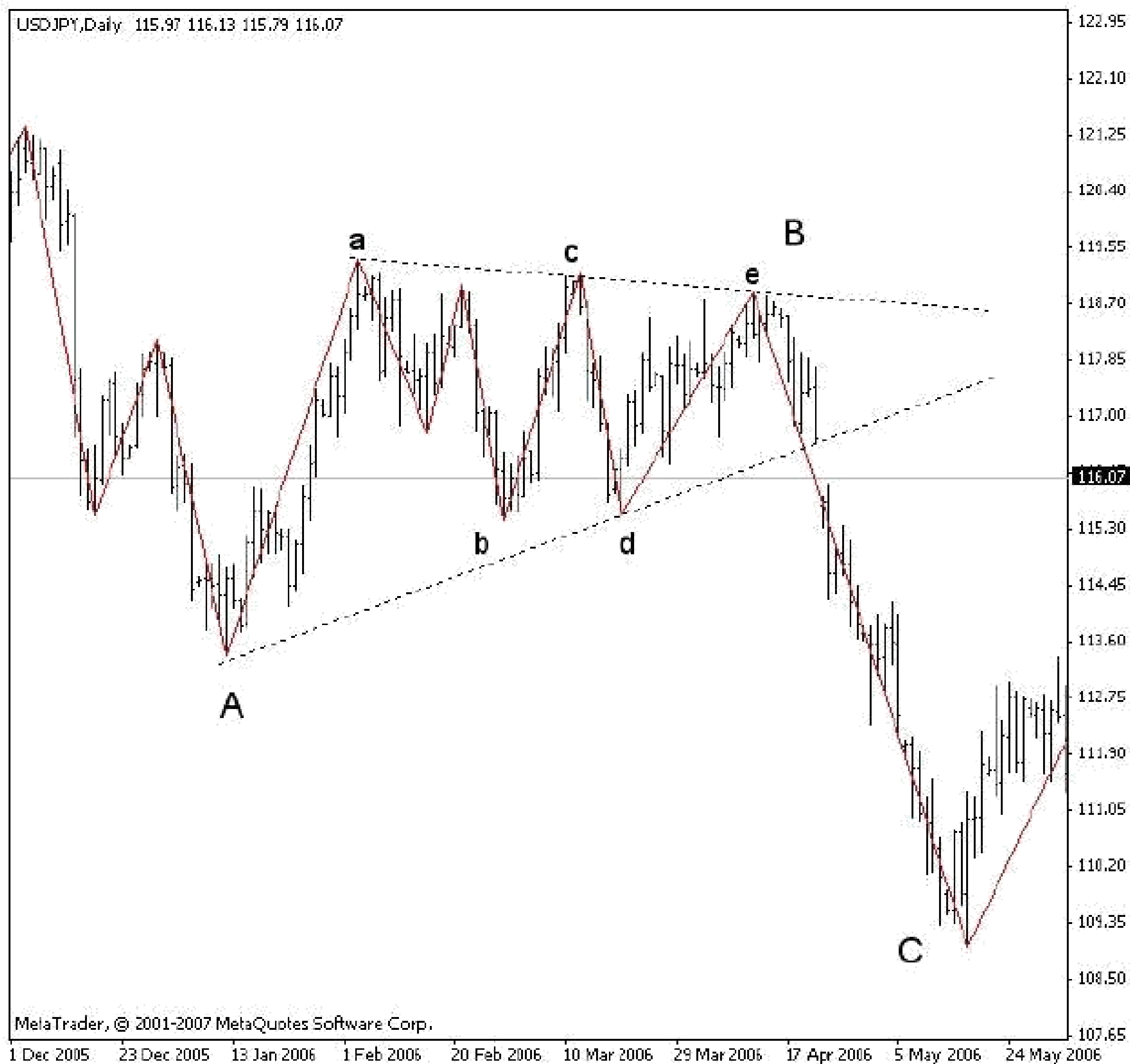


Hình 179. Thất bại C (GBP/USD, 4 giờ) MetaTrader – Admiral Markets

Các tam giác (:3:3:3:3:3)



Hình 180. Các tam giác

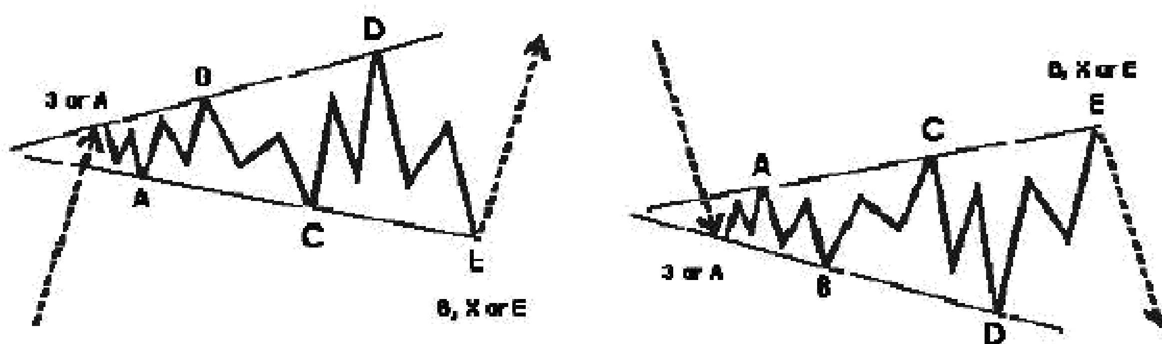


Hình 181. Tam giác tại sóng B (USD/JPY, Ngày) MetaTrader – Admiral Markets

Khi nói về các tam giác thu nhỏ (Contracting Triangles), cần nhớ rằng đây là các mô hình cho phép thị trường tập hợp động lực. Khi giá phá vỡ các cạnh của một tam giác thì tiếp theo đó sẽ là một diễn biến mạnh mẽ. Các mô hình này mang tới tiềm năng lợi nhuận lớn. Các tam giác bao gồm năm sóng chồng lên nhau được chia nhỏ thành 3-3-3-3-3 và được đánh ký hiệu a-b-c-d-e. Các tam giác thường xuất hiện ở sóng B hoặc sóng 4.

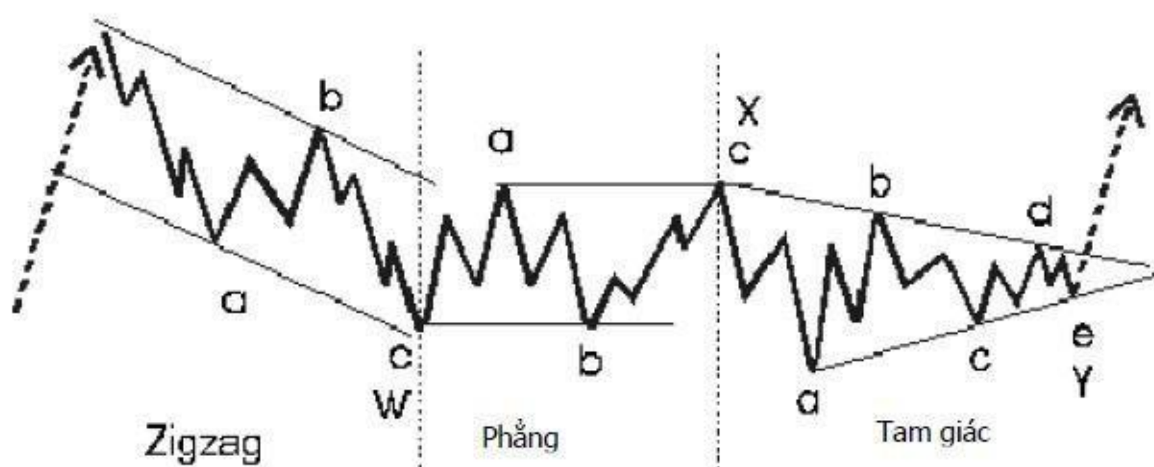
Các tam giác mở rộng

Ngược lại với trường hợp các tam giác thu nhỏ, khi một tam giác mở rộng xuất hiện thì thị trường sẽ mất đi động lực của nó.



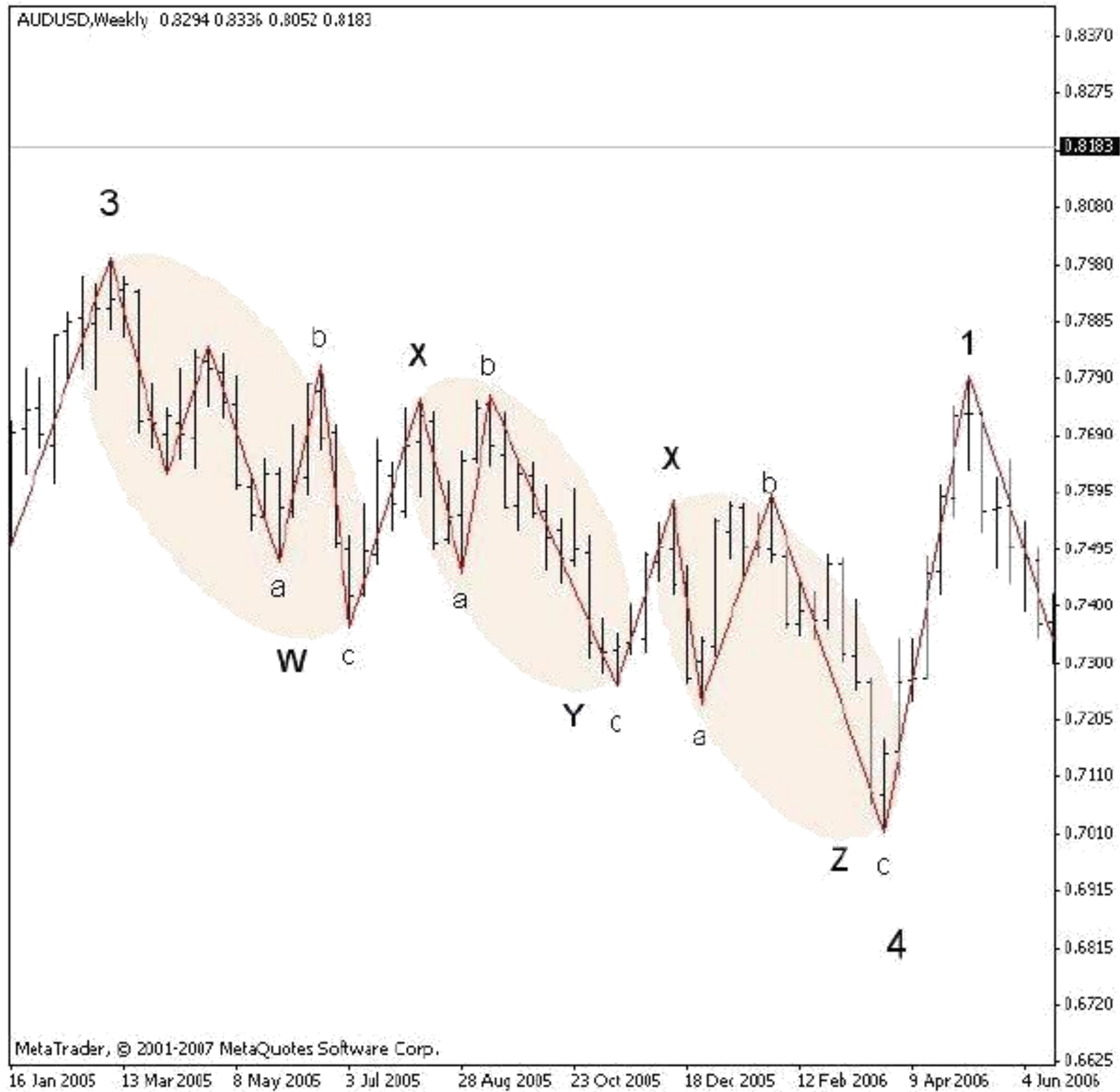
Hình 182. Các tam giác mở rộng

Những kết hợp điều chỉnh
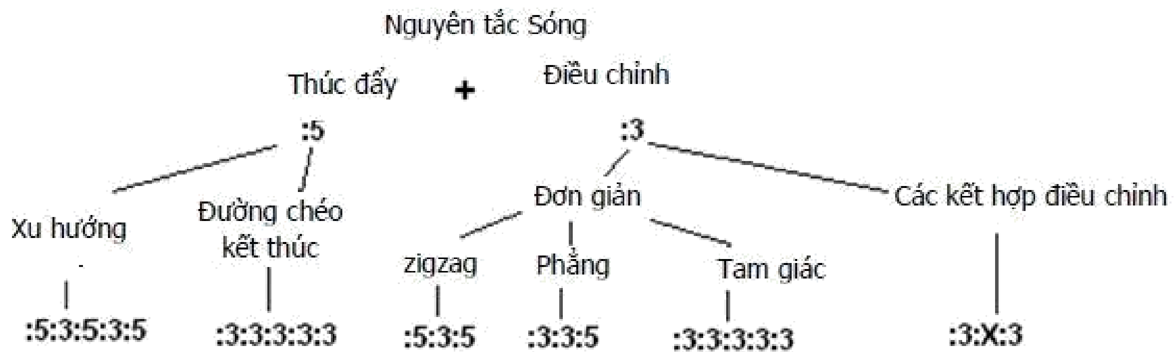


Hình 183. Ba mô hình xuất hiện 2 lần

Kết hợp điều chỉnh là một chuỗi các mô hình điều chỉnh đơn giản (zigzag, phẳng hoặc tam giác) được liên kết với nhau bởi một sóng X ngược chiều. Sóng X thể hiện sự điều chỉnh ở bất cứ dạng nào. Các ký hiệu W, Y, Z được sử dụng để tăng tính tiện dụng.



Hình 184. Ba mô hình xuất hiện 3 lần (AUD/USD, tuần) MetaTrader – Admiral Markets

Phân tích sóng có vẻ rất khó hiểu với rất nhiều người mới bắt đầu làm quen với thị trường Ngoại hối. Đúng là như vậy, nhưng số lượng mô hình thì không nhiều và tất cả chúng đều đã được mô tả một cách chi tiết.



Giản lược về cấu trúc Sóng

Từ phần giản lược được đề cập đến ở trên, có thể thấy rõ rằng có năm thành phần cơ bản là 5 mô hình cộng với kết hợp sóng X. Mỗi mô hình đều có đặc trưng riêng của mình, ví dụ, vị trí tương đối trong một mô hình lớn hơn, các tương quan Fibonacci, sức mạnh nội tại và khả năng bật ngược sau điểm phá vỡ. Sự kết hợp tiềm năng giữa các mô hình cơ bản là khác nhau nhưng chúng đều tuân theo các quy tắc của các mô hình lớn hơn.

CHƯƠNG 9
Quản lý tiền

húng ta đã xem xét cách nghiên cứu thị trường, xác định các điểm để tham gia và Cthoát khỏi thị trường, đặt các Lệnh Giới hạn, v.v... Liệu chúng ta đã có thể giao dịch bằng tiền thực sự khi đã nắm được toàn bộ các kỹ thuật này? Liệu lợi nhuận của chúng ta đã được bảo đảm khi chúng ta dự đoán thành công chiều hướng của thị trường?

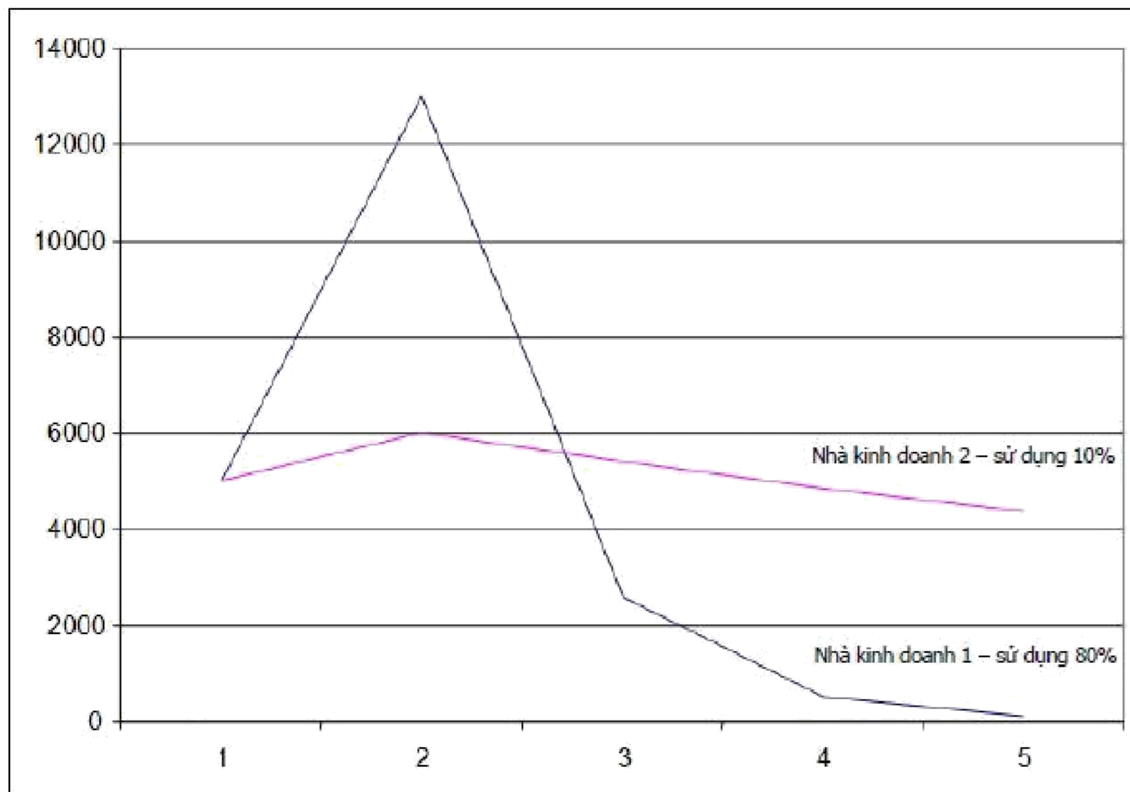
Chúng ta hãy cùng xem xét ví dụ sau đây: có hai nhà kinh doanh với hai phương thức giao dịch khác nhau. Chúng ta hãy cùng giả định là họ tiến hành các giao dịch giống nhau. Vốn ban đầu của mỗi người là 5.000 USD. Nhà kinh doanh thứ nhất sử dụng 80% vốn của mình, còn nhà kinh doanh thứ hai chỉ sử dụng 10%. Tỉ lệ Rủi ro/Lợi nhuận của họ là từ 1 đến 2.

Hãy cùng xem xét các giao dịch mà họ đã thực hiện.

Biểu 3. W - thành công, L - thất bại

Nhà kinh doanh 1				Nhà kinh doanh 2			
Giao dịch	W/L	Số dư	Sử dụng 80%	Giao dịch	W/L	Số dư	Sử dụng 10%
1	W	5000	4000	1	W	5000	500
2	L	13000	10400	2	L	6000	600

3	L	2600	2080	3	L	5400	540
4	L	520	416	4	L	4860	486
Total: $104 Nhà kinh doanh 1 bỏ cuộc sau giao dịch thứ tư vì không có đủ tiền trong tài khoản.				Total: $4347 Nhà kinh doanh 2 vẫn có khả năng tiếp tục giao dịch.			



Hình 185. Số dư của nhà kinh doanh 1 và 2

Như chúng ta có thể thấy từ Biểu 3, nhà kinh doanh 1 bắt đầu giao dịch với một giao dịch có lợi nhuận, điều này giúp cho anh ta có lợi thế lớn so với nhà kinh doanh 2. Nhưng anh ta nhanh chóng bỏ cuộc sau khi tiến hành một số giao dịch thất bại. Nếu chúng ta giả định là sau đó sẽ tới một loạt giao dịch có lợi nhuận thì chỉ có nhà kinh doanh 2 có thể tiếp tục thu lời từ chúng.

Hình 185 minh họa sự khác biệt giữa 2 phương thức tiếp cận.

Từ ví dụ trên, có thể thấy rõ rằng, cho dù thực tế là hai nhà kinh doanh thực hiện các giao dịch giống nhau thì chỉ có một người trong số họ có thể tiếp tục giao dịch sau một loạt thất bại.

Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc Quản lý Tiền. Không cần biết các dự báo phân tích của bạn chính xác đến đâu, nếu bạn sử dụng phần lớn tiền ký quỹ của mình thì chỉ cần một loạt nhỏ các giao dịch thất bại đã có thể đẩy bạn ra khỏi thị trường.

Do đó, không chỉ khả năng phân tích chính xác thị trường có vai trò quan trọng mà cả việc xác định một tỉ lệ rủi ro/lợi nhuận phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến quá trình giao dịch. Bạn cần phải quản lý được rủi ro để từ đó, thực hiện được các giao dịch có lợi nhuận; nếu không bạn sẽ mất toàn bộ tiền ký quỹ của mình trước khi có thể thu lời.

Có nhiều lý thuyết khác nhau về quy mô của một rủi ro hợp lý và quy mô của lệnh dừng lỗ đối với mọi giao dịch. Một số người chỉ tiến hành các giao dịch nhỏ với các lệnh dừng lỗ nhỏ và sử dụng các công thức khác nhau để tính toán rủi ro của mình. Những người khác lại cố gắng tối thiểu hóa rủi ro và tối đa hóa lợi nhuận tiềm năng. Chúng ta không thể xem xét tất cả các lý thuyết nhưng chúng ta sẽ xem xét các khía cạnh quan trọng nhất của việc quản lý tiền, điều mà mọi nhà kinh doanh đều nên làm.

Bây giờ, chúng ta sẽ tập trung vào một chiến lược không được khuyến khích. Đó là tăng gấp đôi số tiền giao dịch sau mỗi giao dịch thua lỗ. Ví dụ, nếu một nhà kinh doanh sử dụng 20% tổng số tiền đang có trên tài khoản và sau đó thất bại thì tỷ lệ sử dụng tiền sẽ phải tăng gấp đôi lên 40% để khôi phục phần đã thua lỗ cũng như để có thể có lợi nhuận (nhưng chỉ trong trường hợp giao dịch thứ hai là có lợi nhuận). Phương thức này được gọi là Tăng gấp đôi (Martingale) và dựa trên giả định là sau một giao dịch thua lỗ, cơ hội cho một giao dịch thành công lại tăng lên.

Điều này hoàn toàn sai. Cho dù bạn đã tiến hành bao nhiêu giao dịch thất bại trước đó đi chăng nữa thì xác suất thành công của giao dịch tiếp theo vẫn là 50%. Do đó, xác suất thất bại vẫn là 50% (theo lý thuyết về xác suất).

Chúng ta luôn chứng kiến một sự thật đơn giản về thị trường - các giao dịch thất bại là không thể tránh khỏi. Đó là lý do vì sao chúng ta nên hạn chế các giao dịch thất bại và tăng các giao dịch thành công chứ hoàn toàn không nên cố gắng tránh các giao dịch thua lỗ.

Biểu 4. Phân bổ thành công/thua lỗ dự kiến W - thành công (lợi nhuận), L - thua lỗ

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
W	L	L	L	W	W	W	W	W	W	W	W	W	W	L	W
Giao dịch đầu tiên	Một chuỗi giao dịch thất bại			Một chuỗi giao dịch thành công											

Thời gian mà một chuỗi các giao dịch thất bại (hoặc thành công) diễn ra là khác nhau tùy thuộc vào kiểu và phương thức giao dịch. Do đó, khi điều này diễn ra, mục tiêu của chúng ta là giảm thiểu thua lỗ trong chuỗi các giao dịch thất bại và tối đa hóa lợi nhuận trong các chuỗi các giao dịch thành công nhằm bù đắp các thua lỗ tiềm năng. Tuy nhiên, điều duy nhất mà bạn có thể có được khi theo đuổi phương thức Tăng gấp đôi là tối đa thua lỗ của mình, điều này có thể làm cho số tiền ký quỹ nhanh chóng cạn đi ngay cả khi chuỗi giao dịch thất bại của bạn là tương đối ngắn. Chúng ta hãy cùng xem Biểu 4.

Biểu đồ này minh họa 16 giao dịch và kết quả của chúng. Nếu bạn sử dụng một phần lớn vốn của mình, bạn sẽ mất tất cả số vốn này trong các giao dịch thất bại và bạn sẽ bỏ lỡ chuỗi các giao dịch thành công. Nói cách khác, bạn sẽ bỏ lỡ 10 giao dịch thành công vì bạn đã bắt đầu giao dịch với một số tiền vốn lớn.

Do đó, phương thức Tăng gấp đôi là rất rủi ro với vốn của bạn và các nhà giao dịch mới không nên sử dụng nó. Sẽ tốt hơn khi giảm số tiền giao dịch sau mỗi giao dịch thất bại thay vì tăng nó lên và ngược lại, tăng số tiền giao dịch sau mỗi giao dịch thành công (sau khi số tiền ký quỹ của bạn cũng đã tăng lên).

Chú ý: Nếu bạn tăng số tiền giao dịch sau mỗi giao dịch thành công, thì tỷ lệ sử dụng vốn nên giữ nguyên (ví dụ, chỉ nên sử dụng 3% vốn của bạn).

Chúng ta hãy cùng xem xét một số quy tắc của Quản lý Tiền:

1. Không áp dụng phương thức Tăng gấp đôi.

2. Không sử dụng quá 1 - 3% vốn của bạn cho một giao dịch.

3. Tỷ lệ sử dụng vốn nên duy trì ổn định (Số dư ký quỹ).

4. Khi mở thêm các trạng thái mới, không nên vượt quá tỷ lệ sử dụng vốn của bạn. Sẽ hợp lý hơn nếu giảm tỷ lệ sử dụng vốn khi mở thêm các trạng thái mới.

5. Tổng tỷ lệ sử dụng vốn (cho tất cả các giao dịch đang còn hiệu lực) không nên vượt quá 30% vốn của bạn.

6. Tỷ lệ rủi ro/lợi nhuận của bạn nên cao hơn 1. Tỷ lệ này ở mức từ 1 đến 2 sẽ là hợp lý (nghĩa là số lệnh Chốt lời của bạn sẽ nhiều gấp đôi số lệnh Cắt lỗ). Nếu tỷ lệ rủi ro/lợi nhuận của bạn nhỏ hơn 1, điều đó có nghĩa là chúng ta chấp nhận thua lỗ nhiều hơn lợi nhuận tiềm năng (ví dụ, tỷ lệ rủi ro/lợi nhuận là 2 trên 1, tức là chúng ta dự kiến sẽ thu được 30 điểm phần trăm lợi nhuận hoặc 60 điểm phần trăm thua lỗ).

7. Cố gắng đa dạng hóa danh mục của bạn bằng cách giao dịch trên các thị trường tài chính khác nhau: Ngoại hối, chứng khoán, hợp đồng tương lai, v.v... Khi bạn sử dụng một tài khoản để giao dịch các công cụ tài chính khác nhau, hãy cố gắng suy nghĩ trước về số tiền cho mỗi giao dịch và tỷ lệ sử dụng vốn trên tài khoản của bạn. Ví dụ, giao dịch trên thị trường Ngoại hối được coi là rủi ro hơn thị trường chứng khoán, nhưng lợi nhuận tiềm năng trên thị trường Ngoại hối cũng cao hơn.

Ví dụ về quản lý tiền



Các điều kiện ban đầu:

Tài khoản ký quỹ (tài khoản giao dịch): 3000 USD.

Tỷ lệ đòn bẩy: 1:200.

Khi đồng EUR tăng giáso với đồng USD, chúng ta mua vào 0.1 lot (10.000 euro) tại mức 1,5415 lúc 9 giờ 15 phút sáng. Nếu không sử dụng đòn bẩy, chúng ta sẽ cần 1,5415*10.000 = 15,415 USD.

Admiral Markets cho phép khách hàng sử dụng đòn bẩy tỷ lệ 1:200 mà không tính lãi, do đó chúng ta chỉ cần 15,415/200 = 77,08 USD.

1 điểm phần trăm (0,0001) của 0,1 lot của giao dịch cặp EUR/USD tương đương với 1 USD.

Để giới hạn thua lỗ tiềm năng, chúng ta sẽ đặt lệnh cắt lỗ ở mức 1,5375. Chênh lệch giữa giá và lệnh dừng lỗ là 1,5415-1,5375 = 0,0040 (hay 40 điểm phần trăm). Kết quả là, chúng ta sử dụng số tiền 40*1 = 40 USD, tương đương với 40/(3000/100) = 1,33% số tiền ký quỹ của bạn.

Giáđạt mức 1,5550 lúc 9 giờ 45 phút sáng cùng ngày. Hãy giả định là chúng ta sẽ chốt lời tại điểm đó. Chúng ta có thể làm điều này ngay lập tức bằng phần mềm MetaTrader4 hoặc chúng ta có thể sử dụng lệnh Chốt lời (lệnh này được kích hoạt tự động khi giá chạm mức Chốt lời).

Chênh lệch giữa giá mua vào và bán ra là 1,5550-1,5415 = 0,0135 (tức là 135 điểm phần trăm).

Kết quả của giao dịch là 135*1 = 135 USD lợi nhuận. Số dư của chúng ta là 3,000+135 = 3,135 USD. Khả năng sinh lời của số tiền được sử dụng để mở trạng thái là 75,14% sau 12 giờ 30 phút.

Nếu chúng ta mở một trạng thái với quy mô 0,01 lot (7,71 USD) với số tiền sử dụng là 0,13% tổng số tiền ký quỹ (với điều kiện là lệnh dừng lỗ vẫn là 40 điểm phần trăm), chúng ta sẽ có 13,50 USD lợi nhuận. Nếu chúng ta mở một trạng thái với quy mô 1 lot và tỷ lệ sử dụng vốn là 13,33%, lợi nhuận của chúng ta sẽ là 1,350 USD.

Tỷ lệ cố định tối ưu (Optimal Fixed Fractions)

Có lẽ nhiều người sẽ tự hỏi: Sự khác biệt giữa tỷ lệ sử dụng vốn 1, 2,3% hoặc hơn là gì? Tất cả các quy tắc nói trên là một phần của một chiến lược quản lý tiền thận trọng. Đây là chiến lược để bảo vệ vốn của bạn và cho phép bạn bắt đầu sự nghiệp của một nhà kinh doanh.

Có một câu hỏi đặt ra là: Sau khi chúng ta đã chỉnh sửa các quy tắc tham gia và thoát khỏi thị trường, và quy tắc đặt lệnh cắt lỗ và mục tiêu giá, chúng ta có thể sửa đổi tỷ lệ sử dụng vốn được không? Chúng ta có thể có được những kết quả tốt hơn bằng việc áp dụng các tỷ lệ sử dụng vốn khác nhau hay không?

Nếu bạn thử nghiệm một vài chiến lược dựa trên dữ liệu lịch sử của một vào công cụ tài chính với tỷ lệ sử dụng vốn từ 1% đến 35%, có lẽ bạn sẽ tìm ra phương án tối ưu mang lại cho bạn kết quả khả quan nhất.

Có một vài công thức khác nhau có thể giúp bạn tìm ra phương án tối ưu này. Chúng sử dụng các tham số khác nhau: mức giải ngân tối đa, trạng thái thua lỗ tối đa, giao dịch thành công trung bình, v.v...

Trước khi áp dụng một vài công thức để tính toán tỷ lệ sử dụng vốn của mình, bạn phải thử nghiệm hệ thống giao dịch của bạn trên các thông số lịch sử. Phương án A: hãy lập trình một chiến lược với ngôn ngữ lập trình MQL4 được tích hợp trong MetaTrader4 (nghĩa là tạo ra một Cố vấn Chuyên gia (Expert Advisor) - một hệ thống giao dịch tự động. Sau đó bạn có thể thử nghiệm chương trình này bằng phần mềm Tester trong MetaTrader4 (dữ liệu lịch sử có sẵn trong phần mềm giao dịch). Nếu việc lập trình Cố vấn Chuyên gia là quá khó đối với bạn, bạn có thể thử nghiệm chiến lược của mình một cách thủ công bằng việc chỉ ra các điểm tham gia và thoát khỏi thị trường trên biểu đồ và tính toán kết quả của mỗi lần giao dịch. Điều quan trọng là cần có được dữ liệu để đưa vào công thức. Bạn càng tiến hành được nhiều giao dịch ảo, thì kết quả thử nghiệm càng đáng tin cậy. Không có quy tắc nào về số lượng giao dịch cần cho thử nghiệm, nhưng tốt hơn con số này nên lớn hơn 100.

Các công thức phổ biến nhất để tính toán tỷ lệ cố định tối ưu là công thức Kelly và f tối ưu do Ralph Vince phát triển.

Công thức Kelly

Kelly%=((B+1)*P-1)/B,

Trong đó, P - xác suất của một giao dịch thành công,

B = Tỷ lệ giữa số tiền thu được từ một giao dịch thành công so với số tiền mất đi do một giao dịch thất bại.

Công thức Kelly chỉ được áp dụng với các kết quả tuân theo phân phối Bernoulli. Phân phối Bernoulli là một phân phối với hai kết quả riêng rẽ. Hai kết quả này là bạn kiếm được bao nhiêu tiền khi bạn giao dịch thành công và bạn mất bao nhiêu khi bạn giao dịch thất bại.

F tối ưu

f tối ưu là số tiền tối ưu để giao dịch với một mức ký quỹ cho trước để tối ưu tăng trưởng theo cấp số nhân. Bạn phải có được các thống kê thử nghiệm - kết quả của mọi giao dịch (thành công hoặc thất bại) để tính toán f tối ưu một cách chính xác. Sau đó:

**G=[(1+f*(-Giao dịch1/Lỗ lớn nhất))*
(1+f*(-Giao dịch2/Lỗ lớn nhất))*...
...*(1+f*(-Giao dịch i/Lỗ lớn nhất))]^1/N,**

Trong đó, G - trung bình cấp số nhân của HPRs (Holding Period Returns) (lợi nhuận cho thời gian nắm giữ)

f - f tối ưu

N - tổng số giao dịch

Lỗ lớn nhất - Kết quả phản ánh trong lần thua lỗ lớn nhất (đây phải luôn là một số mang giá trị âm)

Giao dịch i - Lợi nhuận hoặc thua lỗ trên giao dịch thứ I (với dấu "-" phía trước để thua lỗ sẽ mang giá trị dương và lợi nhuận mang giá trị âm).

Với sự trợ giúp của công thức này, chúng ta có thể tìm thấy giá trị f được phản ánh trong mức Giá trị Tương đối Cuối cùng (Terminal Wealth Relative - TWR) cao nhất bằng cách kết nối tất cả các giá trị cho f. Đây là giátrị f sẽ mang lại cho chúng ta lợi nhuận tối đa trên số tiền mà chúng ta sử dụng tỷ lệ cố định.

Vấn đề của phương pháp này, và các phương pháp Quản lý Tiền khác, là tất cả các công thức này đều áp dụng với dữ liệu lịch sử và không có cơ sở vững chắc nào cho việc các tất cả giao dịch trên thực tế sẽ giống với những gì mà chúng ta đã tính toán với sự trợ giúp của các công thức quản lý tiền.

Theo quan điểm của Larry William, công thức của tỷ lệ sử dụng vốn sẽ là:

Vốn tự có * % Rủi ro / Thua lỗ lớn nhất.

% rủi ro được xác định bằng kiểu và chiến lược giao dịch và được tính toán với sự trợ giúp của công thức tối ưu hoặc công thức Kelly.

Tuân thủ các quy tắc Quản lý Tiền của bạn chính là yếu tố quyết định sự cải thiện và khả năng sinh lời của chiến lược kinh doanh của bạn xét về mặt dài hạn. Chúng tôi đã kiểm chứng các quy tắc cơ bản về Quản lý Tiền cần thiết để bạn có thể bắt đầu quá trình giao dịch của mình.

PHỤ LỤC
Phần mềm giao dịch MetaTrader4

Admiral Market cung cấp phần mềm giao dịch MetaTrader4 miễn phí để giao dịch trên các thị trường tài chính. Các phiên bản dành cho máy tính cá nhân, máy tính bỏ túi hay điện thoại thông minh cũng được cung cấp đầy đủ. Bạn cũng có thể sử dụng chương trình MT4 MultiTerminal để quản lý nhiều tài khoản cùng lúc. Các phần mềm bảo vệ đi kèm liên tục được nâng cấp. Trên thực tế, không có bất cứ phần mềm giao dịch trực tuyến nào hiện nay đủ khả năng thách thức tính năng hoạt động, tính linh hoạt và sự đơn giản của MetaTrader4.

Giao diện khách hàng rất thân thiện và cho phép bất cứ nhà kinh doanh mới bắt đầu nào cũng có thể tìm được phương hướng cho mình, kiểm soát các giao dịch trên Internet, đặt các lệnh giới hạn với số lượng không hạn chế, thực hiện phân tích biểu đồ (kỹ thuật), nhận tin tức thị trường cập nhật và phát triển cũng như thử nghiệm các hệ thông giao dịch tự động của riêng mình. Hơn nữa, an toàn thông tin và tính bảo mật cũng được đặc biệt quan tâm. Tài khoản của một nhà kinh doanh luôn được bảo vệ tối đa.

Phần mềm giao dịch MetaTrader4 cung cấp hàng loạt công cụ để phát triển và sử dụng các hệ thống giao dịch cơ học (Mechanical trading systems - MTS), Cố vấn Chuyên gia, các kịch bản giả định và Các chỉ số Người dùng (User Indicators). Các chuyên gia có thể cam kết về một sự kiểm soát tuyệt đối đối với các hoạt động giao dịch trực tuyến. Các module và phần mềm Cố vấn bổ sung đều được cung cấp miễn phí. Nếu bạn có hiểu biết về lập trình, bạn có thể tự tạo ra Cố vấn Chuyên gia của riêng mình với sự trợ giúp của ngôn ngữ lập trình MQL4.

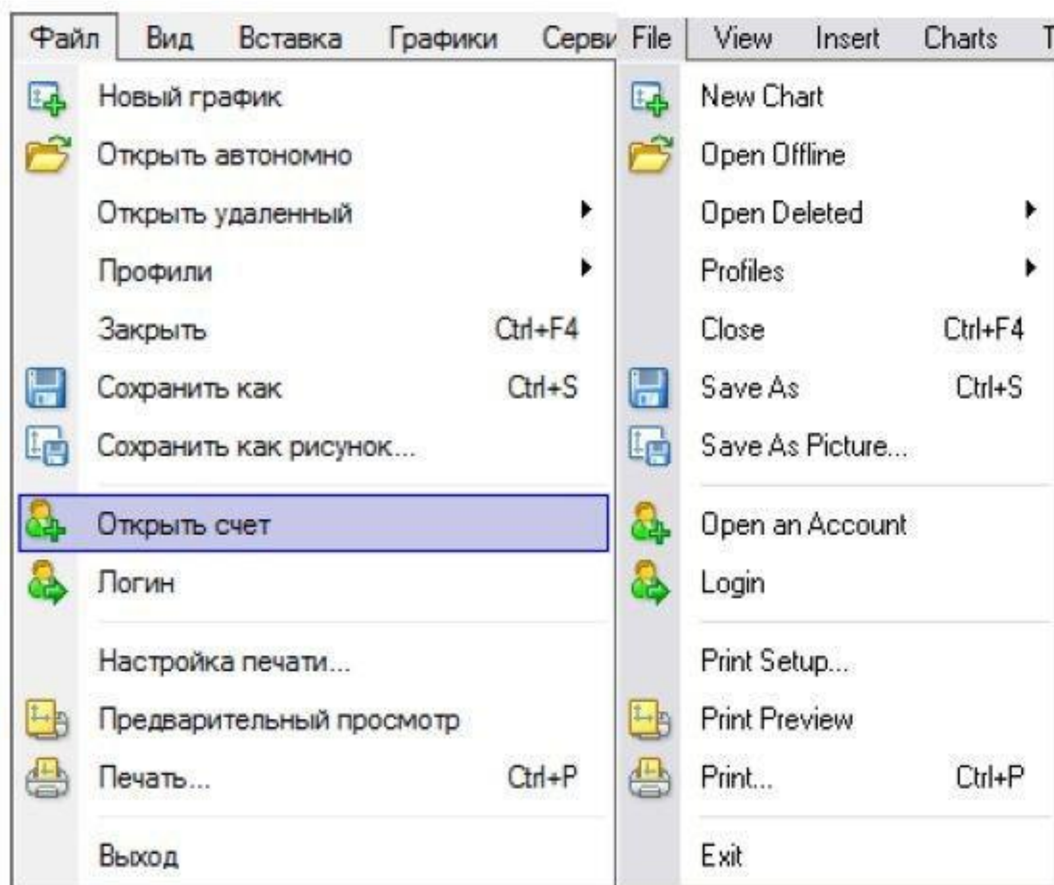
Bạn có thể tải xuống miễn phí phần mềm giao dịch này từ địa chỉ www.forextrade.ru.

Việc cài đặt MetaTrader4 cũng dễ dàng như cài đặt bất cứ chương trình Windows tiêu chuẩn nào (lựa chọn các folder và ngôn ngữ, v.v...). Sau đó bạn có thể mở một tài khoản thử miễn phí chỉ trong vài phút và bắt đầu luyện tập giao dịch với các thị trường tài chính mà không sợ bất cứ rủi ro nào liên quan đến thua lỗ thực sự. Hơn nữa, bạn có thể mở không giới hạn số lượng các tài khoản thử cùng lúc với số tiền vốn ban đầu khác nhau và tỷ lệ đòn bẩy khác nhau (tối đa là 1:200) với các loại ngoại tệ khác nhau (USD hoặc EUR) để luyện tập việc giao dịch và thử nghiệm các chiến lược giao dịch của mình.

Mở một tài khoản thử

Bước 1. Trong Main Menu của MetaTrader4 chọn File Open an Account.

Lưu ý: Đây là cách mở một tài khoản thử. Để mở một tài khoản thực sự, bạn phải đăng kí tại https://tc.fxservice.com.



Bước 2. Điền vào tất cả các trường cần thiết để đăng ký. Thông tin cánhân có thể khác với thông tin cá nhân thực của bạn nhưng trong bất cứ trường hợp nào, Admiral Markets bảo đảm tính bảo mật cho các thông tin này. Điền vào địa chỉ emai thực của bạn, chọn loại tiền ký quỹ trong thanh Account Type (Loại Tài khoản), sau đó chọn tỷ lệ đòn bẩy (từ 1:1 đến 1:200), sau đó đánh vào số tiền ký quỹ ban đầu của bạn hoặc lựa chọn số tiền từ danh sách. Để kích hoạt bấm nút "Next" và tiếp tục quátrình đăng ký, cần đánh dấu vào ô I agree to subscribe to your newsletters.

Open an Account

Personal details

To open an account, please fill out all the following fields:

Name: min 6 chars

Country: United States State: min 2 chars

City: min 2 chars Zip code: min 3 chars

Address: min 6 chars

Phone: min 6 chars Email: name@company.com

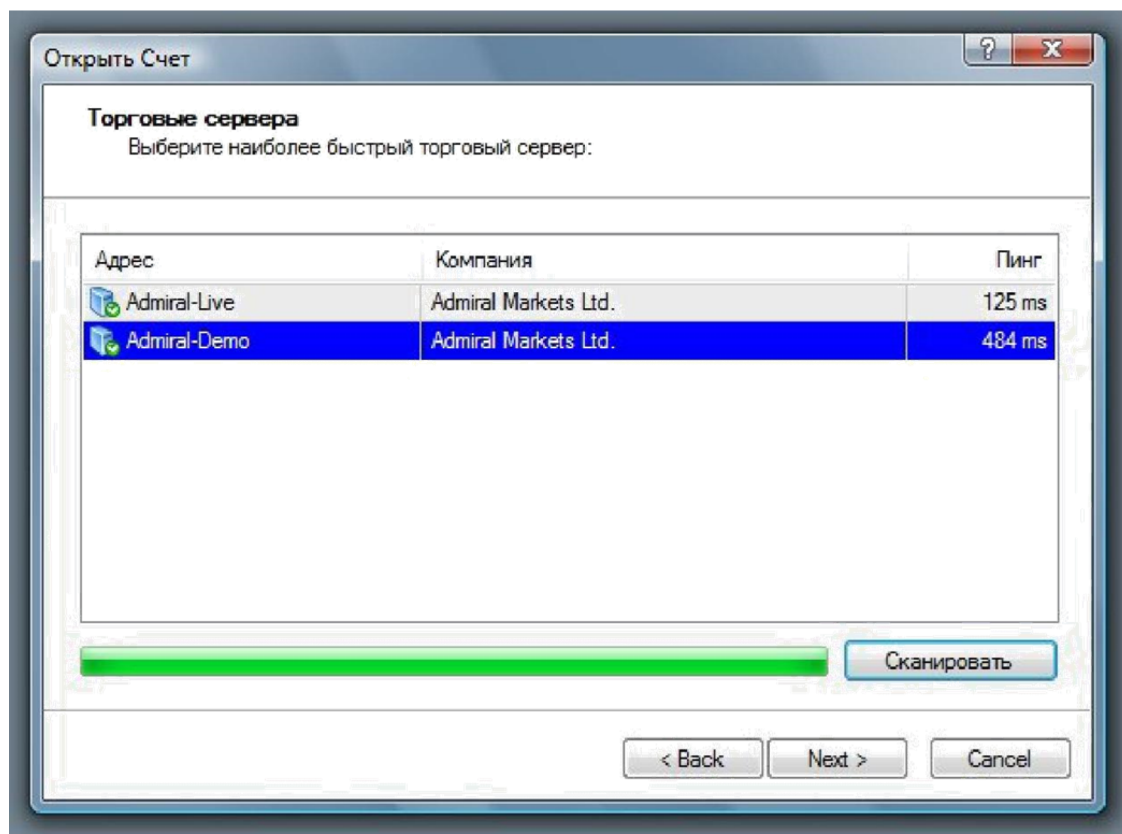
Account Type: demo-usd Currency: USD

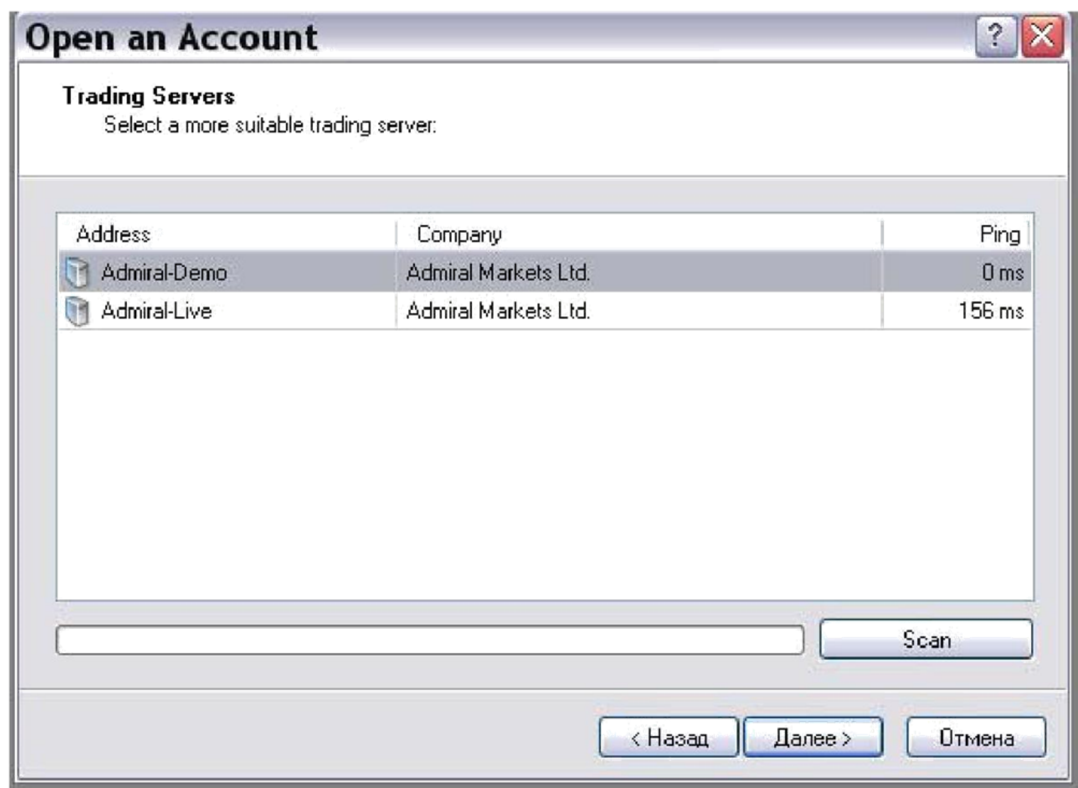
Leverage: 1:200 Deposit: 10000

I agree to subscribe to your newsletters

< Назад Далее > Отмена

Bước 3. Bấm vào nút "Scan" trên tab Trading Servers (Các máy chủ Giao dịch) (các máy chủ đều sẵn sàng và được đánh dấu với các biểu tượng màu xanh). Sau đó chọn "Admiral-Demo" từ danh sách và bấm vào nút "Next" (nếu bạn lựa chọn Admiral-Live by mistake thì quátrình đăng ký sẽ không thể hoàn tất).


Открыть Счет
Торговые сервера
Выберите наиболее быстрый торговый сервер:
Адрес
Компания
Пинг
Admiral-Live
Admiral Markets Ltd.
125 ms
Admiral-Demo
Admiral Markets Ltd.
484 ms
Сканировать
< Back
Next >
Cancel


Open an Account
Trading Servers
Select a more suitable trading server:
Address
Company
Ping
Admiral-Demo
Admiral Markets Ltd.
0 ms
Admiral-Live
Admiral Markets Ltd.
156 ms
Scan
< Назад
Далее >
Отмена

Открыть Счет

Регистрация
Подождите, пожалуйста

Имя: Your Name

Тип счета: demodemo-usd (1:200)

Депозит: 10000

Сервер: Admiral-Demo

Логин: **393293**

Пароль: **le2nsjy**

Инвестор: **b3qhlih** (пароль только для просмотра)

Пожалуйста, храните эти данные в безопасном месте.

< Back | Finish | Cancel

Open an Account

Registration
Wait a little, please

Name: Ekaterina Sumarokova

Account Type: demodemo-usd (1:200)

Deposit: 5000

Server: Admiral-Demo

Login:

Password:

Investor: (read only password)

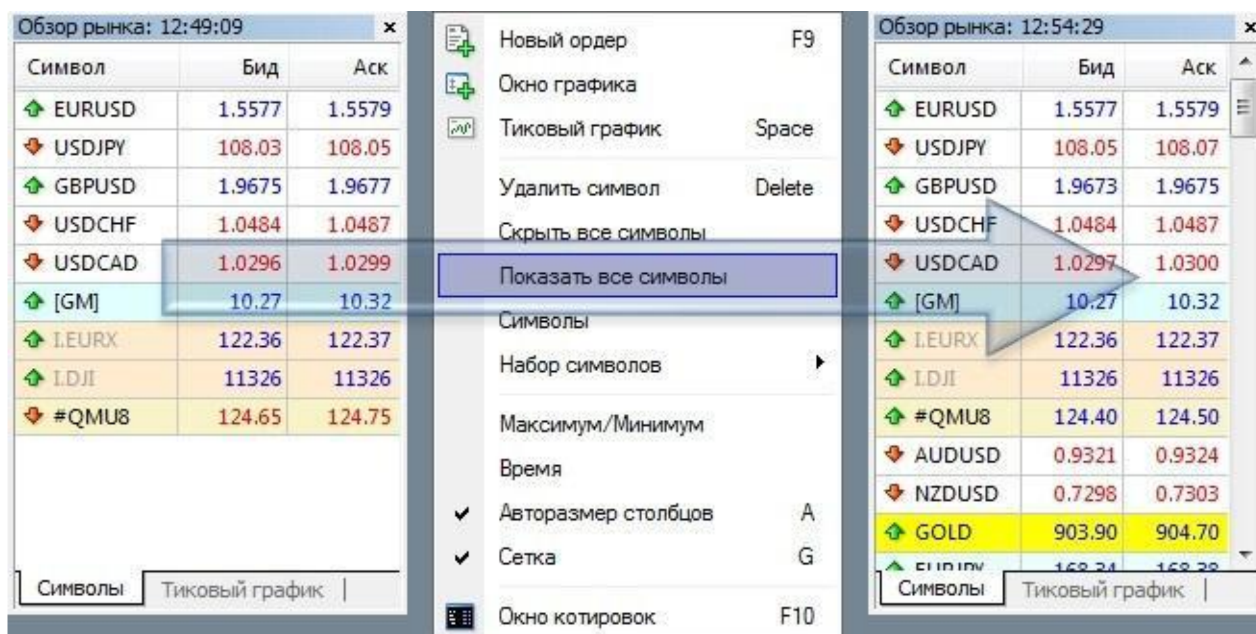
Please keep your username and passwords in a safe place.

< Назад | Готово | Отмена

Bước 4. Đợi đến khi máy chủ tạo ra quyền đăng nhập (số tài khoản) và mật khẩu của nhà kinh doanh cho bạn. Mật khẩu Nhà đầu tư cũng sẽ được tạo ra để cho phép nhà đầu tư quản lý tài khoản giao dịch của mình (việc giao dịch sẽ không thực hiện được nếu sử dụng mật khẩu nhà đầu tư). Bạn có thể cho một bên thứ 3 biết mật khẩu nhà đầu tư của mình để có thể cho họ thấy kết quả giao dịch của bạn (bên thứ ba có thể là nhà đầu tư tiềm năng của bạn). Bạn có thể thay đổi cả mật khẩu nhà đầu tư và nhà kinh doanh bằng Main Menu → Tools → Options → Client Terminal Settings → Server (chọn nút "Change"). Bấm nút "Finish" để hoàn tất quá trình đăng ký.

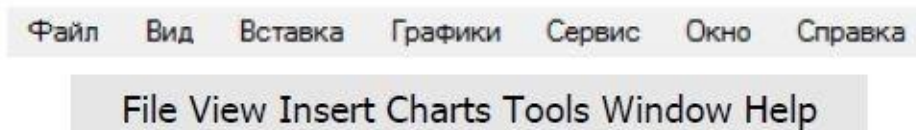
Bước 5. Sau khi hoàn tất việc đăng ký, MetaTrader4 sẽ tự động kết nối với máy chủ. Sau đó, máy chủ sẽ gửi một tin nhắn đến phần mềm giao dịch có chứa tên tài khoản và mật khẩu tài khoản của bạn. Bạn nên sao lại tin nhắn này và lưu tại một địa chỉ an toàn để đề phòng trường hợp mất mật khẩu.

Sau khi đã hoàn tất đăng ký và bạn đã đăng nhập, danh sách các công cụ tài chính có thể giao dịch với Admiral Markets (Market Watch window) có thể chưa hoàn thiện (điều tương tự cũng có thể xảy ra với tài khoản thực của bạn). Để xem danh sách đầy đủ các công cụ tài chính có thể giao dịch được, bấm chuột phải vào cửa sổ này và chọn "Show all". Số lượng công cụ tài chính sẵn sàng sẽ tăng lên. Bạn nên làm điều này tối thiểu 1 tháng 1 lần, do danh sách các công cụ tài chính được cập nhật thường xuyên, và các công cụ tài chính mới được đưa thêm vào. Ví dụ, các hợp đồng tương lai với ngày giao hàng đã hết hạn sẽ trở nên vô hiệu. Bạn cũng có thể đọc thêm chi tiết về tất cả các công cụ tài chính sẵn có và xem các thông số và điều kiện giao dịch chi tiết của chúng.

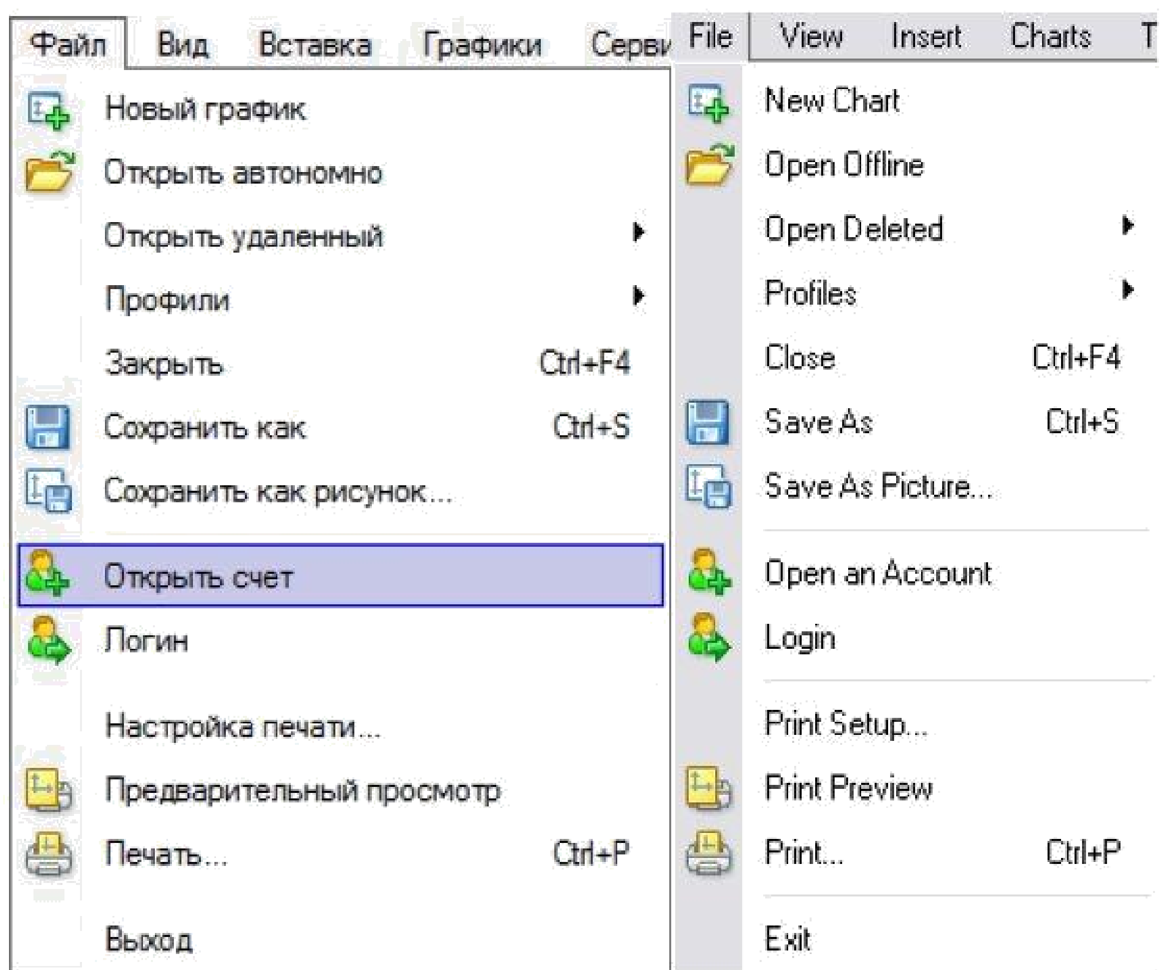




Bây giờ hãy cùng xem qua Main Menu của MetaTrader4. Nó nằm dưới tên của chương trình và bao gồm một loạt các menu con. Các lệnh và chức năng do khách hàng thao tác cũng đã được tích hợp trong đó. Main Menu bao gồm các menu con sau:



1. File



Menu con này cho phép làm việc với các biểu đồ, lưu trữ dữ liệu lịch sử và các thông tin, in ấn.

2. View

Languages			Languages	
Панели инструментов			Toolbars	
✔ Статусная строка			✔ Status Bar	
✔ Панель переключения графиков			✔ Charts Bar	
Обзор рынка	Ctrl+M		Market Watch	Ctrl+M
Окно данных	Ctrl+D		Data Window	Ctrl+D
Навигатор	Ctrl+N		Navigator	Ctrl+N
Терминал	Ctrl+T		Terminal	Ctrl+T
Тестер стратегий	Ctrl+R		Strategy Tester	Ctrl+R
Полный экран	F11		Full Screen	F11

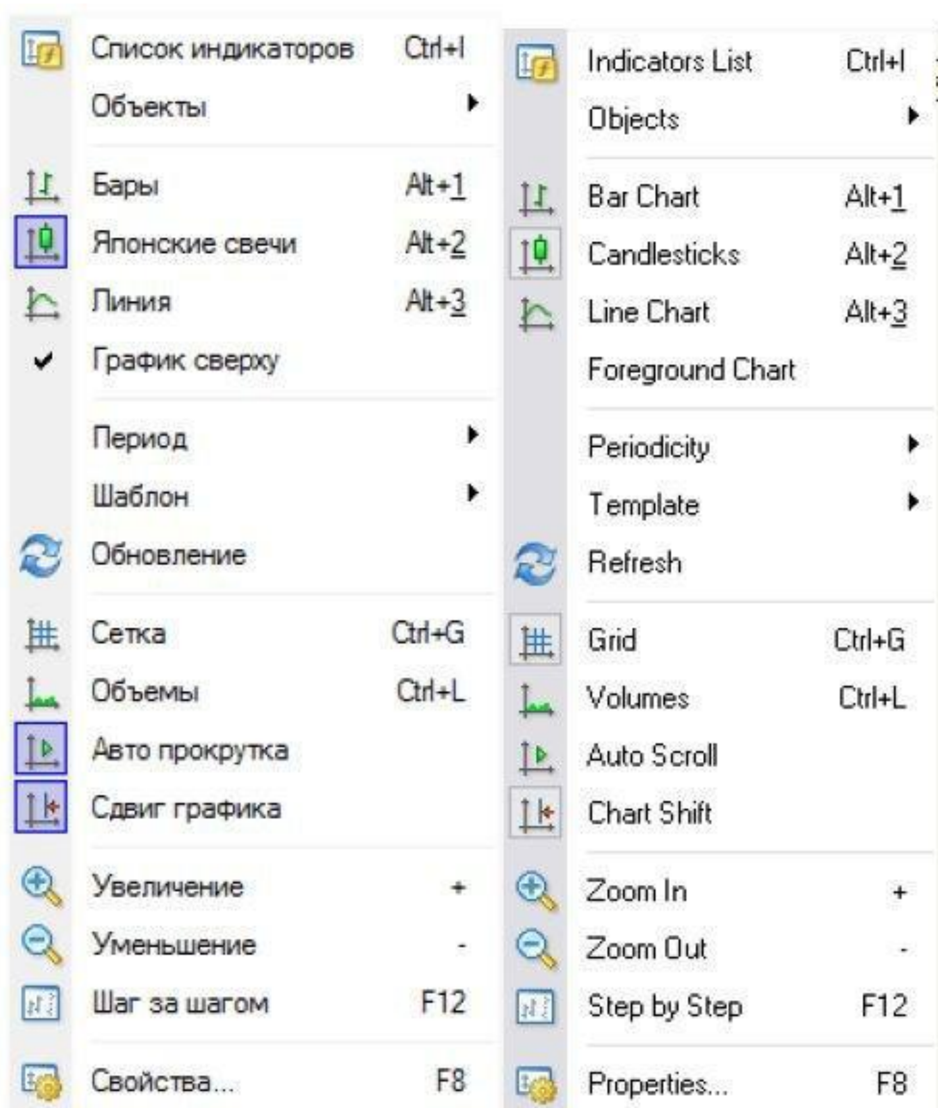
Menu con này cho phép cài đặt các thanh công cụ, quản lý các cửa sổ lệnh, và ngôn ngữ giao diện của chương trình. Một số lệnh của menu con này được đưa lên thanh công cụ của chương trình.

3. Insert

Индикаторы	Indicators
Линии	Lines
Каналы	Channels
Ганн	Gann
Фибоначчи	Fibonacci
Фигуры	Shapes
Значки	Arrows
Вилы Эндрюса	Andrews' Pitchfork
Цикличные линии	Cycle Lines
Текст	Text
Текстовая метка	Text Label

Menu con Insert bao gồm các ứng dụng có thể sử dụng trên biểu đồ. Trong số đó có các đường và chỉ số kỹ thuật cũng như các hình thái hình học, các biểu tượng và ký tự đánh dấu. Menu con "Indicators" bao gồm các chỉ số kỹ thuật được tích hợp sẵn. Bạn có thể áp dụng một Chỉ số vào biểu đồ bằng cách lựa chọn tên của nó từ danh sách. Các đường được đưa vào thành từng nhóm tương ứng với menu con : "Lines" **các đường khác nhau, "Channels"** một nhóm các kênh, "Gann" **các công cụ Gann, "Fibonacci"** công cụ dựa trên dãy số Fibonacci. Bên cạnh đó, Andrews' Pitchfork and Cycle Lines không thuộc bất cứ nhóm nào nói trên được đặt ở cuối danh sách.

4. Charts



Menu con "Charts" bao gồm các lệnh quản lý biểu đồ và các chỉ số kỹ thuật áp dụng với biểu đồ đó. Có các lệnh sau:

Indicators List(Danh sách Các chỉ số) mở một cửa sổ với danh sách đầy đủ các chỉ số (bao gồm Custom Indicators - Chỉ số thiết lập riêng) được áp dụng với biểu đồ. Bạn có thể lựa chọn để thay đổi cài đặt các chỉ số hoặc xóa nó khỏi biểu đồ bằng việc bấm vào nó.

Objects mở ra một menu con cho phép quản lý các chỉ số áp dụng với biểu đồ.

Bar Chart (Biểu đồ Thanh) - biểu đồ được thể hiện dưới dạng một loạt các thanh.

Candlesticks Chart (Biểu đồ Nến) - biểu đồ được thể hiện dưới dạng một loạt các thanh nến Nhật Bản.

Line Chart (Biểu đồ đường) - biểu đồ được thể hiện như một đường nét đứt nối các điểm kết thúc của các thanh giá.

Display the chart above (foreground chart) (Hiển thị biểu đồ lên trên - biểu đồ cận cảnh) - nếu lệnh này được sử dụng, tất cả các yếu tố phân tích (các chỉ số kỹ thuật và các yếu tố đồ thị) sẽ được hiển thị dưới biểu đồ thay vì áp dụng trên biểu đồ.

Timeframe (periodicity) (Khung thời gian - chu kỳ) cho phép lựa chọn khung thời gian. Menu con khung thời gian cho phép lựa chọn từ các khung thời gian sau: 1 phút (M1), 5 phút (M5), 15 phút (M15), 30 phút (M30), 1 giờ (H1), 4 giờ (H4), Ngày (D1), Tuần (W), Tháng (MN).

Template (Mẫu) cho phép quản lý các mẫu. Bạn có thể sử dụng các mẫu khác nhau cho biểu đồ. Bên cạnh đó, bạn cũng có thể tạo ra và lưu lại hoặc xóa đi mẫu bất kỳ.

Update (Cập nhật) cho phép cập nhật dữ liệu lịch sử. Cập nhật lệnh có thể được thực hiện từ menu của biểu đồ.

Grid (Đường kẻ) - thể hiện/ẩn đường kẻ trong cửa sổ biểu đồ.

Volumes (Khối lượng giao dịch) - thể hiện/ẩn khối lượng giao dịch trên biểu đồ.

Auto Scroll (Cuộn Tự động - cho phép/hủy bỏ tự động chuyển biểu đồ sang bên trái khi có một thanh giá mới xuất hiện. Nếu sử dụng lệnh này, thanh giá mới nhất sẽ luôn luôn được hiển thị trên biểu đồ.

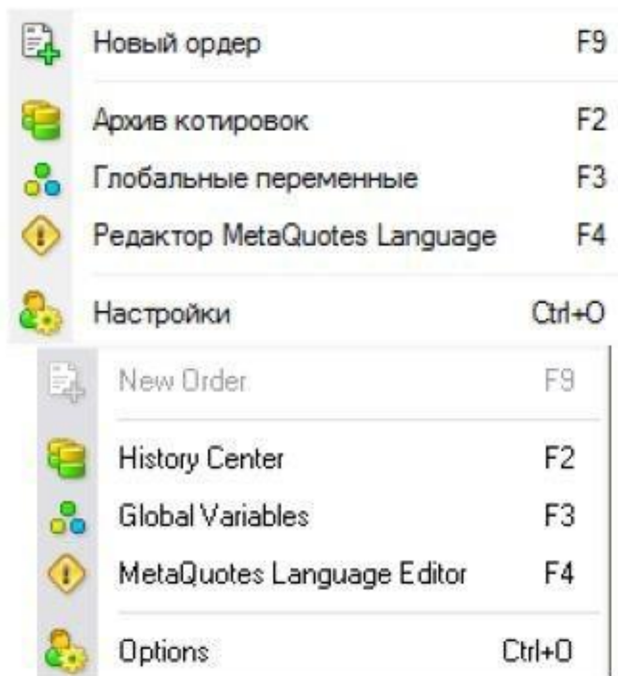
Chart Shift (Di chuyển biểu đồ) cho phép chuyển biểu đồ sang bên trái vào phần đánh dấu chuyển biểu đồ. Phần này (một tam giác màu xám nằm ở phần trên của cửa sổ) có thể được cuộn theo chiều ngang bằng chuột trong phạm vi 10% đến 50% của kích cỡ cửa sổ.

Zoom In (Phóng to) cho phép phóng to biểu đồ.**Zoom Out (Thu nhỏ)** cho phép thu nhỏ biểu đồ.

Step by Step (Dịch chuyển từng Bước) cho phép chuyển biểu đồ sang bên trái với khoảng cách một thanh.

Properties (Thuộc tính) - cho thấy tính chất của biểu đồ. Lệnh này sẽ làm hiện cửa sổ Properties.

5. Tools

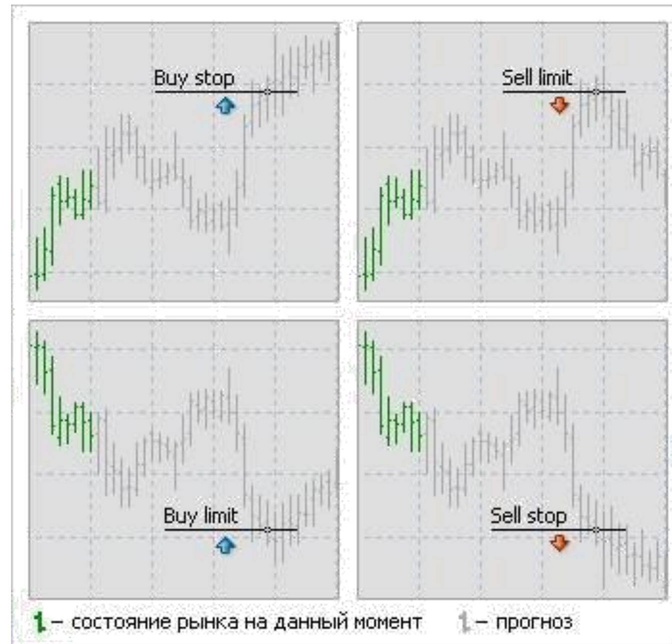


Menu con "Tools" bao gồm các chỉ dẫn và cài đặt phần mềm giao dịch.

New Order (Các lệnh Mới) mở ra cửa sổ Orders. Nó cho phép đặt các lệnh thị trường và Giới hạn lỗ. Phần mềm giao dịch cho phép nhà môi giới thực hiện các hành động giao dịch. Bên cạnh đó, phần mềm giao dịch này còn cho phép kiểm soát và quản lý các giao dịch còn đang chờ của bạn. Một vài loại lệnh thị trường phục vụ cho các mục đích này. Lệnh là một chỉ thị hoặc mệnh lệnh từ khách hàng với công ty môi giới để thực hiện một giao dịch.

Phần mềm giao dịch cho phép đặt các lệnh sau: lệnh Mua/Bán, các lệnh Giới hạn, các lệnh Giới hạn lỗ, Cắt lỗ và Chốt lời.

Buy/Sell Order (Lệnh Bán/Mua) là lệnh với công ty môi giới để mua hoặc bán công cụ tài chính với giá hiện tại. Việc thực hiện lệnh Mua/Bán dẫn tới việc mở các trạng thái kinh doanh. Lệnh mua được thực hiện tại giá chào bán (ASK); lệnh bán được thực hiện tại giá chào mua (BID). Bạn có thể đặt các lệnh Dừng lỗ và Chốt lời của mình (mô tả phía dưới).



Stop-Limit Orders (Các lệnh Giới hạn Lỗ) Lệnh Giới hạn lỗ là lệnh cho công ty môi giới bán hoặc mua một công cụ tài chính tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Loại lệnh này chỉ có thể được thực hiện khi giá lên tới một mức nhất định. Có bốn loại lệnh Giới hạn Lỗ:

Buy Limit (Giới hạn Mua) là lệnh để mua vào khi giáchào bán tương đương với một mức giá nhất định. Các mức giá hiện tại đang cao hơn so với giá giới hạn cụ thể. Thông thường các lệnh này được đặt với dự báo là giá sẽ đi xuống một mức nào đó trước khi bắt đầu tăng.

Buy Stop (Dừng để Mua) là lệnh để mua vào khi giáchào bán tương đương với một mức giá nhất định. Các mức giá hiện tại đang thấp hơn so với giá giới hạn cụ thể. Thông thường các lệnh này được đặt với dự báo là giá sẽ vượt qua một ngưỡng kháng cự nào đó và tiếp tục tăng.

Sell Limit (Giới hạn Bán) là lệnh để bán ra khi giáchào mua tương đương với một mức giá nhất định. Các mức giá hiện tại đang thấp hơn so với giá giới hạn cụ thể. Thông thường các lệnh này được đặt với dự báo là giá sẽ đi lên một mức nào đó trước khi bắt đầu giảm.

Sell Stop (Dừng để Bán) là lệnh để bán ra khi giáchào mua tương đương với một mức giá nhất định. Các mức giá hiện tại đang thấp hơn so với giá giới hạn cụ thể. Thông thường các lệnh này được đặt với dự báo là giá sẽ vượt qua một ngưỡng hỗ trợ nào đó và tiếp tục giảm.

Cũng có thể đặt các lệnh Stop Loss (Cắt lỗ) và Take Profit (Chốt lời). Khi các lệnh Giới hạn Lỗ được kích hoạt bởi giá, thì các lệnh Cắt Lỗ và Chốt lời đi kèm cũng sẽ được kích hoạt.

Stop Loss (Cắt lỗ) giới hạn các thua lỗ của bạn trong trường hợp giá của một công cụ tài chính diễn biến ngược chiều với giao dịch của bạn. Khi giá đạt đến mức Cắt lỗ, giao dịch của bạn sẽ được tự động đóng lại. Một lệnh như vậy luôn gắn kèm với một lệnh thị trường hoặc một vài lệnh Giới hạn Lỗ. Nó chỉ được đặt với các lệnh thị trường hoặc Giới hạn Lỗ.
Lệnh Cắt lỗ bị kích hoạt khi giáchào bán đạt mức Cắt lỗ trong trường hợp bạn mở một trạng thái bán.

Trailing Stop (Khoảng dừng Lỗ) được sử dụng để tự động chuyển lệnh Cắt lỗ cùng chiều với một giao dịch. Giá dừng lỗ được điều chỉnh khi mà mức giá biến động. Khoảng dừng lỗ có một ưu điểm lớn khi giá diễn biến nhanh chóng theo chiều hướng nào đó và nhà kinh doanh không có cơ hội kiểm soát được thị trường. Bạn cần thực hiện lệnh "Khoảng dừng lỗ" từ menu của trạng thái đã mở để áp dụng khoảng dừng lỗ. Lựa chọn từ danh sách những giá trị mong muốn của khoảng chênh lệch giữa mức Cắt lỗ của bạn và giá hiện tại. Mỗi một trạng thái đang mở sẽ có một khoảng dừng lỗ tương ứng. Khi bạn đã chọn Khoảng dừng lỗ cho mình; các thông số thị trường được cập nhật và phần mềm giao dịch xác nhận nếu trạng thái đang ở mức có lợi nhuận. Ngay khi mức lợi nhuận tính theo điểm phần trăm tương đương hoặc cao hơn khoảng dừng lỗ, lệnh Cắt lỗ sẽ được đặt tự động. Lệnh Cắt lỗ được đặt ở một khoảng chênh xác định so với giá hiện tại. Hơn nữa, nếu giáthay đổi theo chiều có lợi thì khoảng dừng lỗ cũng sẽ tự động thay đổi theo giá. Nếu giáthay đổi theo chiều ngược với giao dịch đã mở thì khoảng dừng lỗ sẽ không thay đổi. Do đó, lợi nhuận giao dịch của bạn được chốt tự động. Bạn có thể vô hiệu hóa Khoảng dừng lỗ bằng việc đánh dấu hộp "None" trong menu khởi động. Khoảng dừng lỗ được thực hiện trong chương trình trung gian chứ không phải trên máy chủ (giống như trong trường hợp với lệnh Cắt lỗ và Chốt lời). Kết quả là, trái với các lệnh phía trên, khoảng dừng lỗ không được thực hiện nếu bạn không đăng nhập. Lệnh Cắt lỗ được thực hiện ngay cả khi bạn không đăng nhập.

Take Profit (Chốt lời) có tác dụng chốt lời sau khi giá của một công cụ tài chính đạt tới một mức xác định. Việc thực hiện lệnh Chốt lời sẽ tự động đóng trạng thái giao dịch của bạn. Lệnh Chốt lời luôn đi kèm với một lệnh thị trường hoặc lệnh Giới hạn lỗ. Nó chỉ có thể được đặt với một lệnh thị trường hoặc lệnh Giới hạn Lỗ. Lệnh Chốt lời được kích hoạt khi giá chào bán đạt tới mức Chốt lời trong trường hợp bạn mở một trạng thái mua vào và lệnh Chốt lời được kích hoạt khi giáchào mua đạt tới mức Chốt lời trong trường hợp bạn mở một trạng thái bán ra.

Các lệnh khác được thực hiện trong menu con "Tools":

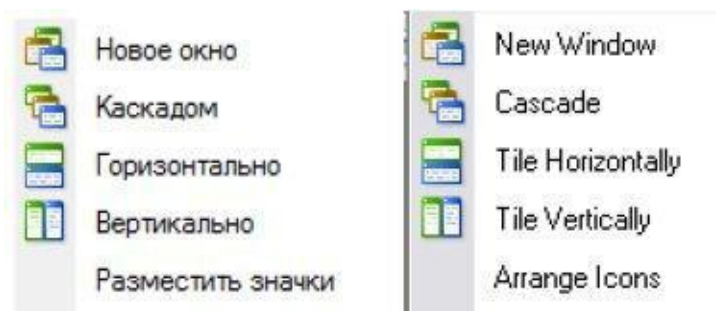
History Center (Quản lý Dữ liệu Lịch sử) mở ra cửa sổ Quản lý dữ liệu lịch sử. Bạn có thể sửa đổi các mức giáđược sử dụng để xây dựng các biểu đồ trong History Center và cũng có thể tải xuống lịch sử giá của các cặp tiền tệ chính từ máy chủ MetaQuotes Software Corp.

Global Variables (Các biến số Toàn cầu) mở ra các biến số toàn cầu của phần mềm giao dịch. Các biến sốphổ biến cho Adivisors, Custom Indicators và Scripts còn được gọi là Global Variables.

MetaEditor cho phép chỉnh sửa ngôn ngữ lập trình MQL4. MetaEditor cho phép bạn sửa và tạo mới Advisors, Custom Indicators và Scripts. Sau khi bạn đã sửa mã của chương trình, bấm nút "Compile" và chương trình của bạn đã sẵn sàng để được thực hiện (từ cửa sổ Navigator). Cửa sổ Toolbar (Thanh công cụ) của MetaEditor thông báo cho bạn biết các lỗi mã đã phát hiện, đồng thời thư viện trực tuyến của các module bổ sung (Advisors, Indicators, và Scripts) cũng có sẵn miễn phí. Cẩm nang MQL4 có sẵn trên cửa sổ Toolbar của menu con "Help".

Menu con **Options** mở ra cửa sổ cài đặt phần mềm giao dịch. Bạn có thể cài đặt các tham số kết nối, tham số giao dịch, đặc tính của biểu đồ, các tham số của Advisor, v.v... Để biết thêm chi tiết cài đặt phần mềm giao dịch, xem thêm menu con Help (bấm F1) trên bàn phím.

6. WINDOW



Menu con này cho phép thực hiện các lệnh quản lý cửa sổ biểu đồ. Bạn có thể lựa chọn phương thức sắp xếp biểu đồ hoặc mở một cửa sổ mới.

7. HELP



Từ menu con này, bạn có thể có được các thông tin sau về chương trình:

Help Topics (Các chủ đề thường hỏi) mở ra User guide (hướng dẫn người sử dụng), chứa đựng các thông tin về cài đặt phần mềm giao dịch và các chức năng của nó.

MQL4.community là danh sách các module thêm của MetaTrader4 (Advisors, Indicators, và Scripts) và tài liệu về MQL4.

About... mở một cửa sổ chứa các thông tin về nhà môi giới, thông tin liên hệ và phiên bản của phần mềm giao dịch.

Trade

Tab "Trade" có sẵn trên cửa sổ của phần mềm giao dịch. Nó thể hiện các thông tin về tình trạng hiện nay của tài khoản giao dịch của bạn, các giao dịch đang có hiệu lực và các lệnh Giới hạn Lỗ đã đặt. Tất cả các giao dịch còn hiệu lực được liệt kê theo thứ tự và có thể được sắp xếp theo các trường khác nhau. Sau đó là đến dòng số dư tài khoản và tổng số lãi/lỗ từ các giao dịch còn hiệu lực. Sau đó là danh sách các lệnh Giới hạn Lỗ đã đặt. Sau khi một lệnh Giới hạn Lỗ được kích hoạt, một trạng thái giao dịch mới được mở ra và dòng lệnh Giới hạn Lỗ tương ứng bị chuyển chỗ. Tất cả các giao dịch còn hiệu lực được thể hiện trong một bảng với các trường sau (LTR):

Order (Thứ tự) - số phiếu của hoạt động giao dịch. Đây là một con số duy nhất cho hoạt động giao dịch

Time (Thời gian) - thời gian mở một trạng thái giao dịch. Có định dạng là YYYY.MM.DD.HH.MM (năm,tháng, ngày, giờ, phút). Đây là thời điểm mà một trạng thái giao dịch được mở ra

Type (Loại hình) - các loại của trạng thái giao dịch. Mua là trạng thái mua vào, Bán là trạng thái bán ra, ngoài ra còn có các loại Sell Stop, Sell Limit, Buy Stop và Buy Limit

Lots (Số lô) - số lượng lô của một lần giao dịch. Số lượng tối thiểu của các lô trong một lần giao dịch do công ty môi giới cài đặt, số lượng tối đa của các lô trong một lần giao dịch bị giới hạn bởi số tiền ký quỹ

Symbol (Biểu tượng) - trường này thể tên công cụ tài chính được giao dịch

Opening Price - giá mở cửa (không nên nhầm lẫn với giá hiện tại được mô tả phía dưới). Đây là mức giá mà tại đó, một trạng thái giao dịch được mở

S/L - mức Cắt lỗ. Nếu bạn không đặt một lệnh cắt lỗ, thì trường này sẽ hiện 0

T/P - mức Chốt lời. bạn không đặt một lệnh Chốt lời, thì trường này sẽ hiện 0

Current Price - là giá hiện tại của một công cụ tài chính (không nên nhầm lẫn với giá mở cửa, được nói đến ở trên)

Swap (Hoán đổi) -chi phí hoán đổi được thể hiện ở trường này

Profit/Loss (Lãi/Lỗ) - trường này thể hiện Lãi/Lỗ từ các giao dịch còn hiệu lực tại mức giá hiện tại. Giá trị dương tức là giao dịch có lãi, giá trị âm tức là giao dịch lỗ

Comments (Các đánh giá) - trường này thể hiện đánh giáđối với quá trình giao dịch. Một đánh giáđược thêm vào khi mở một trạng thái hoặc khi đặt một lệnh Giới hạn Lỗ. Các đánh giácó thể được thay đổi khi sửa đổi các lệnh hoặc các giao dịch còn hiệu lực. Bên cạnh đó, đánh giácũng có thể do công ty môi giới thêm vào.

Tab "Trade" cho phép xem được các giao dịch còn hiệu lực và các lệnh Giới hạn Lỗ đã đặt và quản lý các giao dịch. Từ đây, bạn có thể mở một trạng thái mới, đặt một lệnh Giới hạn Lỗ, sửa đổi hoặc xóa bỏ các lệnh, hoặc đóng các trạng thái. Để làm điều này, bạn có thể sử dụng các lệnh sau từ menu.

New Order (Lệnh mới) - mở ra cửa sổ quản lý lệnh. Bạn có thể mở một trạng thái mới hoặc đặt một lệnh Giới hạn lỗ từ đây.

Close Order (Lệnh Đóng) - lệnh này trở nên có hiệu lực trong trường hợp menu được gọi ra bằng cách bấm chuột phải vào một giao dịch đang còn hiệu lực. Cửa sổ quản lý lệnh được mở ra bằng lệnh này. Nó thể hiện không chỉ các nút Mua và Bán mà còn thể hiện nút Close#X (trong đó X là số phiếu của một trạng thái). Ngoài lệnh này, bạn có thể đóng các trạng thái được lựa chọn cùng với các trạng thái được mở theo chiều ngược lại.

Modify (Lệnh sửa đổi) hoặc Delete order (Lệnh xóa) cho phép sửa các giá trị Cắt lỗ và Chốt lời của các trạng thái đã mở hoặc giá trong lệnh Giới hạn lỗ. Nếu lệnh Cắt lỗ hoặc Chốt lời quá gần với mức giá hiện tại, một thông báo lỗi sẽ hiện ra và việc sửa đổi là không thành công. Bạn sẽ phải lựa chọn các giá trị khác cho lệnh Cắt lỗ hoặc Chốt lời và sửa lại.

Trailing Stop (Khoảng dừng lỗ) cho phép đặt, sửa và xóa Khoảng dừng lỗ. Bạn có thể kích hoạt Khoảng dừng lỗ bằng cách lựa chọn các mức Khoảng dừng lỗ mong muốn từ menu. Lựa chọn "None" để vô hiệu hóa Khoảng dừng lỗ. "Delete All" sẽ vô hiệu hóa tất cả các khoảng dừng lỗ.

Profit (Lợi nhuận) - thể hiện mức Lãi/Lỗ theo mức điểm phần trăm theo đồng tiền đặt mua hoặc theo đồng tiền ký quỹ.

Sửa đổi tham số này được thể hiện trong trường Lãi/Lỗ. Nếu bạn lựa chọn "show Profit/Loss in order currency" (thể hiện Lãi/Lỗ bằng đồng tiền yết giá) và bạn có các giao dịch còn hiệu lực ở cặp, hãy lấy ví dụ là USD/JPY, thì chỉ số Lãi/Lỗ của bạn sẽ được thể hiện bằng đồng Yên Nhật.

Comments (Các đánh giá) - thể hiện/ẩn Các đánh giá. Các đánh giáđối với quá trình giao dịch được thể hiện trong trường này. Một đánh giáđược thêm vào khi mở một trạng thái hoặc khi đặt một lệnh Giới hạn lỗ. Các đánh giácó thể được thay đổi khi sửa đổi các lệnh hoặc các giao dịch còn hiệu lực. Bên cạnh đó, đánh giácũng có thể do công ty môi giới thêm vào.

Kích hoạt Expert Advisors

MetaTrade 4 cho phép Expert Advisors để quản lý giao dịch một cách tự động:

Cần cài đặt Expert Advisors trước khi kích hoạt. Các tham số thông thường của Expert Advisors được thiết lập từ cửa sổ cài đặt phần mềm giao dịch. Chọn Tools Options để mở cửa sổ cài đặt. Chọn Expert Advisors để cài đặt các tham số cho Advisors. Các lệnh và cài đặt dưới đây có sẵn trong menu con "Expert Advisors":

Enable Expert Advisors - kích hoạt/vô hiệu hóa Expert Advisors. Nếu Expert Advisors bị vô hiệu hóa thì chức năng khởi động sẽ không được kích hoạt khi có một chỉ dấu mới xuất hiện trên biểu đồ. Hình mặt cười đứng trước tên Expert Advisors sẽ chuyển thành dấu nhân. Đánh dấu Expert Advisors và bấm nút "OK" để kích hoạt nó. Expert Advisors sẽ khởi động và hình dấu nhân trên góc phải trên của biểu đồ sẽ chuyển thành hình mặt cười khi có một chỉ dấu mới xuất hiện trên biểu đồ.

Chú Ý: Expert Advisors sẽ khởi động với một chỉ dấu mới xuất hiện trên biểu đồ và thường thì nó hoàn thành công việc cho đến khi chỉ dấu tiếp theo xuất hiện trên biểu đồ. Vô hiệu hóa Advisors không ảnh hưởng đến hoạt động của Expert Advisors đã được khởi động từ trước.

Disable Expert Advisors when the account is changed (Vô hiệu hóa Expert Advisors khi tài khoản bị thay đổi) - chức năng này bảo vệ tài khoản thực của bạn là vô hiệu hóa Expert Advisors khi bạn chuyển từ tài khoản thử sang tài khoản thực. Đánh dấu chức năng này và bấm nút "OK" để kích hoạt nó.

Disable Expert Advisors when the profile is changed (Vô hiệu hóa Expert Advisors khi danh mục bị thay đổi) - Các danh mục chứa đựng một lượng lớn các thông tin về cài đặt các biểu đồ hiện tại. Thông tin về Expert Advisors được lưu trong các danh mục. Danh mục Expert Advisors sẽ khởi động khi có một chỉ dấu mới xuất hiện trên biểu đồ. Kích hoạt chức năng này (đánh dấu nó) để vô hiệu hóa Expert Advisors khi danh mục thay đổi.

Allow Automated Trading (Cho phép Giao dịch Tự động) - Expert Advisors có thể làm việc một cách tự động. Chúng có thể vừa phân tích các động lực giá và thực hiện giao dịch. Chức năng này giới hạn khả năng giao dịch của Expert Advisors. Nó có tác dụng tốt khi thử nghiệm Expert Advisors trong giao dịch thời gian thực (không nên nhầm lẫn với thử nghiệm dữ liệu lịch sử).

Manual Confirmation (Xác nhận Thủ công) - chức năng này chỉ được kích hoạt khi Expert Advisors được phép thực hiện giao dịch. Nếu chức năng này được kích hoạt và Expert Advisors đang cố thực hiện một giao dịch thì bạn có thể xác nhận hoặc hủy bỏ việc thực hiện giao dịch một cách thủ công. Nói cách khác, Manual Confirmation cho phép kiểm soát các hoạt động giao dịch của Expert Advisors. Nó có tác dụng tốt khi thử nghiệm Expert Advisors trong giao dịch thời gian thực (không nên nhầm lẫn với thử nghiệm dữ liệu lịch sử).

Allow DLL Import - Expert Advisors có thể sử dụng DLLs để mở rộng chức năng của mình. Đánh dấu "Allow DLL Import" để cho phép Expert Advisors sử dụng DLLs mà không

bị giới hạn. Nếu chức năng này bị vô hiệu hóa, Expert Advisors sẽ không thể sử dụng DLLs. Bạn nên vô hiệu hóa chức năng này khi làm việc với Expert Advisors chưa xác định.

Confirm DLL Functions Call - chức năng này được kích hoạt chỉ khi nào DLL Import được cho phép. Nó cho phép kiểm soát việc thực hiện các chức năng một cách thủ công. Nếu chức năng này không được đánh dấu, DLL Import Control bị vô hiệu hóa. Bạn nên kích hoạt chức năng này khi làm việc với Expert Advisors chưa xác định.

Allow External Expert Advisors Import - nếu Expert Advisor yêu cầu lấy thêm các chức năng khác của Expert Advisor hoặc các chức năng từ thư viện MQL4, tốt hơn bạn nên kích hoạt chức năng này. Nếu chức năng này bị vô hiệu hóa, Expert Advisor sẽ không thể yêu cầu các chức năng từ các chương trình MQL4 khác. Bạn nên vô hiệu hóa chức năng này khi làm việc với Expert Advisors chưa xác định.

Sử dụng Expert Advisors

Bạn có thể khởi động Expert Advisors sau khi đã cài đặt các tham số chung của chúng. Để khởi động Expert Advisors, hãy gắn chúng vào biểu đồ. Để làm điều này, bấm "Attach to the chart" từ menu của cửa sổ "Navigator-Expert Advisors" hoặc bấm chuột trái hai lần vào một Expert Advisor được lựa chọn từ cửa sổ "Navigator- Expert Advisors". Hơn nữa, công cụ "Drag'n'Drop" cho phép gắn Expert Advisor vào biểu đồ. Cửa sổ Cài đặt Expert Advisors sẽ xuất hiện. Tab "General Properties" cho phép các chức năng cài đặt sau:

Positions (Các trạng thái) - lựa chọn các xu hướng để giao dịch:

1. Long&Short - mở cả trạng thái mua và bán
2. Only Long - chỉ mở trạng thái mua
3. Only Short - chỉ mở trạng thái bán
4. **Enable Signals (Kích hoạt Các tín hiệu)** - kích hoạt/vô hiệu hóa các tín hiệu của Expert Advisor.
5. **Do not repeat signals (Không lặp lại các tín hiệu) -** vô hiệu hóa các tín hiệu sau khi tín hiệu đầu tiên được đưa ra.
6. **Allow Automated Trading (Cho phép Giao dịch Tự động) -** kích hoạt/vô hiệu hóa Expert Advisors để thực hiện các giao dịch thời gian thực.
7. **Manual Confirmation (Xác nhận Thủ công)** - yêu cầu xác nhận để mở một trạng thái giao dịch.
8. **Allow DLL Import** - kích hoạt/vô hiệu hóa các chức năng lấy thêm từ các file DLL.

9. **Confirm DLL Functions Import -** yêu cầu xác nhận khi các chức năng được lấy thêm từ các file DLL.

10. **Allow External Expert Advisors Import** - kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng gọi của External Expert Advisors.

Tab "Input Paramters" (Các tham số Đầu vào) cho phép bạn thay đổi các biến số bên ngoài của Expert Advisor. Trong số này có các chức năng "bên ngoài". Để thay đổi một tham số, bấm chuột trái hai lần vào một giá trị tham số và nhập giá trị mới. Bạn có thể thay đổi tất cả các giá trị tham số hoặc tải lên một loạt các tham số đầu vào đã được lưu trữ (nút "Upload" (Tải lên)). Bạn có thể lưu trữ các tham số đầu vào bằng cách bấm vào nút "Save".

Nút "Reset" khôi phục các cài đặt ban đầu. Khi bạn bấm nút này, các tham số đầu vào của cài đặt phần mềm giao dịch sẽ được cài đặt giống như các tham số đầu vào ban đầu trong tab "General Properties". Bấm "OK" để xác nhận việc đính kèm Expert Advisor với cài đặt tham số. Bạn có thể vô hiệu hóa Expert Advisors bằng cách bấm vào nút "Disable Expert Advisors".

Khi Expert Advisors được cài đặt, nó sẽ khởi động khi có một chỉ dấu mới xuất hiện trên biểu đồ. Tên của Expert Advisors và một hình mặt cười đứng trước đó sẽ xuất hiện trên góc phải trên của biểu đồ. Nếu chức năng giao dịch tự động bị vô hiệu hóa thì đứng trước tên Expert Advisor sẽ là một dấu gạch chéo thay vì hình mặt cười.

Chú ý: chỉ có thể đính một Expert Advisor lên một biểu đồ giá. Nó sẽ bị xóa đi khi bạn đính một Expert Advisor khác lên biểu đồ này.

Trạng thái hiện tại của Expert Advisor được thể hiện trên góc phải phía trên của biểu đồ:

MACD	Expert Advisor được kích hoạt, giao dịch tự động bị vô hiệu hóa.
MACD	Expert Advisor được kích hoạt, giao dịch tự động được kích hoạt.
MACD	Tất cả Expert Advisors đều bị vô hiệu hóa.

Bạn có thể xóa Expert Advisor khỏi biểu đồ để vô hiệu hóa nó. Expert Advisor sẽ tắt đi trước khi bị xóa. Chọn Expert Advisor → Delete or attach a new Expert Advisor để xóa

Expert Advisor khỏi biểu đồ. Bên cạnh đó, Expert Advisor có thể bị xóa khỏi biểu đồ khi bạn thay đổi thông tin hoặc mẫu sử dụng.

Thử nghiệm chiến lược

Phần mềm giao dịch cho phép bạn không chỉ tự tạo ra các Expert Advisor mà còn thử nghiệm chúng trước khi áp dụng vào giao dịch thực. Nó cho phép kiểm nghiệm khả năng hoạt động và tính hiệu quả của hệ thống giao dịch tự động được áp dụng với dữ liệu lịch sử. Việc thử nghiệm cho phép hệ thống này tính đến những đặc điểm riêng trong phản ứng của Expert Advisor với các điều kiện thị trường khác nhau. Để kích hoạt thử nghiệm, một cửa sổ "Testing" (Thử nghiệm) được thiết kế riêng trong phần mềm giao dịch (trên thanh công cụ) Cửa sổ này cho phép bạn chỉnh sửa các tham số đầu vào của Expert Advisor.

Bạn có thể thiết lập các tham số sau trước khi thử nghiệm:

- chọn Expert Advisor và thiết lập các tham số đầu vào
- chọn một công cụ tài chính và một khung thời gian
- chọn một loại biểu đồ (đường thẳng, thanh, nến)
- chọn một giai đoạn thử nghiệm (tùy chọn)

Tất cả các cài đặt nói trên có trong tab "Setting" tại cửa sổ "Testing".

Expert Advisor và các tham số

Mở Tester → Expert Advisor để chọn Expert Advisor cho quá trình thử nghiệm. Expert Advisors được dùng trong phần mềm giao dịch đều được lấy ra từ menu con này. Bạn không thể sử dụng Expert Advisor chưa được chỉnh sửa và chứa trong folder /EXPERTS.

Sau khi đã chọn Expert Advisor, bạn bấm nút "Properties" để cài đặt các thông số thử nghiệm khác và các tham số đầu vào. Một cửa sổ với ba tab xuất hiện:

- **Testing *(Thử nghiệm)*** - các tham số thử nghiệm chung được thiết lập tại cửa sổ này. Trong đó có số tiền ký quỹ và loại tiền ký quỹ, hai tham số này được nhập vào các trường có tên tương tự. Đây là số tiền ký quỹ mà Expert Advisor sẽ sử dụng trong quá trình thử nghiệm. Expert Advisor sẽ chỉ mở các trạng thái với các tham số cài đặt trước cho dù thuật toán nó sử dụng có thể khác nhau. Bạn có thể sử dụng thuật toán được tối ưu hóa và lựa chọn một tham số để làm mục tiêu (tối đa hóa giátrị tài khoản, khả năng sinh lời, lợi nhuận, tối đa hóa hoặc giảm thiểu số tiền giải ngân mỗi lần hoặc % giải ngân).

- **Input Parameters *(Các tham số Đầu vào)*** được liệt kê trong một bảng. Các tham số đầu vào này có thể biến thiên, điều này tác động đến quá trình làm việc

của Expert Advisor và có thể được chỉnh sửa từ phần mềm giao dịch. Không cần phải thay đổi mã chương trình của Expert Advisors để chỉnh sửa các tham số này. Số lượng các tham số có thể khác nhau.

- **Opimization *(Tối ưu hóa)*** - cài đặt tối ưu hóa cho phép quản lý các giới hạn thử nghiệm. Việc chỉnh sửa cài đặt tối ưu hóa không ảnh hưởng đến các thử nghiệm riêng lẻ của Expert Advisor.

Công cụ tài chính và khung thời gian

Chọn và thiết lập Expert Advisor là chưa đủ cho việc thử nghiệm. Bạn phải lựa chọn một công cụ tài chính và khung thời gian để thử nghiệm Expert Advisor. Công cụ tài chính được cài đặt trong trường "Symbol"; khung thời gian được cài đặt trong trường "Timeframe". Nếu không có dữ liệu về công cụ tài chính, khung thời gian hoặc loại mô phỏng, chúng sẽ được tạo ra một các tự động. Nếu không có dữ liệu lịch sử cho một công cụ tài chính, người thử nghiệm sẽ phải tải tất cả các thông tin cần thiết xuống từ máy chủ MetaQuotes.

Các loại mô phỏng

Phần mềm giao dịch cho phép thử nghiệm Expert Advisor với các loại mô phỏng khác nhau. Các biến động giá bên trong các thanh giá có thể được thể hiện với dữ liệu lịch sử của khung thời gian ngắn hơn, nghĩa là các động lực giá sẽ được đánh giáchính xác hơn. Ví dụ, khi thử nghiệm Expert Advisor với các dữ liệu theo giờ, các động lực giá trong một thanh giá có thể được mô phỏng trên dữ liệu tính theo phút. Do đó, việc mô phỏng sẽ làm cho dữ liệu lịch sử gần hơn với những biến động giá thực tế và làm cho kết quả thử nghiệm Expert Advisor đáng tin cậy hơn.

Bạn có thể lựa chọn một trong ban loại mô phỏng dữ liệu lịch sử sau để thử nghiệm Expert Advisors:

- Giá mở cửa (thử nghiệm nhanh)
- Tất cả dấu hiệu (sử dụng dữ liệu từ tất cả các khung thời gian ngắn hạn)
- Tất cả dấu hiệu (sử dụng dữ liệu từ tất cả các khung thời gian ngắn hạn)

Giai đoạn thử nghiệm

Cơ sở dữ liệu cho phép thử nghiệm Expert Advisor trên một giai đoạn xác định. Điều này sẽ tiện lợi hơn khi bạn cần thử nghiệm một phần dữ liệu lịch sử. Hạn chế khoảng dữ liệu sử dụng có thể được áp dụng với cả việc thử nghiệm Expert Advisor và khi đưa ra dãy các thanh thử nghiệm (các dữ liệu nhân tạo được sử dụng để thử nghiệm). Đánh dấu "Apply to a period" (Áp dụng vào một giai đoạn) và nhập các giá trị vào trường "from" và "to" để kích hoạt hạn chế khoảng dữ liệu sử dụng.

Sau khi đã hoàn thành việc cài đặt, bấm nút "Start" để bắt đầu thử nghiệm. Khi đó, bạn có thể xem thời gian hoàn thành việc xử lý.

Mô hình hóa

Nếu bạn đánh dấu "Visualization", sau đó bấm nút "Start" thì một biểu đồ sẽ bật ra để mô hình hóa thử nghiệm. Tốc độ mô hình hóa có thể được thay đổi.

Khi việc thử nghiệm kết thúc, bạn có thể mở một trong các tab sau để xem kết quả "Results", "Chart", "Report", và "Register".

Trước khi áp dụng Expert Advisor và giao dịch thực với tiền ký quỹ thật, hãy thử nghiệm Expert Advisor với dữ liệu lịch sử trên tài khoản thử nghiệm của bạn với giao dịch thử nghiệm.

Các phím tắt trong MetaTrader4

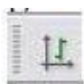
Phím tắt là các phím và tổ hợp phím cho phép kích hoạt nhanh các lệnh khác nhau mà không cần mở các menu và thanh điều khiển.

- ⇐ - biểu đồ cuộn sang trái
- ⇒ - biểu đồ cuộn sang phải
- ⇑ - cuộn nhanh biểu đồ sang trái, hoặc biểu đồ cuộn lên trên nếu tỷ lệ biểu đồ là cố định
- ⇓ - cuộn nhanh biểu đồ sang phải, hoặc biểu đồ cuộn xuống dưới nếu tỷ lệ biểu đồ là cố định
- **Numpad 5** - cài đặt lại tỷ lệ. Làm cho biểu đồ nằm trọn trong tầm nhìn, nếu tỷ lệ là cố định
- **Page Up** - cuộn nhanh biểu đồ sang trái
- **Page Down** - cuộn nhanh biểu đồ sang phải
- **Home** - chuyển lên đầu biểu đồ
- **End** - chuyển xuống cuối biểu đồ "-" - phóng to "+" - thu nhỏ
- **Delete** - xóa tất cả các mô hình biểu đồ đã chọn
- **Backspace** - xóa tất cả các mô hình biểu đồ trước đó áp dụng trên biểu đồ
- **Enter** - đóng/mở nhanh cửa sổ định hướng

- **Esc** - đóng các hộp thoại
- **F1** - mở Hướng dẫn người sử dụng
- **F2** - mở Trung tâm dữ liệu lịch sử
- **F3** - mở Global Variables
- **F4** - khởi động MetaEditor
- **F6** - mở cửa sổ "Tester"
- **F7** - mở cửa sổ "Expert Advisor Setup"
- **F8** - mở ChartProperties
- **F9** - mở NewOrder
- **F10** - mở Popup Prices
- **F11** - kích hoạt/vô hiệu hóa chế độ toàn màn hình
- **F12** - đẩy biểu đồ sang bên trái một thanh
- **Alt+1** - biểu đồ thanh
- **Alt+2** - biểu đồ nến
- **Alt+3** - biểu đồ đường thẳng
- **Ctrl+A** - cài đặt chiều cao cửa sổ Indicators về mức mặc định
- **Ctrl+G** - hiện/ẩn các đường chéo
- **Ctrl+I** - mở cửa sổ "Indicators List"
- **Ctrl+L** - hiện/ẩn khối lượng
- **Ctrl+P** - in biểu đồ
- Và các phím tắt khác.

Thanh biểu đồ

Thanh này cho phép quản lý biểu đồ và các Chỉ báo được áp dụng cho nó:

– biểu đồ thanh

– biểu đồ nến

 – biểu đồ đường

– phóng to

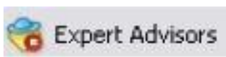
– thu nhỏ.

- kéo tự động (Auto Scroll). Nếu chức năng này được kích hoạt, thanh cuối cùng sẽ luôn được thể hiện trên biểu đồ.

 - dịch chuyển biểu đồ. Lệnh dịch chuyển biểu đồ (Tam giác màu xám ở phần trên của cửa sổ) có thể được kéo theo chiều ngang bằng chuột trong khoảng 10-50% kích thước cửa sổ.

 - các chỉ báo. Chức năng này liệt kê các Chỉ báo. Hãy chọn một Chỉ báo để áp dụng cho biểu đồ.

 - mẫu. Bạn có thể áp dụng các mẫu biểu đồ khác nhau. Ngoài ra, bạn còn có thể tạo, lưu trữ hoặc xóa mẫu.

Ấn 

để Expert Advisors bắt đầu giao dịch tự động.

Các công cụ đồ thị - Graphical Instruments

Các công cụ đồ thị là các đường và hình (hình vẽ, đường nét, văn bản) áp dụng cho biểu đồ. Ấn vào các nút tương ứng để chọn các yếu tố khác nhau của biểu đồ:

 - cursor (standard mode). Cursor cho phép làm nổi các hình khác nhau trên biểu đồ.

- crosshair. Crosshair làm hiện lên các cửa sổ pop-up với tọa độ của một điểm được chọn trong cửa sổ biểu đồ hoặc trong cửa sổ Chỉ báo (Indicator). Crosshair chỉ hoạt động trong các cửa sổ hoạt động của biểu đồ. Chọn crosshair, bấm chuột trái và di chuyển chuột để nối hai điểm trên biểu đồ. Một cửa sổ pop-up sẽ xuất hiện thông báo khoảng cách giữa hai điểm và giá trị giá hiện tại. Thông tin này được thể hiện theo định dạng như sau: [số lượng thành giữa hai điểm] / [số điểm phần trăm giữa hai điểm] / [giá trị giá hiện tại]. Đây được gọi là thước kẻ điện tử - electronic ruler.

– đường thẳng đứng

– đường ngang

 – đường xu hướng

 – dải Quạt Gann (Gann Fan)

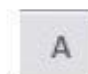
– dải quạt Fibonacci (Fibonacci Fan)

 – các vòng cung Fibonacci (Fibonacci Arcs)

 – hồi quy Fibonacci

– mũi tên và dấu hiệu;

 – thêm văn bản;

 – thêm bình luận

Về Admiral Markets

Kể từ năm 2001, công ty quốc tế Admiral Markets (www.admiral.ru) đã cho ra đời nhiều công nghệ giao dịch và dịch vụ môi giới hiện đại trên thị trường tài chính quốc tế. Dịch vụ của chính tôi là những ý tưởng mới nhất về kinh doanh trực tuyến Ngoại hối, kim loại giao ngay, hợp đồng chênh lệch, chỉ số cổ phiếu và các hợp đồng tương lai. Công ty có đăng ký kinh doanh tại Liên minh Châu Âu và đã phát triển hệ thống chi nhánh tại 26 quốc gia trên thế giới. Cùng với việc xây dựng quan hệ hợp tác đôi bên cùng có lợi giữa công ty và khách hàng, chương trình tưởng thưởng Admiral Club™ đã ra đời vào năm 2007. Kể từ khi ý tưởng về chương trình này được hình thành, hàng ngàn khách hàng của chúng tôi đã đăng ký tham gia. Rất nhiều trong số họ đã được lựa chọn và được nhận giải thưởng từ thiết bị di động cho đến máy tính cá nhân thông qua các giao dịch của họ với Admiral Markets! Hàng năm công ty tổ chức các cuộc thi kinh doanh quốc tế với nhiều giải thưởng lớn.

Từ năm 2006, Admiral Markets AS đã là thành viên của Hội đồng quy định mối quan hệ giữa các thành phần tham gia thị trường tài chính. Công ty cũng được Cơ quan quản lý thị trường Tài chính Liên bang (Federal Service for Financial Markets) cấp phép để thực hiện chức năng trung gian ngoại hối (giấy phép số 1203 có hiệu lực vô thời hạn). Thêm vào đó, công ty chúng tôi được cấp giấy chứng nhận kinh doanh tại Liên minh Châu Âu và hoạt động theo những điều luật về tài chính của EU trong đó có Định hướng các công cụ tài chính (Markets in Financial Instruments Directive - MiFID). Cơ quan quản lý dịch vụ tài chính của Cộng hòa Estonia đã cấp phép cho Văn phòng đại diện của chúng tôi tại Liên minh Châu Âu, Admiral Markets AS Company thực hiện các chức năng đầu tư và môi giới tài chính, trong đó có thị trường Ngoại hối, các thị trường Cổ phiếu, các thị trường hàng hóa tương lai, các hợp đồng chênh lệch giá (CFD). Giấy chứng nhận mang số 4.1-1/46 và có hiệu lực tại 27 quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu.

Công ty cũng tích cực tổ chức các khóa đào tạo và chương trình nâng cao hiểu biết và kinh nghiệm cho các nhà kinh doanh mới bắt đầu. Tại văn phòng công ty cũng như các văn phòng đại diện của Admiral Markets, các hội thảo và khóa học miễn phí được tổ chức thường xuyên nhằm nâng cao kỹ năng giao dịch cho khách hàng của công ty cũng như giới thiệu cơ hội đầu tư trên thị trường Ngoại hối cho những ai chưa có cơ hội tiếp cận với thị trường. Việc xuất bản và quảng bá các tài liệu giáo dục có chất lượng cao bằng nhiều thứ tiếng của nhiều quốc gia khác nhau mà các sách về thị trường Ngoại hối chưa bao giờ được xuất bản là một trong những ưu tiên hàng đầu của chúng tôi.

Từ khi thành lập đến nay, những điều quan trọng nhất đối với chúng tôi là:

- ***Sứ mệnh:*** luôn ở vị trí hàng đầu trên thị trường giao dịch trực tuyến tại cả Đông và Tâu Âu thông qua việc mở ra những cơ hội đầu tư mới tại các thị trường tài chính quốc tế, tạo ra những điều kiện kinh doanh dễ dàng và thoải mái nhất cho khách hàng và không ngừng cải tiến chất lượng hoạt động.

- ***Tầm nhìn:*** chúng tôi đạt được những mục tiêu đã đề ra bằng cách xóa đi những rào cản giữa nhà kinh doanh và thị trường, làm cho sự hiện hữu của chúng tôi trở nên thoải mái và thuận tiện nhất cho khách hàng, tập trung vào những nguyên tắc cơ bản của trách nhiệm tài chính, cạnh tranh lành mạnh, cở mở, và cung cấp những dịch vụ chất lượng cao, dễ dàng tiếp cận từ khắp mọi nơi và luôn vượt xa những đòi hỏi cao nhất.

- ***Khẩu hiệu:*** Kinh doanh dành cho tất cả mọi người!

Như thường lệ, các nhà kinh tế học lại đưa ra một giải pháp đơn giản. Đó là cho phép mọi người được trao đổi tạng và công nhận thị trường nội tạng. Mặc dù ý tưởng này có giá trị, nhưng nói chung không được tán thành vì vấp phải vấn đề đạo đức. Slippery slope : 'Con dốc trơn' là một thuật ngụy biện trong tâm lý học, đại ý là nếu bạn chấp nhận hành động này thì sẽ phải chấp nhận cả chuỗi hành động hay những hệ quả kéo theo nó. Bàn tay vô hình (invisible hand) là một học thuyết kinh tế do nhà kinh tế học nổi tiếng Adam Smith (1723-1790) đưa ra vào năm 1776. Trong tác phẩm vĩ đại Bàn về tài sản quốc gia (Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations) và những bài viết khác, Smith đã tuyên bố rằng trong nền kinh tế thị trường tự do, mỗi cánhân theo đuổi một mối quan tâm và xu hướng lợi ích riêng cho bản thân, và chính các hành động của những cá nhân này lại có xu hướng thúc đẩy nhiều hơn và củng cố lợi ích cho toàn cộng đồng thông qua một "bàn tay vô hình". Ông biện luận rằng mỗi cánhân đều muốn thu lợi lớn nhất cho mình sẽ làm tối đa lợi ích của cả cộng đồng, điều này giống như việc cộng toàn bộ các lợi ích của từng cá nhân lại. Dynamic inconsistency Camerer và cộng sự (2003) gọi là "chủ nghĩa gia trưởng bất xứng" ("assymetric paternalism"), được họ xem là các bước hỗ trợ cho những người ít gây phức tạp nhất trong khi hạn chế tối thiểu tác hại lên những người khác. Quy tắc vàng của chúng tôi chính là tinh thần được rút ra từ định nghĩa của họ. Có sự hài hước sâu xa ở đây. Nhiều nhà kinh tế học phản bác các thí nghiệm tâm lý học trên cơ sở rằng các thí nghiệm đó chỉ đúng với những gì có "quyền lợi kinh tế thấp" và người ta thường không có cơ hội thỏa đáng để học hỏi. Họ tranh luận rằng nếu quyền lợi được nâng lên và các đối tượng nghiên cứu được phép làm thử, khi đó người ta sẽ lựa chọn và quyết định đúng. Có ít nhất hai vấn đề nảy sinh từ luận cứ này. Thứ nhất, có rất ít bằng chứng cho thấy việc thử đó sẽ cải thiện khi quyền lợi tăng lên. Trong lần thử đầu tiên, quyền lợi hầu như không liên quan gì nhiều đến lựa chọn (xem Camerer và Hogarth, 1999). Thứ hai, và điều này quan trọng hơn, kinh tế học được cho là sẽ giúp giải thích những quyết định lớn trong cuộc sống, và đó là những quyết định cần được thực hiện mà không được thử đi thử lại nhiều lần. (Chú thích của tác giả) Silverstein đã tự tay đưa cho Thaler bài thơ để sử dụng trong một bài báo chuyên ngành được xuất bản năm 1985. Ông nói ông không nhịn được cười khi nhìn thấy bài thơ xuất hiện trên tờ American Economic Review – nhưng giờ đây bài thơ được quản lý bởi đại diện bản quyền của ông, mà sau nhiều cú hích, họ vẫn từ chối cho phép chúng tôi in bài thơ ra đây. (Chú thích của tác giả) Stimulus response compatibility Libertarian

Paternalism Omniscience. “One Size Fits All”. Có thể tiên đoán được kết quả của các kỳ bầu cử quốc hội (Mỹ) một cách chính xác đến không thể tin được chỉ bằng cách đề nghị các cử tri nhìn nhanh vào hình của các ứng viên và nói cho bạn biết ai là người có khả năng chiến thắng hơn. Những phán đoán này, được khảo sát từ những sinh viên hoàn toàn không biết gì về các ứng viên, đúng với xác suất 2/3 trong một kỳ bầu cử. (Toderov et al. [2005]; Benjamin and Shapiro [2007]). Chương trình 401(k) là chương trình hưu bổng của các công ty tư nhân tại Mỹ. Theo chương trình này, nhân viên có quyền yêu cầu công ty của mình giữ lại một phần lương hàng tháng để đóng vào quỹ 401(k). Nhân viên và công ty đều có lợi vì cả hai đều được giảm thuế thu nhập, chính xác hơn là được hoãn thuế cho đến khi về hưu. (1) Đường chân tóc mĩ nhân: đường chân tóc tạo thành hình chữ “m” trên trán, trái phải cân xứng. (2) Bạch trảm kê được dùng để ví với con trai nhìn yếu ớt như con gái. (3) Wechat: Một phần mềm tán gẫu phổ biến ở Trung Quốc. (4) Chỉ những người học rất giỏi. (5) Trong tiếng Trung, ngôi thứ hai không phân biệt nam nữ. (6) Chỉ người nghiêm trang, thận trọng, bình tĩnh trước mọi việc. (7) Thực ra câu gốc là Hoàn béo, Yến gầy, Hoàn là Dương Ngọc Hoàn (Dương Quý Phi); Yến là Triệu Phi Yến. Mỗi người có một vẻ đẹp khác nhau. Triệu Phi Yến có vẻ đẹp mình hạc xương mai, Dương Ngọc Hoàn có vẻ đẹp tròn trịa, đẫy đà. (8) Học tra: Chỉ những sinh viên học dốt. (9) Hai câu trong bài Quan thư trong Kinh Thi. Nghĩa là: Đôi chim trống mái sống ở bãi bồi giữa sông cất tiếng kêu lanh lảnh. (10) Kì thi tiếng Anh dành cho sinh viên đại học ở Trung Quốc. (11) Chỉ người phụ nữ chỉ có ngoại hình đẹp mà không có đầu óc. (12) Chỉ chu kì kinh nguyệt. Cách nói vui của dân mạng Trung Quốc. (13) Tạ Na: Một MC nổi tiếng của đài Hồ Nam. (14) Cao Viên Viên: Một diễn viên xinh đẹp của Trung Quốc. (15) MC, nhà sản xuất âm nhạc. (16) Kênh trung gian thanh toán của các trang thương mại điện tử. (17) Trong tiếng Trung, “Hi Hi” và “Tịch Tịch” đều phát âm là “Xi Xi”. (18) Ương Ca: loa i h nh vu đa o da n gian lưu ha nh chu ye u ơ vu ng no ng tho n mie n ba c Trung Quốc. (19) Một phần mềm thiên văn cho biết chính xác những gì bạn thấy khi bạn nhìn lên các vì sao. (20) Tài khoản weibo có nhiều fans, thường từ 500.000 fans trở lên. (21) Phiên âm của hai từ này gần giống nhau: Đường (táng) và Đau (téng). (22) Cháo Loãng: Phiên âm tiếng Hán là “Xi Zhou”, đồng âm với “Xi” - Hi, “Zhou” - Châu. (23) Một trong những món ăn truyền thống nổi tiếng của dân tộc Hán, gồm bốn viên thịt với bốn màu, hương và mùi khác nhau, ngụ ý trong đời người có bốn chuyện đại hỉ là phúc, lộc, thọ, hỉ. (24) 520 trong tiếng Trung tượng trưng cho câu “Anh yêu em”. (25) Một nhân vật

trong phim Tuyệt đỉnh Kungfu của Châu Tinh Trì, xuất hiện với hình ảnh đầu cuốn lô sặc sỡ sắc màu, đanh đáchua ngoa. (26) Một loại thuốc của Trung Quốc, được làm từ các loại thực vật hoang dã trên cao nguyên Tây Nam, có tác dụng bổ não, bổ cơ, tăng cường sức khỏe. (27) Tương tự cô Tấm trong quả thị của cổ tích Việt Nam. (28) Lỗi lập trình làm cho một chương trình hoặc một hệ thống máy tính bị lỗi, cho kết quả sai hoặc đổ vỡ. (29) Ở Trung Quốc, con gái thường được ví với chiếc áo bông, cũng giống ở ta thường nói "con gái rượu của bố" vậy. (30) Ca sĩ nổi tiếng Trung Quốc, giám khảo cuộc thi The Voice China, anh thường hỏi thí sinh "Ước mơ của em là gì?". Về chuyện lên trang nhất, đây vốn là một lời nói đùa, mấy lần Uông Phong ra bài hát mới, tuyên bố li hôn hay tỏ tình với bạn gái (Chương Tử Di) thì đều không lên được trang nhất, nên cư dân mạng mới đùa "giúp Uông Phong lên trang nhất". (31) Nhân vật trong truyền thuyết cổ đại Trung Quốc, chờ chồng suốt mười tám năm. 1. Squat trong tiếng Anh có nghĩa là dáng ngồi xổm hoặc một người rất béo và lùn. 2. Money Flow Index – Chỉ số dòng tiền: xác định cường độ dòng tiền ra vào thị trường trong giai đoạn phân tích Weibo: Trang mạng xã hội của Trung Quốc, tương tự facebook và twitter. Con gà luộc: Chỉ những tràng trai gầy gò, da trắng. Duệ trí: Nhìn xa trông rộng. Thảo Nê Mã: Có 2 cách hiểu. Một là tên một loại cừu "song sinh" với loài lạc đà không bướu, tên khác là Alpaca. Hai là từ này đồng âm với một câu chửi tục. Hội địa chất và môi trường Quốc tế. Tiếng lóng: Bị cắm sừng. Cờ máy bay: Một trò chơi giống như cángựa ở nước ta. Trích trong tác phẩm "Qua cung Thanh Hoa" của Đỗ Mục. Chữ "chính" - 正: Chữ bao gồm năm nét, thường được sử dụng để đếm. Một giống táo ngọt của Trung Quốc. Một lối diễn cổ truyền của người Trung Quốc, lấy tốc độ làm trọng, thay những mặt nạ khác nhau trong chớp mắt khiến người xem phải trầm trồ. Trí duệ: Nhìn xa trông rộng. 1. Tác giả có sách bán chạy nhất. 1. Hệ thống dựng bài của một số trang tin điện tử. 1. Nhật ký bằng video. 2. Chụp hình "tự sướng". 1. Hàng giả. 2. Xe máy ba bánh, có mái che. 3. Tương đương hai triệu đồng tiền Việt Nam. 4. Hơn mười bảy triệu đồng. 5. Thịt lợn rán giòn, gần giống với món tóp mỡ. 6. Một ngôn ngữ phổ biến tại Philippines. 1. Hình xăm là dòng chữ "If opportunity doesn't knock, build a door" – "Nếu cơ hội không bao giờ gõ cửa, hãy xây chúng". 2. Onoda: Một quân nhân Nhật Bản từng trốn trong rừng suốt ba thập kỷ sau Thế chiến II. Được đào tạo để trở thành một sĩ quan thông tin kiêm huấn luyện chiến thuật du kích, Onoda được điều tới Lubang, Philippines, vào năm 1944 với mệnh lệnh không bao giờ đầu hàng, không bao giờ tự sát và

phải quyết kháng cự tới cùng cho đến khi viện binh tới. 1. Cư dân mạng. 1. “Gót chân Achilles” là một câu ngạn ngữ rất nổi tiếng từ Thần thoại Hy Lạp. Tương truyền rằng khi Achilles được sinh ra đã được tiên tri sẽ chết trong chiến trận. Để giúp sự trường tồn của con, Thetis đã dốc ngược người cậu bé, hai tay giữ bằng gót chân, rồi nhúng cả người cậu vào nước sông Styx, khiến cả người Achilles trở thành mình đồng da sắt, chỉ có gân nơi gót chân là yếu ớt vì không được nhúng nước. Cuối cùng, trong Chiến tranh thành Troy chàng đã bị hoàng tử Paris dùng tên bắn xuyên qua gót chân khiến chàng chết trận. 2. Nhạc thư giãn. 1. John Oswald Sanders (1902-1992): Là giám đốc điều hành của OMF International - tổ chức của những người truyền giáo Tin Lành. 2. John Adams (1735-1826): Phó tổng thống đầu tiên và là Tổng thống thứ hai của Hoa Kỳ. 3. John Quincy Adams (1767-1845): Tổng thống thứ sáu của Hoa Kỳ. 1. Michelangelo (1475-1564): Họa sĩ, kiến trúc sư, nhà điêu khắc nổi tiếng thời kỳ Phục Hưng. 2. Robert Woodrow Wilson (1936): Nhà thiên văn học người Mỹ, người đã đoạt Giải Nobel Vật lý năm 1978. 1. Larry Bielat: Huấn luyện viên, bình luận viên bóng đángười Mỹ. 1. John Wooden (1910-2010): Huấn luyện viên bóng rổ huyền thoại người Mỹ, nổi tiếng với biệt danh “Thầy phù thủy của Westwood”. 1. Charles Sheldon (1857-1946): Thừa tác viên Tin Lành, người đứng đầu phong trào áp dụng đạo đức Kitô giáo vào các vấn đề xã hội trong những năm đầu thế kỷ 20 tại Mỹ. 1. Sandi Patti: Ca sĩ hát nhạc Thánh ca nổi tiếng người Mỹ. 2. Billy Graham: Là mục sư, nhà truyền bá Phúc âm, là một trong những nhà lãnh đạo có nhiều ảnh hưởng nhất của Phong trào Tin Lành thuộc cộng đồng Kháng cách. 3. Max Lucado: Tác giả của hơn 100 cuốn sách bán chạy, với khoảng 80 triệu bản in trên khắp thế giới. 4. Jerry Van Dyke: Diễn viên, nhà viết hài kịch người Mỹ. 1. Dwight L. Moody (1837-1899): Nhà truyền giáo vĩ đại người Mỹ, người sáng lập ra Giáo hội Moody, trường Northfied Mourt Hermon, Viện Kinh Thánh Moody và Nhà xuất bản Moody. 1. Edmund Burke (1729-1797): Chính khách, nhà văn, nhà triết học người Ireland. 1. William Winans (1836-1917): Người sáng lập và lãnh đạo Farmer’s Savings Bank - ngân hàng tiết kiệm dành cho nông dân. 2. Ronald Osborn: Chủ tịch Giáo hội đầu tiên của Giáo hội Kitô giáo (Christian Church). 3. Napoleon Bonaparte (1769-1821): Là Hoàng đế của người Pháp từ năm 1804-1815. Ông là nhà quân sự và chính trị kiệt xuất. 4. William Lloyd George: Nhà báo tự do người Anh. Các bài báo của ông tập trung viết về các vấn đề như nhân quyền và xung đột biên giới. 5. Charles Spurgeon (1834-1892): Là nhà thuyết giáo người Anh, được xem là “Ông hoàng của những nhà thuyết giáo”. 1. John Wesley

(1703-1791): Là mục sư, nhà thần học, nhà thuyết giáo người Anh. 1. Earl Nightingale (1921-1989): Nhà văn, diễn giả nổi tiếng người Mỹ. 2. Joel Weldon: Là một trong những diễn giả uy tín nhất Bắc Mỹ. 1. Winston Churchill (1874-1965): Là thủ tướng Anh trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai. 1. Eli Whitney (1765-1825): Nhà phát minh ra máy cán bông người Mỹ. 2. Thomas Edison (1847-1931): Nhà phát minh người Mỹ. 3. Sanuel Morse (1791-1872): Nhà phát minh ra tín hiệu vô tuyến điện và bảng mã hóa ký tự (mã Morse) dùng để truyền thông tin điện báo. 1. Thomas Carlyle (1795-1881): Triết gia người Scotland. 2. Studs Terkel (1912-2008): Nhà văn người Mỹ từng đoạt giải Pulitzer. 1. Helen Keller (1880-1968): Nhà văn, nhà hoạt động xã hội bị mù, điếc người Mỹ. 1. Mark Twain (1835-1910): Nhà văn, tiểu thuyết gia đồng thời là nhà diễn thuyết nổi tiếng của Mỹ. 1. Douglas Steere (1901-1995): Giáo sư triết học người Mỹ. 2. Norman Cousins (1915-1990): Nhà báo, nhà văn và người đấu tranh vì hòa bình người Mỹ. 1. Harvey Mackay: Tác giả sách kinh doanh bán chạy tại Mỹ, tác giả cuốn sách Tự đào giếng trước khi chết khát được Thái Hà Books xuất bản tại Việt Nam. 1. Tryon Edwards (1809-1894): Là nhà thần học người Mỹ, được biết đến nhiều nhất với vai trò là người biên soạn cuốn A Dictionary of Thoughts. .sup 1. Henry Ward Beecher (1813-1887): Mục sư, nhà cải cách xã hội nổi tiếng cuối thế kỷ 19 ở Mỹ. 1. Eric Hoffer (1902-1983): Triết gia người Mỹ. 1. Orison Swett Marden (1850-1924): Là tiến sĩ y khoa ngoại chỉnh hình, một trong những người khởi xướng và đặt nền móng cho việc phổ biến học thuyết "Nguyên lý của Thành công" ở nước Mỹ đầu thế kỷ 20. 2. Wendell Holmes (1809-1894): Là bác sĩ, giáo sư, giảng viên, và tác giả người Mỹ. 3. Charles Caleb Colton (1780-1832): Là giáo sĩ, nhà văn và nhà sưu tập người Anh, nổi tiếng với những bộ sưu tập đặc biệt và lập dị của mình. 1. Ralph Waldo Emerson (1803-1882): Nhà thơ, triết gia người Mỹ, người đi đầu trong phong trào tự lực cánh sinh và triết lý siêu việt. 1. John Wesley (1703-1791): Là mục sư, nhà thần học, nhà thuyết giáo người Anh. 1. Zig Ziglar (1926-2012): Tác giả, diễn giả người Mỹ. 2. Cyrus H. K. Curtis (1850-1933): Ông chủ của nhiều nhà xuất bản và tạp chí lớn ở Mỹ. 1. Ethel Waters (1896-1977): Nữ diễn viên, ca sĩ người Mỹ. 1. George Washington Carver (1864-1943): Nhà khoa học, nhà phát minh người Mỹ. 1. Francis Bacon (1561-1626): Là nhà triết học, chính khách người Anh. Ông được biết đến là một nhân vật quan trọng của Cách mạng Khoa học và được xem là cha đẻ của Chủ nghĩa duy vật Anh và các ngành khoa học thực nghiệm hiện đại. 1. Mike Murdock: Mục sư, nhà truyền giáo người Mỹ. 2. Henri Frederic Ameil (1821-1881): Nhà thơ, nhà

triết học người Thụy Sĩ. 1. Pablo Ruiz Picasso (1881-1973): Họa sĩ, nhà điêu khắc nổi tiếng người Tây Ban Nha. Ông là một trong hai người sáng lập ra trường phái lập thể trong hội họa và điêu khắc. 1. Corrie Ten Boom (1892-1983): Nữ tín đồ Cơ Đốc người Hà Lan, từng cứu giúp rất nhiều nạn nhân Do Thái trong Chiến tranh thế giới thứ hai. 2. Howard Chandler (1873-1952): Họa sĩ nổi tiếng người Mỹ. 1. Theodore Roosevelt (1858-1919): Là tổng thống thứ 26 của Mỹ. 2. Vernon Sanders: Cầu thủ bóng chày người Mỹ. 3. Edwin Louis Cole (1922-2002): Được biết đến nhiều với tên Ed Cole, là người sáng lập ra Christian Men's Network – một tổ chức nhằm giúp đỡ những người đàn ông Kitô hữu. 4. Edgar A. Guest (1881-1959): Nhà thơ sinh ra ở Anh, lớn lên ở Mỹ, được biết đến nhiều với danh hiệu là Nhà thơ dân gian. 1. Phẩm chất và nhân cách tốt đẹp. 2. Một câu thành ngữ cổ của Trung Quốc, ý chỉ những tài năng sớm nở rộ nhưng cũng chóng lụi tàn. 3. Lấy bản thân mình ra để dạy bảo quan trọng hơn nhiều so với việc chỉ dạy bảo bằng lời nói. 4. Ba trăm sáu mươi nghề, nghề nào cũng có người kiệt xuất. 5. Sabbath có nghĩa là "Ngày nghỉ ngơi". Là ngày nghỉ ngơi và thờ phụng Thượng đế, là ngày thứ bảy theo đạo Do Thái và ngày chủ nhật theo Cơ đốc giáo. 6. Khi phụng dưỡng, chăm sóc người lớn trong nhà cũng nên nhớ đến những người già không có quan hệ máu thịt với mình; khi nuôi nấng, dạy dỗ con cái trong nhà cũng không nên quên quan tâm đến những đứa trẻ không có quan hệ huyết thống với mình. 7. Đơn vị tiền tệ của Israel. 8. Ý muốn nói từ cuộc sống tiết kiệm, giản dị chuyển sang cuộc sống xa hoa giàu có thì tương đối dễ dàng đơn giản, nhưng đã sống cuộc sống xa hoa giàu có rồi mà chuyển về cuộc sống tiết kiệm thì khákhó khăn. 9. 1 shekel = 100 agorot. 10. Lầu cao vạn trượng đều được xây ở nền đất bằng phẳng, vững chãi. 11. Ở Israel, nhiều cửa sổ của nhà chống đạn được làm bằng sắt. 12. Con trai phải được nuôi trong khó khăn, nghèo khổ. 13. Cụm từ thông dụng tại Trung Quốc, ám chỉ những bậc phụ huynh lúc nào cũng "lượn vù vù" trên đầu con, lo lắng mọi việc từ chân tơ kẽ tóc, bao bọc con quá mức.

Table of Contents

LỜI TỰA
MỤC LỤC
GIỚI THIỆU Vài nét về lịch sử
Thị trường Ngoại hối ngày nay
CHƯƠNG 1 Các thuật ngữ và khái niệm
Tiền tệ, các cặp tiền tệ
Giao dịch ký quỹ
PIP
Xu hướng
Khoảng chênh lệch
Trạng thái bán và trạng thái mua
Tỷ giá
Hoán đổi ngoại tệ
Các biểu đồ
CHƯƠNG 2 Lý thuyết Nến Nhật Bản
Các loại nến
Các mô hình nến đảo chiều
CHƯƠNG 3 Phân tích cơ bản
Các yếu tố tài chính (Lãi suất và tỷ lệ lạm phát)
Các yếu tố kinh tế vĩ mô
Các yếu tố chính trị và thông tin
Những thảm họa tự nhiên và sinh thái
CHƯƠNG 4 Phân tích đồ thị
Giới thiệu về phân tích đồ thị
Mô hình giá lên và mô hình giá xuống
Phân tích xu hướng
Các mô hình giá
Các mô hình đảo chiều (Reversal patterns)
Các mô hình tiếp diễn (Continuation patterns)
Các mô hình điều chỉnh (Correction patterns)
Các mô hình lưỡng tính (Ambiguous patterns)
Thống kê về các mô hình giá
Mô hình MSVD
Kết luận
CHƯƠNG 5 Phân tích tỷ lệ
Dãy số Fibonacci
William Gann (1878 - 1955)
Các phương pháp và chỉ số khác trong phân tích tỷ lệ
Các mô hình hài hòa trong các tỷ lệ sóng
CHƯƠNG 6 Các chỉ số và công cụ dao động (Oscillators)

Đường trung bình di động (Moving Average - MA)
MACD
OsMA - Đường trung bình di động của Công cụ đo dao động (Moving Average of Oscillator)
Công cụ đo dao động giákhông theo xu hướng (Detrended Price Oscillator - DPO)
Điểm & các hình thái (Point & Figures - P & F)
CHƯƠNG 7 Kỹ thuật và chiến lược kinh doanh
LEWIS BORSELLINO
BILL WILLIAMS
ALEXANDER ELDER
TONY PLUMMER
LINDA B.RASCHKE
JOE DINAPOLI
THOMAS DEMARK
LARRY WILLIAMS
Phương pháp giao dịch Eliute
Kiểm tra phương pháp giao dịch
CHƯƠNG 8 Phân tích sóng
Bản chất của lý thuyết sóng
Áp dụng phân tích sóng
Tổng quan về các con sóng
Các sóng điều chỉnh
Giản lược về cấu trúc Sóng
CHƯƠNG 9 Quản lý tiền
Ví dụ về quản lý tiền
Tỷ lệ cố định tối ưu (Optimal Fixed Fractions)
PHỤ LỤC Phần mềm giao dịch MetaTrader4
Mở một tài khoản thử
Về Admiral Markets